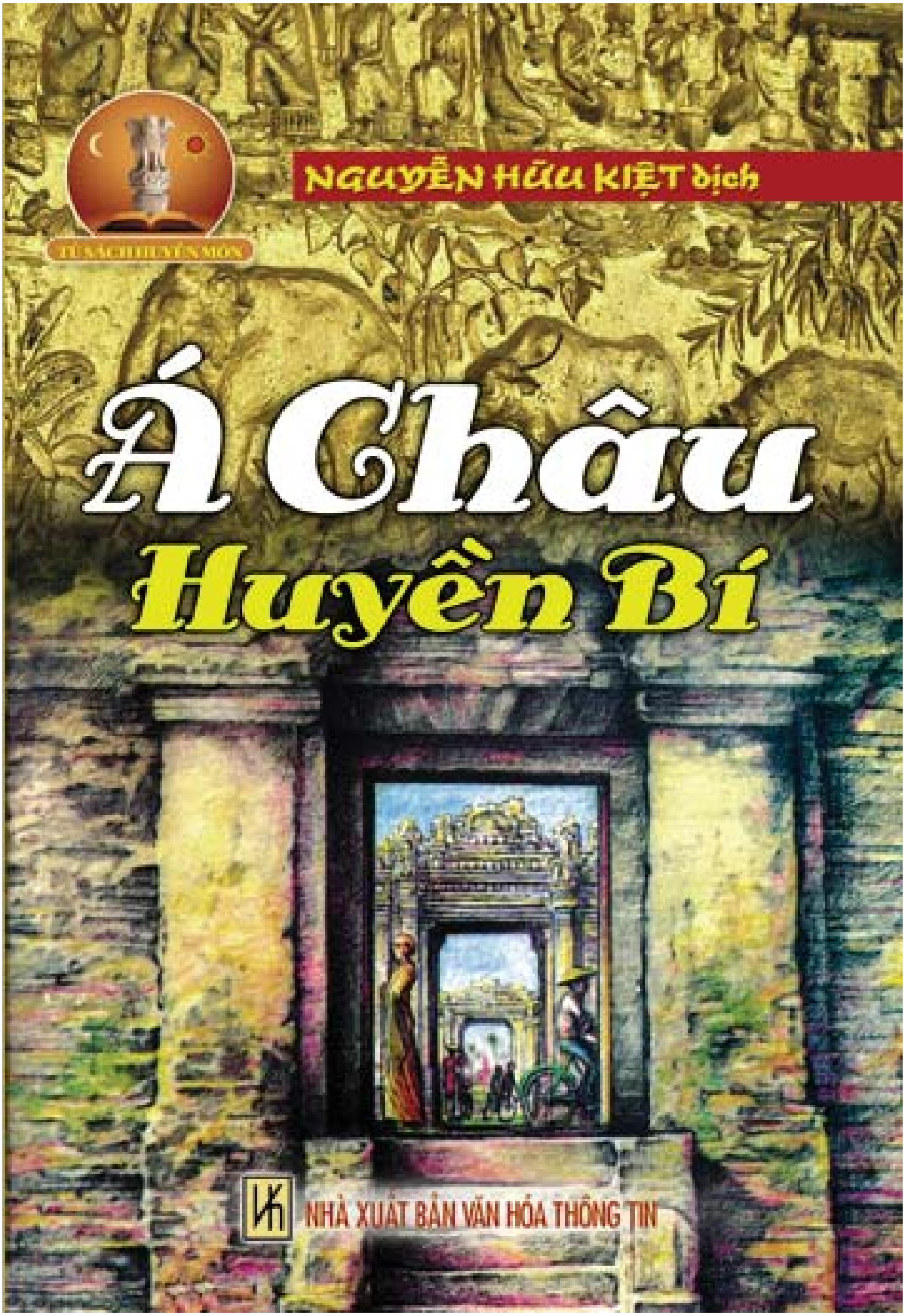

NGUYỄN HỮU KIỆT dịch
Á Châu
Huyền Bí
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

Á CHÂU HUYỀN BÍ

Nguyễn Hữu Kiệt *dịch*
Nguyễn Minh Tiến *hiệu đính*

GPXB số 39-2008/CXB/14-18/VHTT
QĐXB số 625/QĐ-VHTT
In ấn và phát hành tại Nhà sách Quang Minh
416 Nguyễn Thị Minh Khai, P5, Q3, TP HCM Việt Nam

CHƯƠNG MỘT

Trên thế giới ngày nay có rất nhiều sách vở nói về các vấn đề huyền linh, và việc sưu tầm sự thật về những bậc chân sư siêu việt làm cho tôi cảm thấy một sự khích lệ tinh thần để trình bày kinh nghiệm của riêng tôi về những đấng chân sư của phương Đông.

Trong những chương sách này, tôi không có ý định mô tả một tín ngưỡng hay tôn giáo nào. Tôi chỉ đưa ra một tóm lược những kinh nghiệm cá nhân về các đấng chân sư, để trình bày những chân lý căn bản quan trọng nhất trong giáo lý của các ngài.

Chỉ riêng việc soát xét lại tập du ký này sau khi viết xong cũng đã mất một quãng thời gian rất dài, tương đương với quãng thời gian tôi đã dành ra cho toàn bộ cuộc hành trình khảo cứu!

Thật vậy, các vị chân sư ở rải rác trên một vùng lục địa rộng lớn, và những cuộc sưu tầm về đạo lý của chúng tôi diễn ra trên phần lớn các xứ Ấn Độ, Tây Tạng, Trung Hoa và Ba Tư đã trải qua một thời gian dài và gian khổ đến mức có thể làm nản lòng ngay cả những du khách kiên trì nhất.

Phái bộ sưu tầm của chúng tôi gồm mười một nhà khoa học lỗi lạc, đã dành phần lớn đời mình cho những công trình sưu khảo. Chúng tôi đã tập thói quen không chấp nhận bất cứ sự việc gì nếu không có sự phối kiểm chặt chẽ để chứng minh một cách chắc chắn rằng sự việc ấy là đúng thật.

Khi vừa đến nơi, tất cả chúng tôi đều là những kẻ hoài nghi; nhưng khi trở về, chúng tôi hoàn toàn bị thuyết phục và tin tưởng đến nỗi có ba người trong nhóm sau đó đã trở lại và quyết định dành trọn phần đời còn lại để theo đuổi một nếp sống như các vị chân sư và cố gắng thực hiện những công trình cũng giống như các ngài.

Những vị chân sư cao cả ấy đã giúp đỡ rất nhiều cho công việc sưu tầm và khảo cứu của chúng tôi, luôn yêu cầu chúng tôi chỉ nhắc đến các ngài bằng những cái tên giả tạm - với ý nghĩa là cái tên ấy không có thật, trong trường hợp chúng tôi muốn viết hồi ký. Tôi sẵn lòng tuân theo ý muốn của các ngài. Tôi chỉ tường thuật lại những sự việc đã phối kiểm, và dùng những danh từ hay những thành ngữ của chính những nhân vật mà chúng tôi đã gặp gỡ và sống chung nhiều ngày trong cuộc hành trình này.

Trong số những điều kiện tiên quyết được đặt ra cho sự hợp tác giữa chúng tôi với các ngài, có điều này bắt

buộc chúng tôi phải tuân theo: Chúng tôi phải chấp nhận như một sự thật những gì xảy ra mà chúng tôi được chứng kiến tận mắt; và không được đòi hỏi bất cứ sự giải thích nào trước khi đã tự mình đi sâu vào vấn đề, đã nhận được những lời chỉ giáo của các ngài, đã sống và quan sát cuộc đời hằng ngày của các ngài.

Chúng tôi phải đi theo các chân sư, sống với các ngài và tự mình quan sát mọi sự việc. Chúng tôi có quyền ở lại với các ngài bao lâu tùy ý, thưa hỏi bất cứ điều gì và cũng được tùy ý đi sâu vào mọi vấn đề để có thể tự mình rút ra những kết luận từ vấn đề đó. Sau đó, chúng tôi được tự do quyết định rằng những điều mà chúng tôi đã nhìn thấy là sự thật hay ảo ảnh.

Các ngài không bao giờ tìm cách gây ảnh hưởng đến sự xét đoán của chúng tôi về bất cứ vấn đề gì. Các ngài luôn nghĩ rằng nếu chúng tôi quan sát chưa đúng mức để có được sự tin tưởng hoàn toàn, thì các ngài cũng không mong muốn chúng tôi phải tin.

Tôi cũng muốn học theo một khuynh hướng hoàn toàn vô tư như vậy đối với quí độc giả, và để cho độc giả có quyền tự do quyết định tin hay không tin vào những chuyện được kể lại sau đây, tùy sự phán đoán của mỗi người.

Chúng tôi đã sang Ấn Độ được chừng hai năm, và hằng ngày đều thực hiện những công việc sưu tầm, thì một ngày nọ tôi gặp vị chân sư mà vì lý do đã giải thích trên nên tôi xin tạm dùng một cái tên là "Tuệ Minh".

Hôm ấy, tôi đang dạo chơi trên đường trong thành phố thì thấy có một đám đông làm cho tôi chú ý. Họ đang vây quanh một người thuật sĩ, thuộc loại các đạo sĩ đi lang thang khắp nơi và làm các trò ảo thuật lạ mắt. Những đạo sĩ như thế có rất nhiều ở đất nước này.

Tôi đến gần và ngay lúc đó nhận thấy ở cạnh bên tôi một người đã lớn tuổi, với một phong độ khác thường, không giống như những người khác trong đám đông. Người ấy nhìn tôi và hỏi tôi sang Ấn Độ đã được bao lâu. Tôi đáp:

- Độ chừng hai năm.

Người ấy hỏi tiếp:

- Ông là người Anh?

Tôi đáp:

- Không, tôi là người Mỹ.

Ngạc nhiên và thích thú khi gặp một người nói được tiếng mẹ đẻ của mình, tôi mới hỏi người ấy nghĩ sao về cuộc biểu diễn của người thuật sĩ. Người ấy đáp:

- À! Ở xứ này vẫn thường có những cuộc biểu diễn như thế. Người ta gọi họ là thuật sĩ, đạo sĩ hay pháp

sư, điều đó còn tùy. Nhưng phía sau những trò ảo thuật đó có ẩn giấu những điều mà chỉ rất ít người biết được mà thôi. Rồi có ngày người ta sẽ nhận thấy cái hay của các trò ảo thuật đó. Nhưng điều mà ông nhìn thấy chỉ là cái ảo ảnh của sự thật nguyên thủy. Việc đó đã từng gây nhiều tranh luận, nhưng hầu hết những người tranh luận dường như chưa bao giờ hiểu hết được sự thật. Tuy nhiên, tất yếu là phải có một sự thật phía sau những cuộc biểu diễn đó.

Đến đây, chúng tôi chia tay nhau và chỉ thỉnh thoảng mới tình cờ gặp nhau vài lần trong bốn tháng sau đó. Rồi nhóm khoa học gia chúng tôi gặp phải một vấn đề khó khăn, và vấn đề đã gây cho chúng tôi nhiều nỗi lo âu quan trọng. Vài ngày sau đó, tôi lại tình cờ gặp Tuệ Minh. Ông hỏi về nguyên nhân những sự lo âu của tôi và nói với tôi về vấn đề khó khăn mà chúng tôi đang gặp phải.

Tôi lấy làm ngạc nhiên, vì tôi biết chắc rằng không ai có thể biết gì về vấn đề này ngoài những người trong nhóm chúng tôi. Thế nhưng Tuệ Minh lại có vẻ thông thạo tình hình của chúng tôi đến nỗi tôi có cảm tưởng rằng ông ta biết rõ tất cả vấn đề.

Vì lẽ vấn đề ấy đã không còn là một bí mật nữa, nên tôi thấy không có hại gì mà nói ra tất cả một cách

tự nhiên. Khi đó, Tuệ Minh mới bảo tôi rằng ông ta cũng biết được ít nhiều về việc ấy và sẽ cố gắng giúp đỡ chúng tôi.

Chỉ vài ngày sau đó, mọi việc đều được giải quyết thỏa đáng, và mọi lo âu cũng tiêu tan. Chúng tôi lấy làm ngạc nhiên, nhưng không bao lâu rồi việc ấy cũng lui dần vào quên lãng và chúng tôi không còn nghĩ đến nữa.

Rồi những vấn đề khó khăn khác lại xuất hiện, và từ đó tôi thường đem ra bàn luận một cách thân mật với Tuệ Minh. Dường như mọi nỗi khó khăn của chúng tôi liền biến mất sau khi tôi đem ra trình bày với ông ta.

Tôi bèn giới thiệu các bạn tôi với Tuệ Minh, nhưng không hề nói gì với họ về nhân vật lạ lùng này. Trong giai đoạn này, tôi đọc rất nhiều sách do ngài Tuệ Minh chọn lựa và giới thiệu. Những sách ấy nói về truyền thống của nền văn minh Ấn Độ, và không biết từ bao giờ tôi đã hoàn toàn tin tưởng rằng Tuệ Minh chính là một vị chân sư. Óc tò mò của tôi bị kích thích, và sự thích thú của tôi ngày càng tăng thêm.

Một buổi trưa Chủ nhật, tôi cùng đi dạo với ngài Tuệ Minh trên một cánh đồng. Thình lình ngài chỉ cho tôi thấy một con bồ câu đang bay lượn trên đầu chúng tôi. Tuệ Minh nói rằng, con bồ câu đang tìm kiếm ngài.

Ngài bèn đứng yên một chỗ không cử động, và con bồ câu liền đáp xuống đậu trên một cánh tay của ngài đưa ra. Tuệ Minh nói rằng, con chim này đem đến cho ngài một thông điệp của người em trai hiện đang sống ở miền Bắc Ấn. Người này cũng là một vị cao sĩ cùng phái, nhưng chưa đạt tới trình độ tâm thức siêu đẳng để có thể tiếp xúc với ngài bằng thần giao cách cảm. Bởi vậy, người mới phải dùng đến phương tiện giao tiếp này.

Về sau chúng tôi mới biết rằng, các đấng chân sư có khả năng giao cảm trực tiếp với nhau tức thời bằng phương pháp chuyển di tư tưởng. Các ngài còn cho biết rằng phương pháp này sử dụng một năng lượng còn tinh tế nhị hơn nhiều so với điện năng hay sóng vô tuyến.

Tôi bắt đầu đưa ra những câu hỏi. Đức Tuệ Minh chứng minh cho tôi thấy rằng ngài có thể kêu gọi loài chim đến với ngài và điều khiển hướng bay của chúng; rằng các loại bông hoa, thảo mộc biết nghiêng về phía ngài khi ngài đi qua; và các loài thú dữ có thể đến gần ngài mà không sợ sệt.

Có lần, ngài tách đôi hai con chó sói đang tranh mồi và cấu xé lẫn nhau. Khi ngài bước đến gần, chúng thôi không cắn nhau nữa, nằm xuống và đặt cái đầu chúng một cách đầy tin tưởng trên hai bàn tay ngài đưa ra,

rồi sau đó mỗi con tiếp tục ăn phần thịt của mình một cách ôn hòa. Rồi ngài còn ôm lấy một con đưa cho tôi. Sau đó ngài nói:

- Cái phàm ngã hữu hình hữu hoại không thể làm được những việc này, mà đó là nhờ vào chân ngã thâm diệu hơn, cũng là cái mà anh gọi là Thượng đế. Đó chính là Thượng đế toàn năng trong tôi, và trong tất cả muôn loài, chính sự biểu hiện của chân ngã nơi tôi đã làm được những việc ấy. Vì cái phàm ngã hữu hoại của tôi không thể làm gì được, tôi phải hoàn toàn gạt bỏ nó đi, để cho cái chân ngã tự biểu lộ và hành động. Bằng cách phát triển tình yêu thương rộng lớn đối với muôn loài mà tôi có thể làm được những điều mà anh đã thấy. Bằng cách để cho tình thương rộng lớn ấy thực sự hiển bày và hướng đến tất cả chúng sinh, ta sẽ cảm hóa được cả thú dữ và không một tai họa nào có thể đến với ta nữa.

Vào thời kỳ đó, tôi được học hỏi hằng ngày về đạo lý với đức Tuệ Minh. Có khi ngài thình lình xuất hiện trong phòng tôi, dẫu rằng tôi đã khóa cửa lại cẩn thận. Lúc đầu, việc này làm cho tôi hoang mang bỡ ngỡ, nhưng không bao lâu tôi thấy rằng ngài xem sự thông cảm của tôi về việc đó như là một chuyện đương nhiên.

Tôi cũng quen với những cách ứng xử của ngài và tôi mở cửa để cho ngài ra vào tự do. Sự tin cậy của tôi

có vẻ làm cho ngài hài lòng. Tôi không thể hiểu hết tất cả những lời dạy của ngài và cũng không thể hoàn toàn chấp nhận hết những lời dạy đó. Dẫu rằng tôi đã chứng kiến nhiều sự việc lạ lùng ở phương Đông, tôi cũng không bao giờ có thể chấp nhận mọi việc ngay lập tức.

Tôi phải trải qua nhiều năm suy tư thiền định để nhận thức được ý nghĩa tâm linh sâu xa về cuộc đời của các đấng chân sư. Các chân sư thực hiện những kỳ công của các ngài mà không chút tự hào, với một thái độ giản dị hồn nhiên hoàn toàn như trẻ con. Các ngài biết rằng, năng lực của tình thương luôn che chở các ngài. Các ngài nuôi dưỡng tình thương rộng lớn đến mức làm cho muôn loài trong cõi thiên nhiên đều cảm mến và trở nên thân thiện với các ngài. Loài rắn và thú dữ mỗi năm thường giết chết hàng ngàn người ở Ấn Độ, nhưng các chân sư biểu lộ tình thương bao la từ trong nội tâm các ngài đến mức làm cho loài rắn và thú dữ đều trở nên vô hại.

Đôi khi các ngài sống trong những chốn rừng thiêng nước độc, hoang vu hẻo lánh nhất. Đôi khi các ngài cũng nằm phơi mình trước cổng một khu làng để che chở cho làng ấy khỏi sự tấn công của thú dữ. Sau đó các ngài đứng dậy đi an toàn và làng ấy được bình yên vô sự.

Trong trường hợp cần thiết, các ngài có thể đi trên mặt nước, đi trên lửa đỏ, hoặc ngao du trong cõi vô hình và làm nhiều việc lạ lùng khác mà chúng ta cho là nhiệm mầu và chỉ những người có quyền phép thần thông mới có thể làm được.

Có một sự giống nhau lạ lùng giữa cuộc đời và giáo lý của đức *Jesus* với cuộc đời và giáo lý mà các đấng chân sư từng nêu gương cho chúng ta hằng ngày. Người ta cho là con người không thể hóa phép để có bánh mì hay làm những phép lạ như Đức *Jesus* đã làm. Nhưng các đấng chân sư vẫn thường làm những việc ấy. Tất cả những gì các ngài cần dùng hằng ngày như vật thực, y phục... đều có được một cách tự nhiên không cần cố gắng. Các ngài đã vượt qua ngưỡng cửa sống chết, và có nhiều vị đã tùy ý kéo dài đời sống đến hơn năm trăm năm.

Chúng tôi có đủ bằng chứng chắc chắn do những tài liệu riêng được các ngài cung cấp. Vài môn phái ở Ấn Độ dường như xuất phát từ giáo lý huyền môn của các ngài.

Các chân sư chỉ gồm một số rất ít vị ở Ấn Độ. Bởi đó, số đệ tử của các ngài lẽ tất nhiên là cũng rất giới hạn. Nhưng các ngài có thể tiếp xúc với một số rất nhiều đệ tử trong cõi vô hình. Dường như phần lớn công việc của

các ngài là hoạt động trong cõi vô hình để giúp đỡ tất cả những ai có cơ duyên với giáo lý huyền môn.

Giáo lý của chân sư Tuệ Minh là nền tảng của công việc mà chúng tôi sẽ thực hiện trong nhiều năm về sau, trong cuộc hành trình lần thứ ba của chúng tôi sang các xứ ấy. Cuộc hành trình này kéo dài đến ba năm rưỡi. Trong thời gian đó, chúng tôi luôn sống chung với các đấng chân sư, cùng di chuyển khắp nơi với các ngài, cùng quan sát cuộc đời và công việc hằng ngày của các ngài ở Ấn Độ, Tây Tạng, Trung Hoa và Ba Tư.

Cuộc hành trình lần thứ ba của chúng tôi có mục đích sưu tầm đạo lý. Trước ngày lên đường, các thành viên trong đoàn chúng tôi họp tại *Potal*, một làng nhỏ của Ấn Độ nằm ở một nơi hẻo lánh.

Tôi viết thư báo tin trước cho đức Tuệ Minh việc chúng tôi sắp đến, nhưng không nói gì về mục đích cuộc hành trình cũng như có bao nhiêu người cùng đi. Nhưng khi đến nơi, chúng tôi vô cùng ngạc nhiên khi thấy đức Tuệ Minh đã bố trí người chuẩn bị sẵn chỗ ăn ở cho toàn phái đoàn và tỏ ra biết rõ các kế hoạch của chúng tôi đến từng chi tiết.

Đức Tuệ Minh đã từng giúp đỡ chúng tôi rất nhiều ở miền Nam Ấn, nhưng từ giờ phút này trở đi thì sự trợ giúp của ngài là lớn lao và quan trọng không thể nói

hết. Sự thành công của cuộc hành trình là do nơi ngài mà có, và một phần cũng nhờ các bạn hữu cao quý mà chúng tôi gặp gỡ dọc đường.

Chúng tôi đến *Potal*, khởi điểm của cuộc hành trình, vào chiều ngày 22 tháng 12 năm 1894. Ngày lên đường, cũng là ngày đáng ghi nhớ nhất trong đời chúng tôi, là sáng ngày lễ Giáng sinh. Tôi không bao giờ quên những lời mà đức Tuệ Minh nói với chúng tôi sáng ngày hôm ấy. Tuy rằng ngài không tự hào có một nền học vấn của người Anh và không hề rời khỏi phương Đông, ngài vẫn nói trôi chảy tiếng Anh. Ngài nói:

- Hôm nay là ngày lễ Giáng sinh. Ngày này nhắc nhở với các bạn sự giáng sinh của đức *Jesus* ở *Nazareth*, tức đấng *Christ*. Chắc hẳn các bạn đều nghĩ rằng ngài giáng thế để chuộc tội cho nhân loại và ngài là vị trung gian cao cả giữa các bạn với Chúa Trời. Các bạn cầu nguyện đức *Jesus* như một vị cứu rỗi để xin tội giùm với một đấng Chúa Trời nghiêm khắc, đôi khi thịnh nộ, ngồi chễm chệ ở một nơi nào đó trên cõi trời. Tôi không biết cõi trời đó có thể ở nơi nào nếu không phải là ở trong lương tri của các bạn. Dường như các bạn chỉ có thể đến được với Chúa Trời do sự trung gian của đức Con ngài, một vị ít nghiêm khắc và dễ cảm mến hơn, đấng Cao Cả mà các bạn gọi là đấng Trọn Lành, và hôm nay là ngày kỷ niệm sự giáng sinh của ngài xuống

thế gian. Đối với chúng ta, ngày này còn có ý nghĩa sâu xa hơn nhiều. Nó không chỉ nhắc nhở ngày giáng trần của đức *Jesus* mà còn tượng trưng cho sự xuất hiện của đấng *Christ* trong lương tri của mỗi người.

Ngày lễ Giáng sinh có nghĩa là ngày nhập thế của đức Chưởng Giáo đã giải thoát nhân loại khỏi mọi sự hệ lụy và giới hạn của vật chất. Đấng Cao Cả ấy giáng trần để chỉ cho chúng ta con đường đưa đến Thượng đế toàn năng, toàn thông và toàn trí... Khi một người đã tiếp xúc được với nguồn cảm hứng thiêng liêng và phổ biến những ý nghĩ thiêng liêng ấy bằng lời nói, phải chăng những người khác cũng có thể tiếp xúc với nguồn cảm hứng đó, vì nó vẫn hằng có trong vũ trụ?

Khi một người đã nhận được sự cảm hứng thiêng liêng, nó không phải là vật sở hữu riêng của người ấy. Nếu người ấy bắt được nguồn ân huệ đó rồi giữ lấy cho riêng mình, người ấy sẽ không còn có thể tiếp nhận thêm những ân huệ khác nữa! Muốn nhận lãnh thêm nhiều hơn nữa, ta phải cho đi những gì mình đã nhận được. Nếu ta giữ lấy để làm của riêng, thì sẽ có sự bế tắc, ứ đọng. Điều này giống như cái bánh xe vận chuyển bằng sức nước. Nếu thình lình cái bánh xe giữ lại dòng nước đã làm cho nó vận chuyển và xoay vòng, thì nó sẽ bị ngưng trệ ngay lập tức. Nó phải để cho nước chảy tự do thì nó mới trở nên hữu dụng và tiếp

tục xoay vòng. Con người cũng vậy. Khi tiếp nhận được một nguồn cảm hứng thiêng liêng, người ta phải biết phổ biến những tư tưởng tốt lành ấy đến mọi người khác. Như vậy, người ta mới có thể nhận được điều lợi ích của những tư tưởng đó. Người ta phải biết giúp cho mọi người khác đều có dịp tiếp nhận và phổ biến những tư tưởng thiêng liêng để phát triển tâm linh giống như mình.

Theo ý tôi, tất cả những gì đến với đức *Jesus* đều là những nguồn cảm hứng thiêng liêng như thế, cũng giống như trường hợp của tất cả các bậc đại giáo chủ. Thật ra, phải chăng tất cả mọi sự mầu nhiệm đều xuất phát từ những nguồn cảm hứng thiêng liêng, và nếu một người đã có thể làm thì những người khác cũng sẽ có thể làm được!

Các bạn hãy tin rằng, chân ngã hiện hữu nơi mỗi người và luôn có khả năng biểu lộ thành những sự nhiệm mầu như vậy, như trường hợp của đức *Jesus* và nhiều vị khác. Chúng ta chỉ cần có sự mong muốn cho chân ngã biểu lộ như vậy. Thật ra, tất cả chúng ta đều bình đẳng và đều có khả năng như nhau, vì mỗi người đều sẵn có chân ngã. Mỗi người đều có thể thực hiện những điều mầu nhiệm giống như đức *Jesus* và sẽ thực hiện những việc ấy vào thời điểm thích hợp. Không có gì là bí ẩn hay huyễn hoặc trong những điều mầu

nhiệm đó. Sự bí ẩn chỉ có trong những khái niệm vật chất mà loài người đã gán cho các sự việc ấy. Tôi biết các bạn đã tìm đến chúng tôi với ít nhiều sự hoài nghi, nhưng chúng tôi tin rằng các bạn sẽ ở lại đây để nhìn xem tận mắt và hiểu rõ hơn về chúng tôi. Còn những việc làm của chúng tôi và kết quả của những việc ấy ra sao thì các bạn có thể tùy ý chấp nhận hay bác bỏ...

●●●

Chúng tôi rời *Potal* lên đường đi *Asmah*, một làng nhỏ hơn ở cách đó độ 150 cây số. Đức Tuệ Minh chỉ định hai thanh niên dẫn đường cho chúng tôi. Cả hai đều là người Ấn Độ, to lớn và khỏe mạnh. Họ hướng dẫn cuộc hành trình một cách thông thạo và chu đáo đến mức chưa từng thấy.

Để thuận tiện cho việc kể chuyện, tôi xin gọi họ bằng những cái tên tạm là Dật Sĩ và Nê Bưu. Họ nhỏ tuổi hơn chân sư Tuệ Minh rất nhiều. Dật Sĩ là người chỉ huy cuộc hành trình, còn Nê Bưu là phụ tá, coi sóc công việc và thừa hành mọi mệnh lệnh.

Đức Tuệ Minh kiếu từ chúng tôi và nói:

- Các bạn hãy đi trước, đã có Dật Sĩ và Nê Bưu dẫn đường. Tôi sẽ ở lại đây thêm vài ngày, vì với phương tiện di chuyển hiện tại, các bạn phải mất ít nhất 5

ngày mới đến trạm sắp tới ở cách đây 150 cây số. Tôi không cần mất nhiều thời gian như vậy để vượt qua chặng đường ấy, nên tôi vẫn kịp có mặt tại đó để đón các bạn. Các bạn hãy để lại một người trong đoàn để quan sát và kiểm chứng tất cả mọi việc xảy ra tại đây. Các bạn sẽ có nhiều thời gian, và người ở lại đó sẽ theo kịp các bạn trong 10 ngày tới. Chúng tôi chỉ yêu cầu y quan sát và tường thuật một cách trung thực, chính xác với các bạn những gì đã nhìn thấy mà thôi.

Chúng tôi bèn lên đường. Dật Sĩ và Nê Bưu lãnh trách nhiệm điều khiển mọi việc một cách hết sức chu đáo. Mọi việc đều được giải quyết êm đẹp, và đúng lúc với một tiết điệu và sự chính xác đến toàn hảo. Tình trạng tốt đẹp đó đó vẫn tiếp tục trong ba năm rưỡi sau đó, nghĩa là suốt quãng thời gian của cuộc hành trình.

Dật Sĩ có một bản tính thanh cao thiên phú, dễ mến và luôn làm việc một cách hiệu quả, không khoe khoang, khoác lác. Anh luôn đưa ra mọi chỉ thị với một giọng điệu hòa nhã nhưng luôn được tuân theo một cách đúng đắn và kịp thời đến mức làm cho chúng tôi phải ngạc nhiên. Ngay từ đầu chúng tôi đã nhận ra ngay những tính chất tốt đẹp của anh ta và chúng tôi vẫn thường khen ngợi.

Nê Bưu cũng có nhiều tính chất tốt đẹp không kém, và dường như còn có khả năng hiện diện ở khắp nơi. Luôn luôn bình tĩnh, anh ta làm việc với một hiệu quả lạ lùng, với một khả năng suy xét và hành động rất vững vàng, chắc chắn. Mỗi người đều nhận thấy khả năng đó của anh ta, và chúng tôi luôn nhắc nhở đến.

Qua ngày thứ năm của chuyến đi này, vào độ bốn giờ chiều, chúng tôi đến làng *Asmah*. Như đã hẹn trước, đức Tuệ Minh đã có mặt tại đó để đón chúng tôi. Quí độc giả có thể tưởng tượng sự ngạc nhiên của chúng tôi như thế nào. Chúng tôi đến đây do một con đường duy nhất có thể đi được và bằng những phương tiện di chuyển nhanh chóng nhất thời đó. Chỉ có những bưu tín viên thiện nghệ người bổn xứ, đi luân phiên nhau từng chặng đường và đi suốt ngày đêm mới có thể nhanh hơn. Còn đây là một người mà chúng tôi cho là đã có tuổi và tuyệt đối không thể nào đi nhanh hơn chúng tôi trên một quãng đường dài một trăm năm chục cây số! Nhưng lạ thay, người ấy lại đến trước chúng tôi và có mặt tại chỗ.

Trong cơn thắc mắc, lẽ tự nhiên chúng tôi hỏi đức Tuệ Minh rất nhiều điều, và ngài trả lời như sau:

- Khi các bạn sắp lên đường, tôi có nói rằng tôi sẽ có mặt tại đây để đón các bạn, và tôi đã đến đây. Tôi

xin đặc biệt lưu ý các bạn về điểm này là con người vốn toàn năng khi phát triển được bản chất chân thật của mình. Khi đó, người ta không còn bị giới hạn bởi thời gian và không gian. Khi hiển lộ được chân ngã của chính mình, người ta không cần phải lê gót chân chậm chạp dọc đường trong năm ngày để vượt qua một trăm năm chục cây số! Với năng lực của chân ngã, chỉ trong khoảnh khắc con người có thể vượt qua mọi quãng đường, dầu xa đến bao nhiêu.

Chỉ mới lúc nãy đây, tôi còn ở tại làng *Potal* mà các bạn đã từ giã ra đi cách đây năm ngày. Người mà các bạn phân công ở lại *Potal* sẽ nói cho các bạn biết rằng tôi đã nói chuyện với anh ta cho đến gần bốn giờ chiều. Khi ấy tôi nói rằng tôi đi đón các bạn, vì chắc các bạn đã gần đến nơi. Tôi chỉ làm như vậy để giúp cho các bạn thấy rằng chúng tôi có thể tùy ý gặp lại các bạn ở bất cứ nơi đâu và vào bất cứ lúc nào. Dật Sĩ và Nê Bưu cũng có thể di chuyển bằng cách giống như tôi.

Qua sự việc này các bạn sẽ hiểu rõ hơn rằng chúng tôi cũng là những con người bình thường giống như các bạn. Không có gì là bí mật cả! Chúng tôi chỉ phát triển những năng lực của một chân ngã vốn sẵn có trong tất cả chúng ta. Người của các bạn ở *Potal* cũng sẽ ra đi cùng một con đường như các bạn. Anh ta sẽ đến đây

đúng lúc. Chúng ta sẽ nghỉ một ngày, rồi đi đến một làng nhỏ cách đây chừng một ngày đường, và sẽ trở lại đây để đón anh ta và nghe tường thuật lại mọi việc. Chúng ta sẽ tụ họp lúc chiều nay tại nhà trọ và tạm thời chúng ta hãy chia tay.

Chiều đến, chúng tôi tề tựu đông đủ tại nhà trọ. Vì thời tiết lạnh của miền núi nên chúng tôi khép kín cửa phòng. Thình lình, đức Tuệ Minh xuất hiện trong phòng họp mà không cần mở cửa và nói:

- Các bạn vừa thấy tôi xuất hiện trong gian phòng này bằng một cách mà người ta có thể gọi là nhiệm mầu. Nhưng sự thật không có gì là mầu nhiệm cả. Để tôi làm một cuộc thí nghiệm nhỏ giúp các bạn hiểu và tin, bởi vì các bạn có thể nhìn thấy tận mắt. Mời các bạn hãy bước lại gần. Đây là một cái ly nhỏ đựng nước mà các bạn vừa múc dưới suối lên. Một cục nước đá nhỏ li ti đang tượng hình giữa ly nước. Các bạn hãy nhìn xem, nó càng lúc càng lớn dần do sự kết hợp thêm với nhiều cục nước đá khác. Và bây giờ thì cả ly nước đều đông đặc. Tại sao vậy? Đó là vì tôi duy trì trong chất tiên thiên khí những phân tử trung ương của nước cho đến khi chúng đông đặc lại. Nói một cách khác, tôi đã hạ thấp những rung động phân tử của chúng đến mức làm cho chúng trở thành nước đá, và những phân tử

chung quanh cũng đều đông đặc lại cho đến khi tất cả đều trở thành một khối nước đá. Nguyên tắc ấy cũng áp dụng cho một ly nước uống, một bồn nước tắm, một cái ao, hồ, biển hay toàn thể các đại dương trên quả địa cầu. Nhưng việc gì sẽ xảy ra? Phải chăng tôi có thể làm cho tất cả đông đặc lại, nhưng vì mục đích gì? Không vì mục đích gì cả! Và nếu tôi thực hiện được điều đó thì do nơi nguyên động lực nào? Đó là sự vận chuyển của một định luật thiên nhiên. Nhưng làm như vậy nhắm đến ích lợi gì? Không có lợi ích gì cả! Nếu tôi vẫn cứ tiếp tục cho đến cùng, việc gì sẽ xảy đến? Tất nhiên là một sự phản ứng. Phản ứng vào đâu? Chính là vào bản thân tôi. Định luật cơ bản trong thiên nhiên là, điều mà tôi gây ra sẽ tác động trở lại vào chính tôi, với mức độ tương tự như khi tôi tác động vào ngoại cảnh để gây ra sự việc đó. Vì thế, điều khôn ngoan nhất là tôi chỉ nên gây ra những sự việc tốt lành, và sự tốt lành sẽ trở lại với tôi.

Các bạn thấy rằng, nếu tôi cứ tiếp tục gây ra sự giá lạnh quanh tôi, thì sự đông giá sẽ tác động trở lại vào chính tôi trước khi tôi kết thúc, và tôi sẽ bị chết cóng! Đó là cái kết quả tất nhiên mà tôi gặt hái được do việc làm của mình. Trái lại nếu tôi chỉ làm những việc tốt lành, tôi sẽ gặt hái kết quả của việc tốt lành ấy một cách trường cửu. Sự xuất hiện của tôi chiều nay trong

gian phòng này có thể giải thích một cách tương tự. Trong gian phòng nhỏ của tôi ở, tôi đã nâng cao những rung động phân tử của thể xác tôi cho đến khi nó trở về chất tiên thiên khí và tôi giữ nó ở đó. Đó là tôi trả cái thể xác vật chất ấy về với trạng thái trong thiên nhiên, là cái kho chứa đựng mọi tinh lực vật chất. Kế đó, tôi sử dụng ý chí thiêng liêng của chân ngã để giữ cái thể xác ấy trong tư tưởng, cho đến khi tôi hạ thấp những rung động phân tử của nó đến mức nó tượng hình trở lại ngay trong gian phòng này và các bạn có thể nhìn thấy. Có gì là bí mật đâu? Chẳng qua tôi chỉ sử dụng cái năng lực, hay định luật tự nhiên sẵn có trong tôi qua việc hiển lộ chân ngã linh diệu. Cái chân ngã đó sẵn có trong các bạn, trong tôi, trong tất cả nhân loại! Như vậy, đâu có sự mầu nhiệm nào đâu? Quả thật là không có!

Các bạn vừa thấy những gì đã được thực hiện ở đây, và các bạn còn đang ngờ vực chính đôi mắt của mình. Tôi không trách các bạn điều đó. Tôi nhìn thấy trong tư tưởng các bạn có vài người đang nghĩ rằng đây chắc là một cuộc thôi miên. Như vậy, trong số các bạn có người không tin rằng chính họ có thể sử dụng tất cả những năng lực sẵn có để làm được sự việc như họ vừa nhìn thấy lúc chiều nay. Có lẽ họ cho rằng tôi đã chế ngự tư tưởng hay thị giác của họ. Có lẽ các bạn cho

rằng tôi đã làm một cuộc thôi miên tập thể vì tất cả các bạn đều thấy những gì xảy ra. Các bạn có nhớ chăng trong Thánh Kinh có thuật lại rằng Đức *Jesus* đã từng xuất hiện trong một gian phòng mà các cửa đều đóng kín? Tôi đã làm giống như ngài. Các bạn có thể nghĩ rằng Đức *Jesus*, bậc đại giáo chủ, lại cần phải dùng đến phép thôi miên hay sao? Ngài đã dùng những quyền năng sẵn có trong chân ngã, cũng như tôi đã làm chiều nay. Không một việc gì tôi có thể làm mà mỗi người trong các bạn lại không thể làm được! Và không phải chỉ có các bạn mà thôi, mỗi con người sinh ra trên thế gian này đều có những năng lực tương tự.

Tôi ước mong sao tất cả đều rõ ràng minh bạch trong tư tưởng của các bạn. Các bạn là những nhân vật có cá tính, không phải là những người thụ động, vô tri giác. Các bạn có quyền tự do ý chí của mình. Đức *Jesus* không cần phải thôi miên ai cả và chúng tôi cũng thế. Các bạn hãy cứ nghi ngờ chúng tôi đến mức nào tùy ý, cho đến khi nào các bạn có thể dứt khoát tư tưởng. Nhưng bây giờ thì các bạn hãy gạt bỏ cái ý nghĩ về sự thôi miên, hoặc ít nhất hãy để yên nó một chỗ cho đến khi các bạn đã đi sâu vào vấn đề. Chúng tôi chỉ yêu cầu các bạn hãy giữ một tinh thần cởi mở...

●●●

Cuộc di chuyển sắp tới của chúng tôi là một chuyến đi khứ hồi theo chiều ngang, chúng tôi còn trở về chỗ cũ trước khi tiến xa hơn nữa. Vì thế, chúng tôi để lại tại chỗ các đồ hành lý và sáng hôm sau chúng tôi lên đường đi đến một làng nhỏ ở cách đó chừng ba mươi lăm cây số. Chỉ một mình Dật Sĩ đi theo chúng tôi.

Con đường mòn rất quanh co, khúc khuỷu, và đôi khi rất khó theo dõi xuyên qua rừng rậm. Vùng này là một vùng núi non cheo leo hiểm trở, và con đường mòn này dường như không có người đi. Đôi khi chúng tôi phải mở đường đi xuyên qua những đám nho rừng. Mỗi lần chậm trễ, Dật Sĩ tỏ vẻ bực bội. Chúng tôi lấy làm ngạc nhiên về điều đó, vì anh ta thường là người rất bình tĩnh trong mọi việc. Đó là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng trong khoảng thời gian ba năm rưỡi sống chung với chúng tôi mà anh ta tỏ ra mất bình tĩnh.

Về sau chúng tôi mới hiểu lý do. Chúng tôi đi đến mục tiêu ngay chiều hôm ấy, vừa mệt vừa đói, vì chúng tôi đã đi suốt ngày, chỉ nghỉ có một lúc ngắn để ăn bữa trưa. Nửa giờ trước khi mặt trời lặn, chúng tôi bước vào làng nhỏ, làng này có độ hai trăm dân cư. Khi họ nghe nói có Dật Sĩ đi theo trong đoàn du khách, tất cả dân làng già trẻ bé lớn, đem theo cả thú vật nuôi trong nhà, đều ra tiếp đón chúng tôi.

Ban đầu chúng tôi tưởng mình là mục tiêu sự tò mò chú ý của dân làng, nhưng sau đó chúng tôi mới nhận thấy rằng sự chú ý của họ chỉ tập trung vào Dật Sĩ. Mỗi dân làng đều chào Dật Sĩ một cách tôn kính. Sau khi y đã nói vài lời, phần nhiều dân làng đều trở về với công việc hằng ngày của họ.

Dật Sĩ hỏi xem chúng tôi có muốn đi theo y chăng, trong khi người ta dựng lều cắm trại để nghỉ ban đêm. Năm người trong chúng tôi trả lời rằng họ muốn ở lại để nghỉ ngơi sau một ngày mệt nhọc. Những người khác và vài dân làng đi theo Dật Sĩ đến tận ven rừng quanh làng. Chúng tôi đi sâu vào rừng, và không bao lâu, chúng tôi thấy có một người nằm sóng sượt dưới đất.

Thoạt tiên chúng tôi tưởng rằng đó là một xác chết, nhưng nhìn kỹ chúng tôi nhận thấy đó là tư thế nằm của một người đang ngủ chứ không phải một tử thi. Gương mặt người ấy lại là Dật Sĩ, điều này làm cho chúng tôi lặng người vì kinh hoàng!

Thình lình, trong khi Dật Sĩ bước đến gần thì thể xác ấy cử động và đứng dậy. Thể xác ấy và Dật Sĩ đứng đối diện với nhau trong một lúc. Không thể nào có sự lầm lẫn được nữa: cả hai người đều là Dật Sĩ! Rồi bỗng nhiên, chàng Dật Sĩ đi theo chúng tôi biến mất, và chỉ còn có một người đứng trước mặt chúng tôi.

Sự việc ấy diễn ra rất mau chóng, và điều lạ lùng là không ai hỏi điều gì cả. Lúc ấy, năm người còn ở lại sau cũng vừa chạy đến nơi, dù không có ai gọi họ đến. Về sau, chúng tôi hỏi tại sao họ đến nơi, thì họ trả lời:

- Chúng tôi không biết. Chúng tôi chỉ nhớ lại rằng chúng tôi đang chạy đến đây với các anh. Chúng tôi không nhớ rằng có ai gọi chúng tôi đến. Chúng tôi chỉ thấy rằng mình đang chạy, và chúng tôi chạy đã xa trước khi biết rằng mình đang làm gì.

Một người trong chúng tôi kêu lên:

- Đôi mắt tôi mở lớn đến nỗi tôi nhìn thấy được cảnh giới bên kia cửa chết. Biết bao nhiêu điều mầu nhiệm lạ lùng được tiết lộ cho tôi, làm cho tôi không kịp suy nghĩ gì cả!

Một người khác nói:

- Tôi thấy toàn thể thế giới đã vượt thoát sự chết. Khi đó, một câu trong sách hiện ra trong trí tôi một cách rõ ràng và sáng chói: “Kẻ thù cuối cùng của loài người, sự chết, sẽ bị loại trừ.” Phải chăng những lời này đã được thực hiện? Chúng ta có một trí khôn rất tầm thường so với cái ý niệm lớn lao vĩ đại đó, tuy vậy nó thật là giản dị biết bao. Và chúng ta đã dám tự cho mình là những khối óc thông minh tuyệt vời. Chúng ta chỉ là những đứa trẻ con. Tôi bắt đầu hiểu những lời

này: “*Các ngươi phải tái sinh trở lại.*” Những lời này thật là chí lý xiết bao!

Độc giả có thể tưởng tượng sự ngạc nhiên và ngơ ngác của chúng tôi. Đây là một người đã đi cùng với chúng tôi và giúp đỡ chúng tôi hằng ngày, người ấy lại có thể nằm phơi mình trên mặt đất để bảo vệ cho một thôn ấp và đồng thời tiếp tục công việc phụng sự một cách chu đáo và toàn hảo ở một nơi khác. Chúng tôi buộc phải nhớ lại câu nói trong Thánh Kinh: “*Người cao cả nhất trong các ngươi là người nào dốc lòng phụng sự kẻ khác.*”

Kể từ khi đó, tất cả chúng tôi không ai còn sợ chết nữa. Dân bổn xứ có thói quen đặt một xác người nằm trong rừng rậm trước một thôn ấp khi trong vùng có nạn xâm lăng quấy nhiễu bởi những phần tử bất hảo đi hai chân hoặc bốn chân. Nhờ đó, làng mạc khỏi bị trộm cướp hay thú dữ khuấy phá, và được an toàn như ở giữa nơi đô thị.

Thể xác của Dật Sĩ hiển nhiên là đã nằm tại đó trong một thời gian rất lâu. Đầu tóc của y đã mọc loạn xạ và có chứa những tổ chim, đó là một loại chim nhỏ đặc biệt của vùng này. Giống chim này đã làm tổ trên đầu y, nuôi những chim non cho đến khi chúng lớn lên và bay đi mất; đó là cái bằng chứng tuyệt đối về thời

gian mà xác thân của Dật Sĩ đã nằm yên bất động tại đó. Giống chim này rất nhát gan, mỗi cử động nhẹ cũng làm cho chúng sợ sệt và dọn tổ đi nơi khác. Điều này chứng tỏ rằng chúng đã đặt sự mến yêu và tin cậy vào nơi chúng đã làm tổ.

Giống cọp núi ăn thịt người gieo tai họa khủng khiếp trong đám dân làng đến nỗi đôi khi họ bỏ hết mọi sự chống cự và tin rằng định mệnh của họ là bị cọp ăn! Giống cọp này đột nhập vào làng xóm và chọn mồi để ăn thịt.

Chính ở trước một thôn ấp này, ở giữa chốn rừng sâu hoang vắng, mà chúng tôi nhìn thấy thể xác của một người khác cũng nằm dưới đất vì mục đích bảo vệ xóm làng. Dân làng này đã bị cọp ăn thịt mất gần hai trăm người. Chúng tôi thấy một trong những con cọp này bước tới một cách vô cùng thận trọng ngang qua chân của thể xác nằm dưới đất. Hai người trong chúng tôi quan sát cái thể xác này trong gần ba tháng. Khi họ rời khỏi làng, thể xác ấy vẫn còn nằm yên tại chỗ và không có một tai nạn gì xảy đến cho dân làng. Chính người này về sau đã tháp tùng với phái đoàn chúng tôi trong chuyến hành trình sang Tây Tạng.

Đêm đó, trong trại chúng tôi có một sự xúc động mãnh liệt đến nỗi không ai nhắm mắt ngủ được, trừ Dật Sĩ. Anh ta ngủ thẳng giấc như một đứa trẻ. Thỉnh

thoảng, một người trong chúng tôi ngồi dậy nhìn xem anh ta ngủ, rồi lại nằm xuống và nói với người nằm bên cạnh:

- Anh hãy véo tôi một cái để xem có thật là tôi đang tỉnh giấc hay không!

•••

Vì chúng tôi có rất nhiều công việc phải hoàn thành trước khi vượt qua dãy Tuyết Sơn nên làng *Asmah* là căn cứ tốt nhất của chúng tôi. Người bạn mà chúng tôi đã để lại ở *Potal* để quan sát đức Tuệ Minh cũng đã về đến nơi. Anh ta thuật lại rằng anh đã nói chuyện với đức Tuệ Minh cho đến gần bốn giờ chiều ngày mà ngài hẹn có mặt tại chỗ đến tiếp đón chúng tôi ở *Asmah*. Vào lúc đó đức Tuệ Minh nói rằng ngài phải đi ngay đến chỗ hẹn. Thể xác ngài bèn trở nên cứng đơ, nằm yên như người ngủ trên nệm. Ngài nằm trong tư thế đó độ chừng ba tiếng đồng hồ, rồi cái thể xác trở nên lu mờ dần và biến mất. Đó là thời điểm mà đức Tuệ Minh tiếp đón chúng tôi vào buổi chiều tại quán trọ làng *Asmah*.

Mùa này chưa thuận tiện để chúng tôi vượt qua các truông núi. Ba người bạn cao cả của chúng tôi có thể vượt qua các đoạn đường núi một cách dễ dàng và mau chóng hơn chúng tôi nhiều, nhưng không có vị nào

phàn nàn về sự chậm trễ này. Tôi gọi các vị ấy là cao cả, bởi vì họ thật sự xứng đáng với danh từ ấy do đức hạnh của họ.

Tại *Asmah*, chúng tôi đã xuất hành nhiều lần đi ra các vùng chung quanh, có khi đi với Dật Sĩ, có khi đi với Nê Bưu. Mỗi lần như vậy, họ đều chứng tỏ những đức tính quí báu.

Một trong những chuyến ngao du này nhằm mục đích viếng thăm một làng trong đó có một ngôi đền gọi là Đền Im Lặng. Làng này gồm có ngôi đền và nhà cửa của những người giúp việc công quả trong đền. Trước kia, vùng này là nơi tọa lạc của một làng khác đã hầu như hoàn toàn bị tàn phá bởi các bệnh truyền nhiễm và loài thú dữ.

Đức Tuệ Minh, Dật Sĩ, Nê Bưu cùng đi với chúng tôi và nói cho chúng tôi biết rằng thuở xưa kia khi các chân sư đến viếng nơi này, các ngài chỉ thấy có một thiểu số rất ít những người còn sống sót trong số ba ngàn dân cư trong làng. Các ngài săn sóc họ, và sau đó những thú dữ và bệnh tật đều biến mất. Những kẻ sống sót phát nguyện rằng trong trường hợp họ được bình yên, họ sẽ xin lập một ngôi đền thờ và làm công quả suốt đời ở đó, chăm lo việc thờ phụng.

Các chân sư bèn ra đi, và về sau khi trở lại thì các ngài thấy ngôi đền này đã được dựng lên, và những

dân làng sống sót trước kia giờ đây hết lòng chăm lo việc công quả thờ phụng trong đền.

Đó là một ngôi đền rất đẹp, xây trên một ngọn đồi cao, nhìn ra khắp vùng chung quanh. Đền xây bằng đá trắng và đã có từ sáu ngàn năm nay. Nó không bao giờ cần có một sự tu bổ nào. Đức Tuệ Minh nói:

- Đây là ngôi đền Im Lặng, tức là nơi chốn của quyền năng. Vì im lặng là đồng nghĩa với quyền năng. Khi chúng ta đạt tới sự im lặng trong tư tưởng, chúng ta đạt đến quyền năng, nơi đó tất cả đều là sự hợp nhất, một quyền năng duy nhất, tức là chân ngã. Quyền năng phân tán là động, quyền năng tập trung là tĩnh. Khi ta tập trung mọi sức mạnh vào một trung tâm tinh lực duy nhất, chúng ta tiếp xúc với chân ngã trong im lặng. Chúng ta hợp nhất với chân ngã và do đó hợp nhất với mọi quyền năng. Đó là cái gia tài thừa kế của con người: "Thượng đế và tôi chỉ là một, chính là biểu hiện của chân ngã."

Phương pháp duy nhất để hợp nhất với quyền năng là quay về tiếp xúc một cách ý thức với chân ngã. Điều này không thể thực hiện được từ bên ngoài, vì chân ngã xuất phát từ nội tâm. Chúng ta hãy từ bỏ ngoại cảnh để quay về sự yên tĩnh của nội tâm. Nếu không như vậy, chúng ta không thể hy vọng hợp nhất một cách ý thức với chân ngã. Chúng ta sẽ hiểu rằng mọi năng lực

của chân ngã cũng luôn sẵn có trong tầm tay chúng ta, và chúng ta sẽ luôn có khả năng sử dụng những năng lực ấy. Chừng đó, chúng ta sẽ biết rằng chúng ta hợp nhất với chân ngã và chúng ta sẽ cảm thông với toàn nhân loại

Con người khi ấy sẽ từ bỏ những ảo giác của lòng tự ái, sẽ nhận thức được sự vô minh và hèn kém của bản ngã nhỏ hẹp, và sau cùng sẽ sẵn sàng chịu học hỏi. Người ta sẽ thấy rằng không thể truyền dạy điều gì cho những kẻ kiêu căng tự phụ, và chỉ những người có lòng khiêm tốn hạ mình mới có thể nhận hiểu được chân lý. Con người sẽ đứng vững nhờ vào nền tảng vững chắc căn bản đó, và sẽ không còn hoang mang, bấp bênh nữa, cũng như sẽ có ý thức rõ rệt về sự quân bình và lòng cương nghị...

Không có bất cứ một vị Thượng Đế nào để nghe những lời cầu xin tuôn tràn như suối của chúng ta, cũng như những lời kêu gọi thiết tha ầm ĩ lặp đi lặp lại nhiều lần một cách vô ích. Chúng ta phải tìm kiếm Thượng Đế thông qua chân ngã trong nội tâm, và đó là một sự liên lạc vô hình luôn luôn sẵn có trong tự thân mỗi người. Chính Thượng đế Chân ngã sẽ lắng nghe lời kêu gọi của những tâm hồn chân thành, biết cởi mở để tiếp xúc với ngài, khi người cầu xin biết khơi mở chân ngã bằng chính tâm hồn và trong sự im lặng.

Người nào tiếp xúc với chân ngã trong tĩnh lặng sẽ hiển lộ được năng lực của chân ngã và thực hiện được tất cả những điều mong ước của họ. Trong một cơn linh ảnh hiện ra trước mắt đức *Jesus* trong bãi sa mạc, ngài thấy "các cõi trời rộng mở" và thấu hiểu cái định luật "hiển lộ", theo đó những ý niệm có sẵn trong tâm thức sẽ xuất hiện để biểu lộ trong những hình thể vật chất tương ứng. Ngài nhận hiểu luật này một cách hoàn toàn, đến nỗi tự thấy rằng ngài có thể biến đổi tất cả mọi hình thể vật chất chỉ bằng cách điều chỉnh những trạng thái tâm thức của mình đối với chúng.

Trước hết, ngài có ý muốn biến đổi những hòn đá tảng thành bánh mì để ăn cho dịu bớt cơn đói. Nhưng trong khi đó, ngài cũng tiếp nhận được sự diễn đạt đúng đắn về "luật biểu lộ". Các viên đá tảng, cũng như tất cả mọi vật chất hữu hình, đều xuất phát từ chất liệu của tư tưởng trong tâm thức. Chúng là những biểu lộ thật sự của tâm thức. Mọi vật mà ta mong muốn, nhưng chưa hình thành, vẫn có sẵn trong thiên nhiên, sẵn sàng cung cấp vật liệu cho sự sáng tạo, sẵn sàng tự biểu hiện ra ngoài một cách tương ứng với những thay đổi trong tâm thức của con người.

Sự cần dùng bánh mì dùng để chứng minh rằng cái chất liệu để làm ra bánh mì vốn ở trong tầm tay của ta và có sẵn với số lượng vô biên bất tận. Cái chất liệu

đó cũng vốn là tinh hoa của mọi vật, có thể tự biến đổi thành đá tảng hay thành bánh mì.

Khi con người mong ước điều lành, sự mong ước của người ấy phù hợp với bản chất toàn thiện của chân ngã. Kho chất liệu thiên nhiên bao bọc quanh chúng ta sẵn chứa một nguồn tài nguyên vô tận có thể làm thỏa mãn mọi sự mong ước tốt lành. Chúng ta chỉ cần tập sử dụng những gì mà năng lực sáng tạo của chân ngã có khả năng tạo ra. Và chúng ta hãy sử dụng chính cái kho chứa thiên nhiên đó để vượt qua mọi giới hạn vật chất và trở nên "*tự do trong sự sung mãn...*"

CHƯƠNG HAI

Khi trở về, chúng tôi thấy có một số đông những người lạ tề tựu tại làng *Asmah*. Họ đến từ những vùng chung quanh. Một số các vị chân sư đã tụ họp lại để chuẩn bị đi hành hương đến một làng hẻo lánh cách đó gần 400 cây số.

Điều này làm chúng tôi ngạc nhiên, vì chúng tôi đã đi một chuyến về hướng ấy và nhận thấy rằng cách đấy 120 cây số, con đường mòn đi ngay vào một bãi sa mạc hoang vu. Bãi sa mạc này thật ra là một vùng cao nguyên bao phủ bởi những cồn cát di động luôn luôn chìm dưới những cơn gió lớn, và ở đó cỏ cây rất thưa thớt. Bên kia đồng cát, con đường mòn vượt lên một dãy núi nhỏ trong dãy Tuyết Sơn.

Chiều hôm đó, chúng tôi được mời cùng đi trong chuyến hành hương, và sẽ lên đường vào ngày thứ hai kế đó. Chúng tôi được cho hay trước rằng, không cần đem theo những đồ hành lý nặng, vì chúng tôi sẽ còn trở về *Asmah* trước khi vượt qua dãy Tuyết Sơn.

Dật Sĩ và Nê Bưu dĩ nhiên là đã chuẩn bị xong tất cả mọi việc vào ngày thứ hai lúc trời còn chưa sáng.

Chúng tôi đã nhập bọn với khoảng ba trăm thành viên của nhóm người hành hương. Phần nhiều những người này đều mắc phải một số bệnh tật nào đó mà họ rất hy vọng sẽ được chữa khỏi trong chuyến đi này.

Mọi việc trôi chảy êm đẹp cho đến ngày thứ bảy. Rồi trời thình lình nổi lên một cơn giông bão dữ dội chưa từng thấy. Trong ba ngày và ba đêm, những cơn mưa lũ trút xuống không dứt, báo hiệu sắp đến mùa hè. Chúng tôi cắm trại ở một nơi cao ráo sạch sẽ, và cơn giông không gây cho chúng tôi một sự tổn hại nào. Nhưng điều chúng tôi lo ngại nhất là vấn đề tiếp tế lương thực, vì chúng tôi biết rằng một sự trì hỗn kéo dài sẽ rất bất tiện cho tất cả mọi người.

Thật vậy, những người trong đoàn chỉ đem theo một số lương thực tối thiểu, vừa đủ dùng cho chuyến hành hương, và không có phòng bị những trường hợp trì hỗn có thể xảy đến Sự trì hỗn này lại càng nghiêm trọng gấp đôi, vì chúng tôi không thấy có giải pháp nào khác hơn là quay trở về *Asmah* để tiếp tế lương thực.

Trong trường hợp này, chúng tôi lại phải vượt qua hai trăm cây số đường trường, mà phần lớn là đi xuyên qua bãi sa mạc như đã nói ở trên.

Sáng ngày thứ năm, mặt trời chói rạng trên một bầu trời quang đãng, và chúng tôi quyết định lên đường.

Nhưng người ta cho hay là tốt hơn chúng tôi nên đợi cho đường khô ráo và mực nước sông rút xuống thấp để chuyến đi được dễ dàng hơn. Một người trong chúng tôi bày tỏ nỗi lo ngại chung của tất cả mọi người là lương thực sẽ cạn. Đức Tuệ Minh là vị đảm trách việc tiếp liệu, bèn nói với chúng tôi:

- Không cần phải lo ngại chi cả. Sự sống vốn tự nó có thể chăm sóc cho tất cả chúng sinh. Các bạn hãy nhìn xem những hạt giống lúa mì này. Khi tôi trồng nó xuống đất, việc làm đó cho thấy rằng tôi cần dùng lúa mì, thế là tôi đã tạo ra lúa mì trong tâm thức của tôi. Tôi đã làm đúng theo định luật tự nhiên và lúa mì sẽ mọc đúng vào thời kỳ của nó. Nhưng phương pháp trồng lúa mì như thế là rất lâu dài và khó nhọc. Chúng ta có cần phải chịu khó chờ đợi lâu như vậy chăng? Tại sao không kêu gọi đến một định luật cao siêu và toàn vẹn hơn để làm cho lúa mì xuất hiện thật mau chóng? Người ta chỉ cần định thần một lát trong sự yên tĩnh, hình dung rõ lúa mì trong tâm thức, và đây là những hạt lúa mì sẵn sàng để đem xay giã. Nếu các bạn nghi ngờ, các bạn hãy nhặt lấy nó, xay nó ra thành bột, và nướng lên thành bánh. Thật vậy, trước mặt chúng ta có lúa mì đã đập xong, chúng ta chỉ cần đem xay ra bột và làm thành bánh mì!

Đức Tuệ Minh nói tiếp:

- Các bạn đã thấy và đã tin. Nhưng tại sao chúng ta không kêu gọi đến một định luật toàn vẹn hơn nữa và tạo ra một vật chất toàn vẹn hơn, nghĩa là đúng cái món ăn mà ta cần dùng, chẳng hạn như bánh mì! Các bạn sẽ thấy rằng cái định luật toàn vẹn hơn, tế nhị hơn ấy, sẽ giúp tôi làm ra đúng cái món ăn mà tôi cần: đó là bánh mì.

Trong khi chúng tôi ngồi nghe một cách thích thú, thì một ổ bánh mì lớn xuất hiện trên tay đức Tuệ Minh, rồi nhiều ổ nữa mà ngài đặt lên bàn cho đến khi chúng tôi đếm được tất cả là bốn chục ổ. Đức Tuệ Minh nói:

- Các bạn thấy rằng có đủ bánh mì cho tất cả mọi người. Nếu ăn không đủ, thì sẽ có những ổ khác nữa cho đến khi chúng ta ăn còn dư thừa.

Tất cả chúng tôi đều ăn bánh mì và thấy rất ngon. Đức Tuệ Minh lại nói tiếp:

- Khi đức *Jesus* hỏi thánh *Philips* ở thành *Galilée*: "*Chúng ta sẽ mua bánh mì ở đâu?*", thì đó là để thử thách vị môn đồ. Đức *Jesus* biết rõ rằng bánh mì mà đám đông đang cần dùng không cần phải mua ở ngoài chợ. Ngài mượn dịp đó để chỉ cho các môn đồ thấy rằng

người ta có thể tạo ra bánh mì bằng sức mạnh của tinh thần. Người đời thường có quan niệm vật chất giống như *Philips*! Vị môn đồ này cũng toan tính như mọi người: "*Ta có bấy nhiêu bánh mì, bấy nhiêu lương thực, hay bấy nhiêu tiền bạc...*" Đức *Jesus* biết rằng trong khi người ta sống với tâm thức của chân ngã, thì người ta không còn bị thiếu thốn hay gò bó trong một sự giới hạn nào cả. Ngài biết rằng *Thượng đế* hay *Chân ngã* chính là nguồn gốc sáng tạo muôn loài và con người khi phát triển được chân ngã thì luôn sẵn có khả năng tạo ra mọi chất liệu cần thiết bằng chính tâm thức của mình. Ngài bèn bẻ bánh mì và bảo các môn đồ hãy phân phát cho tất cả mọi người. Khi tất cả mọi người đều đã ăn no, thì hãy còn thừa tới mười hai rổ bánh. Đức *Jesus* dạy rằng trong tự nhiên luôn sẵn có chất liệu để tạo thành mọi thứ vật chất, và người ta có thể tạo ra lương thực từ đó. Chúng ta chỉ cần có được một tâm thức trong sáng đủ để tác động đến các chất liệu ấy và tạo nên mọi thứ cần dùng. Cũng bằng cách đó mà *Elisée* làm cho người quả phụ thành *Jérusalem* có dầu để ăn thừa thãi không bao giờ hết. Ngài không hỏi xin những kẻ có thừa dầu ăn trong nhà, vì như thế số dầu chỉ có giới hạn. Ngài tiếp xúc với cõi thiên nhiên, và số dầu tạo ra không có giới hạn nào khác hơn là dung lượng của những bình chứa.

Đức Tuệ Minh nói tiếp:

- Đây không phải là một sự thôi miên. Không có ai trong các bạn có cảm giác rằng mình bị thôi miên. Nhưng các bạn đã tự thôi miên chính mình từ đầu khi cho rằng người ta không thể nào thực hiện những công việc có tính cách toàn năng như Thượng Đế, hay tạo ra được những dạng vật chất mà mình mong ước. Sự nhu cầu phải chăng cũng là một động lực cho ý muốn sáng tạo? Thay vì vươn mình lên để sáng tạo mọi thứ giống như Thượng Đế, người ta lại tự cúi xuống và thu mình trong một cái vòng chật hẹp và nói: "Tôi không thể." Do sự tự kỷ ám thị đó, rốt cuộc người ta tin rằng mình là một thực thể hèn kém cách biệt với Thượng Đế toàn năng trên cao.

Họ đã đi lệch ra ngoài con đường, họ đã bỏ lỡ mất năng lực sáng tạo của chính mình. Họ không để cho chân ngã được phát triển và biểu lộ. Đức *Jesus*, bậc đại giáo chủ, há chẳng nói rằng: "Những việc gì mà ta đã làm, các ngươi cũng sẽ làm được và các ngươi còn sẽ làm được những việc lớn lao hơn nữa." Con người trong bản chất chân thật nhất của họ chính là sự hiển lộ của cái gọi là Thượng Đế. Sứ mạng của đức *Jesus* trên thế gian phải chăng là để chứng tỏ rằng với chân ngã sẵn có, mỗi con người đều có thể sáng tạo một cách toàn hảo và tốt đẹp? Khi đức *Jesus* ra lịnh cho người mù hãy đứng dậy và rửa mắt y trong nước ao *Siloé*, phải

chăng là để cho mọi người đều thấy rằng ngài có khả năng sáng tạo cũng giống như Chúa Trời? Đức *Jesus* muốn rằng mỗi người trong chúng ta cũng làm y như vậy bằng cách phát triển và hiển lộ chân ngã nơi tự thân mình và nơi kẻ khác.

Tôi có thể tiến thêm một bước xa hơn nữa. Cái ổ bánh mà tôi nhận được và cầm trên tay đã tiêu hủy dường như bị lửa đốt cháy. Tại sao? Tôi đã lạm dụng cái định luật đã giúp tôi thể hiện ý muốn. Tôi đã đốt cháy món đồ vật mà tôi vừa sáng tạo nên. Làm như vậy, tôi đã lạm dụng cái định luật toàn vẹn đó. Định luật này cũng đúng đắn như những luật của âm nhạc chẳng hạn. Nếu tôi cứ tiếp tục lạm dụng mãi, thì không những tôi đốt cháy những vật tôi đã tạo nên, mà còn đốt cháy luôn cả chính tôi nữa!

Mới đây, các bạn đã thấy một cục nước đá tượng hình trong ly nước mà không có nguyên nhân rõ rệt. Tuy vậy, vẫn có một nguyên nhân, và đó cũng là cái nguyên nhân đã tạo nên ổ bánh mì. Tôi có thể sử dụng cái định luật đó khi tôi dùng ổ bánh mì hay khối nước đá để làm một việc lợi ích cho nhân loại, hoặc là khi mà tôi hành động với tình thương yêu, phù hợp với luật ấy. Làm ra bánh mì, nước đá hay một dạng vật chất cần thiết, đó là điều tốt lành. Mỗi người nên phát triển tự thân đến mức độ có thể làm được như vậy. Các bạn có thấy là các bạn nên sử dụng được cái định luật cao cả

như thế hay chăng? Các bạn sẽ tạo ra được những gì mà các bạn hay những người khác cần dùng và thực hiện được những gì mà các bạn đã hình dung trong tâm thức như là cái lý tưởng cao đẹp nhất của mình. Các bạn sẽ biết cách tự biểu lộ chân ngã một cách toàn vẹn hơn, với điều kiện là phải biết, cũng như đức *Jesus*, rằng mình luôn hướng đến sự toàn hảo.

●●●

Sau tám ngày dừng chân một chỗ, một buổi sáng chúng tôi dỡ trại và tiếp tục hành trình. Vào xế trưa ngày thứ ba, chúng tôi đến bờ một con sông lớn chừng sáu hay bảy trăm thước bề rộng, nước chảy tràn bờ và rất xiết. Chúng tôi được cho biết rằng bình thường thì lòng sông cạn nên có thể lội qua dễ dàng.

Chúng tôi bèn quyết định cắm trại cho đến sáng hôm sau để chờ xem nước sông sẽ còn dâng lên hay rút xuống. Chúng tôi được biết rằng có một chiếc cầu ở về phía thượng lưu để qua sông, nhưng muốn đến đó phải đi vòng quanh mất bốn ngày trên những con đường mòn rất cheo leo hiểm trở. Chúng tôi nghĩ rằng tốt hơn nên đợi vài ngày tại chỗ để chờ nước sông rút xuống.

Như đã được đức Tuệ Minh chứng tỏ cho thấy, chúng tôi không cần phải lo ngại về vấn đề tiếp tế. Thật vậy,

từ ngày chúng tôi bị cạn lương thực cho đến ngày trở về căn cứ ở *Asmah*, tức là trong sáu mươi bốn ngày, cả đoàn gồm trên ba trăm người hành hương đều được tiếp tế đầy đủ với những đồ vật thực xuất xứ từ "cõi vô hình".

Nhưng cho đến khi đó, vẫn không một ai trong nhóm chúng tôi hiểu được ý nghĩa thật sự của những sự việc đã xảy ra. Chúng tôi không thể hiểu rằng tất cả đã được thực hiện bởi một định luật huyền bí mà mỗi người đều có thể sử dụng.

Sáng hôm sau, lúc ăn điểm tâm có năm người lạ ở trong trại chúng tôi. Họ được giới thiệu với chúng tôi là thành viên của một nhóm cắm trại ở bờ bên kia sông và vừa về đến nơi từ một làng mà chúng tôi định sẽ đến viếng. Chúng tôi không để ý gì đến chi tiết này, vì lẽ tự nhiên chúng tôi nghĩ rằng chắc họ đã tìm thấy một chiếc đò để vượt qua sông. Khi đó, một người trong bọn chúng tôi mới nói:

- Nếu những người này có đò qua sông, thì tại sao chúng ta không mượn dùng tạm để qua sông như họ?

Chúng tôi tưởng là đã thấy có lối thoát cho vấn đề khó khăn này, nhưng rồi người ta nói cho chúng tôi biết rằng không có đò, vì chỗ này ít có hành khách qua sông nên không ai nghĩ đến việc đưa đò.

Sau bữa ăn điểm tâm, tất cả chúng tôi đều tụ họp trên bờ sông. Chúng tôi nhận thấy rằng đức Tuệ Minh, Dật Sĩ, Nê Bưu và bốn người trong nhóm chúng tôi đang nói chuyện với năm người khách lạ. Dật Sĩ bước đến gần chúng tôi và nói rằng tất cả bọn họ đều muốn qua sông cùng với năm người khách lạ để ở lại chơi giây lát trong trại ở bên kia sông. Họ còn nhiều thời giờ vì họ đã quyết định ở lại đến ngày hôm sau để đợi cho mực nước sông hạ xuống thấp.

Lẽ tự nhiên, sự tò mò của chúng tôi bị kích thích. Chúng tôi cho rằng thật là một việc táo bạo nếu muốn lội qua sông giữa dòng nước cuốn mau như vậy, chỉ vì mục đích thăm viếng xã giao một trại láng giềng! Nhưng chúng tôi không nghĩ rằng chuyến đi qua sông lại có thể được thực hiện bằng một cách khác hẳn.

Khi Dật Sĩ đã trở lại với nhóm bạn của anh ta, mười hai người trong nhóm có mặc áo quần đầy đủ, liền đi ngay xuống sông, và bước chân lên trên mặt nước (tôi không nói xuống nước). Tôi không bao giờ quên những cảm giác của tôi khi thấy mười hai người ấy nối tiếp nhau đi hàng một từ đất liền xuống sông và đi trên mặt nước một cách tự nhiên!

Tôi nín thở vì lo ngại rằng họ sẽ chìm đắm và bị dòng nước cuốn trôi đi mất! Về sau, tôi được biết rằng

tất cả các bạn tôi cũng đều cảm nghĩ giống như tôi lúc ấy. Nhưng khi đó, mỗi người trong chúng tôi đều lặng người nín thở cho đến khi tất cả mười hai người kia đã đi qua khỏi giữa sông, vì chúng tôi ngạc nhiên xiết bao mà thấy họ đi bình yên trên mặt nước, không hề sợ sệt, và nước không ngập quá gót giày của họ.

Khi họ đã qua sông và lên đến bờ bên kia, tôi có cảm giác như trút được một gánh nặng nghìn cân. Tôi tin rằng các bạn tôi cũng có cảm giác như vậy, cứ xét về nụ cười thoải mái của họ khi tất cả mười hai người kia đều đã qua sông.

Đó hẳn là một kinh nghiệm chưa từng có đối với chúng tôi. Bảy người trong nhóm chúng tôi đã vượt qua sông trở lại để dùng bữa ăn trưa. Tuy rằng bận về của họ không gây nên một sự xúc động mãnh liệt như khi họ ra đi lần đầu tiên, mỗi người chúng tôi đều thở dài nhẹ nhõm khi tất cả đều đã bước chân lên bờ. Không có người nào trong nhóm chúng tôi đã rời khỏi bờ sông sáng hôm đó. Chúng tôi không bình phẩm gì nhiều về sự việc nói trên vì chúng tôi đã quá đắm chìm trong những cơn suy tư trầm lặng.

Đến xế trưa, vì thấy mực nước sông không rút xuống nên chúng tôi đành phải đi đường rừng, theo một vòng cung lớn trước khi qua cầu để sang sông.

Chúng tôi thức dậy sớm vào sáng hôm sau và chuẩn bị lên đường. Trước khi chúng tôi ra đi, năm mươi hai người trong trại lẳng lặng tiến về phía bờ sông và đi trên mặt nước để vượt qua sông như mười hai người hôm trước.

Người ta nói rằng chúng tôi cũng có thể cùng đi qua sông với họ, nhưng không một người nào trong nhóm chúng tôi có đủ đức tin để làm thử!

Dật Sĩ và Nê Bưu đòi đi vòng lớn theo đường rừng cùng với chúng tôi. Chúng tôi cố gắng thuyết phục họ đừng làm vậy, viện lẽ rằng chúng tôi có thể tìm được đường đi để tránh cho hai vị khỏi phải tốn công nhọc sức. Nhưng họ không nghe, nhất định đòi đi cùng chúng tôi và nói rằng điều ấy không có gì là khó nhọc đối với họ cả.

Trong bốn ngày đi bộ vòng quanh đường núi cheo leo để theo kịp những người đã qua sông bằng cách đi trên mặt nước, chúng tôi không có đề tài nói chuyện hay suy gẫm nào khác hơn là những diễn biến ly kỳ mà chúng tôi đã chứng kiến trong khoảng thời gian ngắn ngủi đã trải qua cùng với những nhân vật lạ lùng này.

Qua ngày thứ nhì, trong khi chúng tôi đang vất vả khó nhọc để trèo lên một con dốc đứng, dưới ánh mặt trời nóng gắt, thì vị trưởng nhóm của chúng tôi, vẫn

im lặng từ suốt hai ngày qua không nói một câu nào, thình lình nói lớn:

- Này các bạn, tại sao con người lại bị bắt buộc phải bò lết trên mặt đất?

Chúng tôi đồng thanh đáp lại rằng ông ta đã nói lên đúng cái ý nghĩ của chúng tôi lúc ấy. Vị trưởng nhóm nói tiếp:

- Nếu có những người có thể làm được những gì mà chúng ta vừa thấy, thì tại sao tất cả lại không thể làm được như vậy? Tại sao con người lại bằng lòng chịu bò lết trên đất, và không những bằng lòng thôi, mà còn bị bắt buộc phải bò lết? Nếu con người có quyền năng chế ngự mọi loài thì chắc hẳn phải có thể bay cao hơn loài chim. Nếu như vậy, tại sao người ta không hiển lộ quyền năng của mình từ lâu? Đó chắc hẳn là do tư tưởng của con người. Tất cả đều do quan niệm hẹp hòi trói buộc bởi vật chất, không hiểu đúng về bản chất của mình. Trong tư tưởng, con người luôn nghĩ rằng họ đang bò lết và chỉ có thể bò lết trên mặt đất thôi. Bởi đó nên người ta chỉ có thể bò và lết!

Dật Sĩ liền nắm ngay lấy cơ hội và nói:

- Ông bạn hoàn toàn có lý, tất cả đều do tâm thức của con người. Tùy theo sự cảm nghĩ của con người mà

họ bị giới hạn hay phát triển được sự toàn năng; tự do hay nô lệ. Các bạn tưởng rằng những người hôm qua đã đi trên mặt nước để vượt sông và tránh khỏi con đường vòng vất vả này là những người đặc biệt và có năng lực nhiệm mầu gì chăng? Không, họ cũng không khác gì các bạn cả. Họ không có được một mảy may quyền năng nào khác hơn các bạn. Họ chỉ phát triển năng lực tự nhiên của họ bằng cách sử dụng đúng đắn sức mạnh của tư tưởng. Những gì các bạn đã thấy chúng tôi làm, các bạn cũng có thể làm được một cách tự do và hoàn hảo như vậy, bởi vì tất cả những hành động của chúng tôi đều hòa hợp với một định luật thiên nhiên mà mỗi người đều có thể sử dụng tùy ý muốn.

Tới đây, câu chuyện chấm dứt. Rồi đến khi chúng tôi qua sông được và gặp lại năm mươi hai người đã vượt sông bằng cách đi trên mặt nước, tất cả cùng nhau đi đến một thôn ấp, mục tiêu của chuyến hành hương.

●●●

Ngôi đền Chữa Bệnh nằm trong thôn ấp nói trên. Tục truyền rằng từ ngày dựng lên ngôi đền này, tại đó người ta chỉ thốt ra toàn những lời nói biểu lộ lòng hiếu sinh, từ ái, và bình an. Những âm ba rung động tại đây có một mãnh lực phi thường

làm cho phần nhiều khách hành hương được khỏi bệnh ngay trong khoảnh khắc.

Người ta cũng đồn rằng những lời nói biểu lộ đức hiếu sinh, tình thương yêu rộng khắp và sự bình an ở đây đã được lặp đi lặp lại nhiều lần và thoát ra từ ngôi đền này từ rất lâu, đến nỗi những âm ba rung động có đủ mãnh lực để phá tan ảnh hưởng của mọi lời nói xung khắc và bất hảo.

Điều này cũng tiêu biểu cho sự tác động trong con người. Nếu người ta tập được thói quen chỉ thốt ra những lời nói có tính cách hiếu sinh, thương yêu, điều hòa và chí thiện, thì không bao lâu người ta sẽ không còn có thể thốt ra một lời nói chướng tai xấu ác nào nữa. Tại đây, chúng tôi đã thử dùng những danh từ xấu xa và mỗi lần như vậy chúng tôi đều nhận thấy rằng không thể nào thốt ra nên lời.

Ngôi đền này là mục tiêu hành hương của những người muốn được chữa khỏi các chứng bệnh tật. Các vị chân sư ở vùng kế cận thường có những cuộc tụ họp định kỳ tại làng này để tiếp xúc với họ và với những người muốn nhân cơ hội đó để học đạo.

Ngôi đền được cống hiến hoàn toàn cho việc chữa bệnh và luôn luôn mở cửa tự do. Vì công chúng không phải lúc nào cũng được gặp các chân sư nên các ngài khuyên họ hãy đến ngôi đền này mỗi khi có dịp thuận

tiện và vì mục đích chữa bệnh. Vì thế, các chân sư không thực hiện việc chữa bệnh cho những người hành hương này. Từ đầu, các ngài đã cùng đi một lượt với họ để chỉ cho họ thấy rằng các ngài không khác biệt chi với họ cả, và mỗi người đều sẵn có nơi mình những năng lực nhiệm mầu như nhau. Khi các ngài nêu gương vượt qua sông bằng cách đi trên mặt nước, tôi nghĩ rằng các ngài muốn chứng minh cho những người hành hương và chúng tôi thấy khả năng vượt qua mọi chướng ngại khó khăn của các ngài và khuyến khích chúng tôi hãy bắt chước làm theo các ngài.

Ở những nơi cheo leo cách trở mà người ta không thể nào đi tới ngôi đền này, người nào đến cầu xin sự cứu giúp của các chân sư đều nhận được những kết quả tốt lành. Luôn luôn cũng có những kẻ tò mò và những kẻ vô tín ngưỡng, nhưng dường như họ không nhận được một sự giúp đỡ nào rõ rệt. Chúng tôi tham dự nhiều cuộc hội họp từ hai trăm đến hai nghìn người, trong đó tất cả những người có bệnh tật nan y đều được khỏi bệnh chỉ bằng cách âm thầm bày tỏ ý muốn được chữa khỏi.

Chúng tôi cũng có dịp quan sát một số rất lớn những người được chữa khỏi bệnh như vậy trải qua nhiều giai đoạn khác nhau. Trong chín mươi phần trăm các trường hợp, sự khỏi bệnh được lâu bền, và đối với những người

được chữa khỏi bệnh trong ngôi đền thì tỷ lệ đó lên đến một trăm phần trăm.

Ngôi đền này luôn luôn mở rộng cửa cho bất cứ ai muốn tìm đến. Người ta có thể đến đó bao nhiêu lần và ở lại đó bao lâu tùy ý. Một lý tưởng được hình thành bằng cách đó trong tư tưởng của những khách đến viếng và in sâu trong tâm trí họ. Đức Tuệ Minh nói:

- Chính ở đây là nơi xuất phát cái mầm mống tư tưởng dưa đến việc tôn sùng thần tượng của thời quá khứ. Con người tìm cách tạc trong gỗ, đá, vàng, bạc hay đồng, hình ảnh cái lý tưởng của họ. Khi hình tượng vừa thành hình xong thì lý tưởng đã vượt lên cao hơn hình tượng ấy rồi. Bởi vậy, người ta phải nhìn thấy cái diệu ảnh, thương yêu và lý tưởng hóa những gì đến với ta từ chỗ kín đáo trong linh hồn chứ không phải đưa ra một vật thể làm thần tượng để tiêu biểu cho cái lý tưởng mà chúng ta muốn nêu cao.

Một trạng thái gần đây hơn của sự mê tín là suy tôn như một thần tượng người nào phát biểu cái lý tưởng của mình. Thật ra, người ta chỉ nên sùng kính cái lý tưởng được nêu lên chứ không phải cá nhân đã biểu lộ lý tưởng đó. Đức *Jesus* quyết định bỏ ra đi bởi vì ngài thấy rằng dân chúng bắt đầu suy tôn cá nhân ngài, thay vì yêu kính cái lý tưởng mà ngài nêu lên. Người ta muốn tôn ngài lên làm vua. Dân chúng chỉ

nhìn thấy có một điều, họ chỉ thấy đức *Jesus* là người cung cấp đầy đủ mọi thứ để thỏa mãn những nhu cầu vật chất của họ. Không ai là người nhìn nhận rằng họ vốn sẵn có nơi mình cái khả năng thỏa mãn mọi thứ nhu cầu của chính mình. Không ai nhận thấy rằng họ phải sử dụng cái quyền năng đó giống như đức *Jesus*. Vì lẽ đó, ngài nói: "Tốt hơn là ta phải ra đi, vì nếu ta không bỏ đi thì đấng hằng an ủi sẽ không bao giờ đến với các ngươi." Nói cách khác, khi người ta ỷ lại vào cá nhân đức *Jesus*, người ta sẽ không thể nhận thức được cái quyền năng mà họ vốn sẵn có. Người ta phải tuyệt đối tự tin ở chính mình. Nếu người ta trông cậy nơi kẻ khác, họ sẽ suy tôn kẻ khác ấy làm thần tượng thay vì tự mình biểu lộ lý tưởng của mình.

Chúng tôi đã chứng kiến tận mắt những trường hợp khỏi bệnh thật lạ lùng. Vài người bệnh chỉ cần đi ngang qua ngôi đền cũng được chữa khỏi. Những người khác phải ở lại đó trong một thời gian rất lâu. Không có ai đứng ra làm bất cứ một cuộc hành lễ nào. Dường như không cần phải hành lễ, bởi vì những âm ba rung động toát ra từ trong đền có hiệu lực đến nỗi bất cứ người nào bước vào trong vòng ảnh hưởng của nó cũng đều cảm nhận được những ảnh hưởng tốt lành.

Chúng tôi thấy người ta chở đến một người bị bệnh cứng khớp xương. Những khớp xương đã cứng đơ của

ông ta được hoàn toàn chữa khỏi trong vòng một tiếng đồng hồ và ông ta có thể đi đứng lại được. Sau đó ông ta đã tự nguyện làm việc thiện trong bốn tháng, giúp đỡ cuộc hành trình của chúng tôi.

Một đứa trẻ bị bại liệt toàn thân được chữa khỏi ngay tức khắc và có thể chạy ra khỏi đền. Những người bị các chứng phong cùi, đui mù, câm điếc và nhiều chứng bệnh nan y khác cũng được chữa khỏi ngay lập tức...

Sự thật, tất cả những người đến hành hương tại đây đều được chữa khỏi bệnh. Chúng tôi có dịp quan sát một số lớn những người được khỏi bệnh hai hay ba năm về sau, bệnh tật của họ đã khỏi hẳn không còn tái phát.

Người ta nói rằng những trường hợp bệnh tái phát là vì người bệnh thiếu đức tin và không có một nhãn quang tâm linh thật sự.

●●●

Khi chúng tôi về tới cứ điểm ở làng *Asmah* thì mọi việc đã được chuẩn bị sẵn sàng để vượt qua truông núi. Sau một ngày nghỉ ngơi, chúng tôi thay đổi toán phu khuân vác, lừa ngựa và khởi đầu

giai đoạn thứ nhì của cuộc hành trình, tức là vượt qua dãy núi Tuyết Sơn.

Trong hai mươi ngày kế đó, sự việc diễn biến một cách bình thường không có gì đáng kể. Đức Tuệ Minh nói với chúng tôi về một khái niệm gọi là tâm thức giác ngộ. Ngài nói:

- Chính do sự tác động của năng lực tư tưởng mà chúng ta có thể hiển lộ tâm thức giác ngộ. Bằng năng lực của tư tưởng, chúng ta có thể phát triển thể xác đến mức độ làm cho nó thoát khỏi ảnh hưởng của sự chết, và do đó có thể tùy ý kéo dài sự sống. Do sự tác động của tư tưởng, do sự tác động của tâm thức giác ngộ, chúng ta có thể chuyển hóa những người quanh ta và làm thay đổi hoàn cảnh sinh hoạt của chính mình. Tất cả những điều đó đều được thực hiện do năng lực của chân ngã sẵn có trong mỗi con người. Trước hết, người ta phải biết cảm nhận và tin tưởng rằng tâm thức giác ngộ, tức tâm Bồ-đề, vốn sẵn có nơi mỗi chúng ta. Kế đó, phải hiểu được ý nghĩa thật sự của chân lý hợp nhất bản thể với chân ngã, vốn là sự hiển lộ của chính tâm thức giác ngộ. Phải thấy được sự hòa hợp toàn vẹn trong hết thảy mọi sinh linh, vì chính trong trạng thái hòa hợp tuyệt đối đó mà chân ngã của mỗi chúng ta được hiển lộ...

Nói đến đây, đức Tuệ Minh ngừng lại và cho biết rằng ngài sẽ từ giã chúng tôi trong mấy ngày để đến

gặp vài người bạn đang hội họp trong một làng cách đó độ bốn trăm cây số. Ngài hứa sẽ gặp lại chúng tôi ở cách đây độ một trăm cây số, trong một làng nhỏ ở biên giới mà chúng tôi sẽ đi đến trong bốn ngày. Kế đó, ngài biến mất. Và vài ngày sau ngài đã đến chỗ hẹn đúng lúc, cùng với bốn người bạn.

Khi chúng tôi đến ngôi làng biên giới nói trên, trời mưa tầm tã không ngớt và tất cả chúng tôi đều bị ướt loi ngoi. Người ta dành cho chúng tôi một quán trọ đầy đủ tiện nghi, gồm một gian phòng lớn có đủ bàn ghế, được sưởi và trang hoàng lịch sự, dùng làm phòng khách và phòng ăn.

Một người trong chúng tôi hỏi về nhiên liệu dùng sưởi ấm gian phòng này. Do câu hỏi đó, tất cả chúng tôi liền quan sát kỹ và thật sự không thấy có lò sưởi hay củi lửa gì cả! Chúng tôi hơi ngạc nhiên, nhưng không bình phẩm gì vì chúng tôi đã bắt đầu quen với những sự việc lạ lùng và chắc rằng sau này mọi sự sẽ được giải thích rõ.

Chúng tôi vừa ngồi vào bàn ăn để dùng cơm tối thì đức Tuệ Minh và bốn người bạn của ngài bước vào phòng mà chúng tôi không biết các ngài vào bằng cách nào. Tất cả năm vị đều xuất hiện ở một góc phòng mà gần đó không có cánh cửa nào cả. Việc ấy xảy ra một cách giản dị, âm thầm và không có một tiếng động.

Đức Tuệ Minh giới thiệu với chúng tôi bốn người khách lạ, và các ngài ngồi vào bàn ăn với chúng tôi một cách tự nhiên. Chúng tôi chưa kịp để ý nhìn thấy gì, thì bàn ăn đã có đầy những thức ăn ngon lành, nhưng không có thịt, vì các vị toàn dùng chay.

Sau bữa ăn, một người trong chúng tôi hỏi gian phòng được sưởi ấm bằng cách nào. Đức Tuệ Minh nói:

- Hơi ấm mà các bạn cảm thấy trong gian phòng này là do một sức mạnh cụ thể mà mỗi người đều có thể dụng. Người ta có thể tiếp xúc với sức mạnh ấy và sử dụng nó dưới hình thức ánh sáng, nhiệt điện, hay động lực để vận chuyển máy móc, cơ khí. Đó là điều mà chúng tôi gọi là vũ trụ lực, một sức mạnh thiên nhiên sẵn có ở khắp nơi trong vũ trụ. Sức mạnh ấy có thể dùng để vận chuyển mọi loại máy móc cơ khí mà không cần đến bất cứ loại nhiên liệu nào, hoặc cũng có thể dùng để cung cấp ánh sáng và hơi nóng.

Đức Tuệ Minh mời chúng tôi đi theo ngài đến nhà của một trong bốn người bạn, ở cách đó độ ba trăm năm chục cây số. Tại đây, chúng tôi cũng gặp thân mẫu ngài. Ngài nói:

- Thân mẫu tôi là một trong những người đã tinh luyện thể xác đến mức có thể phân thân đi khắp mọi nơi để học đạo. Vì thế, bà sống hầu như thường xuyên

trong trạng thái vô hình. Điều này là một ý nguyện, vì nhờ khả năng học đạo đến mức độ cao, bà có thể giúp đỡ chúng tôi và nhiều người khác. Bằng thiền định, bà có thể hiện thân đến những cảnh giới vô hình mà chúng ta thường gọi là các cõi trời. Đó thật ra chỉ là một trạng thái tâm thức mà tất cả mọi người đều có thể đạt đến. Khi hành giả đạt tới trạng thái tâm thức đó rồi sẽ giống như đang sống trong một cảnh giới vô hình đối với những kẻ phàm tục, nhưng họ có thể trở lại thế gian để dạy đạo cho những người có căn duyên. Có những người phát nguyện sau khi chết trở lại giáo hóa chúng sinh bằng cách tái sinh vào một đời sống mới.

Tối hôm đó, trước khi rời khỏi bàn ăn, chúng tôi quyết định chia cuộc hành trình ra làm năm toán, mỗi toán đặt dưới sự trông nom của một trong những người khách lạ đã thình lình xuất hiện trong phòng để dùng bữa với chúng tôi. Thật ra, họ đều là các bậc chân sư. Cách sắp đặt này sẽ giúp chúng tôi có thể thám hiểm nhiều vùng rộng lớn. Nó sẽ làm cho công việc của chúng tôi được dễ dàng và giúp chúng tôi có thể kiểm chứng những hiện tượng huyền linh như là giao tiếp với nhau bằng phép chuyển di tư tưởng.

Mỗi toán sẽ gồm ít nhất hai thành viên và do một trong năm vị chân sư lãnh đạo. Mỗi toán sẽ ở cách biệt rất xa với những toán khác, nhưng sự liên lạc sẽ được

thực hiện bởi các vị chân sư. Các ngài đã bày tỏ rất nhiều cảm tình ưu ái đối với chúng tôi và không bỏ qua một dịp nào để cho chúng tôi kiểm chứng lại công việc của các ngài.

Qua hôm sau, tất cả mọi việc đều được chuẩn bị sẵn sàng đến từng chi tiết. Toán của tôi gồm tôi và hai thành viên khác, có đức Tuệ Minh và Dật Sĩ cùng đi dẫn đường.

Sáng ngày kế đó, mỗi toán đều sẵn sàng ra đi theo những hướng khác nhau. Chúng tôi đồng ý rằng mỗi toán sẽ quan sát cẩn thận những gì xảy đến và ghi chép làm tài liệu. Chúng tôi hẹn sẽ gặp nhau trở lại trong hai tháng ở quê hương của đức Tuệ Minh, một làng nhỏ cách đó ba trăm năm chục cây số.

Sự liên lạc giữa các toán khác nhau sẽ do các vị chân sư đảm nhiệm. Thật vậy, các ngài đảm nhiệm việc đó mỗi buổi chiều, nói chuyện với nhau bằng tư tưởng và di chuyển từ toán nọ đến toán kia. Khi chúng tôi muốn tiếp xúc với vị trưởng toán hay với một thành viên, chúng tôi chỉ cần giao bức thông điệp của mình cho các chân sư. Sự trả lời đến với chúng tôi trong một thời hạn rất ngắn không thể tưởng tượng.

Khi chúng tôi đưa ra những bản thông điệp như thế, chúng tôi viết tay và có ghi ngày giờ cẩn thận.

Chúng tôi cũng ghi chép trong bức thư trả lời ngày giờ mà chúng tôi nhận được. Khi gặp lại nhau, chúng tôi đem đối chiếu những tài liệu đã ghi chép và nhận thấy mọi việc đều ăn khớp với nhau một cách hoàn toàn.

Ngoài ra, các chân sư cũng di chuyển từ trại này sang trại khác và nói chuyện với các thành viên của mỗi toán khác nhau. Chúng tôi ghi chép cẩn thận những địa điểm và ngày giờ khi các ngài xuất hiện và biến mất, cùng những đề tài đã đề cập tới. Về sau, khi chúng tôi đem đối chiếu những tài liệu ghi nhận ở các toán khác nhau, thì mọi sự cũng hoàn toàn ăn khớp.

Những toán của chúng tôi ở cách nhau rất xa, một toán ở Ba Tư, một toán ở Trung Hoa, toán thứ ba ở Tây Tạng, toán thứ tư ở Mông Cổ và toán thứ năm ở Ấn Độ. Các chân sư đã vượt qua những đoạn đường dài đến hai nghìn cây số để thông tin cho chúng tôi biết những gì xảy ra ở mỗi trại.

Mục tiêu di chuyển của toán chúng tôi là một làng nhỏ ở trên một vùng cao nguyên trong dãy Tuyết Sơn, cách chỗ khởi điểm của chúng tôi một trăm năm chục cây số. Chúng tôi không mang theo lương thực cho cuộc hành trình. Tuy nhiên chúng tôi không bao giờ thiếu thốn điều gì, và chúng tôi luôn tìm được nơi cư trú có đủ tiện nghi để ngủ đêm.

Chúng tôi đến mục tiêu vào lúc xế trưa ngày thứ năm. Một nhóm dân làng đến chào đón và đưa chúng tôi đến một nhà trọ sạch sẽ tươm tất. Chúng tôi nhận thấy rằng dân làng tỏ ra rất kính trọng đức Tuệ Minh và Dật Sĩ. Đức Tuệ Minh chưa bao giờ đến làng này, còn Dật Sĩ chỉ đến có một lần sau khi có lời kêu gọi cứu giúp trong một trường hợp khẩn cấp. Đó là trong dịp cứu thoát ba người dân làng bị bắt đi bởi những "người tuyết", một loại sơn nhân rất hung dữ cư ngụ ở vài vùng hoang vu hẻo lánh nhất trên dãy Tuyết Sơn.

Cuộc thăm viếng hiện thời cũng để đáp ứng một lời kêu gọi tương tự và cũng nhằm mục đích cứu giúp những người bệnh không thể di tản ra khỏi làng. Dường như những "người tuyết" này xưa kia là những kẻ sống ngoài vòng pháp luật, đã từng sống ở những vùng sơn cước đầy tuyết lạnh trong nhiều thế hệ, và sau cùng đã thành lập nên những bộ lạc du mục có thể sống tự túc trong những vùng núi non hoang vắng, hoàn toàn cách biệt với thế giới văn minh của loài người. Tuy dân số của họ không bao nhiêu, nhưng họ rất hung dữ và hiếu chiến. Đôi khi họ bắt giữ những người không may lọt vào khu vực của họ và hành hạ những người ấy.

Vì có bốn người dân làng đã bị bắt đi trong những hoàn cảnh đó, những người khác không biết phải làm sao, đành gửi một người đi cầu cứu với Dật Sĩ. Dật Sĩ

bèn ra đi với đức Tuệ Minh và đem cả chúng tôi theo. Lẽ tự nhiên là chúng tôi rất mong mỏi được thấy những sơn nhân đó, vì chúng tôi từng nghe nói đến nhưng vẫn chưa tin.

Lúc đầu, chúng tôi nghĩ có lẽ dân làng nên thành lập một đoàn nghĩa binh đi giải cứu, và chúng tôi có thể tình nguyện gia nhập. Nhưng ý tưởng đó đã tiêu tan khi đức Tuệ Minh và Dật Sĩ cho chúng tôi biết rằng hai vị sẽ ra đi một mình và cùng đi ngay tức khắc.

Trong chốc lát, hai vị đã biến mất dạng và chỉ trở về vào chiều ngày hôm sau, cùng với bốn người dân làng vừa được giải thoát. Những người này thuật lại nhiều câu chuyện quái đản về cuộc phiêu lưu của mình và về những sơn nhân đã bắt họ.

Dường như những "người tuyết" lạ lùng này sống hoàn toàn khỏa thân. Họ mọc lông khắp trên người như loài thú và chịu đựng được thời tiết lạnh kinh khủng trên miền sơn cước. Họ di chuyển rất mau lẹ. Người ta còn nói rằng họ có thể rượt bắt những loại thú rừng trong vùng họ sống.

Họ gọi các chân sư là những "người của mặt trời", và khi các ngài đến giải thoát cho những kẻ bị bắt thì họ không chống cự. Chúng tôi được biết rằng các chân

sư đã nhiều lần thử mở một cuộc tiếp xúc với những "người tuyết", nhưng vô hiệu, vì họ rất sợ sệt các ngài.

Khi các chân sư đến gần những "người tuyết" thì họ bỏ ăn, bỏ ngủ và chạy trốn trong những chốn núi rừng hoang vu vì quá sợ sệt. Họ đã mất mọi sự liên lạc với đời sống văn minh và thậm chí cũng quên rằng trước kia họ đã có những mối tương quan với chủng tộc loài người và tổ tiên của họ đã xuất xứ từ đó mà ra. Quả thật là họ đã hoàn toàn biệt lập với xã hội loài người.

Đức Tuệ Minh và Dật Sĩ không muốn nói nhiều với chúng tôi về những "người tuyết". Chúng tôi cũng không thể xin hai vị cho chúng tôi đi theo tận nơi để nhìn thấy họ. Đáp lại những câu hỏi của chúng tôi, hai vị chỉ nói như sau:

- Họ cũng là những con người như chúng ta, nhưng từ lâu họ đã nuôi lòng sợ hãi và thù ghét đồng loại. Những tật đố này ngày càng tăng trưởng. Như vậy, họ đã tự ly khai với xã hội loài người đến mức quên mất đi sự liên hệ của mình trong đại gia đình nhân loại và tưởng rằng họ chỉ là một loại thú rừng. Đi dần đến chỗ cực đoan, thậm chí họ cũng mất cả bản năng của thú rùng, vì thú rừng do bản năng dìu dắt còn nhận biết được những người thương yêu chúng và đáp lại tình thương đó. Khi con người tự ly khai với nhân loại đến mức đó, họ có thể sa đọa đến mức thấp hơn cả loài vật.

Không có ích gì mà đưa các bạn đến gặp những “người tuyết” ấy. Vả lại, điều ấy còn là có hại cho họ. Chúng tôi hy vọng rằng có một người nào đó trong bọn họ rồi có ngày sẽ chấp nhận được sự dạy dỗ của chúng tôi, và nếu được vậy, với sự trung gian của người tuyết đầu tiên ấy chúng tôi sẽ có thể cứu độ cho tất cả bọn họ...

Chúng tôi được phép tự do tìm cách riêng để quan sát những “người tuyết” lạ lùng đó. Chúng tôi tin là các chân sư sẽ che chở chúng tôi khỏi mọi sự nguy hiểm và có thể ra tay giải cứu nếu chúng tôi không may bị bắt.

Theo chương trình dự tính, hôm sau chúng tôi sẽ đi viếng một ngôi đền rất cổ xưa, ở cách làng này độ sáu chục cây số. Hai thành viên trong toán của tôi quyết định không tham dự cuộc viếng thăm này, để đi thu thập tài liệu về những “người tuyết”. Họ khẩn khoản yêu cầu hai người dân làng cùng đi, nhưng hai người này quyết liệt từ chối. Không một người nào dám rời khỏi làng khi có nguy cơ gặp “người tuyết” ở vùng chung quanh.

Hai thành viên này đành ra đi một mình. Họ được đức Tuệ Minh và Dật Sĩ hướng dẫn về lộ trình và những gì phải làm. Họ mang theo súng ngắn và chuẩn bị lên đường. Đức Tuệ Minh và Dật Sĩ đã yêu cầu họ phải cam kết rằng chỉ bắn chết người trong trường hợp tối khẩn cấp. Họ có thể bắn chỉ thiên để đe dọa các “người tuyết”

khi cần thiết, nhưng phải hứa trên danh dự rằng chỉ bắn vào đối phương trong trường hợp không thể làm khác hơn.

Thật tình, tôi rất ngạc nhiên khi thấy có súng ngắn trong hành lý, vì chúng tôi hầu như không bao giờ cần phải sử dụng chúng. Tôi nhớ đã bỏ lại những khẩu súng ấy từ lâu, thậm chí không còn nhớ rõ là đã bỏ ở đâu. Nhưng về sau tôi mới biết là một trong những người giúp việc khi chuẩn bị hành lý đã tự ý xếp vào đó hai khẩu súng ngắn mà không ai hay biết!

CHƯƠNG BA

Trưa hôm đó, đức Tuệ Minh, Dật Sĩ và tôi cùng khởi hành đến ngôi đền và đến nơi vào lúc năm giờ chiều ngày hôm sau. Tại đây, chúng tôi được hai người giữ đền tiếp rước và dọn chỗ cho chúng tôi nghỉ lại ban đêm.

Đền được xây cất bằng đá trên một ngọn núi cao, tục truyền rằng đã có từ mười hai ngàn năm. Đền vẫn còn trong trạng thái nguyên vẹn, toàn hảo. Có lẽ đây là một trong những ngôi đền đầu tiên được dựng lên bởi các vị đạo sư của môn phái luyện trường sinh hồi thời cổ. Các vị xây đền này với mục đích tạo dựng nên một nơi tu tịnh hoàn toàn yên tĩnh, và có lẽ không một vị trí nào khác thích hợp hơn chỗ này.

Đó là một đỉnh núi cao nhất trong vùng, chiều cao ba ngàn năm trăm thước. Con đường núi đưa lên tới đây hầu như dốc đứng trong đoạn cuối cùng. Có đoạn phải vượt qua những chiếc cầu treo bằng dây thừng. Một đầu những dây thừng này buộc chặt với những tảng đá lớn ở tận trên cao, và đầu kia buông thòng xuống trong khoảng không, buộc vào những thân cây ghép lại làm thành một chiếc cầu treo lủng lẳng ở độ cao hai trăm

thước. Trên những đoạn đường khác, chúng tôi buộc phải trèo lên những nấc thang buộc vào những sợi dây thừng từ trên cao buông xuống.

Đoạn đường dài một trăm thước cuối cùng hoàn toàn dốc đứng. Chúng tôi trèo lên con đường bằng những cái thang dây. Khi đến nơi, tôi có cảm giác như đang ở trên tột đỉnh của thế giới.

Ngày hôm sau, chúng tôi thức dậy vào lúc mặt trời mọc. Sau một đêm ngủ ngon giấc, tôi hoàn toàn quên mất sự leo núi vất vả mệt nhọc của ngày hôm trước. Từ trên đỉnh núi nhìn xuống, người ta không nhìn thấy gì trong khoảng một ngàn thước, cho nên nơi này có vẻ như treo lủng lẳng giữa không trung.

Thật là khó quên được cảm giác đó! Ba ngọn núi khác nhô lên ở tận đằng xa. Người ta nói rằng trên đỉnh mỗi ngọn núi ấy đều có một ngôi đền giống như ngôi đền này, nhưng các ngọn núi ấy ở cách xa đến nỗi tôi nhìn qua kính viễn vọng cũng không thấy gì.

Đức Tuệ Minh cho tôi biết rằng nhóm người đi theo Tô Mặc, vị trưởng nhóm của chúng tôi, có lẽ đã đến ngôi đền ở trên đỉnh núi xa nhất cùng một lượt với chúng tôi tại đây. Ngài nói rằng, nếu tôi muốn tiếp xúc với Tô Mặc, tôi có thể nói chuyện được, vì ông ta cùng với các thành viên trong nhóm cũng đang đứng trên nóc đền như chúng tôi.

Tôi liền lấy giấy bút ra viết một bức thông điệp gửi cho Tô Mặc:

“Tôi đang ở trên nóc đền, cao hơn mặt biển ba ngàn năm trăm thước. Đền cho tôi cái cảm giác bị treo lủng lẳng giữa không gian. Đồng hồ tôi chỉ đúng 4 giờ 55 phút sáng ngày thứ Bảy, 2 tháng 8.”

Đức Tuệ Minh đọc bức thông điệp và đắm chìm một lúc trong im lặng. Kế đó, tôi nhận được sự trả lời của Tô Mặc:

“Đồng hồ tôi chỉ 5 giờ 1 phút sáng ngày thứ Bảy, 2 tháng 8. Chỗ này cao hơn mặt biển hai ngàn tám trăm thước. Cảnh rất đẹp, vị trí này thật là độc đáo.”

Đức Tuệ Minh nói:

- Nếu các bạn muốn nói gì thêm, tôi sẽ chuyển đi bức thông điệp và mang về câu trả lời. Nếu các bạn không thấy gì trở ngại, tôi sẽ đi sang nói chuyện với những người đang ở ngôi đền bên ấy.

Tôi bèn đưa cho ngài một thông điệp và ngài liền biến mất. Một giờ bốn mươi lăm phút sau đó, ngài trở về với một thông điệp của Tô Mặc nói rằng, đức Tuệ Minh đã đến vào lúc 5 giờ 16 phút và nhóm của ông ta đang sung sướng nghĩ đến những gì sắp thực hiện trong cuộc hành trình.

Chúng tôi ở lại đền này trong ba ngày, trong khi đó đức Tuệ Minh đi viếng thăm tất cả các toán khác trong cuộc hành trình, có chuyển đi những thông điệp của tôi và mang về những thông điệp của các toán ấy.

Sáng ngày thứ tư, chúng tôi sửa soạn trở về làng, nơi mà chúng tôi đã để lại những người bạn đi tìm những "người tuyết." Đức Tuệ Minh và Dật Sĩ còn muốn đến một làng nhỏ ở trong thung lũng. Từ con đường mòn của chúng tôi rẽ vào đó phải đi độ năm chục cây số. Tôi tán đồng việc đó và đề nghị đi theo hai vị.

Đêm đó, chúng tôi nghỉ trong một túp lều tranh của bọn mục đồng và lên đường từ lúc sáng sớm để kịp đến nơi vào sáng hôm sau. Chúng tôi phải đi bộ vì đã để ngựa lại với các bạn tôi trong làng. Chúng tôi không thể dùng ngựa để đi lên ngôi đền trên đỉnh núi.

Sáng hôm đó, vào khoảng mười giờ, đột nhiên có một cơn giông bão dữ dội, sấm chớp không ngừng, đe dọa sẽ có mưa lũ tầm tã đêm ngày. Nhưng trời vẫn tạnh ráo không rơi một giọt mưa!

Chúng tôi đi qua một khu rừng cây rất rậm rạp. Mặt đất bao phủ bằng một loại cỏ khô và cứng. Khắp vùng quanh đó dường như khí hậu khô ráo một cách đặc biệt khác thường. Những tia sét làm cho cỏ khô bắt lửa cháy lan tràn nhiều nơi, và trước khi chúng tôi

nhận biết được việc gì xảy ra, chúng tôi đã bị vây phủ chung quanh bởi một đám cháy rừng.

Không bao lâu, đám cháy đã bộc phát dữ dội và đồng loạt tiến đến gần chúng tôi từ ba phía với một tốc độ nhanh kinh khủng. Khói bốc lên từng đám dày đặc làm cho tôi hoang mang kinh sợ.

Đức Tuệ Minh và Dật Sĩ có vẻ bình tĩnh ung dung, điều này cũng làm cho tôi trấn tĩnh được ít nhiều. Hai vị nói:

- Có hai cách đi thoát khỏi nơi đây. Cách thứ nhất là đi đến một dòng suối chảy dưới đáy một vực sâu ở cách đây khoảng tám cây số đường rừng. Chúng ta có thể trú ẩn an toàn ở đó cho đến khi đám cháy tự nó tàn lụi dần vì không còn gì để cháy. Cách thứ nhì là vượt thẳng qua đám cháy, nhưng bạn phải tin tưởng nơi khả năng của chúng tôi là có thể giúp bạn đi an toàn qua vùng khói lửa.

Tôi nhận thấy rằng các vị luôn tỏ ra có đủ bản lĩnh tháo vát trong tất cả mọi trường hợp, và tôi liền hết sợ ngay lập tức. Tôi bèn đặt tất cả niềm tin vào sự che chở của hai vị.

Tôi đi giữa, hai vị quàng vai tôi đi kèm hai bên. Chúng tôi thẳng tiến về hướng đám cháy đang hoành hành với một cường độ mãnh liệt nhất.

Ngay lúc đó, dường như có một cái vòm mở rộng trước mặt chúng tôi. Chúng tôi đi xuyên qua dám cháy mà không một mảy may khó chịu vì khói, hơi nóng hay những đống lửa cháy đỏ rực trên đường đi của chúng tôi. Chúng tôi đi như vậy trên mười cây số một cách an toàn dường như không hề có lửa cháy quanh đó. Sau cùng, chúng tôi vượt qua một con rạch nhỏ và ra khỏi vùng hỏa hoạn.

Trên đường về, tôi có nhiều thời giờ hơn để quan sát con đường mà chúng tôi đã đi qua lúc đó. Trong khi chúng tôi vượt qua khỏi đám cháy, đức Tuệ Minh nói với tôi:

- Bạn có thấy chăng, trong trường hợp tuyệt đối khẩn cấp, ta có thể sử dụng những định luật huyền bí để thay thế những định luật thông thường của trần gian. Vừa rồi, chúng tôi đã nâng những rung động phân tử của thể xác chúng tôi lên một nhịp độ cao hơn nhịp độ của lửa, và vì thế lửa không còn làm hại chúng tôi được nữa. Nếu một người thường nhìn vào chúng tôi lúc đó, họ sẽ tưởng rằng chúng tôi biến mất, nhưng sự thật chúng tôi vẫn có mặt tại chỗ. Thật ra chúng tôi không thấy có sự khác biệt. Trong trạng thái tâm thức đó, chúng tôi không còn ý thức về những giác quan của thể xác. Chúng tôi đã đạt tới một trạng thái tâm thức mà người thường không biết tới. Nhưng thật ra thì mỗi

người đều có thể làm giống như chúng tôi. Chúng tôi đã sử dụng một định luật sẵn có trong tự nhiên. Chúng tôi có thể sử dụng định luật ấy để di chuyển thể xác đến bất cứ nơi nào trong không gian. Chính đó là định luật giúp chúng tôi có thể xuất hiện và biến mất trước mắt mọi người, vượt qua mọi giới hạn về không gian. Chúng tôi thực hiện được điều đó bằng cách nâng cao trạng thái tâm thức của mình. Điều đó giúp chúng tôi vượt qua tất cả những giới hạn mà con người thường tự đặt ra bằng những khái niệm và quy luật mà họ luôn cho là hợp lý...

Tôi có cảm giác dường như chúng tôi chỉ đi lướt trên mặt đất. Khi chúng tôi ra khỏi đám cháy rừng và được an toàn ở bên kia bờ rạch, trước hết tôi có cảm giác như vừa thức dậy sau một cơn ngủ mê và đó chỉ là một giấc mộng. Nhưng sự hiểu biết những gì đã xảy ra dần dần phát triển trong tôi, và ý nghĩa thật sự của những diễn biến đó bắt đầu hiện rõ dần và soi sáng tâm hồn tôi.

Chúng tôi tìm một nơi có bóng mát trên bờ rạch và ăn một bữa lót dạ, kế đó chúng tôi nghỉ ngơi trong một giờ và lên đường trở về làng.

●●●

Làng này tỏ ra là một nơi đầy thú vị, vì tại đây có những tài liệu lịch sử được giữ gìn rất kỹ lưỡng. Những tài liệu này khi được phiên dịch ra đã đem đến một bằng chứng chắc chắn rằng Thánh *Jean Baptiste* đã từng sống tại đây trong 5 năm.

Sau đó, chúng tôi đã có dịp xem và dịch những tài liệu khác nữa chứng tỏ rằng ngài đã trở lại và sống trong vùng này độ 12 năm. Mãi về sau, người ta đưa cho chúng tôi xem những tài liệu khác nữa, và theo đó thì dường như ngài đã cùng với một số người địa phương đi du lịch trong 20 năm xuyên qua các xứ Tây Tạng, Trung Hoa, Ba Tư và Ấn Độ.

Chúng tôi có cảm tưởng rằng đã có thể theo dõi được bước chân của ngài trên lộ trình mà các tài liệu ghi rõ. Những văn kiện này làm chúng tôi thích thú đến nỗi chúng tôi đã trở lại một vài làng để sưu tầm thêm nữa.

Bằng cách soạn lại những dữ kiện thâu thập được, chúng tôi có thể vẽ một bản đồ ghi rõ lộ trình và những sự di chuyển của Thánh *Jean Baptiste*. Vài sự việc được mô tả trong những câu chuyện tường thuật hấp dẫn và sinh động đến nỗi chúng tôi tưởng tượng rằng mình đang đi cùng một con đường với Thánh *Jean Baptiste* và theo đúng những đường mòn mà ngài đã đi qua trong quá khứ xa xăm.

Chúng tôi ở lại làng này trong ba ngày. Sau đó chúng tôi trở về ngôi làng mà chúng tôi đã để lại mấy người bạn. Sứ mạng của đức Tuệ Minh và Dật Sĩ ở làng này chỉ là để chữa bệnh cho những người đau yếu. Hai vị có thể trở về làng trong một thời gian ngắn hơn tôi rất nhiều, nhưng vì tôi không thể đi nhanh như hai vị nên hai vị đã dùng cách di chuyển của tôi.

Các bạn tôi đợi chúng tôi tại làng. Họ đã hoàn toàn thất bại trong việc đi tìm những "người tuyết." Sau năm ngày đi tìm, họ đã mệt mỏi và bỏ cuộc. Trên đường về, họ chú ý đến cái bóng đen của một người in rõ lên nền trời xanh trên một đỉnh núi cách đó chừng hai ngàn thước. Trước khi họ có thể sử dụng kính viễn vọng thì người ấy đã biến mất. Họ chỉ nhìn thấy cái bóng ấy trong một thời gian rất ngắn, và chỉ có ấn tượng rằng người ấy có hình thù giống như khỉ có lông dài.

Họ hối hả đi đến nơi cái bóng đen đã xuất hiện, nhưng không thấy dấu vết gì cả. Họ dùng thời giờ còn lại trong ngày để thám hiểm vùng chung quanh nhưng không kết quả, và sau cùng đành phải bỏ qua việc ấy.

Sau khi nghe lời tường thuật của tôi, các bạn tôi muốn trở lại viếng ngôi đền, nhưng đức Tuệ Minh cho họ biết rằng chúng tôi sắp viếng một ngôi đền tương tự nên họ liền bỏ qua ý định trên.

Một số lớn dân các vùng lân cận đã tụ họp tại làng này để xin chữa bệnh, vì những người biết chuyện đã đồn đãi tin tức đi khắp nơi và thuật chuyện bốn người dân làng bị "người tuyết" bắt đi đã được cứu thoát.

Ngày hôm sau, chúng tôi tham dự các cuộc hội họp và đã chứng kiến vài trường hợp chữa bệnh thật lạ kỳ. Một thiếu nữ chừng hai mươi tuổi bị cóng lạnh và tê liệt hai bàn chân trong mùa đông năm trước, nay đã bình phục. Chúng tôi nhìn thấy chỗ thịt bị hư nát đã liền lại trước mắt chúng tôi cho đến khi hai bàn chân trở lại bình thường và cô ấy có thể đi đứng một cách hoàn toàn tự nhiên. Hai người mù đã thấy lại được ánh sáng, trong đó có một người bị mù từ lúc mới sinh.

Nhiều chứng bệnh khác cũng được chữa khỏi. Tất cả những người bệnh đều có vẻ rất xúc động bởi những lời dạy của các chân sư. Sau buổi hội họp, chúng tôi hỏi đức Tuệ Minh rằng việc chữa khỏi bệnh này có lôi cuốn được nhiều người hay chăng? Ngài đáp:

- Nhiều người thật sự đã được giúp đỡ nên điều ấy đã khêu gợi sự chú ý của họ. Vài người bắt đầu làm việc công quả trong một thời gian. Nhưng phần nhiều thì không bao lâu sẽ quay về đường cũ với những thói quen cố hữu của họ. Họ đo lường sự cố gắng mà họ phải

làm, và thấy nó quá lớn. Hầu hết đều sống một cuộc đời dễ dãi và không lo lắng.

Trong số những người tự cho là mình có đức tin, chỉ có độ một phần trăm là bắt tay vào việc một cách nghiêm chỉnh. Kỳ dư đều hoàn toàn ỷ lại vào kẻ khác để được giúp đỡ khi gặp khó khăn. Đó là nguyên nhân chính của những phiền lụy. Họ quả quyết có thể giúp đỡ bất cứ ai, nhưng lại tỏ ra bất lực không giúp đỡ được ai cả! Họ có thể nói về những ân phước thiêng liêng mà họ muốn sử dụng để giúp đỡ những người bệnh. Nhưng muốn thật sự tắm gội trong những ân phước đó, người ta phải biết chấp nhận và chứng minh sự hiện hữu của nó bằng cách tu nhân tích đức và làm những việc công quả với một đời sống thánh thiện.

Sáng hôm sau, chúng tôi rời khỏi làng cùng với hai người dân làng dường như đã có làm một số việc công quả. Chiều ngày thứ ba, chúng tôi đến một làng ở cách làng của Thánh *Jean Baptiste* 20 cây số. Tôi rất mong ước các bạn tôi có thể được xem những tài liệu mà tôi đã thấy. Chúng tôi bèn quyết định ở lại ngôi làng thứ hai này và Dật Sĩ cùng đi với chúng tôi.

Những bản văn kiện làm cho các bạn tôi vô cùng thích thú và giúp chúng tôi vẽ ra một bản đồ với những lộ trình di chuyển của Thánh *Jean Baptiste*.

Chiều hôm đó, vị chân sư đi cùng với toán thứ tư đến và nghỉ đêm với chúng tôi. Ngài đem đến cho chúng tôi những thông điệp của toán thứ nhất và toán thứ ba.

Ngài sinh ra ở làng này và đã sống tại đây từ nhỏ đến lớn. Chính những vị tổ tiên của ngài đã soạn thảo những văn kiện này và những tài liệu đã được gia tộc ngài luôn giữ gìn cẩn thận. Ngài thuộc dòng dõi nhiều đời của vị tác giả các văn kiện trên, và không có người nào trong gia tộc ngài đã từng kinh nghiệm về sự chết. Các thành viên trong gia tộc đều có khả năng di chuyển thể xác trong các cảnh giới vô hình và trở về tùy ý muốn.

Chúng tôi hỏi rằng có điều chi trở ngại chăng, nếu chúng tôi muốn mời vị tác giả các văn kiện vui lòng đến nói chuyện với chúng tôi. Vị chân sư đáp rằng không có gì trở ngại và định rằng cuộc gặp gỡ sẽ diễn ra vào ngay tối hôm đó.

Chúng tôi đang ngồi đợi trong ít lâu thì một người độ ba mươi lăm tuổi thình lình xuất hiện trong gian phòng. Người ấy được giới thiệu cho chúng tôi, và chúng tôi bắt tay nhau. Diện mạo người ấy làm chúng tôi ngạc nhiên đến mức câm lặng, vì chúng tôi tưởng rằng sẽ gặp một người rất cao tuổi.

Người ấy có vóc dáng trung bình với những nét vạm vỡ, nhưng gương mặt người đượm một vẻ hiền lành nhân hậu rõ rệt mà tôi chưa từng thấy bao giờ. Mỗi cử chỉ của người biểu lộ một tâm hồn cương nghị và dũng mãnh. Một vầng hào quang lạ lùng tỏa rạng quanh thân người.

Trước khi ngồi xuống, đức Tuệ Minh, Dật Sĩ, vị chân sư và người khách lạ cùng nắm tay nhau một lúc trong một cơn im lặng hoàn toàn. Kế đó, tất cả chúng tôi đều ngồi xuống, và người lạ mặt vừa xuất hiện trong gian phòng bèn cất tiếng nói:

- Các bạn yêu cầu cuộc gặp gỡ tối nay để hiểu rõ hơn những bản văn kiện đã được đọc và diễn đạt cho các bạn. Chính tôi là người đã soạn thảo và giữ gìn những văn kiện đó. Những tài liệu nói về Thánh *Jean Baptiste* và đã làm cho các bạn ngạc nhiên, vì nó tường thuật lại những sự việc có thật về thời gian lưu trú của ngài tại đây với chúng tôi. Như người ta được biết, ngài là một người có kiến thức sâu rộng và một trí óc tuyệt vời. Này các bạn, hầu như tất cả chúng ta đều muốn giúp đỡ người khác, và đều có khả năng làm được điều đó, bằng cách này hay cách khác. Chúng tôi có thể nói chuyện với những người có cơ duyên, giáo dục họ, và giúp nâng cao tâm thức họ. Chúng tôi làm tất cả những

việc đó, nhưng chúng tôi không thể làm giúp công việc tu tập hướng thiện cho kẻ khác hoặc theo giúp đỡ họ mãi mãi. Mỗi người phải quyết định tự mình tu tập và bắt tay vào việc cầu tìm chân lý. Chỉ như thế người ta mới đạt tới được tâm thức tự do bằng chính sự nỗ lực của mình. Khi tất cả mọi người đều đạt tới trạng thái tâm thức giải thoát đó, mỗi người sẽ có thể cảm thông với tất cả. Chúng tôi nhận biết rằng mỗi người đều có thể thực hiện những công việc giống như chúng tôi và vượt qua được mọi vấn đề khó khăn của cuộc đời. Tất cả những khó khăn và phiền toái sẽ trở nên đơn giản, thậm chí là vô nghĩa. Các bạn nhìn xem, vẻ ngoài của tôi không khác gì các bạn hay những người mà các bạn vẫn gặp hằng ngày. Và tôi thực sự không thấy một sự khác biệt nào giữa các bạn với tôi.

Chúng tôi đều nói:

- Nhưng chúng tôi nhận thấy nơi Ngài một cái gì đó vô cùng tốt đẹp hơn so với tất cả chúng tôi.

Người ấy đáp:

- Đó chỉ là sự so sánh giữa cái giả tạm và cái chân thật. Các bạn hãy nhìn thấy tính chất thiêng liêng sẵn có trong mỗi người mà không cần so sánh người ấy với những người khác, rồi các bạn sẽ thấy họ cũng giống như tôi. Các bạn hãy tìm kiếm tánh Phật trên

khuôn mặt của mỗi người rồi các bạn sẽ thấy ngay là tánh Phật luôn hiển hiện trên khuôn mặt họ. Chúng tôi tránh dùng đến mọi sự so sánh. Chúng tôi chỉ nhìn thấy tánh Phật ở tất cả mọi người và bất cứ lúc nào. Nhờ cách nhận thức toàn vẹn, bao quát như thế nên chúng tôi nhìn thấy được sự toàn thiện toàn mỹ nơi tất cả mọi người. Trái lại, với cách nhận thức hạn hẹp thông thường, các bạn chỉ luôn nhìn thấy sự bất toàn, xấu xa và đáng chê trách. Bằng cách quay về nhận thức tự bản tâm mình và để cho chân ngã được hiển lộ, các bạn sẽ có thể sống một đời sống không khác gì chúng tôi...

Sáng hôm sau, chúng tôi thức dậy sớm và sẵn sàng dùng điểm tâm vào lúc sáu giờ rưỡi. Khi chúng tôi đi từ quán trọ ngang qua đường để đến tiệm ăn, chúng tôi gặp các chân sư cùng đi trên đường. Các ngài vừa đi vừa nói chuyện với nhau như mọi người thường. Các ngài lên tiếng chào chúng tôi và chúng tôi bày tỏ sự ngạc nhiên khi thấy các ngài sống bình dị như vậy. Các ngài đáp:

- Chúng tôi cũng chỉ là người như các bạn thôi. Tại sao các bạn lại cứ một mực xem chúng tôi là khác thường? Chúng tôi không khác các bạn ở một điểm nào cả! Chúng tôi chỉ có sự phát triển tâm thức đến một mức độ cao hơn mà thôi, và điều đó thì tất cả chúng ta, ai cũng như ai, đều có thể làm được.

Chúng tôi bèn hỏi:

- Vậy tại sao chúng tôi không thể thực hiện những việc mầu nhiệm giống như các ngài?

- Tất cả những người mà chúng tôi tiếp xúc, tại sao họ không tin theo chúng tôi và không bắt tay vào việc làm như chúng tôi? Chúng tôi không thể và cũng không muốn bắt buộc ai tin theo chúng tôi. Mỗi người có quyền tự do đi theo con đường mà họ chọn lựa, tùy sở thích. Chúng tôi chỉ có thể vạch cho mọi người thấy con đường chân chính mà chúng tôi đã đi và nhận thấy là rất tốt đẹp.

Chúng tôi ngồi vào bàn ăn và câu chuyện xoay về những diễn biến của đời sống hằng ngày. Tôi lấy làm say mê thích thú và vô cùng thán phục. Bốn vị siêu nhân đang ngồi trước mặt chúng tôi. Một vị đã đạt đến mức có thể di chuyển đến bất cứ nơi đâu tùy ý muốn. Những người khác cũng đều có các năng lực nhiệm mầu không kém.

Bốn vị nói chuyện với nhau như anh em, không một mảy may lộ vẻ tự tôn. Tuy câu chuyện thật giản dị khả ái, nhưng mỗi lời nói của các ngài đều biểu lộ một sự hợp lý hoàn toàn và cho thấy rằng các ngài biết rõ tường tận về đề tài đang thảo luận.

Các ngài không lộ vẻ gì là huyền bí cả. Các ngài xử sự như những người bình thường trong công việc hằng

ngày. Tuy vậy, đôi khi tôi vẫn cảm thấy khó tin được rằng đó không phải là những chuyện xảy ra trong giấc mơ.

Sau bữa ăn sáng, một trong những người bạn tôi đứng dậy để trả tiền. Đức Tuệ Minh nói:

- Ở đây các bạn là khách của tôi.

Nói xong, ngài đưa tay về phía bà chủ quán. Chúng tôi có cảm tưởng rằng đó chỉ là một bàn tay không. Nhưng khi xem kỹ lại, chúng tôi thấy bàn tay ngài cầm đúng số tiền ghi trên tờ hóa đơn tính tiền bữa ăn.

Các vị chân sư không đem tiền bạc theo nhưng cũng không cần ai cung cấp tiền bạc. Khi cần dùng, tiền bạc luôn có sẵn trong tầm tay các ngài.

Khi bước chân ra khỏi quán, vị chân sư đi cùng với toán thứ tư bắt tay chúng tôi và nói rằng ngài phải trở về toán của ngài, rồi biến mất dạng. Chúng tôi ghi nhận giờ phút ngài biến mất và về sau chúng tôi có kiểm chứng lại thì thấy ngài đã trở về với toán của ngài gần như tức thì sau khi từ giã chúng tôi.

Suốt ngày hôm đó, chúng tôi cùng đức Tuệ Minh, Dật Sĩ và vị tác giả các văn kiện đi dạo chơi trong làng và các vùng phụ cận. Vị này thuật lại cho chúng tôi nghe rất nhiều chi tiết của một số sự việc xảy ra trong khoảng 12 năm mà thánh *Jean Baptiste* đã lưu trú

trong làng này. Những chuyện đó kể lại một thời dĩ vãng xa xăm bên cạnh Thánh *Jean*.

Từ trước đến giờ, chúng tôi vẫn xem Thánh *Jean* như một nhân vật huyền thoại được người ta dựng lên vì những mục đích nhất định. Kể từ ngày đó, đối với tôi ngài đã trở nên một nhân vật lịch sử có thật. Tôi hình dung được lúc đương thời ngài cũng đã từng đi dạo như chúng tôi trong làng này và ở các vùng chung quanh.

Trong ngày hôm đó, chúng tôi đi đó đi đây, vừa nghe kể lại những câu chuyện lịch sử thú vị, vừa nghe giảng dạy và phiên dịch những văn kiện lịch sử ở ngay tại chỗ mà những câu chuyện tường thuật ấy đã xảy ra từ nhiều năm về trước.

Kế đó, chúng tôi trở về làng trước khi trời tối. Ai nấy đều mệt mỏi. Ba vị chân sư cũng đi bộ như chúng tôi, nhưng không lộ vẻ mệt mỏi chút nào. Trong khi chúng tôi mình mẩy lấm bùn lầy, cát bụi và mồ hôi, thì các ngài đều có vẻ tươi tỉnh, thư thái và y phục của các ngài mặc đều trắng tinh như lúc mới bắt đầu ra đi. Chúng tôi đã nhận thấy trong những chuyến đi vừa qua là y phục của các chân sư không hề bị hoen ố, và chúng tôi vẫn thường nói lên nhận xét đó nhưng không được trả lời.

Chiều hôm đó, chúng tôi lại nêu câu hỏi về vấn đề ấy thì một vị đáp:

- Điều ấy làm các bạn ngạc nhiên, nhưng chúng tôi còn ngạc nhiên hơn nhiều nếu thấy có một mảy bụi bặm vật chất nào lại có thể bám dính vào một nơi mà tâm thức chúng tôi không mong muốn! Với một nhận thức đúng đắn, các bạn sẽ hiểu rằng điều ấy không thể xảy ra, vì xét cho cùng thì bất cứ sự việc lớn nhỏ nào xảy ra trong cuộc đời cũng đều là do người ta có sự mong muốn như vậy.

Một lát sau, chúng tôi nhận thấy rằng y phục và thân thể của chúng tôi cũng sạch sẽ như các chân sư. Sự biến đổi này diễn ra trong nháy mắt trên thân mình tôi và các bạn của tôi. Mọi dấu vết của sự mệt nhọc cũng đã biến mất và chúng tôi cảm thấy khỏe khoắn nhẹ nhàng như vừa được ngủ một giấc, thức dậy và tắm rửa xong. Đó là cách trả lời cho những thắc mắc của chúng tôi.

Đêm ấy, chúng tôi đi ngủ với một niềm yên tĩnh thâm trầm sâu xa nhất trong tâm hồn mà chúng tôi chưa hề cảm thấy bao giờ, kể từ khi chúng tôi bắt đầu sống chung với các vị chân sư. Sự kính sợ của chúng tôi đã biến đổi nhanh chóng thành một tình thương sâu xa đối với những tấm lòng cao quí hồn nhiên của các ngài, là những đấng cao cả đã làm biết bao nhiêu việc tốt lành cho nhân loại. Các ngài gọi tất cả mọi người là

bằng hữu, anh em, và chúng tôi cũng bắt đầu xem các ngài như những bậc anh cả. Các ngài không tự gán cho mình một giá trị nào cả, và luôn nói rằng chỉ có một chân ngã được hiển lộ qua cách hành xử của các ngài, một chân ngã vốn luôn bình đẳng và sẵn có nơi tất cả mọi người. Các ngài nói:

- Nếu còn ôm ấp bản ngã nhỏ hẹp như tất cả những con người bình thường, chúng tôi sẽ không thể làm được điều gì đáng nói. Chính sự phát triển và hiển lộ một chân ngã phổ quát của vạn hữu nơi tôi đã làm được tất cả mọi việc.

Sáng hôm sau, trong lúc ăn điểm tâm, có người cho biết rằng hôm ấy chúng tôi sẽ đi đến một làng ở tận trên cao trong vùng núi. Từ đó chúng tôi sẽ đi viếng ngôi đền trên đỉnh của một ngọn núi mà tôi đã nhìn thấy ở đằng xa từ trên một đỉnh núi cao hơn mà tôi đã diễn tả trước đây.

Vì đường núi cheo leo, chúng tôi không thể đi ngựa trên một quãng đường dài hơn hai mươi lăm cây số. Chúng tôi đem theo hai người dân làng trên quãng đường này, rồi giao ngựa cho họ dắt đến một thôn ấp nhỏ ở gần bên và giữ ngựa tại đó chờ chúng tôi về.

Mọi việc xảy ra như đã dự định. Chúng tôi giao ngựa cho hai người dân làng và bắt đầu đi theo con đường

núi nhỏ hẹp đưa đến ngôi làng trên núi. Một số đoạn đường núi này là những nấc thang đục trong vách đá.

Chúng tôi đến nơi vào lúc bốn giờ chiều. Ngôi đền dựng trên một đỉnh núi nhìn thẳng xuống xóm làng. Vách núi dốc đứng cheo leo đến nỗi muốn lên tới đỉnh, người ta phải thòng xuống một cái thúng đan bằng mây để du khách ngồi vào đó và dùng dây kéo lên. Cái thúng dùng để đưa khách lên tới đỉnh núi và cũng dùng để đưa khách từ trên đỉnh trở xuống phía dưới.

Khi chúng tôi đã sẵn sàng, người ta thòng cái thúng xuống và chúng tôi được kéo lên từng người một cho đến nơi có một mõm đá nhô ra ngoài. Chỗ này bề cao đến một trăm ba chục thước tính từ mặt đất. Đến đây, chúng tôi bước ra khỏi thúng và theo một con đường nhỏ lên tận ngôi đền ở trên đỉnh núi, cách đó một trăm bảy mươi lăm thước bề cao. Vách của ngôi đền liền với vách của núi đá.

Chúng tôi được cho biết rằng còn phải đi lên một chuyến thứ nhì cũng giống như chuyến thứ nhất. Thật vậy, chúng tôi thấy từ ngôi đền nhô ra một cây đà bằng gỗ rất lớn giống như cây đà gie ra từ mõm đá lúc nãy. Từ cái trục ở phía trên, người ta thòng xuống một sợi dây thừng để buộc vào cái thúng bằng mây lúc nãy, và chúng tôi lại được kéo lên từng người một đến tận nóc bằng của ngôi đền.

Lại một lần nữa, tôi có cảm tưởng như đang ở trên nóc tột đỉnh của thế giới. Đỉnh núi này nhô lên ba trăm thước cao hơn các ngọn núi ở quanh vùng. Ngôi làng mà từ đó chúng tôi ra đi, còn ở một vị trí cao hơn nữa, trên đỉnh một truông núi mà người ta dùng để vượt qua dãy Hi Mã Lạp Sơn.

Đền này thấp hơn ngôi đền mà trước đây chúng tôi đã cùng viếng chung với đức Tuệ Minh và Dật Sĩ khoảng ba trăm năm chục thước, nhưng ở đây tầm nhãn quang có thể nhìn bao quát hơn nhiều. Dường như chúng tôi có thể nhìn vào chỗ không gian vô tận.

Người ta dọn cho chúng tôi một chỗ nghỉ đêm thật thoải mái tiện nghi. Ba vị chân sư cho chúng tôi biết rằng các vị sắp đi viếng vài nhóm khác ở rải rác khắp nơi và các vị sẵn lòng chuyển thông điệp của chúng tôi cho họ. Chúng tôi bèn viết thư cho các bạn hữu và có ghi cẩn thận ngày giờ và địa điểm. Chúng tôi giữ lại một bản sao của những thông điệp. Về sau chúng tôi kiểm chứng lại thì thấy rằng tất cả các thông điệp đều được giao tận nơi hầu như tức thì sau khi gửi đi.

Khi chúng tôi đưa những thông điệp cho các vị chân sư, các vị bắt tay từ giã và hẹn gặp lại vào sáng hôm sau, rồi các vị biến mất.

Sau bữa ăn chiều ngon lành do những người giữ đền dọn ra, chúng tôi lui về phòng yên nghỉ nhưng không ngủ được, vì những kinh nghiệm vừa qua bắt đầu gây cho chúng tôi những ấn tượng sâu xa. Chúng tôi đang ở trên một chiều cao ba ngàn thước khỏi mặt biển, không một người nào ở kế cận, trừ ra những người giữ đền, và không một tiếng động nào khác hơn là giọng nói của chúng tôi. Bầu không khí chung quanh thật hoàn toàn yên lặng.

Chúng tôi có dặn một người giữ đền hãy đánh thức chúng tôi dậy khi trời vừa rạng sáng. Ông ta gõ cửa trong khi tôi vừa chợp mắt ngủ chưa được bao lâu. Chúng tôi sửa soạn mặc quần áo xong, hối hả ra sân thượng để ngắm nhìn mặt trời mọc ở vùng núi. Trong khi vội vàng, chúng tôi gây quá nhiều tiếng động ầm ĩ đến nỗi những người gác đền phải hốt hoảng chạy ra xem việc gì đang xảy ra! Tôi nghĩ chắc là chưa bao giờ có một cơn náo động như thế ở ngôi đền này kể từ ngày được dựng lên.

Ngôi đền này cổ xưa đến mức hầu như đã hòa nhập làm một với đỉnh núi. Khi ra đến sân thượng, không ai cần bảo ai nên giữ im lặng nữa, vì mọi sự dặn dò đều là thừa. Vừa nhìn ra ngoài, hai bạn tôi đã đứng lặng người, miệng há hốc, hai mắt mở thật to. Tôi tưởng chừng là tôi cũng đã làm như vậy. Tôi còn đợi xem họ nói gì, thì họ đã đồng thanh kêu lớn:

- Chúng ta hẳn là đang bị treo lơ lửng trong không gian!

Sự xúc động và ngạc nhiên của họ thật giống y như của tôi khi vừa lên tới nóc đền ở đỉnh núi bên kia trước đây không lâu. Trong phút chốc, họ đã quên rằng hai chân họ vẫn chấm đất và họ có cảm giác như đang phất phơ trong không gian. Một bạn tôi nói:

- Tôi không ngạc nhiên nếu các vị chân sư có thể bay nhẹ trên không gian sau khi đã có cái cảm giác như chúng ta vừa rồi.

Một chuỗi cười ngắn kéo chúng tôi trở về thực tế. Chúng tôi quay lại nhìn thì thấy ngay sau lưng chúng tôi có đức Tuệ Minh, Dật Sĩ và vị tác giả các văn kiện cổ. Một bạn tôi cao hứng chạy lại bắt tay hết thảy các vị cùng một lúc và nói:

- Thật là kỳ diệu. Không ai lấy làm ngạc nhiên nếu các vị có thể bay bổng lên trên không sau khi đã lưu trú tại đây.

Các vị mỉm cười, và một vị nói:

- Các bạn cũng có thể bay bổng như chúng tôi. Các bạn chỉ cần biết từ trong nội tâm rằng các bạn sẵn có cái năng lực đó, rồi có ngày các bạn sẽ sử dụng được nó.

Chúng tôi ngắm nhìn phong cảnh. Sương mù đã hạ thấp xuống và bay từng đợt phất phơ theo chiều gió, nhưng cũng hãy còn khá cao nên người ta không thể nhìn thấy dưới đất. Những đợt sương mù di chuyển làm cho chúng tôi có cái cảm giác như được chở đi trên đôi cánh im lặng của một con chim khổng lồ.

Nhìn về phía xa, người ta mất cả ý thức về trọng lượng của mình, và thật là khó mà tưởng tượng rằng mình đang bay lướt trong không gian. Riêng phần tôi, tôi đã mất ý thức về trọng lượng của mình đến nỗi tôi tưởng như đã nhẹ mình bay lơ lửng trên nóc đền.

Sáng hôm ấy, chúng tôi quyết định ở lại ngôi đền này trong ba ngày, vì chỉ còn một nơi thú vị để đi thăm viếng trước khi gặp lại những toán khác. Đức Tuệ Minh đã đem tới những thông điệp. Một thông điệp cho biết rằng toán của vị trưởng nhóm chúng tôi đã đến viếng ngôi đền này chỉ mới cách đây ba ngày.

Sau bữa ăn điểm tâm, chúng tôi bước ra ngoài để nhìn xem sương mù tan dần. Chúng tôi ngắm nhìn cho đến khi sương mù tan biến hết và mặt trời ló dạng. Người ta nhìn thấy một thôn ấp nhỏ ẩn dưới triền núi và thung lũng trải ra tận đằng xa.

Vì các vị chân sư đã quyết định đến viếng thôn ấp này, nên chúng tôi xin phép đi theo các vị. Các vị vừa

nhận lời vừa cười, và khuyên chúng tôi nên sử dụng cái thúng bằng mây để thòng xuống đất. Các vị nói rằng, đi bằng cách đó thì khi đến nơi chúng tôi sẽ có cái hình dáng bề ngoài dễ coi hơn là nếu chúng tôi sử dụng phương pháp di chuyển của các vị.

Người ta bèn dùng cái thúng thòng chúng tôi từng người một xuống tận chỗ mõm đá nhô ra ở giữa chừng, và từ đó xuống vùng cao nguyên nhìn xuống dưới làng. Khi tất cả chúng tôi vừa bước ra khỏi thúng, thì lạ thay, các vị chân sư cũng đã có mặt tại đó. Chúng tôi cùng nhau đi xuống làng và ở lại đây suốt ngày hôm đó.

Đó là một làng cổ có những nét dị kỳ, đặc biệt của vùng sơn cước này. Nó gồm độ hai mươi căn nhà đục vào trong triền núi, và cửa nẻo đều đóng bằng những phiến đá lớn. Người ta xây cất nhà kiểu này để tránh cho nhà khỏi bị đè bẹp dưới trọng lượng của tuyết mùa đông. Chúng tôi được cho biết rằng Thánh *Jean Baptiste* đã từng sống tại làng này và có học đạo trong đền. Đền này vẫn còn nguyên vẹn như xưa. Làng và ngôi đền đều đã có trước khi Thánh *Jean* đến viếng nơi này.

Vào lúc năm giờ chiều, vị tác giả các văn kiện cổ bắt tay từ giã chúng tôi và nói ngài phải vắng mặt nhưng sẽ trở lại trong giây lát. Kế đó ngài biến mất dạng.

Chiều hôm đó, từ trên nóc đền chúng tôi ngắm nhìn cảnh mặt trời lặn lạ lùng nhất chưa từng thấy, tuy rằng tôi đã có dịp may nhìn thấy cảnh trời chiều ở hầu hết khắp nơi trên thế giới.

Chúng tôi ngồi trên sân thượng đến nửa đêm, vừa nói chuyện vừa hỏi đức Tuệ Minh và Dật Sĩ về nhiều vấn đề, nhất là về địa hình, địa vật và lịch sử của vùng này. Đức Tuệ Minh đưa ra nhiều chú thích trong các văn kiện mà các chân sư từng biết rõ.

Chúng tôi đang ngắm vầng trăng rằm trong sáng xuất hiện trên dãy núi dằng xa ở tận chân trời. Thình lình, chúng tôi nghe có tiếng động ở phía sau lưng. Chúng tôi quay lại nhìn thì thấy một phụ nữ trạc độ ngũ tuần đang đứng đó và vừa mỉm cười vừa hỏi rằng sự xuất hiện thình lình của bà có làm cho chúng tôi sợ hãi không. Trước hết, chúng tôi có cảm tưởng rằng bà ấy đã nhảy từ trên bờ tường xuống sân thượng, nhưng sự thật thì bà ấy chỉ dậm chân để làm cho chúng tôi chú ý, và sự im lặng thâm trầm của miền núi lúc ban đêm đã làm vang dội âm thanh ấy lên gấp bội phần.

Đức Tuệ Minh bước tới chào người phụ nữ và giới thiệu với chúng tôi đó là chị của ngài. Bà mỉm cười và hỏi việc bà đến có quấy rầy chúng tôi không.

Chúng tôi cùng ngồi xuống, và câu chuyện xoay chung quanh những kỷ niệm cùng những kinh nghiệm

về công việc phụng sự trong cuộc đời tu hành của bà. Bà có ba người con trai và một người con gái, tất cả đều được giáo dục trong cùng một khuynh hướng đạo đức. Chúng tôi hỏi có các con bà cùng đi không. Bà đáp rằng, hai người con nhỏ nhất không bao giờ rời bà. Chúng tôi yêu cầu được gặp các con bà. Bà đáp rằng họ cũng đang rảnh việc, và ngay lúc đó liền thấy xuất hiện hai người, một nam, một nữ.

Hai người này chào cậu và mẹ, rồi tiến tới để được giới thiệu với tôi và hai bạn tôi. Người con trai cao lớn vạm vỡ, có dáng hào hùng, đầy nam tính, trạc chừng ba mươi tuổi. Người con gái vóc dáng hơi mảnh mai với những nét diễm kiều. Đó là một thiếu nữ đẹp và trạc độ hai mươi tuổi. Chúng tôi còn ngồi đàm đạo đến quá nửa đêm mới chia tay nhau.

Qua hôm sau, các vị chân sư tỏ ý muốn từ giã chúng tôi để ra đi. Chỉ còn có Dật Sĩ ở lại với chúng tôi, và ngày kế đó đến lượt chúng tôi cũng sửa soạn lên đường. Mặc dầu trời hãy còn chưa sáng, hầu hết dân làng đều thức dậy để tiễn đưa chúng tôi.

CHƯƠNG BỐN

Đúng năm ngày kế đó, con đường của chúng tôi đi xuyên qua vùng mà ngày xưa Thánh *Jean* đã từng đi qua. Qua ngày thứ năm, chúng tôi đến nơi thôn ấp mà những người giữ ngựa đã ở lại để đợi chúng tôi.

Đức Tuệ Minh đã có mặt tại đây và kể từ lúc đó, cuộc hành trình được tương đối dễ dàng cho đến khi chúng tôi đến nơi làng của ngài sinh trưởng.

Khi gần đến làng, chúng tôi nhận thấy vùng này có khá đông dân cư, những đường lộ và đường mòn đều tốt hơn những đường mà chúng tôi đã đi qua từ trước đến giờ. Nhưng trong những giờ kế đó, chúng tôi đi qua một vùng cao nguyên lồi lõm với một địa thế vô cùng cheo leo hiểm trở.

Làng có tường đá bọc chung quanh như thành quách để làm hệ thống phòng thủ. Người ta nói rằng vùng này trước kia là nơi cư trú của một bộ lạc thổ dân sống biệt lập với thế giới bên ngoài; về sau họ đã dần dần biệt tích và không còn để lại dấu vết. Một thiểu số còn lại đã sáp nhập với những bộ lạc khác ở quanh vùng.

Đó là nơi quê hương của đức Tuệ Minh và là nơi mà các thành viên của tất cả các nhóm chúng tôi hẹn gặp lại nhau. Như đã nói, chúng tôi chia ra từng toán nhỏ để có thể khảo sát trên một vùng lãnh thổ rộng lớn hơn. Khi hỏi lại thì được biết rằng chúng tôi là toán đến đây trước tiên, và những toán khác cũng sẽ đến nơi nội trong ngày hôm sau.

Chúng tôi được hướng dẫn đến trú ngụ trong một ngôi nhà ba tầng lầu dựa vách tường làng. Người ta dọn cho chúng tôi một nơi tạm nghỉ khá tiện nghi và cho biết rằng bữa cơm chiều sẽ được dọn ra ở tầng dưới. Khi chúng tôi bước xuống tầng dưới thì thấy ngồi quanh bàn ăn có bà chị của đức Tuệ Minh, chồng bà, và hai người con mà chúng tôi đã gặp, cùng với đức Tuệ Minh cũng hiện diện tại đó.

Chúng tôi vừa dùng cơm chiều xong thì nghe có tiếng động trước sân nhà. Một dân làng đến cho hay rằng một trong các toán của chúng tôi vừa mới đến. Đó là toán của vị trưởng nhóm Tô Mặc. Người ta dọn bữa ăn chiều cho họ và sắp xếp cho họ nghỉ đêm cùng với chúng tôi.

Kế đó, tất cả chúng tôi đều bước lên trên nóc bằng của ngôi nhà. Tuy mặt trời đã lặn, nhưng bóng hoàng hôn hãy còn phảng phất và trời chưa tối hẳn. Trong khi chúng tôi đang bình luận về giá trị phòng thủ của

bức tường rào chung quanh làng thì bà chị và cô cháu gái của đức Tuệ Minh đến với chúng tôi. Một lát sau đó, người anh rể và người cháu trai của ngài cũng đến. Chúng tôi nhận thấy các vị đều ra vẻ băn khoăn như đang mong đợi một điều gì, và bà chị của đức Tuệ Minh nói cho chúng tôi biết rằng chiều nay bà trông đợi cuộc viếng thăm của thân mẫu bà. Bà nói:

- Chúng tôi sung sướng đến nỗi cầm lòng không đậu, vì lòng yêu mến của chúng tôi đối với mẫu thân thật đậm đà biết dường nào. Chúng tôi yêu mến tất cả những người sống đời tâm linh cao cả, vì tất cả các vị ấy đều có tâm hồn cao quí và thiêng liêng. Nhưng mẫu thân chúng tôi còn có lòng từ bi, nhân hậu, vị tha, cứu đời đến nỗi chúng tôi không thể nào không yêu mến bà gấp ngàn lần. Vả lại, chúng tôi đối với bà còn có tình mẫu tử, cốt nhục. Chúng tôi biết rằng các ông cũng sẽ yêu mến bà như vậy.

Chúng tôi hỏi đức bà có thường đến đây không, thì được đáp:

- Có chứ! Mẫu thân thường đến vào bất cứ khi nào chúng tôi cần đến bà. Nhưng bình thường thì bà bận rộn nhiều công việc nên chỉ đến đây theo định kỳ mỗi năm hai lần, và ngày hôm nay chính là ngày thăm viếng định kỳ của bà. Lần này bà sẽ ở lại với chúng tôi một tuần. Chúng tôi sung sướng đến nỗi không còn biết làm gì trong khi chờ đợi.

Câu chuyện xoay qua những kinh nghiệm của chúng tôi kể từ khi chúng tôi chia nhau đi riêng từng toán, và cuộc thảo luận đang đến hồi sôi nổi hào hứng thì thình lình một cơn im lặng xâm chiếm lấy chúng tôi. Trước khi nhận biết điều đó, tất cả chúng tôi đều ngồi im không ai nói gì và cũng không ai nghĩ ngợi điều gì. Bóng tối của ban đêm đã bao trùm khắp nơi, và dãy núi Tuyết ở xa xa trông giống như một con quái vật khổng lồ.

Kế đó, chúng tôi nghe một tiếng động rất nhẹ. Một đám sương mù dường như đông đặc lại từ từ ở hướng đông của vách tường rào, rồi thình lình tượng thành một hình người rõ rệt. Trước mặt chúng tôi lúc đó là một người đàn bà nhan sắc diễm kiều bao phủ bởi một vầng hào quang sáng chói đến nỗi chúng tôi không thể nhìn thấy rõ.

Mọi người trong nhà đều đổ xô về phía người đàn bà ấy, hai tay đưa thẳng ra phía trước và đồng thanh kêu to:

- Mẫu thân!

Bà Mã Ly nhẹ nhàng từ bờ tường bước xuống sân thượng và ôm hôn mỗi người trong thân quyến như mọi người hiền mẫu trong dịp tái ngộ với con cái. Kế đó, chúng tôi được giới thiệu với bà. Bà nói:

- À! Các ông là những huynh đệ từ nước Mỹ xa xôi đến đây để thăm viếng chúng tôi đó sao? Tôi rất sung sướng chúc mừng các ông. Chúng tôi ban rải tình thương cho tất cả, và nếu những người đàn ông sẵn lòng để cho chúng tôi tự nhiên, thì chắc hẳn là chúng tôi cũng ôm lấy họ trong vòng tay như tôi vừa đón mừng những người mà tôi gọi là thân bằng quyến thuộc. Vì thật ra chúng ta đều là thành phần của một gia đình, tức là đại gia đình nhân loại. Vậy tại sao chúng ta không thể sum họp với nhau như anh em một nhà?

Chúng tôi vừa nhận thấy rằng thời tiết miền núi về đêm khá lạnh. Nhưng khi đức bà Mã Ly xuất hiện thì sự hiện diện của bà tỏa ra một mãnh lực làm biến đổi bầu không khí nơi đây trở thành bầu không khí ấm áp của một đêm hè. Không khí dường như đượm mùi hương hoa. Một ánh sáng dìu dịu như ánh trăng rằm thấm nhuần mọi vật, và làm cho cảnh vật chung quanh được bao phủ trong một sự ấm cúng lạ lùng khó tả.

Tuy nhiên, các vị chân sư không biểu lộ một cử chỉ nào gọi là kiểu cách. Các ngài có một lối xử sự thật khả ái hồn nhiên và vô cùng giản dị. Có người đề nghị đi xuống nhà dưới. Đức bà Mã Ly và các bà phu nhân dẫn đường đi trước. Chúng tôi nối gót đi theo sau, và những người gia nhân đi sau cùng.

Trong khi chúng tôi đi xuống cầu thang như thường lệ, chúng tôi nhận thấy rằng bước chân chúng tôi dường như không gây một tiếng động nào, cho dù chúng tôi không hề cố gắng giữ im lặng. Một người trong chúng tôi còn thú thật là anh ta đã thử đi nặng bước nhưng cũng không gây ra tiếng vang. Dường như bàn chân chúng tôi đi không chấm đất trên sân thượng hay trên những nấc cầu thang!

Trên tầng lầu các buồng ngủ, chúng tôi bước vào một gian phòng trang hoàng rất đẹp và ngồi xuống. Chúng tôi liền nhận thấy một sự ấm áp dễ chịu và một ánh sáng dịu tỏa khắp phòng mà chúng tôi không hiểu từ đâu đến. Gian phòng đắm chìm một lúc trong cơn im lặng thâm trầm, kế đó đức bà hỏi thăm chúng tôi có chỗ nghỉ đàng hoàng tươm tất không, có được săn sóc tử tế không, và cuộc hành trình có làm chúng tôi được thỏa mãn không?

Chúng tôi nói chuyện về cuộc đời hằng ngày, và bà tỏ ra rất thông thạo. Kế đó câu chuyện xoay về vấn đề đời sống của chúng tôi trong gia đình. Đức bà kể tên họ của cha mẹ và anh chị em trong gia đình chúng tôi, và làm chúng tôi ngạc nhiên bằng cách diễn tả cuộc đời chúng tôi với từng chi tiết nhỏ mà không hỏi chúng tôi một câu nào. Đức bà kể về những xứ mà chúng tôi đã viếng thăm, những công trình mà chúng tôi đã thực hiện, và những lỗi lầm mà chúng tôi đã mắc phải. Đức

bà không nói một cách mơ hồ theo cách làm cho chúng tôi phải gắng moi óc nhớ lại những kỷ niệm cũ, mà trái lại mỗi chi tiết đều rõ ràng dường như giúp chúng tôi sống lại những giai đoạn đã qua.

Khi kiếu từ để lui về phòng riêng, chúng tôi đều bày tỏ sự ngạc nhiên về tất cả những gì đã được tận mắt chứng kiến và nghe thấy. Các vị chân sư đều tỏ ra đầy nhiệt tình và vui tươi như đang ở độ tuổi đôi mươi, và sự vui tươi ấy thật là tự nhiên, không kiểu cách hay gượng ép chút nào. Trước khi chia tay để về phòng riêng, các vị còn cho chúng tôi biết rằng sẽ có đông quan khách đến dự bữa ăn tại quán trọ chiều hôm sau, và chúng tôi cũng được mời tham dự.

●●●

Trưa hôm sau, tất cả các toán trong cuộc hành trình của chúng tôi đều đến nơi. Chúng tôi trải qua suốt buổi chiều hôm đó để đối chiếu những bản ghi nhận và thấy mọi sự việc đều khớp nhau một cách đúng đắn.

Khi mọi việc đã xong, chúng tôi được mời đi thẳng đến quán trọ để dùng cơm chiều. Khi đến quán trọ, chúng tôi thấy có độ ba trăm người ngồi chung quanh những bàn tiệc dài. Người ta dành cho chúng tôi những

chỗ ngồi ở một đầu của gian phòng. Tất cả những bàn ăn đều có trải khăn bàn bằng vải trắng mịn rất đẹp, trên có bày chén đĩa bằng bạc và bằng sứ như một bữa dạ tiệc long trọng. Tuy nhiên, chỉ có một cái đèn nhỏ duy nhất để thắp sáng khắp phòng.

Sau khi chúng tôi đã ngồi xuống được chừng hai mươi phút, tất cả các chỗ ngồi đều đã đủ quan khách, trừ ra một vài chỗ còn trống ở rải rác đó đây, một cơn im lặng thâm trầm ngự trị khắp phòng và trong khoảnh khắc một ánh sáng nhạt mờ đã tỏa ra khắp chốn. Ánh sáng ấy càng lúc càng tỏ rạng thêm, dường như có hàng nghìn bóng đèn điện được ẩn giấu một cách khéo léo ở quanh đây và từ từ được thắp lên.

Gian phòng trong giây lát đã trở nên sáng rực, và tất cả các đồ vật đều chiếu rạng ngời. Sau đó, cơn im lặng kéo dài độ một khắc đồng hồ; rồi dường như có một đám sương mù từ từ đông đặc lại. Chúng tôi nghe một tiếng động nhẹ giống như ngày hôm trước, rồi thình lình xuất hiện bà Mã Ly, thân mẫu của đức Tuệ Minh.

Đám sương mù tan dần, và chúng tôi thấy cùng đứng rải rác trong gian phòng, bà Mã Ly và mười một người khác, gồm có chín người nam và hai người nữ. Tôi không biết dùng danh từ nào để diễn tả cái đẹp của cảnh tượng ấy. Thật không phải là quá đáng nếu

tôi nói rằng những nhân vật ấy đã xuất hiện như một đoàn thiên thần, nhưng không có cánh.

Các vị đứng yên trong một lúc, đầu hơi nghiêng về phía trước, trong một cử chỉ chờ đợi. Kế đó, vang lên những âm thanh của một ban hợp ca vô hình kèm theo một điệu nhạc thanh tao huyền diệu nhất mà người ta có thể tưởng tượng. Tôi đã từng nghe nói về những nhạc điệu thần tiên, nhưng chưa hề được nghe bao giờ; có lẽ cho đến ngày hôm ấy tôi mới biết thế nào là những âm thanh của cõi trời.

Có thể nói rằng chúng tôi nghe nhạc điệu ấy mà có cảm giác như cất nhẹ mình lên khỏi mặt ghế! Sau bản hợp ca, mười hai vị bèn bước đến chỗ ngồi của mình. Chúng tôi lại có dịp nhận thấy rằng các vị bước đi êm như ru, không gây tiếng động nào, tuy rằng các vị không tỏ ra một cố gắng đặc biệt nào để giữ im lặng.

Khi các vị đã an tọa, một đám sương mù giống như lúc nãy lại xuất hiện, và lại tan dần, rồi mười hai vị khác nữa xuất hiện, gồm có một người nữ và mười một người nam, trong số đó có vị tác giả các văn kiện cổ mà tôi đã nói đến.

Các vị đứng yên một lúc, và giọng hợp ca vô hình lại trỗi lên một lần nữa. Sau bài hát, mười hai vị bước đến chỗ ngồi và cũng không gây một tiếng động nào. Khi

các vị vừa an tọa, đám sương mù lại xuất hiện một lần thứ ba, và khi nó vừa tan thì mười ba vị khác đứng xếp thành hàng, sáu người nam và bảy người nữ, xuất hiện ở đầu kia của gian phòng. Ở chính giữa là một thiếu nữ rất trẻ, chỉ độ dưới hai mươi tuổi, với ba người nam và ba người nữ đứng hai bên. Tất cả những người nữ đã xuất hiện cho đến khi đó đều rất đẹp, nhưng người thiếu nữ này lại còn đẹp hơn tất cả các vị khác!

Mười ba vị đến sau cũng đứng yên một lúc, đầu hơi nghiêng, và nhạc điệu lại trỗi lên lần nữa. Sau vài điệp khúc, tiếng hợp ca lại hòa điệu với âm nhạc.

Chúng tôi đứng dậy, và trong khi nhạc khúc vẫn tiếp diễn, dường như chúng tôi thấy hàng ngàn hình bóng thần tiên vừa múa lượn chung quanh vừa hát theo một lượt. Không có giọng hát nào buồn, cũng không có một âm điệu bi thương. Nhạc điệu trỗi lên với những âm thanh vui tươi nhẹ nhàng, xuất phát tự tâm hồn và truyền cảm đến người nghe, làm cho tâm hồn chúng tôi được nâng cao dần cho đến khi chúng tôi có cảm giác như lâng lâng thoát tục.

Sau điệu hợp ca, mười ba vị mới đến sau bước tới chỗ ngồi và an tọa, nhưng nhãn quang chúng tôi không thể tách rời khỏi nhân vật ở chính giữa. Người thiếu nữ đẹp tuyệt trần này tiến đến bàn của chúng tôi cùng với

hai người nữ khác đi kèm hai bên. Thiếu nữ ngồi xuống ở đầu bàn của chúng tôi cùng với hai vị đi kèm.

Người ta nhanh chóng mang đến một chồng đĩa đặt ở phía bên trái người thiếu nữ. Ánh sáng trong phòng như mờ hẳn đi trong một lúc, rồi chúng tôi nhận thấy chung quanh mỗi người trong ba mươi sáu vị đã xuất hiện đều có một vầng ánh sáng làm cho chúng tôi ngạc nhiên, và một vầng hào quang đẹp lộng lẫy chói sáng trên đầu của vị nữ quí khách danh dự. Trong cử tọa, chúng tôi là những người duy nhất bị xúc động sâu xa bởi cảnh tượng này, còn những vị khác thì không tỏ vẻ gì ngạc nhiên cả.

Khi tất cả mọi người đều an tọa, cơn im lặng kéo dài một lúc trong gian phòng, kế đó phần đông những người có mặt đều cất tiếng hợp ca một nhạc khúc vui tươi dưới sự điều khiển của ba mươi sáu vị đã xuất hiện. Khi bài hợp ca chấm dứt, vị nữ quí khách danh dự đứng dậy đưa hai bàn tay ra, thì thấy xuất hiện trên tay cô một ổ bánh mì nhỏ dài độ ba tấc rưỡi, đường kính độ năm phân tây. Mỗi người trong 36 vị đều đứng dậy, bước đến gần bà, và nhận được một ổ bánh mì tương tự. Kế đó, các vị đi vòng quanh tất cả các bàn để phân phát cho mỗi người một mẩu bánh mì.

Người thiếu nữ cũng làm như vậy ở tại bàn chúng tôi. Vừa phân phát bánh mì cho chúng tôi, cô vừa nói:

- Các bạn có biết chăng, đấng toàn năng toàn giác luôn sẵn có trong các bạn cũng như trong tất cả mọi người! Các bạn có biết chăng, tâm thức các bạn vốn luôn trong sạch, hoàn hảo, tốt đẹp và thiêng liêng. Vì thế, về bản chất thì tự thân các bạn chính là một đấng toàn năng, toàn giác. Tâm thức các bạn vốn tinh khiết, toàn hảo, thánh thiện, thiêng liêng và hợp nhất với toàn thể vũ trụ, vạn hữu. Và mỗi người trong chúng ta đều sẵn có khả năng đạt đến sự hợp nhất thiêng liêng đó.

Sau khi đã trao cho chúng tôi mỗi người một mẩu bánh mì, người thiếu nữ ấy trở lại chỗ ngồi và ngồi xuống. Ổ bánh mì nhỏ của cô vẫn còn nguyên vẹn như trước khi chia cho chúng tôi.

Khi phần khai mạc chấm dứt, thức ăn bắt đầu được mang đến. Thức ăn được chứa trong những cái tô lớn có đậy nắp. Những tô này xuất hiện trước mặt các vị nữ khách dường như được đặt bởi những bàn tay vô hình. Người thiếu nữ mở nắp tô để sang một bên, và bắt đầu múc thức ăn ra đĩa. Sau khi múc đầy đĩa, cô lại đưa sang cho hai vị nữ khách ngồi hai bên, và hai vị này chuyền các đĩa thức ăn đến khắp các bàn, và trong chốc lát tất cả quan khách đều được cung cấp thức ăn đầy đủ. Khi đó, quan khách bắt đầu ăn và nhận thấy thức ăn rất ngon.

Khi bữa ăn vừa bắt đầu, Tô Mặc lên tiếng hỏi thiếu nữ rằng theo cô thì đức tính nào của con người là cao quí nhất. Không chút do dự, cô đáp ngay:

- Tình thương!

Kế đó, cô nói tiếp:

- Trong sâu thẳm tâm hồn của mỗi con người đều sẵn có một vườn cây trái tốt tươi thơm ngọt. Những trái cây trong vườn ấy phong phú và tốt lành, có thể đáp ứng với mọi sự mong muốn chính đáng của con người, nhưng loại trái cây ngon lành và bổ dưỡng nhất trong số đó chính là tình thương! Những người nhận thức được bản chất chân thật của tình thương đã định nghĩa rằng đó là điều cao cả nhất trên thế gian.

Tôi xin nói thêm rằng, tình thương là liều thuốc có sức mạnh hàn gắn và cứu chữa lớn nhất trên đời. Tình thương luôn đáp ứng với mọi sự đau khổ của người khác. Người ta có thể sử dụng tình thương chân thật để thỏa mãn tất cả những sự mong ước của nhân loại và loại trừ mọi sự buồn thảm, tai ách, cũng như những sự lầm than thống khổ của người đời. Nhờ hiểu biết và sử dụng tình thương chân thật, chúng ta có thể tạo ra những ảnh hưởng tinh tế và không có giới hạn, giúp chữa lành tất cả những vết thương của thế gian, cả về thể xác lẫn tinh thần.

Tình thương chân thật có thể làm chuyển hóa mọi sự xấu ác, có thể hàn gắn mọi sự xung đột, bất hòa, cũng như có thể xóa bỏ trạng thái vô minh và tội lỗi của nhân loại. Khi tình thương chân thật được chan hòa khắp chốn, nó làm khơi dậy cả đến những cảm xúc khô khan tẻ lạnh của lòng người, xóa bỏ được mọi nỗi khốn khổ của cuộc đời. Tình thương chân thật có thể cứu chuộc mọi tội lỗi của nhân loại và chuyển hóa toàn bộ thế gian này như một phép mầu.

Tình thương là một đấng toàn năng ngự trị trong tâm thức mỗi người, vốn trường cửu, vô biên, bất biến, vượt ngoài mọi sự giới hạn của trí óc con người. Khi bạn bị đè bẹp dưới áp lực nặng nề của cuộc sống hằng ngày, bạn sẽ cần đến tình thương để xoa dịu. Khi bạn muốn có lòng can đảm và sức mạnh tinh thần để đối phó với những khó khăn trắc trở trong cuộc đời, bạn sẽ cần đến tình thương để mang lại nghị lực. Khi bạn đau ốm, sợ hãi, bạn sẽ cần đến tình thương để khơi dậy sức mạnh từ nội tâm; và trong tất cả những trường hợp đó, bạn sẽ vượt qua một cách dễ dàng nếu như trong lòng bạn đã thực sự hiện hữu một tình thương chân thật.

Khi bạn ban rải tình thương đến mọi người khác, đó là bạn đang mở rộng cửa kho báu vô tận chứa đầy những vật quý giá nhất trên cõi đời này. Bởi vì không

một vật báu nào có thể quý giá hơn tình thương. Người nào đã biết thương yêu đồng loại, không thể không thật lòng chia sẻ những gì mình có với người khác. Nhưng cho đi như vậy tức là nhận lại. Đó là quy luật tự nhiên của tình thương chân thật. Một mặt, khi bạn thật lòng mang tất cả những gì mình có ra để chia sẻ cho người khác, bạn đã nuôi lớn tâm hồn cao đẹp của mình bằng một thứ dưỡng chất tinh thần mà không gì thay thế được. Tâm hồn bạn trở nên cao đẹp, mạnh mẽ và sáng suốt hơn. Và đó là điều mà bạn nhận lại, vốn có giá trị cao hơn rất nhiều so với những của cải vật chất mà bạn mang ra chia sẻ. Mặt khác, theo luật nhân quả thì những gì bạn mang ra cho người khác không bao giờ thật sự mất đi, mà chúng sẽ chính là tác nhân mang lại cho bạn một cách tự nhiên những giá trị vật chất tương ứng.

Tình thương mang đến cho chúng ta những giá trị mà sự nỗ lực theo mọi hướng khác đều không thể có được. Điều quan trọng nhất mà tất cả chúng ta đều có thể dễ dàng nhận thấy khi thực hành thương yêu là sự an ổn và thanh thản trong tâm hồn. Chúng ta sẽ không còn khao khát mong cầu những giá trị vật chất hữu hình hữu hoại, mà luôn tự mình hướng đến sự thương yêu chia sẻ mọi nỗi khổ đau cùng người khác. Điều đó mang lại cho chúng ta cảm giác đầy đủ và thỏa mãn với

điều kiện vật chất trong hiện tại, ngay cả khi ta có là người nghèo nhất trên đời này!

Chúng ta thường thấy có những người luôn lao chao, bôn tẩu, hy vọng sớm có được sự yên tĩnh trong tâm hồn bằng cách thực hiện một vài công trình nào đó, hay tìm sự yên vui trong việc chiếm hữu một tài sản vật chất nào đó, mà tài sản ấy hiển nhiên là một vật hữu hình hữu hoại. Chúng ta thấy những người ấy bỏ cả cuộc đời để theo đuổi cho đến khi đạt được những mục đích đó, nhưng rốt cuộc thì họ vẫn không được thỏa mãn! Có người tưởng rằng họ cần có nhiều nhà cửa, đất ruộng; có người nghĩ rằng họ cần có một gia tài to lớn; những người khác cho rằng cần có sự hiểu biết và kiến thức dồi dào... Tất cả những người ấy đều không biết rằng, mọi nỗ lực theo đuổi của họ đều không thể mang đến sự an ổn và thanh thản trong tâm hồn. Họ không biết rằng, tất cả những gì họ mong muốn vốn luôn sẵn có trong mỗi con người, và chỉ cần chúng ta biết quay lại với tự tâm mình, nuôi dưỡng một tình thương chân thật với muôn người, muôn loài, thì tất cả những giá trị khác đều sẽ tự nhiên có được.

Thiếu nữ im lặng trong một lúc, kế đó một người trong chúng tôi đứng dậy nêu câu hỏi về luật tương đối và được cô giải đáp thỏa đáng. Câu chuyện chấm dứt tại đó.

Bữa ăn chiều đã xong, người ta dọn bàn ghế ra khỏi phòng. Khi đó, bắt đầu một giai đoạn giải trí có múa hát và âm nhạc. Âm nhạc cũng là những khúc hợp ca tự nhiên trỗi lên giữa không gian vô hình, và tất cả chúng tôi cùng nhau trải qua một giờ vui vẻ trước khi chia tay.

Chúng tôi ở lại làng này ba ngày. Trong thời gian đó, chúng tôi có dịp gặp lại một số lớn những vị khách quý đã xuất hiện trong đêm trước.

Chiều ngày thứ ba, các vị xin cáo biệt và hứa sẽ gặp lại nhau tại căn cứ điểm mùa đông của chúng tôi, kế đó các vị biến mất dạng.

•••

Sáng hôm sau, chúng tôi rời khỏi làng và đi trong ba ngày theo con đường mòn xuyên qua một vùng núi non gồ ghề hiểm trở, dân cư thưa thớt đến nỗi chúng tôi phải dựng lều để ngủ lại qua đêm.

Chúng tôi không mang theo lương thực, nhưng mỗi khi cần ăn uống thì luôn có sẵn đầy đủ đồ vật thực. Khi chúng tôi vừa sửa soạn ngồi ăn thì những thức ăn liền xuất hiện đầy đủ. Không bao giờ chúng tôi phải thiếu thức ăn.

Chiều ngày thứ ba, chúng tôi đến một vùng cao nguyên rộng lớn, rồi đi xuống dần để đến được nơi thôn ấp mà chúng tôi muốn viếng. Kể từ đó, con đường đi vượt qua một vùng phì nhiêu và đông dân cư.

Chúng tôi chọn thôn ấp này làm căn cứ mùa đông vì nó ở ngay trung tâm của vùng mà chúng tôi đến viếng. Chúng tôi hy vọng rằng điều ấy sẽ tạo cho chúng tôi cơ hội hằng mong ước là có dịp kéo dài hơn sự tiếp xúc hằng ngày với các vị chân sư.

Một số lớn những vị chân sư mà chúng tôi đã gặp ở rải rác nhiều nơi hiện đang sống tại làng này và tất cả đều có lời mời chúng tôi đến viếng. Chúng tôi có cảm giác rằng trong khi lưu trú tại làng này vào mùa đông, chúng tôi sẽ có nhiều cơ hội tốt để quan sát cuộc sống hằng ngày của các ngài một cách gần gũi hơn.

Chúng tôi đến làng này ngày 20 tháng 11, và từ căn cứ đó chúng tôi mở một loạt những cuộc xuất hành quanh vùng cho đến khi tuyết rơi làm mọi sự di chuyển trở nên khó khăn.

Chúng tôi được cung cấp chỗ ở tiện nghi, dân làng niềm nở tiếp đón, và chúng tôi cũng dễ dàng hòa nhập với cuộc sống dân làng. Tất cả các nhà đều mở rộng cửa đón chúng tôi. Chúng tôi cũng nhận thấy rằng ở đây

mọi nhà đều không đóng cửa, vì dân làng xem tất cả mọi người đều là anh em.

Kế đó chúng tôi được mời đến ở tại nhà của một phụ nữ được kính trọng trong làng này. Chúng tôi đã có dịp gặp bà ở vùng biên giới. Vì chúng tôi đã có chỗ ở yên ổn, chúng tôi nghĩ là không cần thiết phải quấy rầy bà, nhưng bà khẩn khoản mời mọc và nói rằng việc chúng tôi đến cư trú sẽ không gây phiền hà gì cả. Bởi đó, chúng tôi dọn hành lý sang ở tại nhà bà cho đến cuối cuộc hành trình.

Tôi không thể quên cuộc gặp gỡ đầu tiên của chúng tôi với người phụ nữ này trong một tỉnh nhỏ ở vùng biên giới. Khi bà được giới thiệu với chúng tôi lần đầu tiên, chúng tôi đều ngỡ rằng đó chỉ là một thiếu nữ chừng mười tám tuổi, và là một thiếu nữ rất đẹp. Nhưng tất cả chúng tôi đều hết sức ngạc nhiên khi được biết rằng bà là một phụ nữ lớn tuổi và là một trong những nhà giáo mô phạm được kính trọng nhất trong vùng ấy. Bà đã dành trọn cuộc đời vào việc phụng sự kẻ khác.

Khi chúng tôi được sống cạnh bà hằng ngày, chúng tôi mới hiểu tại sao bà được kính trọng đến như thế. Trong lần gặp gỡ đầu tiên, chúng tôi được tiếp xúc với bà trong hai tuần liên tiếp, nhưng cá tính của bà chỉ biểu lộ thật sự rõ ràng khi chúng tôi được sống tại nhà bà. Sự thật là, khi được tiếp xúc với bà thì người ta

không thể nào không yêu mến và kính trọng. Vả lại, càng biết rõ hơn về các vị chân sư như bà thì sự yêu mến và kính trọng lại càng tăng thêm gấp bội.

Chúng tôi ở tại nhà người phụ nữ đáng kính này và dùng cơm chung bàn mỗi ngày kể từ đầu tháng 12 năm 1895 đến tháng 4 năm 1896. Nhờ đó, chúng tôi có dịp quan sát tỉ mỉ đời sống của bà và nhiều vị chân sư khác cư ngụ tại làng này. Chúng tôi nhận thấy tất cả đều là những nếp sống lý tưởng.

●●●

Thời gian trôi qua mau cho đến cuối tháng 12 năm đó. Chúng tôi nhận thấy một số đông người kéo đến làng này để dự một cuộc lễ chỉ dành riêng cho các vị chân sư.

Ngày nào người ta cũng giới thiệu với chúng tôi thêm những người lạ mặt. Tất cả đều nói được tiếng Anh, và chúng tôi có cảm giác như mình đã hòa nhập hoàn toàn với sinh hoạt của cả làng.

Một ngày nọ, chúng tôi được cho hay rằng cuộc lễ sẽ diễn ra trong đêm cuối năm và chúng tôi được mời đến dự. Người ta nói thêm rằng, tuy cuộc lễ không nhằm dành cho người ngoại quốc, nhưng nó cũng không phải là một cuộc hội họp riêng tư. Cuộc hội họp được tổ chức

nhằm mục đích qui tụ những người đang tu tập theo một đời sống tâm linh, những người đã hiến mình cho lý tưởng ấy và đã có những tiến bộ khả quan để có thể khẳng định chắc chắn là sẽ mãi mãi sống cuộc đời thánh thiện.

Những vị chân sư tụ họp về đây đều đã đạt đến một trình độ tâm thức cao cả hơn người thường và hiểu rõ được con đường tu tập trong suốt cuộc đời còn lại. Cuộc hội họp này vẫn thường được tổ chức vào ngày cuối năm ở một nơi đã định sẵn từ trước.

Năm ấy, địa điểm hành lễ được chọn lựa là nơi thôn ấp chúng tôi đang trú ngụ. Buổi sáng của ngày bắt đầu cuộc hội họp, ánh bình minh thật trong sáng nhưng tiết trời lạnh đến khoảng dưới không độ.

Tất cả chúng tôi đều bồn chồn chờ đợi, với cảm giác rằng đêm hôm ấy sẽ mang lại một kinh nghiệm mới nữa thêm vào những sự việc lý thú đã xảy ra trong chuyến hành trình của chúng tôi.

Chúng tôi đến nơi hội họp vào lúc tám giờ tối và thấy đã có khoảng hai trăm người tề tựu tại đó. Gian phòng được trang trí rất đẹp và được thắp sáng bằng phương pháp huyền diệu như đã mô tả trước đây. Chúng tôi được biết rằng chính bà chủ nhà của chúng tôi sẽ chủ trì cuộc hội họp.

Bà đến sau chúng tôi ít lâu, và khi bà bước vào gian phòng, tất cả chúng tôi đều khen thầm sự trẻ trung và kiều diễm của bà. Bà mặc một chiếc áo dài trắng rất đẹp nhưng không có vẻ phô trương theo cách để làm cho người khác chú ý đến mình. Bà lẳng lặng bước lên một cái sàn gỗ và bắt đầu diễn thuyết. Bà nói:

- Hôm nay tất cả chúng ta hội họp về đây với mong muốn được hiểu rõ ý nghĩa của sự chuyển hóa từ một trạng thái tâm thức thấp kém lên một trạng thái tâm thức siêu việt hơn. Chúng tôi xin chúc mừng những ai trong quí vị đã thực hiện được phần nào sự chuyển hóa đó. Trước tiên, quí vị đã đi theo con đường này do bởi sự mến mộ những gì chúng tôi đã đạt được. Ban đầu quí vị có thể đã theo dõi những điều đó một cách ngạc nhiên và có phần sợ hãi, vì thấy rằng những điều đó có vẻ như rất nhiệm mầu, huyền bí. Nhưng giờ đây thì hầu hết quí vị đã thấy rằng đó chỉ là những điều rất tự nhiên, tất yếu sẽ đạt đến nhờ một nếp sống thánh thiện.

Vào giờ phút này, quí vị đã biết chắc rằng chúng tôi không có thực hiện một phép lạ nào cả. Quí vị đã hiểu cái ý nghĩa tâm linh thật sự của những gì mà quí vị đang tu tập. Chuyển hóa từ một trạng thái tâm thức thấp kém lên một trạng thái tâm thức cao hơn có nghĩa là nhận rõ tính chất giả tạm của thế giới vật chất dẫy

đầy những xung đột và va chạm, để chấp nhận vươn đến một tâm thức Bồ-đề hay tâm thức giác ngộ, tỉnh thức. Khi đó, chúng ta sẽ nhận biết tất cả đều là hoàn hảo, hòa hợp và toàn thiện. Đó tức là quay về với nếp sống tự nhiên, không còn buông thả theo những tham vọng ngu si và vô lý. Nếp sống tham lam ích kỷ chính là đi ngược lại với tự nhiên. Đó là con đường chông gai, trắc trở và luôn dẫn ta đến chỗ sa đọa, trói buộc. Con đường thuận theo chân tánh tự nhiên sẽ thật dễ dàng và luôn dẫn ta đến chỗ toàn thiện, toàn mỹ, thanh thản, giải thoát! Người nào nhận biết rõ và đi theo con đường hướng thượng đó tức là sống trong trạng thái tâm thức của sự tỉnh thức, giác ngộ hay tâm thức Bồ-đề.

Chúng ta đang ngồi quanh những dãy bàn đã bày sẵn thức ăn. Đây là một cơ hội hiếm hoi khi tất cả chúng ta được tụ họp cùng nhau trong một bữa tiệc. Đây không phải là một bữa tiệc tầm thường như cách hiểu của người đời. Đây là một bữa tiệc biểu lộ năng lực tỉnh thức và tu tập của mỗi chúng ta trong suốt thời gian qua, trên con đường hướng đến sự chuyển hóa của tâm thức phàm tục thành tâm thức Bồ-đề, giác ngộ. Chúng tôi tin rằng, một ngày kia tất cả những vị có mặt ở đây hôm nay đều sẽ hiểu rõ được ý nghĩa chân thật sự của của đời sống và tự mình giải thoát ra khỏi mọi sự trói buộc, hệ lụy của cuộc sống thế tục.

Trong số các vị chân sư đã đạt được nhiều kết quả khả quan trong sự tu tập chuyển hóa tâm thức, có năm vị sẽ đến dùng bữa chung với chúng ta hôm nay. Và trong số đó, có một vị nữ thánh mà tất cả chúng ta đều yêu kính, vì bà cũng là mẹ của một vị trong chúng ta và trước kia đã từng sống chung với chúng ta. (Dường như bà đang nhắc đến thân mẫu của đức Tuệ Minh.) Bây giờ, xin mời tất cả hãy ngồi vào bàn ăn...

Ánh sáng trong gian phòng bỗng mờ nhạt đi trong một lúc và tất cả quan khách đều ngồi trong sự im lặng hoàn toàn, đầu hơi nghiêng về phía trước. Kế đó, ánh sáng lại tỏ rạng. Năm vị chân sư đã xuất hiện trong gian phòng, ba vị nam và hai vị nữ. Tất cả đều mặc y phục trắng tinh và đều có một vẻ đẹp lộng lẫy, bao phủ trong một vầng hào quang sáng dịu.

Các ngài nhẹ nhàng bước tới, và mỗi vị lần lượt ngồi xuống chỗ ngồi còn để trống của họ ở đầu một bàn trong năm bàn dài. Đức bà Mã Ly, thân mẫu đức Tuệ Minh, ngồi nơi chỗ danh dự ở bàn chúng tôi, cùng với vị trưởng nhóm chúng tôi ngồi bên phải và đức Tuệ Minh ngồi bên trái.

Khi các ngài đã an tọa thì thức ăn bắt đầu xuất hiện. Bữa ăn giản dị nhưng rất ngon lành, gồm có bánh mì, rau đậu và trái cây. Những câu chuyện kế tiếp là những huấn thị chung cho mọi người tham dự cuộc lễ.

Đó là những huấn thị bằng tiếng bản xứ, và Dật Sĩ dịch lại cho chúng tôi nghe. Đức bà Mã Ly nói sau cùng. Bà nói bằng tiếng Anh rất lưu loát và với một giọng thật trong trẻo, rõ ràng:

- Hằng ngày chúng tôi vẫn thường sử dụng những năng lực mà người đời có thể lấy làm sợ hãi, kinh dị hoặc chế giễu và nhạo báng. Nhưng chúng tôi luôn cố gắng sử dụng những năng lực ấy một cách tận tình để dẫn dắt người đời vào con đường tốt đẹp, hiền thiện. Tuy vậy, do những tư tưởng si mê của họ, người đời luôn gạt bỏ những sự việc toàn hảo vốn nằm sẵn trong tầm tay họ. Với năng lực của sự tỉnh thức và giải thoát, nhận thức của con người sẽ trở nên vô cùng chân xác và sống động. Điều đó có giá trị hơn hẳn so với những của cải vật chất mà họ đang theo đuổi và bám víu một cách tuyệt vọng, vì bản chất của chúng vốn là không thường tồn.

Người đời không biết rằng tất cả những của cải vật chất, chẳng hạn như những tiện nghi trong gian phòng này, hay ánh sáng, hơi ấm, và thậm chí đến những thức ăn được dùng mỗi ngày, đều không phải là những giá trị hiện hữu ngoài tâm thức! Chính tâm thức có khả năng tạo ra tất cả! Người ta có thể gọi tên nó là gì tùy ý, chẳng hạn như chân tánh, chân như, tánh Phật hay tâm Bồ-đề... Dù là với tên gọi nào, bản chất thực sự vẫn không thay đổi. Người tu tập xem đó như là

quyền năng lớn nhất trong của vũ trụ. Khi nhận hiểu được bản tâm của mình, người ta có khả năng hành xử một cách vô cùng hữu hiệu.

Tâm thức ấy vốn rỗng rang và hoàn toàn im lặng, và khi người ta đạt đến nó sẽ không còn có sự loạn động, rối ren mà hiện nay dường như là tính chất thường xuyên của đời sống. Tâm thức ấy sẵn có nơi tất cả mọi người, luôn hiện hữu quanh ta và chỉ cần chúng ta biết quay về để nhận biết nó. Khi nhận biết được bản tâm, bạn sẽ thấy mọi việc thật ra vô cùng giản dị, rõ ràng hơn là bạn tưởng. Bạn sẽ thấy rằng tất cả những máy móc và phương tiện của đời sống văn minh thật ra vốn cũng chỉ là những sản phẩm được tạo thành từ tâm thức. Tuy nhiên, người đời không hiểu như thế, và họ cho rằng đó là những thực thể vật chất độc lập được họ sản xuất ra, và do đó họ rơi vào sự trói buộc bởi chính những vật chất hữu hình hữu hoại họ tạo ra. Nếu họ hiểu rằng tất cả đều phát xuất từ tâm thức, và chính sự hiển lộ của tâm thức đã tạo thành muôn hình vạn tượng trong vũ trụ, thì họ sẽ nhìn thấy mọi dạng vật chất vốn đều là toàn hảo, vì đó chỉ là sự hiển lộ của tâm thức mà thôi.

Đến đây, một người trong chúng tôi nêu câu hỏi rằng, những tư tưởng và lời nói có ảnh hưởng như thế nào đến cuộc đời của chúng ta.

Đức bà Mã Ly đưa tay ra, và một lúc sau đó một vật nhỏ xuất hiện trên tay bà. Bà nói:

- Khi tôi bỏ một viên sỏi trong chén nước lạnh này, viên sỏi rơi xuống nước tạo thành một trung điểm từ đó phát ra những làn sóng gợn đồng tâm. Những sóng gợn này càng lớn dần cho đến khi chúng đụng vào vành chén là giới hạn bên ngoài của chén nước. Theo mắt thường nhìn thấy thì những gợn sóng này dường như dừng lại khi chạm đến giới hạn. Nhưng thật ra, khi các gợn sóng chạm đến vành chén thì chúng không dừng ở đó mà dội ngược trở về tâm điểm nơi viên sỏi đã rơi xuống nước và chúng cũng không hề tạm dừng trong suốt quá trình, trước khi đạt tới điểm đó. Toàn bộ quá trình có thể xem là một hình ảnh mô tả chính xác về ảnh hưởng của tất cả những tư tưởng và lời nói của chúng ta. Tư tưởng và lời nói tạo ra quanh ta những ảnh hưởng theo từng vòng tròn càng lúc càng lớn dần, cho đến khi chúng chạm đến giới hạn là đối tượng của chúng. Khi ấy, chúng dội ngược trở về người đã phát ra chúng. Như thế, tất cả những tư tưởng và lời nói của chúng ta hướng đến một đối tượng nào đó, dù tốt hay xấu, sẽ có tác dụng ngược trở lại đến chính chúng ta một cách tương ứng với tính chất mà chúng đã được hình thành, nghĩa là sẽ mang lại cho chính chúng ta những kết quả tốt đẹp hoặc xấu ác...

Đức bà Mã Ly nói vừa dứt lời thì một khúc hợp ca huyền diệu lại bắt đầu trỗi lên. Lúc ấy là đúng nửa đêm cuối tháng mười hai và một năm mới đã bắt đầu.

Như thế là chấm dứt năm đầu tiên trong thời gian chúng tôi có hân hạnh được tiếp xúc với các bậc chân sư huyền diệu.

CHƯƠNG NĂM

Sáng ngày đầu năm dương lịch, chúng tôi thức đậy sớm, tinh thần khoan khoái, dễ chịu. Mỗi người trong chúng tôi đều có cảm giác một sự gì sẽ đến, làm cho chúng tôi nghĩ rằng những kinh nghiệm đã qua của mình chỉ là những bước đầu trên con đường sắp tới.

Trong khi chúng tôi ngồi tụ họp chung quanh bàn ăn điểm tâm, chúng tôi thấy xuất hiện một người mà chúng tôi đã từng gặp một lần trong một làng nhỏ trên đường đi đến đây. Sau khi chào hỏi xã giao, người ấy nói:

- Các bạn đã đến với chúng tôi trên một năm nay. Các bạn đã cùng đi ngao du và sống chung với chúng tôi. Vì biết rằng các bạn sẽ ở lại đến tháng tư hay tháng năm nên tôi đến để mời các bạn viếng thăm một ngôi đền đục trong núi đá ở bên ngoài làng này.

Chúng tôi được cho biết rằng người ta đã phải dùng lối kiến trúc đặc biệt đó để bảo vệ cho ngôi đền khỏi bị quấy nhiễu bởi những toán cường đạo thường hay cướp

phá vùng này. Những bọn cướp này đôi khi xuống tận làng mạc, thôn ấp để ăn hàng. Người khách ấy nói:

- Làng này cũng đã bị hủy diệt nhiều lần, nhưng dân làng đã tránh khỏi tai họa nhờ trú ẩn trong ngôi đền. Các vị chân sư đã bảo vệ ngôi đền này theo yêu cầu của dân làng và để gìn giữ nhiều tài liệu văn kiện mà các ngài xem là vô giá. Từ khi có sự bảo vệ của các ngài, những vụ cướp bóc đã chấm dứt, dân làng không còn bị tấn công bất ngờ và mọi người đều sống bình yên. Người ta nói rằng một số tài liệu nói trên đã có từ những thời đại văn minh đầu tiên của con người. Đó có lẽ là những tài liệu cổ của giống người *Naacals*, cũng gọi là các "*huynh đệ thánh thiện*", đã xuất hiện từng đến Miến Điện để dạy dỗ dìu dắt những bộ lạc thổ dân *Nagas* ở đó. Những tài liệu đó dường như chứng minh rằng tổ tiên của giống người này là tác giả của bộ sách *Surya Siddhanta* và các Thánh kinh *Phệ-đà* thời thái cổ. Sách *Surya Siddhanta* là tác phẩm cổ xưa nhất mà người ta được biết về khoa thiên văn. Còn những Thánh kinh *Phệ-đà* thì không ai có thể xác quyết được là có từ bao giờ, chỉ biết là rất sớm. Không phải tất cả tài liệu văn kiện của ngôi đền này đều là những bản chánh, vì nhiều tài liệu trong số đó đã được sao chép lại từ một nguyên bản cùng lúc với những tài liệu cổ của xứ *Babylone* và được mang đến đây để được gìn giữ an toàn. Có rất ít khách đến viếng thăm ngôi đền này, hầu

hết là những vị chân sư đã đạt được ít nhiều kết quả tu tập trên con đường giác ngộ tâm linh.

Người khách ấy còn nói tiếp:

- Ngày hôm nay đối với các bạn là ngày bắt đầu một năm mới. Theo quan điểm thông thường, năm cũ đã thuộc về dĩ vãng, không còn trở lại được nữa, trừ phi là ở trong tư tưởng, do những ký ức còn lưu lại về mọi sự sung sướng, đau buồn hay những công trình đã thực hiện. Một trang trong quyển lịch đời của chúng ta đã được xé bỏ. Trái lại, theo cách nhìn của chúng tôi thì khác hẳn. Chúng tôi xem năm vừa qua như một giai đoạn tiến bộ nối thêm vào những thành quả đã thực hiện được. Nó là cái gạch nối đưa chúng tôi đến những công việc chưa thực hiện và một sự phát triển tốt đẹp hơn, đến một thời kỳ giác ngộ và hứa hẹn lớn lao hơn, một thời kỳ mà mỗi kinh nghiệm kế tiếp sẽ làm cho chúng tôi trở nên sáng suốt hơn, tỉnh giác hơn và mở rộng lòng thương yêu hơn. Có thể các bạn sẽ nghĩ rằng: "Làm sao để được như vậy?" Nhưng câu trả lời của chúng tôi sẽ là: "Hãy tự mình tìm ra những kết luận của mình, hãy chọn lựa cách sống riêng của mình."

Vị trưởng nhóm của chúng tôi nói:

- Chúng tôi rất mong sẽ được nhìn thấy và hiểu biết.

Người khách lại nói tiếp:

- Kể từ bây giờ sẽ có những bài học đúng đắn cho những kẻ không nhìn thấy, không hiểu biết, không hiểu ý nghĩa và mục đích của một đời sống chân chính. Đó không phải là một cuộc đời khổ hạnh, khắc khổ, sống cô lập hay buồn thảm, mà là một cuộc đời hoạt động trong sự vui tươi, một cuộc đời mà mọi sự buồn rầu, đau khổ đều bị vĩnh viễn loại trừ.

Kế đó, ông ta lại nói với một giọng ít nghiêm trang hơn:

- Các bạn đã bày tỏ ý muốn được nhìn thấy và hiểu biết. Nhìn thấy các bạn tụ họp như thế này, tôi chợt nghĩ đến một câu nói trong Kinh Thánh: "Khi nào hai hay ba người trong các ngươi nhân danh Ta mà hội họp, thì Ta luôn có mặt một bên họ."

Một cuộc đời tu hành khổ hạnh, xa lánh thế tục để ẩn mình trong những tu viện hẻo lánh không phải là một điều thực sự cần thiết. Một cuộc đời như thế không hẳn đã có thể giúp cho hành giả đạt tới sự giác ngộ tâm linh thật sự và đạt đến trí tuệ sáng suốt chân chính.

Tuy vậy những quan niệm đam mê vật chất và si mê từ lâu đời luôn ảnh hưởng đến đời sống của con người. Con người đã đi xa dần những chân lý của của sự sống, chính vì luôn muốn vun đắp cho cái bản ngã

nhỏ hẹp của mình. Họ dần dần chìm đắm trong những quan niệm tà kiến sai lầm và cuối cùng không khỏi rơi vào một trong những ảnh hưởng của các tà giáo, bàng môn tả đạo.

Cuộc nói chuyện chấm dứt và chúng tôi lên đường đến viếng thăm ngôi đền. Tại đây, chúng tôi gặp bốn vị trong số các bậc chân sư đã đến đây trước chúng tôi. Sau một lúc trò chuyện, tất cả chúng tôi đều ngồi xuống và người khách đã đưa chúng tôi đến đây lại nói tiếp:

- Hầu hết những người Âu Mỹ đều tôn sùng đức *Jesus* như một thần tượng, và đó là điều hết sức sai lầm. Lẽ ra họ phải xem ngài như sự biểu hiện của một lý tưởng, thay vì tôn thờ ngài như một thần tượng. Đó là hai việc hoàn toàn khác nhau. Thay vì tạo ra những hình tượng bằng gỗ đá để tôn thờ, sùng bái, người ta nên xem cuộc đời ngài như một tấm gương sống động và cố gắng sống theo như ngài. Trong ý nghĩa đó thì họ sẽ thấy rằng ngay cả đến nay đức Jesus vẫn đang hiện hữu trong mỗi con người, và không hề chết đi trong cái thể xác đã từng bị đóng đinh trên cây Thập tự. Theo cách hiểu đó thì ngài vẫn luôn hiện hữu trong tâm tưởng của mỗi một con người, chừng nào mà họ vẫn còn thấy có gì đó để học hỏi và noi theo trong tấm gương sống động của đời ngài. Sự lầm lạc to lớn của đa

số người là họ nghĩ rằng cuộc đời đức *Jesus* đã kết liễu trong tai nạn đau khổ và chết đi trên cây thánh giá. Và vì đối với họ ngài chỉ là một người đã chết, nên họ dễ dàng lãng quên ngài. Họ lãng quên ngài ngay cả khi vẫn luôn quỳ lạy và cầu nguyện với ngài mỗi ngày như một con chiên ngoan đạo!

Tới đây, người khách lạ ngừng nói, tất cả đều đắm chìm một lúc trong một cơn im lặng thâm trầm, kế đó có một thứ ánh sáng mà chúng tôi chưa nhìn thấy bao giờ bỗng tỏa chiếu khắp gian phòng. Chúng tôi nghe một giọng nói, lúc đầu dường như vọng lại từ đằng xa và không được rõ ràng. Sau khi giọng nói ấy làm cho chúng tôi chú ý và tất cả những tư tưởng của chúng tôi đều hướng về đó thì nó trở nên hoàn toàn rõ rệt và vang rền thành những âm vang trong sáng và thánh thót như tiếng chuông ngân. Một người trong chúng tôi lên tiếng hỏi:

- Ai nói đó?

Vị trưởng nhóm của chúng tôi đáp:

- Hãy im lặng, đó là đó lời dạy của một đấng giác ngộ.

Khi đó giọng nói lại tiếp tục và chúng tôi bắt đầu nghe rõ từng tiếng:

- Khi ta nói "*Ta là là chân lý, ta là sự sống*," ta không hề có ý nói đến cái bản ngã nhỏ hẹp mà người đời gọi là "*của ta*"; rằng chỉ có duy nhất mình ta mới là ánh sáng, là chân thật và đáng được tôn thờ. Ta chỉ muốn nói lên một sự thật với toàn thể nhân loại rằng, chân lý vốn luôn hiện hữu trong mỗi con người, bởi vì mỗi con người luôn sẵn có bản tâm tròn đầy và sáng suốt. Hiểu rõ được bản tâm ấy là điều kiện trước tiên để đạt đến một tâm thức tĩnh lặng, sáng suốt và giải thoát.

Bằng cách sống cuộc đời thánh thiện với một tâm hồn hồn nhiên, chân thật và nhẫn nhục, mỗi con người đều có thể trở nên một nhân vật thiêng liêng xứng đáng cho người khác tôn sùng. Nhưng sự tôn sùng một nhân vật thánh thiện không mang lại cho người ta bất cứ lợi ích nào. Người ta cần phải biết noi theo và giữ gìn cái lý tưởng của người ấy, tự mình thực hiện cái chân lý trọn vẹn giống như người ấy, và sau cùng đạt được chính cái mục đích mà người ấy đã đạt đến. Chỉ có như vậy thì tự thân mỗi người mới nhận ra được chân lý và tự mình đạt tới sự giải thoát chân thật. Như vậy đó, chân lý chưa bao giờ rời xa con người, chỉ có con người mê muội nên mới càng lúc càng rời xa chân lý.

Không có bất cứ sự mầu nhiệm hay bí ẩn nào bao quanh những giáo lý mà người đời gọi là siêu việt, vì

thật ra tất cả chỉ là sự biểu hiện vô cùng đơn giản của lòng thương yêu: thương yêu tất cả nhân loại và thương yêu đến cả muôn loài.

Giọng nói ngưng lại, và các vị chân sư bỗng nhiên xuất hiện đầy khắp trong ngôi đền. Đó không phải là một cảnh tượng xa xôi, huyền ảo. Đó là một khung cảnh rất thật. Chúng tôi thật sự có mặt trong gian phòng lúc ấy và chúng tôi đã nói chuyện với nhiều người trong số các chân sư. Chúng tôi đã bắt tay chào hỏi và thậm chí đã chụp ảnh các vị. Các vị đã hiện diện giữa nhóm chúng tôi, và chúng tôi đã vây quanh các vị. Sự khác biệt duy nhất giữa các vị với chúng tôi là các vị được bao phủ quanh mình bằng một thứ hào quang đặc biệt. Hào quang đó dường như là cái nguồn xuất phát ra ánh sáng chiếu khắp phòng. Thân thể các vị có những rung động ưu ái tốt lành và tỏa ra chung quanh một sự nhiệt thành và ấm áp của tình thương.

Sau khi các vị chân sư đã từ biệt ra đi, gian phòng dường như vẫn còn giữ lại một phần sự ấm áp và ánh sáng của các ngài. Sau đó, mỗi khi chúng tôi bước vào phòng này, chúng tôi đều cảm thấy như vậy.

Một ngày nọ, vài người trong nhóm chúng tôi hội họp tại đó, trao đổi cảm tưởng lẫn nhau và vị trưởng nhóm chúng tôi nói:

- Gian phòng này thật là kỳ diệu!

Anh ta đã biểu lộ đúng cái cảm tưởng chung của tất cả chúng tôi, nên không ai nói thêm điều gì nữa.

Khi chúng tôi trở lại đó vào mùa thu năm sau, gian phòng giống như một nơi linh điện và chúng tôi ngồi tĩnh tâm tại đó trong nhiều giờ.

Sau cuộc gặp gỡ đầu tiên đó, chúng tôi đợi cho các vị chân sư đều bước ra khỏi phòng rồi mới đứng dậy ra về. Chúng tôi theo cầu thang đi xuống phòng dưới và đi theo con đường hầm để ra ngoài đường.

Chúng tôi đi về làng và trở về nhà trọ. Tại đây chúng tôi còn ngồi nói chuyện đến tận nửa đêm. Sau khi các vị quan khách đã ra về, chúng tôi tụ họp quanh bà chủ nhà, và mỗi người đều đến bắt tay bà để cám ơn về buổi tối đặc biệt đó. Một người trong chúng tôi nói:

- Tôi chỉ có một cách duy nhất để phát biểu những tư tưởng và cảm nghĩ của tôi, là nói rằng những quan niệm vật chất thiển cận của tôi đã hoàn toàn tan vỡ đến nỗi tôi sẽ không bao giờ còn thấy lại một mảnh vụn nhỏ nhặt nào!

Dường như bạn tôi đã thức động đến những tư tưởng thầm kín của tất cả mọi người trong nhóm. Về phần tôi, tôi không nói gì về những cảm nghĩ của mình

và cũng không hề nghĩ đến việc thuật chuyện lại cho ai nghe. Việc đó tôi để tùy nơi sự tưởng tượng của độc giả.

Khi chúng tôi chào bà chủ nhà trước khi đi ngủ, không ai thốt ra thêm một lời nào nữa. Mỗi người đều có cảm tưởng rằng một thế giới hoàn toàn mới lạ đã mở ra ngay trước mắt mình. Chúng tôi lui về phòng riêng trong đêm đó với ý nghĩ rằng mình đã trải qua một ngày đầu năm tốt đẹp nhất trong đời.

•••

Sáng ngày hôm sau, vào lúc ăn điểm tâm, chúng tôi hỏi bà chủ nhà và được biết rằng những cuộc tụ họp của các chân sư nơi ngôi đền thiêng đó không phải là một điều bất thường. Bà nói rằng bà vẫn thường đến tham dự cùng với các bạn hữu của bà.

Ngày hôm đó, bà chủ nhà và hai phụ nữ khác quyết định đi đến ngôi đền với chúng tôi. Khi chúng tôi vừa ra khỏi nhà, có hai người đàn ông đi theo chúng tôi. Một người nói với bà chủ nhà rằng có một đứa trẻ trong làng bị bệnh và nhờ bà đến chữa trị. Chúng tôi bỏ dở lộ trình và đi theo hai người đàn ông đến nhà đứa trẻ, thì thấy một em bé thật sự đang ốm nặng.

Bà chủ nhà của chúng tôi liền tiến tới và đưa hai tay ra. Mẹ em bé bế em lên đặt vào trong vòng tay của bà. Gương mặt đứa bé liền sáng lên, rồi nhăn nhó lại trong một lúc. Sau vài phút, nó ngủ thiếp đi. Công việc chữa bệnh đơn giản chỉ có thế! Bà chủ nhà trả em bé lại cho người mẹ và chúng tôi ra đi đến ngôi đền.

Người ta đưa chúng tôi đi qua nhiều phòng trong ngôi đền. Trong lúc nói chuyện, chúng tôi được biết rằng một trong hai người đàn ông đã đi theo chúng tôi hồi sớm này là con cháu của một trong các bậc chân sư có gương mặt còn trẻ mà chúng tôi đã gặp tại ngôi làng cũ, nơi trú ngụ của Thánh *Jean Baptiste* ngày xưa. Chúng tôi đã nhắc đến vị chân sư ấy, là tác giả của các bản văn kiện cổ nói về thánh *Jean*.

Trong khi chúng tôi trở lại gian phòng thứ nhất, vị trưởng nhóm của chúng tôi hỏi rằng, một điều ước nguyện có thể nào thực hiện được chăng. Bà chủ nhà đáp rằng, mọi điều mong ước được bày tỏ dưới một hình thức toàn vẹn đều sẽ được thực hiện. Bà nói thêm rằng, sự mong ước là một hình thức cầu nguyện, và một hình thức cầu nguyện toàn vẹn sẽ luôn luôn được đáp ứng. Một lời cầu nguyện luôn luôn được đáp ứng chỉ có thể là toàn vẹn, bởi đó nó rất khoa học, và nếu nó đúng tinh thần khoa học, lẽ tất nhiên nó phải theo một định luật đúng đắn. Bà chủ nhà nói tiếp:

- Định luật ấy có thể phát biểu như thế này: Lời cầu nguyện được đáp ứng tùy theo mức độ của đức tin. Nói một cách khác, bất luận là bạn mong ước điều gì khi bạn cầu nguyện, bạn hãy tin chắc rằng bạn đã nhận được những điều mong ước đó, rồi bạn sẽ có. Nếu chúng ta biết chắc rằng những gì ta cầu nguyện đã được đạt đến, chúng ta cũng sẽ biết rằng chúng ta đã hành động một cách chân thật và đúng đắn. Và khi điều mong ước được thực hiện, chúng ta biết rằng định luật ấy đã ứng nghiệm. Còn nếu điều ta cầu nguyện không được đáp ứng thì ta biết rằng ta đã cầu nguyện không đúng cách. Lỗi ấy không phải nơi sự cầu nguyện, mà ở nơi cách thức cầu nguyện của chúng ta.

Bây giờ, bạn hãy đi sâu vào chính tâm hồn bạn, không thành kiến, không sợ hãi và không nghi nan, với một tâm hồn vui vẻ, tự do và biết ơn, và biết rằng những gì bạn cần dùng, những gì bạn cầu mong, bạn đã được rồi đấy. Bí quyết ở đây là sự nâng tâm hồn, đạt đến trạng thái tâm thức hòa nhập với nhịp sống của toàn vũ trụ, nghĩa là không còn bị trói buộc trong cái bản ngã nhỏ nhoi, hèn kém mà người đời vẫn luôn gọi là "của ta". Với trạng thái tâm thức này, mọi tư tưởng đều trở nên thuần khiết và mạnh mẽ, không còn chịu sự chi phối, lay động của bất cứ yếu tố ngoại cảnh nào, cho dù đó có là sự chống đối của toàn thể thế giới.

Chính sức mạnh tinh thần của những tư tưởng thuần khiết và mạnh mẽ vô biên này sẽ giúp bạn đạt được một cách chắc chắn những điều mà bạn cầu nguyện.

•••

Trong suốt hai tháng trường sau đó, chúng tôi miệt mài nghiên cứu một loạt những tấm bia đá cổ xưa được xếp thành hàng trong một gian phòng kín của ngôi đền. Những bia đá này có khắc cổ tự và những hình biểu tượng hàm súc nhiều ý nghĩa thâm sâu. Một người bạn già tên là *Chander Sen* đi theo chúng tôi và giảng giải cho chúng tôi nghe những ý nghĩa của các bia đá cổ.

Một ngày đầu tháng ba, như thường lệ chúng tôi đến gian phòng nói trên và tiếp tục đắm chìm trong công việc nghiên cứu. Chúng tôi đều thắc mắc là không thấy bóng dáng Chander Sen đâu cả, cho dù đã quá giờ mà ông lão vẫn đến đây như thường lệ. Bỗng chúng tôi nghe có tiếng người vang lên:

- Chào các bạn!

Tiếng chào này kéo chúng tôi ra khỏi sự chú ý vào công việc đang làm. Chúng tôi quay lại phía cửa vào và nhìn thấy đức Tuệ Minh. Sự xuất hiện của ngài làm

chúng tôi ngạc nhiên, vì chúng tôi tưởng là ngài đang ở một nơi cách đây một ngàn năm trăm cây số!

Trước khi chúng tôi kịp định tĩnh tinh thần, đức Tuệ Minh đã bước tới gần và bắt tay chúng tôi. Ngài nói với giọng thân mật:

- Các bạn không phải chờ đợi Chander Sen nữa. Ông ta có việc và phải đi vắng khỏi đây trong ít lâu. Nhưng khi trở về, có lẽ ông ta sẽ giúp các bạn được nhiều việc hơn. Một khắc đồng hồ sau, trong khi chúng tôi đang trò chuyện thì một người bạn tôi bước đến gần cửa sổ nhìn ra ngoài và nói hình như có nhiều người lạ mặt đã vào làng. Ngạc nhiên, chúng tôi đều đi ra để nhìn xem. Thật vậy, quả là một điều rất hiếm xảy ra khi thấy những người khách lạ đi bộ đến làng, vì lúc ấy là giữa mùa đông. Chúng tôi liền kéo nhau về làng để xem chuyện gì đã xảy ra.

Khi về đến làng, chúng tôi thấy một nhóm vài người đến từ một thôn nhỏ cách đó chừng độ năm chục cây số. Họ có mang theo một người đi lạc trước đó ba ngày trong một cơn bão tuyết và bị cóng lạnh đến mức hầu như không còn cử động được nữa. Đức Tuệ Minh bước đến gần, đặt một bàn tay trên đầu người ấy và đứng yên trong một lúc. Dường như có một luồng hơi ấm kỳ diệu đang tỏa ra quanh ngài, và luồng hơi ấm đó cũng theo bàn tay ngài mà nhanh chóng truyền sang cho

nạn nhân. Trong chốc lát, người ấy hất tấm chăn phủ ra và đứng dậy. Nhiều người trong số các bạn anh ta đứng trố mắt nhìn một cách vô cùng kinh ngạc. Một vài người khác bỏ chạy vì hoảng sợ. Trong khi đó, nạn nhân vừa được cứu chữa có vẻ hoang mang, ngơ ngác. Dường như anh ta không hiểu được chuyện gì đã xảy ra cho chính bản thân mình.

Chúng tôi quay trở lại nhà trọ với một tâm trạng khó tả, và chúng tôi đã thức đến nửa đêm hôm đó để bàn luận về những việc vừa xảy ra.

Trong khi bàn luận, một người bạn tôi nêu câu hỏi rằng địa ngục ở đâu và có thật có những ác quỉ hay không? Đức Tuệ Minh trả lời dường như không cần suy nghĩ:

- Địa ngục và ác quỉ không có một nơi chốn nào nhất định, mà chỉ hiện hữu trong tư tưởng si mê của người đời. Những thứ ấy luôn xuất hiện đúng ở nơi mà con người đặt để cho chúng. Các bạn đều là những người có học thức, vậy các bạn có thể nào tìm thấy chăng một vị trí địa dư xác định nào cho địa ngục và ác quỉ trên quả địa cầu này? Và nếu như chúng ta đã lục soát khắp cả vũ trụ mà vẫn không tìm thấy bất cứ nơi chốn nào là địa ngục, là chỗ trú ẩn của ác quỉ, vậy chúng ta buộc phải nhìn nhận rằng địa ngục và ác quỉ chỉ xuất hiện ở những chỗ nào có con người và nó chỉ

có những quyền năng mà chính con người đã gán cho nó. Các nhà phù thủy hay các pháp sư thường nói rằng họ có thể xua đuổi tà ma ra khỏi một con người nào đó, nhưng thật ra không hề có bất cứ một loại tà ma quỉ quái nào nhập vào con người, trừ phi chính người ấy đã tự ý mong muốn một chuyện như vậy. Sự hiện hữu và quyền năng duy nhất của cái gọi là tà ma chính là cái quyền năng mà con người đã tưởng tượng ra và gán ghép cho chúng.

Một lúc sau, câu chuyện bắt đầu hướng đến vấn đề sự hiện hữu của Thượng đế, và một người bạn tôi nêu câu hỏi:

- Như vậy, thật ra thì Thượng đế có thật hay không, và nếu có thì bản chất thật sự của ngài là như thế nào?

Đức Tuệ Minh đáp:

- Tôi có thể hiểu được tầm mức quan trọng của câu hỏi đó. Thật ra, bạn đang muốn xác định rõ ràng một vấn đề mà suốt nhiều thế kỷ qua con người vẫn chưa từng xác định được một cách rõ ràng. Ngày nay, thế giới đang bị xáo trộn bởi nhiều tư tưởng trái ngược. Người ta chỉ biết tìm hiểu mọi vấn đề thông qua các danh từ mà chính họ đã đặt ra để gọi tên nó. Người ta suy diễn một sự việc để hình thành khái niệm tương ứng với sự việc đó, rồi đặt ra một tên gọi cho khái niệm

vừa hình thành. Nhưng ngay khi tên gọi vừa được xác định thì người ta lại quên mất đi bản chất thật sự của vấn đề, mà chỉ nhận hiểu vấn đề ấy bằng vào cái tên gọi rỗng tuếch mà họ vừa đặt ra cho nó. Thật là buồn cười, phải không các bạn? Nhưng chính cái vòng luẩn quẩn này đã trói chặt con người trong bao nhiêu thế kỷ qua, đã dựng lên một bức rào cản kiên cố ngăn cách giữa con người và thực tại. Con người đã tự mình che phủ thực tại bằng chính những khái niệm và tên gọi do họ đặt ra, để rồi không bao giờ còn có khả năng tiếp xúc thực sự với thực tại đang hiện hữu đó. Bằng cách đó, con người hiện nay thực sự có thể hiểu được những gì về Thượng đế? Chẳng qua chỉ là một tên gọi do họ đặt ra mà thôi! Và nếu bạn đang nói đến Thượng đế theo cách này, thì sự hiện hữu của một Thượng đế như thế liệu có quan hệ gì đến cuộc sống của chúng ta? Thật ra, nếu chúng ta có thể vất bỏ đi tất cả những khái niệm và định kiến chật hẹp đang chất đầy trong tâm trí, chúng ta sẽ hoàn toàn có khả năng tiếp xúc được với sự sống quanh mình một cách giản dị và chuẩn xác. Khi đó, chúng ta sẽ nhận ra được rằng có một nguyên lý chung luôn tác động, ảnh hưởng đến vạn vật quanh ta. Nguyên lý đó ngự trị khắp nơi trong vũ trụ, trong mọi sinh vật cũng như mọi hiện tượng. Trong mỗi sinh vật, nguyên lý ấy được biểu hiện thành cái gọi là tinh thần, nên tinh thần ấy vốn là toàn năng, toàn trí và toàn

thông. Nhưng con người không nhận biết được điều này! Họ tự mình tách rời ra khỏi cái nguyên lý chung của toàn thể, ôm giữ lấy một phần nhỏ nhoi và gọi đó là "của mình", rồi trong khi cố tìm mọi cách để bảo vệ, vun bồi cho cái bản ngã đó, họ liên tục gây tổn hại đến vô số những sinh linh khác. Vì thế, họ ngày càng trở nên xa cách với bản thể chân thật của chính mình. Nếu vì thói quen mà các bạn muốn đặt ra một tên gọi, thì chính phần tâm thức toàn năng, toàn trí và toàn thông mà tôi vừa nói đến đó chính là cái mà bạn nên gọi là Thượng đế. Và Thượng đế hiểu theo cách này thì quả thật là vẫn luôn hiện hữu khắp quanh ta và ngay trong lòng chúng ta. Bản chất của một Thượng đế như thế là gì ư? Đó chính là sự sống! Sự sống vốn là trường cửu, bất biến, nên đó chính là Thượng đế trong vũ trụ này. Bạn có thể nhìn thấy tôi chết đi, mọi người khác quanh bạn chết đi, nhưng đó thật ra không phải là sự chấm dứt của đời sống, mà chỉ là sự chuyển tiếp của sự sống từ một hình thái này sang một hình thái khác mà thôi. Từ thuở khai thiên lập địa đến nay, sự sống chưa từng chấm dứt! Vậy thì cái chết liệu có ý nghĩa gì nếu không phải chỉ là sự đe dọa đối với những tâm thức nhỏ nhen, hạn hẹp? Khi bạn hiểu Thượng đế theo nghĩa này, thì Thượng đế chính là nguyên nhân trực tiếp của tất cả mọi sự tốt lành ở chung quanh chúng ta. Cũng có thể nói là nguyên nhân của mọi sự sống mà ta nhìn

thấy quanh ta; là nguồn gốc của tình thương yêu bao la rộng khắp, có khả năng duy trì và hợp nhất tất cả mọi hình thái khác nhau của đời sống. Như vậy, Thượng đế là một nguyên lý vi diệu chứ không phải là một cá thể riêng biệt, không phải là một nhân vật riêng rẽ có sự hiện hữu tách biệt với mỗi người trong chúng ta. Sự tôn sùng Thượng đế như một cá nhân siêu việt chỉ là kết quả của một quan niệm sai lầm nảy sinh trong trí óc của những kẻ ngu dốt. Và điều ấy cũng là nguyên nhân dẫn đến nhiều sự sai lầm khác mà các bạn có thể thấy trên thế gian này.

Đức Tuệ Minh ngừng một lúc, và một người bạn tôi thưa hỏi:

- Thưa ngài, nếu không có một đấng Thượng đế toàn năng hiện hữu một cách tách biệt và khách quan để thưởng phạt con người, thì những việc làm tốt lành hay xấu ác của mỗi con người sẽ có ý nghĩa như thế nào? Người ta sẽ nhận được gì khi làm điều thiện, và do đâu mà phải chịu trừng phạt khi làm việc xấu ác?

Đức Tuệ Minh nở một nụ cười tươi sáng và nói:

- Cám ơn về câu hỏi của bạn. Tôi biết là có rất nhiều người trong nhân loại vẫn luôn thắc mắc tương tự như vậy. Và chính do nơi những người này mà có sự hình thành của cái gọi là một “đấng toàn năng thưởng

phạt". Những người này cần thấy được - cho dù trong thực tế là không bao giờ có - một sự thưởng phạt cụ thể nào đó, do một ai đó đứng ra làm chủ cho họ, vì bản thân họ không bao giờ có đủ đức tin vào chính mình. Và trong một chừng mực nào đó thì việc dựng lên một "đấng toàn năng thưởng phạt" như vậy - cho dù không thật có - là hết sức cần thiết để giữ cho một phần lớn trong nhân loại không sa đọa vào những điều xấu ác, để đưa họ đến gần hơn với con đường hiền thiện, và như vậy cũng có nghĩa là cứu thoát họ trở về với cội nguồn của sự sống. Phải, tôi có thể nói là chỉ có một con đường đưa đến sự toàn thiện mới cứu thoát được con người ra khỏi những khổ đau truyền kiếp mà họ đang chịu đựng. Con người sinh ra từ sự toàn thiện và phải trở về với sự toàn thiện nếu như không muốn chìm đắm mãi mãi trong sự si mê và đau khổ.

Nguyên lý của sự sống là phổ quát và bao trùm khắp vũ trụ, nên tất cả mọi con người đều hòa nhập thành một thể thống nhất trong nguyên lý mầu nhiệm vô biên ấy... Vì thế, các bạn hãy nhận thức một cách đúng đắn rằng bản thân mình là một phần tử không tách rời của sự sống vô biên. Các bạn hãy chấp nhận tự nguyện hy sinh vì sự lợi ích chung của toàn thể. Các bạn hãy tập làm điều lành mà không cần suy nghĩ, tính toán đến hậu quả. Các bạn hãy tập từ bỏ mọi ham muốn nhỏ

nhen và từ bỏ mọi thứ của cải vật chất không thường tồn của trần gian. Hãy làm như vậy một cách thoải mái và tự do. Đó không phải là một sự quên mình hay cam tâm sống cuộc đời bần cùng khắc khổ, bởi vì bạn càng cho ra bao nhiêu những gì bạn có thì bạn sẽ nhận thấy rằng bạn lại càng có được nhiều hơn để cho ra. Đôi khi, dường như bạn rơi vào những trường hợp phải cho đi tất cả, thậm chí đến cả sự sống của mình. Nhưng nếu bạn vượt qua được thử thách đó, bạn sẽ thấy rằng những ai chỉ muốn duy trì sự sống của chính mình sẽ sớm đánh mất nó. Và bạn sẽ vui mừng mà nhận thấy rằng sự sống mà bạn vui lòng hy sinh cho kẻ khác lại chính là sự sống mà bạn luôn gìn giữ được.

Khi đó bạn sẽ biết rằng nhận lãnh có nghĩa là cho ra một cách rộng rãi, phóng khoáng. Ngay cả khi bạn phải hy sinh sự sống hữu hình hữu hoại này, thì một đời sống cao cả hơn sẽ xuất hiện. Và một đời sống như thế là một sự thành tựu lớn lao không phải cho riêng mình, mà là cho tất cả. Bạn nuôi dưỡng lòng thương yêu để cảm thông với những khổ đau, những nhu cầu cấp bách của thế gian. Khi bạn làm được điều đó, bạn sẽ có thể giúp đỡ người khác một cách vô tư mà không hề khoe khoang tự phụ. Bạn có thể tự mình mang đến nguồn ân huệ thiêng liêng cho những tâm hồn khát khao chân lý, và nguồn ân huệ ấy sẽ không bao giờ cạn kiệt. Nếu được, bạn hãy sử dụng khả năng thuyết

giảng đạo lý để mang lại nguồn an ủi cho những kẻ khổ đau tìm đến với bạn, mang lại sự bình an và nguồn hy vọng cho những kẻ bệnh tật, những kẻ mệt mỏi chán nản trong cuộc sống, và tất cả những ai đang bị những đau khổ của cuộc đời đè nặng trong tâm hồn. Bạn có thể thức tỉnh những kẻ mù quáng, những tâm hồn sa đọa, giúp họ cảm thấy rằng bao giờ cũng luôn sẵn có một con đường tốt đẹp để họ vươn đến và vững bước đi lên...

Kế đó, đức Tuệ Minh nói rằng ngài phải đến nhà một huynh đệ khác trong làng ngay chiều hôm đó. Tất cả chúng tôi đều đứng dậy tiễn ngài. Đức Tuệ Minh ban ân huệ cho tất cả chúng tôi và rời khỏi gian phòng cùng với hai người khác.

CHƯƠNG SÁU

Sáng hôm sau, chúng tôi bắt tay vào công việc phiên dịch các cổ tự dùng trong những bản văn kiện và tài liệu cổ Chúng tôi muốn có sự rõ ràng chân xác tối đa về ý nghĩa của những chữ ấy. Nhờ sự giúp đỡ của bà chủ nhà, chúng tôi học được rất nhiều từ những văn bản cổ xưa ấy. Chúng tôi lao mình vào công việc với tất cả tâm hồn.

Một buổi sáng sau độ hai tuần làm việc, chúng tôi đi đến ngôi đền như thường lệ và thấy ông bạn già *Chander Sen* của chúng tôi, là người đã đột nhiên biến mất trước đây vào ngày mà đức Tuệ Minh trở lại tham chúng tôi.

Thoạt trông ông ta có vẻ như không có gì thay đổi, nét mặt vẫn như cũ và rất dễ nhận ra, nhưng lại không mang chút dấu vết nào của sự già nua! Mặc dù không thể lầm ông ta với bất cứ một người nào khác, nhưng chúng tôi vẫn có cảm giác đó là một người hoàn toàn khác chứ không còn là ông bạn già nua lụm cụm của chúng tôi trước đây.

Khi chúng tôi bước vào phòng, *Chander Sen* đang ngồi trên ghế liền đứng dậy và đến gần để bắt tay chúng tôi với những lời chào hỏi mừng rỡ. Người ta không thể tưởng tượng sự ngạc nhiên của chúng tôi

khi chúng tôi vây quanh ông ta và chất vấn với hàng loạt những câu hỏi lộn xộn. Chúng tôi lúc đó giống như một đám học trò vô kỷ luật. Tất cả đều lên tiếng hỏi cùng một lượt, không ai nghe rõ được ai, không có trật tự trước sau gì cả! Chắc chắn rằng trong cặp mắt của *Chander Sen*, chúng tôi lúc đó có vẻ như một đám trẻ con vừa chặn được một đứa mang tin sốt dẻo, và tất cả đều muốn biết xem đó là việc gì! Mỗi người đều muốn biết vì sao ông ta lại đột nhiên biến mất và khi trở về lại có vẻ như đã trở thành một người khác!

Sự thật là *Chander Sen* đang đứng trước mặt chúng tôi, với giọng nói và những nét mặt đặc biệt không thể nhầm lẫn của ông ta, nhưng có vẻ như không giống với một người già chút nào! Thậm chí giọng nói của ông ta cũng có vẻ rắn rỏi như một người chỉ vào độ tuổi trung niên. Chỉ trong mấy bước đi, chúng tôi đều nhận ra ngay là ông ta có dáng điệu của một người linh hoạt và khỏe mạnh, sáng suốt. Khuôn mặt và đôi mắt ông ta phản chiếu những nét tinh anh và linh hoạt của tuổi trẻ.

Ngay từ đầu, chúng tôi không ai bảo ai mà đều cùng lúc hình thành trong trí óc một sự so sánh cái thực trạng của *Chander Sen* bây giờ với tình trạng trước đây của ông ta. Trước kia, khi mới quen biết chúng tôi, ông ta là một người già nua lọm khọm, lúc đi đứng bao

giờ cũng phải nhờ đến một cây gậy. Ông ta có những lọn tóc dài trắng phau, những bước đi chập choạng không vững và một gương mặt xanh xao hốc hác. Một người trong bọn chúng tôi thậm chí đã từng nhận thấy những điểm đó và cho rằng ông ta không bao lâu nữa sẽ đi vào cõi chết.

Nhưng giờ đây, sau khi *Chander Sen* thình lình biến mất và rồi quay trở lại thì tất cả dường như đều đã thay đổi. *Chander Sen* đã trẻ hẳn lại một cách không thể tưởng tượng! Nói đúng hơn, ông ta đã trải qua một sự thay đổi hình thái nào đó mà có lẽ là con người chưa từng được biết đến. Xét về sự tương phản rõ rệt giữa hình dáng của ông ta trước kia với tình trạng bây giờ, chắc chắn rằng tâm hồn ông ta cũng đã thay đổi đến mức như được tái sinh trở lại.

Tuy rằng trước đây chúng tôi không sống chung với Chander Sen được bao lâu, nhưng sự tiếp xúc hằng ngày giữa chúng tôi với ông ta cũng đã kéo dài được một quãng thời gian đủ để chúng tôi trở nên quen thuộc với hình ảnh của ông ta như một người đã rất già. Quãng thời gian ấy, tuy nói là ngắn ngủi nhưng ít nhất cũng đã được hơn hai năm, vừa làm người hướng dẫn vừa làm thông ngôn cho chúng tôi trong chuyến du hành vượt qua vùng sa mạc *Gobi*.

Nhiều năm về sau, khi vài người trong phái đoàn chúng tôi gặp lại nhau và hồi tưởng lại việc cũ thì việc xảy ra sáng ngày hôm ấy vẫn là đề tài đầu tiên luôn được nhắc đến. Khi tôi thuật lại chuyện này, tôi không có ý kể lại tường tận cuộc đàm thoại của chúng tôi đúng từng chi tiết, vì chúng tôi đã trải qua gần trọn hai ngày chỉ để nói chuyện mà thôi! Sự tường thuật từng chi tiết hẳn sẽ làm cho độc giả nhàm chán. Bởi vậy, tôi chỉ xin kể lại những điểm chính trong câu chuyện này.

Khi cơn xúc động đầu tiên đã qua, chúng tôi ngồi xuống và *Chander Sen* bắt đầu nói:

- Các vị chân sư đã chỉ ra cho tôi thấy rằng trí tuệ của con người hoàn toàn có thể được chuyển hóa để trở thành trí tuệ toàn tri, toàn giác, vì bản tâm mỗi con người vốn đều sẵn có hạt giống của một tâm thức giải thoát. Tôi không còn nghi ngờ gì về điều đó nữa. Trong khi những điều đó được giảng rõ cho tôi và tôi mở lòng tin nhận, hiểu rõ, thì tôi chợt phát hiện ra rằng tôi có thể nhìn nhận toàn thể thế giới này không khác gì với thế giới nội tâm của chính tôi. Bây giờ tôi biết rằng một tâm thức toàn thiện và hòa nhập với sự sống của toàn thể mới là nguồn sức mạnh lớn lao và duy nhất, vốn toàn năng, toàn trí và toàn thông. Những điều tội lỗi, bất hòa, bệnh tật, già nua, chết chóc, đều thuộc về những kinh nghiệm của quá khứ, vốn chỉ hiện hữu

trong những khái niệm không xác thật của con người. Bây giờ tôi đã nhận biết được chân lý và biết rằng trước đây tôi đã luôn đi lạc trong đám mây mù của ảo giác. Thời gian và không gian cũng chỉ là những khái niệm tương đối, và chúng sẽ hoàn toàn biến mất trong một tâm thức giác ngộ. Tôi biết rằng sự sống luôn đồng thời diễn ra trong cả hai thế giới chủ quan và khách quan. Thế giới hiện tại mà các bạn nhìn thấy chỉ là một thế giới khách quan, phụ thuộc vào chính những gì mà tâm thức bạn đã từng sản sinh ra, trong đó có cả những giá trị vật chất cũng như tinh thần.

Nếu tôi có thể sớm nhận thức được điều này nhờ vào sự dẫn dắt của ai đó hoặc do sự nỗ lực của bản thân, thì tôi đã có thể tránh được biết bao nhiêu những đau khổ, hoang mang và mệt mỏi! Trong gần suốt cuộc đời tôi, tôi đã bắt chước một cách rập khuôn theo cách sống, cách nghĩ của phần lớn trong nhân loại. Tôi chỉ đặt niềm tin vào một lối sống sai lầm, đó là lối sống thụ hưởng khoái lạc trong mọi lãnh vực. Bởi đó, tôi đã quyết định sống cuộc đời sung mãn, thụ hưởng đến mức tối đa. Tôi lấy sự ích kỷ làm mục đích chính của đời tôi! Tôi sống buông thả theo đủ mọi thứ nhục dục, tham muốn, và hoang phí nguồn sinh lực đến mức làm cho thể xác tôi trở thành một cái vỏ bằng xương thịt khô khan trống rỗng như các bạn đã thấy trước đây.

Dừng một chút, *Chander Sen* lại nói tiếp:

- Hình thể trước đây của tôi là của một con người đã hoang phí sinh lực của thể xác đến mức chỉ còn lại một lớp vỏ khô kiệt. Còn hình thể hiện nay mà các bạn đang nhìn thấy và trò chuyện là của một con người đã nhận thức đúng và biết bảo tồn nguồn năng lực tự nhiên của sự sống. Trong trường hợp vừa xảy ra với tôi, các bạn có thể gọi đó là một sự "*phản lão hoàn đồng*", và hầu như chỉ được nghe diễn tả trong những truyền thuyết xa xưa. Nhưng với tư cách là người trong cuộc, tôi sẽ nhìn vấn đề dưới một khía cạnh khác. Biết bao nhiêu người, hay nói đúng hơn là tất cả mọi người, đều có thể có được cái khả năng kỳ diệu để như tôi để xóa bỏ sự già nua, chỉ cần họ chịu buông bỏ đi những nhận thức sai lầm về thực tại và để cho bản tâm mình quay về với cội nguồn của sự sống, với một tâm thức hòa nhập cùng thực tại như một toàn thể thống nhất, không còn một chút ý niệm chấp ngã nào. Nhưng họ đã không làm được như vậy, và vì thế họ phải chấp nhận chịu sự chi phối của những khái niệm khắc nghiệt mà chính họ đã đặt ra.

Những gì mà *Chander Sen* vừa trình bày dường như đã làm đảo lộn hầu hết mọi quan niệm của chúng tôi trước đây về sự sống. Chúng tôi cũng không chắc là đã có thể nắm hiểu được hết những gì ông ta nói, nhưng có

điều chắc chắn là chúng tôi biết mình cũng nằm trong số những người có nhận thức sai lầm về thực tại như ông ta đã nêu. Vấn đề là làm thế nào để thoát ra khỏi vùng sương mù dày đặc của những khái niệm và định kiến, có lẽ chúng tôi còn phải tiếp tục tìm học nhiều hơn nơi các vị chân sư cũng như bằng chính những gì thu thập được trong chuyến hành trình gian khổ này.

Kể từ hôm đó, chúng tôi chuyên cần chăm chỉ học về ý nghĩa các cổ tự dưới sự chỉ dẫn của *Chander Sen*. Ngày tháng trôi qua như thoi đưa. Đến cuối tháng tư, tức là sắp đến ngày chúng tôi lên đường đi đến cánh đồng sa mạc *Gobi*, nhưng phần lớn các tài liệu cổ vẫn chưa dịch xong.

Chúng tôi tự an ủi với ý nghĩ rằng chúng tôi sẽ có thể trở lại một ngày nào đó để hoàn tất công việc phiên dịch. Các vị chân sư đã dịch giúp chúng tôi một phần lớn các tài liệu, nhưng các ngài đòi hỏi chúng tôi phải học hiểu các cổ tự để có thể tự mình dịch lấy các tài liệu ấy

Tháng chín năm trước, chúng tôi có hẹn gặp lại những thành viên khác trong phái đoàn tại vùng sa mạc *Gobi*. Kế đó, họ sẽ đưa chúng tôi đến địa điểm tọa lạc của ba thành phố cổ xưa nay đã chôn vùi dưới lòng đất. Vị trí chính xác của những thành phố này có ghi trong một vài tài liệu cổ mà chúng tôi chưa được xem,

nhưng đã được nghe nói đến. Chúng tôi chỉ có trong tay những bản sao chép lại các tài liệu đó, và điều đó càng làm khích động sự tò mò của chúng tôi.

Những tài liệu cổ cho biết rằng thời đại phát triển của những thành phố này có thể là vào khoảng nhiều ngàn năm trước. Dân cư ở đó đã từng có một nền văn minh rất tiến bộ, đã từng biết các môn nghệ thuật cùng các nghề nghiệp thủ công như rèn đồ sắt và làm đồ vàng bạc. Thời đó, vàng ở xứ này rất thông dụng đến nỗi người ta dùng vàng ròng để làm chén đĩa và móng ngựa. Các tài liệu cũng cho biết rằng những cư dân thời ấy có quyền năng chế ngự các sức mạnh thiên nhiên, biết sử dụng những năng lực thần bí của chính họ. Những chi tiết huyền thoại đó thật giống một cách lạ lùng với những chuyện trong thần thoại Hy Lạp.

Theo các bản đồ chỉ dẫn thì ngày xưa đế quốc Uighur gồm một phần lớn Châu Á và Châu Âu, kéo dài đến tận bờ biển Địa Trung Hải, với một vùng đồng bằng rộng lớn vô cùng phì nhiêu, sung túc và rất đông dân cư. Sự khám phá di tích những thành phố cổ của đế quốc ấy chắc chắn sẽ đóng góp một phần rất lớn cho lịch sử nhân loại.

Những tài liệu cổ mô tả đế quốc Uighur dưới triều đại của bảy vị hoàng đế có những nét huy hoàng lộng lẫy vượt rất xa so với Ai Cập thời cổ. Ngay cả vào trước

thời kỳ bảy vị hoàng đế, các bia đá cổ cũng mô tả xứ ấy như một nước phồn thịnh hơn Ai Cập rất nhiều. Dân tộc xứ ấy đã sống một thời thái bình thịnh trị, không hề có chiến tranh, không có các nước chư hầu xưng hùng xưng bá, cũng không có chế độ nô lệ.

Thời gian vẫn tiếp tục qua mau và chúng tôi rất bận rộn lo chuẩn bị cuộc hành trình. Chúng tôi phải đến chỗ hẹn vào tháng năm. Tại đó chúng tôi sẽ chuẩn bị đầy đủ lương thực và các đồ vật dụng trang bị để hoàn tất chuyến đi cuối cùng.

Tôi không thể nào diễn tả những sự cảm nghĩ của tôi vào lúc gần đến ngày lên đường. Những giờ phút trong thời gian chúng tôi được ở lại đây là những giờ phút thần tiên. Tuy rằng chúng tôi đã ở tại đây hơn 5 tháng và sống gần các chân sư trong suốt thời gian đó, nhưng thời gian dường như đã trôi qua quá nhanh và 5 tháng đó đối với chúng tôi dường như chỉ có 5 ngày!

Một thế giới lạ lùng đang chờ đón chúng tôi. Dường như trước mắt chúng tôi là một cánh cửa mở rộng để đưa chúng tôi vào một cõi giới huyền linh với những diễn biến không có giới hạn. Mỗi người trong chúng tôi đều có cảm giác rằng mình chỉ cần vượt qua cánh cửa đó, nhưng rồi lại do dự, cũng như chúng tôi cảm thấy phân vân lưỡng lự khi phải từ giã các bậc siêu nhân

thanh khiết cao cả mà chúng tôi tôn kính như những bậc thầy.

Tôi nghĩ, trong cuộc đời của mỗi con người đều sẽ có một lúc nào đó có thể nhìn thấy một cánh cửa mở rộng cũng như vào một ngày đẹp trời tháng tư năm ấy chúng tôi đã được thấy rõ trước mắt những viễn ảnh vô biên mà người ta có thể đạt tới.

Dù sao đi nữa, tôi luôn hiểu rõ một điều rằng, việc nghe biết về cuộc đời của các vị chân sư hoàn toàn khác xa với việc được tự mình ngồi dưới chân các ngài để nghe các ngài dạy bảo. Dường như nếu chúng ta dám táo bạo tiến tới để vượt qua cánh cửa mở rộng nói trên, chúng ta sẽ có thể thực hiện được mọi điều mong ước. Tuy thế, chúng ta lại luôn do dự. Tại sao? Đó là vì chúng ta chưa có đủ đức tin vào một nhận thức chân xác nhưng mới mẻ, và bởi vì nhận thức đó dường như đi ngược lại và làm đảo lộn mọi khái niệm, định kiến vốn có của chúng ta. Chúng ta luôn có khuynh hướng để cho những tư tưởng bảo thủ kéo ta lùi lại phía sau và đóng sầm cánh cửa kia lại. Rồi sau đó chúng ta lại cho rằng cánh cửa ấy bị đóng lại là do định mệnh, mặc dầu chúng ta biết quá rõ rằng định mệnh của mỗi người chỉ tùy thuộc nơi chính họ.

Các bậc chân sư đều là những người tốt lành, có đời sống rất giản dị, nhưng lại là những người phi thường.

Trong số các vị có rất nhiều người từ lâu đã vượt qua được cánh cửa ngăn cách giữa một cuộc sống khổ đau và một đời sống giải thoát. Họ thực sự sống một cuộc sống tâm linh, thay vì đắm chìm trong những thú vui trần tục. Họ không nhất thiết phải tuân theo những quy định truyền thống hay bất cứ quy luật, khuôn khổ nào, mà chỉ đơn giản sống một cuộc đời lương thiện và trong sạch, một cuộc đời trọn vẹn theo nghĩa là rất đáng sống, với hai chân luôn bước đi vững vàng trên mặt đất, không cần dựa vào bất cứ một kiểu năng lực siêu nhiên huyền bí nào.

Nhưng cho dù chúng tôi do dự không muốn từ giã các vị chân sư quí mến mà chúng tôi đã từng sát cánh một cách chặt chẽ trong những tháng vừa qua, chúng tôi lại cũng háo hức nhìn về tương lai, vì biết rằng còn những kinh nghiệm mới mẻ khác đang chờ đợi chúng tôi.

Bởi vậy, chúng tôi từ giã các vị chân sư vào một buổi sáng đẹp trời cuối tháng tư. Các vị thân mật bắt tay chúng tôi và thành thật mời chúng tôi trở lại bất cứ khi nào có dịp. Chúng tôi vái chào các vị một lần cuối và đi về hướng bắc để vượt qua sa mạc *Gobi*.

Những câu chuyện phiêu lưu nguy hiểm đáng sợ mà chúng tôi nghe nói đã từng xảy ra ở vùng này luôn ám

ảnh chúng tôi như những viễn ảnh đen tối. Tuy nhiên chúng tôi không sợ vì có đức Tuệ Minh và Dật Sĩ đi theo chúng tôi. Ngoài ra còn có *Chander Sen* thay thế vị trí của Nê Bưu.

Đối với chúng tôi là những người đã từng đi du lịch nhiều nơi, việc tháp tùng theo đoàn người đi trên sa mạc là một việc thông thường hằng ngày. Tôi chắc rằng tất cả các thành viên trong nhóm chúng tôi đều sung sướng được ra đi trong cuộc phiêu lưu đầy hứa hẹn này. Tất cả đều biết rằng, một thế giới mới đã bắt đầu xuất hiện trước mắt chúng tôi. Mỗi người đều biết rõ sự xa xôi hẻo lánh và biệt lập của vùng sa mạc, cũng như biết rõ những nguy cơ có thể xảy đến trong một chuyến du hành thuộc loại này. Tuy nhiên, một sức mạnh huyền bí không sao cưỡng lại được đã thúc đẩy tất cả chúng tôi cùng tiến bước. Niềm tin tuyệt đối nơi các vị chân sư đã giúp chúng tôi dứt bỏ mọi ý nghĩ sợ sệt hay lo ngại về những sự khó khăn có thể xảy đến, và chúng tôi lao mình vào cuộc phiêu lưu với một sự hứng khởi nhiệt thành của tuổi trẻ.

Chúng tôi đã từng quen thuộc với những vùng hẻo lánh nhất thế giới, nhưng chưa bao giờ chúng tôi có kinh nghiệm về một xứ sở xa xôi và biệt lập như vùng này. Tuy nhiên, chúng tôi lại có thể du lịch xứ này một cách tự do và dễ dàng khác thường. Vì thế, có lẽ quý

độc giả sẽ không lấy làm ngạc nhiên về sự yêu thích của chúng tôi đối với xứ này và đối với các vị ân nhân của chúng tôi. Chúng tôi có cảm giác như mình có thể tiếp tục thẳng đường đi lên hướng bắc cho đến khi vượt khỏi vùng Bắc Cực và chinh phục luôn cả vùng ấy.

Chúng tôi chưa đi được bao xa thì một người bạn tôi nói:

- Nếu chúng ta có thể đi như các vị chân sư thì chuyến đi này sẽ dễ dàng xiết bao! Nhưng chúng ta lại làm cho các vị cũng phải cuốc bộ một cách nặng nề chậm chạp như mình, chỉ vì chúng ta không thể bắt chước làm theo như các ngài.

Thế rồi mọi sự cũng trôi chảy tốt đẹp cho đến cuối ngày thứ bảy của cuộc hành trình. Chiều hôm ấy, vào khoảng năm giờ, chúng tôi vừa ra khỏi một khe núi sâu thẳm thì một thành viên đi phía trước trở lại báo tin có nhiều người kỵ mã ở đàng xa. Chúng tôi lấy ống kính viễn vọng ra xem và đếm được tất cả hai mươi bảy người kỵ mã dường như có mang đầy đủ khí giới. Chúng tôi liền báo với Dật Sĩ. Anh ta đáp rằng, có lẽ đó chỉ là những đoàn người du mục thường có ở vùng này. Chúng tôi hỏi anh ta rằng có thể nào đó là một bọn cướp. Anh ta đáp rằng cũng có thể là vậy, vì không thấy họ dắt theo những gia súc như cừu hay dê.

Chúng tôi rời khỏi đường mòn và tiến về phía một lùm cây rậm rạp. Tại đây, chúng tôi cắm trại để nghỉ đêm. Trong khi đó, hai người trong nhóm chúng tôi vượt qua một dòng suối gần nơi cắm trại và trèo lên một ngọn đồi, từ đó họ có thể nhìn thấy vùng đồng bằng ở chỗ chúng tôi đã nhìn thấy đoàn kỵ mã.

Khi lên tới đỉnh đồi, họ ngừng lại và dùng kính viễn vọng quan sát một lúc rồi hối hả trở về trại. Khi về đến nơi, họ thông báo rằng đoàn kỵ mã ở cách đây không xa hơn 5 cây số và đang nhanh chóng tiến về phía chúng tôi. Ngay khi đó, một người trong nhóm chúng tôi dự đoán rằng một cơn giông bão có lẽ sắp thổi đến. Chúng tôi nhìn lên bầu trời thì quả thật đang có những đám mây u ám nặng nề kéo về phía tây bắc, đồng thời có sương mù từ bốn phía áp lại gần chúng tôi.

Chúng tôi cảm thấy rất băn khoăn lo ngại, vì bây giờ thì chúng tôi đã có thể nhìn thấy đoàn kỵ mã đang tiến thẳng về phía trại chúng tôi. Tuy nhóm chúng tôi có tất cả ba mươi hai người, nhưng chúng tôi không có một khẩu súng nào, và điều này làm chúng tôi rất lo lắng.

Không bao lâu, cơn bão tuyết thổi đến chúng tôi với một tốc độ mãnh liệt kinh khủng. Sự lo ngại của chúng tôi càng lúc càng tăng thêm vì chúng tôi đã từng kinh nghiệm sức tàn phá của giông bão trong những vùng sa mạc hẻo lánh như thế này.

Trong một lúc, cơn giông quét qua với tốc độ phải đến khoảng 120 cây số giờ, mang theo đầy những mảnh tuyết vụn, quất vào chúng tôi và gầm thét ầm ĩ quanh mọi người. Chúng tôi đang e ngại sẽ bị bắt buộc dời trại tới chỗ khác để tránh những cành cây gãy đổ rơi lên đầu mình, thì bầu không khí chung quanh trại thình lình lắng dịu và trở nên yên tĩnh.

Trong một lúc, chúng tôi nghĩ rằng cơn bão tuyết có lẽ chỉ giới hạn trong một lúc ngắn ngủi, như vẫn thường xảy ra trong vùng này. Vì bầu trời chưa đến nỗi quá u ám, chúng tôi bèn lợi dụng lúc tranh tối tranh sáng để sửa sang các lều trại và mất độ nửa giờ để làm công việc này.

Cảm giác lo lắng và sợ sệt về cơn bão tuyết và bọn cướp đã hoàn toàn biến mất. Chúng tôi ngừng tay nghỉ ngơi trong một lúc và vị trưởng nhóm bước ra chỗ cửa trại. Sau khi đã nhìn ra ngoài, ông ta quay lại và nói:

- Cơn bão tuyết dường như vẫn đang hoành hành dữ dội ở gần đây, còn tại chỗ chúng ta đang ở thì chỉ có những cơn gió thoảng nhẹ. Các bạn hãy nhìn xem, lều vải và cây cối chung quanh đây không bị lay động nhiều.

Khí trời ấm áp và thoang thoảng mùi hương thơm của hoa cỏ. Nhiều người trong bọn chúng tôi đi theo

người trưởng nhóm ra ngoài và trong một lúc, họ phải đứng lặng người vì ngạc nhiên. Trong khi chúng tôi lo dọn dẹp đồ đạc bên trong trại, chúng tôi không ý thức được cơn giông bão. Chúng tôi tưởng rằng nó đã qua và thổi về phía khe núi. Thật vậy, một vài cơn bão vẫn thường thổi tạt ngang qua vùng này như một cơn gió lốc. Chúng hoành hành dữ dội trên nhiều cây số đường trường trước khi lắng dịu, và tiếp theo đó là một cơn yên tĩnh lạ thường.

Nhưng trường hợp này không giống như thế. Cơn bão vẫn đang thổi mạnh ở cách chỗ chúng tôi chỉ độ ba chục thước, nhưng khí trời lại êm ả và ấm áp ở chung quanh chúng tôi. Trái lại, chúng tôi đã từng kinh nghiệm rằng trong những cơn bão tuyết tương tự, người ta thường bị lạnh buốt thấu xương, và có thể bị nghẹt thở vì trong cơn thịnh nộ gầm thét của gió bão, những mảnh tuyết vụn và bén nhọn bị cuốn theo sức gió và quất mạnh vào mặt mũi người chẳng khác nào như kim đâm, dao cắt.

Thình lình, vùng yên tĩnh quanh chúng tôi bừng sáng lên như bởi một phép lạ. Trong cơn kinh ngạc, dường như chúng tôi nghe có những tiếng người xen lẫn với tiếng gầm thét của cơn giông bão. Người phụ trách báo hiệu đến giờ ăn chiều. Chúng tôi bước vào lều và ngồi xuống. Trong bữa ăn, một bạn tôi tỏ ý băn

khoăn về số phận của những người kỵ mã. Một bạn khác nói:

- Tôi nghe dường như có tiếng người kêu gọi khi chúng tôi bước ra ngoài trại. Chúng ta có thể nào cứu giúp những người kỵ mã hay chăng trong trường hợp họ bị lạc lối trong cơn bão tố?

Dật Sĩ bèn lên tiếng cho biết rằng những người ấy là một trong những bọn cướp khét tiếng trong vùng. Họ chuyên đi cướp bóc các xóm làng và chiếm đoạt những đoàn dê cừu của dân chúng.

Sau bữa ăn chiều, trong một lúc gió lặng, chúng tôi nghe có tiếng người kêu ngựa hí, cùng với tiếng vó ngựa đạp lộn xộn dường như những người ky mã không còn làm chủ chúng nó được nữa. Những tiếng động ấy có vẻ như rất gần, nhưng chúng tôi không thể nhìn thấy gì cả vì trời đêm có tuyết xuống dày đặc. Chúng tôi không còn nhìn thấy một ánh sáng nào của những đèn đuốc và lửa trại.

Sau đó một lát, đức Tuệ Minh đứng dậy và nói rằng ngài phải đi đưa những tên cướp kia vào trại, vì trừ những trường hợp phi thường, không một người hay con vật nào có thể sống sót đến sáng ngày hôm sau trong cơn bão tuyết.

Thật vậy, không khí ở bên ngoài đã trở nên lạnh buốt vô cùng. Hai người trong bọn chúng tôi tình nguyện đi theo đức Tuệ Minh, điều này có vẻ làm cho ngài vui lòng. Ngài nhận lời, và cả ba người đều biến mất dạng trong cơn giông bão.

Độ hai mươi phút sau, ba người đã trở lại, cùng với hai mươi tên cướp đi bộ, tay cầm cương dắt ngựa đi theo sau. Những tên cướp này cho chúng tôi biết rằng bảy người đồng bọn của họ đã mất liên lạc với cả đoàn và có lẽ đã đi lạc trong cơn bão tuyết.

Những tên cướp gồm một thành phần hỗn tạp với những gương mặt lộ rõ vẻ hung dữ của bọn lục lâm cường đạo. Khi họ bước vào trại có đèn lửa ấm áp, họ có vẻ nghi ngờ rằng chúng tôi gài bẫy để bắt họ. Sự lo âu của họ hiện rõ trên nét mặt, nhưng đức Tuệ Minh bảo đảm rằng họ được tự do ra đi bất cứ lúc nào. Ngài chỉ cho họ thấy rằng nếu họ muốn tấn công chúng tôi, chúng tôi không có một vũ khí nào để tự vệ cả.

Tên đầu đảng bọn cướp bèn thú thật rằng đó chính là ý định đầu tiên của họ khi vừa nhìn thấy chúng tôi từ trong khe núi đi ra trước cơn giông bão. Sau đó, họ trở nên do dự và đã đi lạc đến nỗi mất hẳn phương hướng để trở về trại. Khi đức Tuệ Minh và hai người trong bọn chúng tôi tìm thấy họ, thì họ đang trú ẩn một bên vách

núi ở cách trại chúng tôi độ một trăm thước. Tên đầu đảng bọn cướp nói rằng nếu chúng tôi không nghĩ đến họ, thì chắc chắn họ đã phải chết vì lạnh cóng.

Đức Tuệ Minh trấn an họ và nói rằng điều đó sẽ không xảy ra. Bọn cướp bèn buộc ngựa vào những gốc cây để nghỉ lại ban đêm, rồi ngồi riêng với nhau ở một góc. Họ bắt đầu ăn thịt dê phơi khô và bơ con *yak*[1] được lấy ra từ những bọc da giấu bên dưới yên ngựa.

Trong khi ăn, họ để khí giới trong tầm tay và thỉnh thoảng ngừng lại để nghe ngóng mỗi khi có một tiếng động nhỏ. Họ nói chuyện và tỏ ra vẻ rất tự nhiên. Dật Sĩ nói với chúng tôi rằng họ lấy làm ngạc nhiên về những đồ trang bị của chúng tôi và về ánh lửa trong trại. Họ tự hỏi tại sao ở đây không có gió lớn, tại sao không khí trong trại rất ấm cúng, và tại sao mấy con ngựa có vẻ ung dung thoải mái như thế?

Một người trong bọn lúc nào cũng nói chuyện huyên thiên và nói nhiều nhất trong bọn cướp đã từng nghe nói về các vị chân sư. Anh ta nói với những kẻ đồng bọn rằng các vị chân sư cũng giống như thánh thần, có thể tiêu diệt bọn họ tùy ý muốn và mau lẹ trong khoảnh khắc. Nhiều tên khác tưởng rằng chúng tôi đang âm mưu để bắt sống bọn họ, bèn tìm cách thuyết phục cả

---

[1] Yak: một loại bò lùn và có sừng lớn, dài, thường chỉ thấy sống ở một số vùng núi cao Tây Tạng.

bọn cướp lấy tài sản của chúng tôi rồi tẩu thoát. Nhưng tên đầu đảng ra lịnh cho họ không được phá phách chúng tôi, và nói rằng nếu họ làm hại đến chúng tôi thì chắc chắn cả bọn sẽ bị tiêu diệt.

Sau một hồi thảo luận dông dài, tám tên trong bọn cướp bèn đứng dậy, bước đến gần chúng tôi, và nói với Dật Sĩ rằng bọn chúng không muốn ở lại thêm nữa. Họ sợ có xảy ra những việc bất trắc và muốn trở về trại của họ ở phía dưới dòng sông cách đó vài cây số. Họ đã tìm ra phương hướng nhờ căn cứ vào lùm cây to chỗ chúng tôi cắm trại.

Họ bèn lên ngựa và bắt đầu đi xuống thung lũng. Sau đó hai mươi phút, cả bọn đều quay lại và nói rằng tuyết xuống dày đặc đến nỗi ngựa của họ không thể tiến tới được nữa. Chính họ cũng không thể đương đầu với cơn bão tuyết này, có vẻ như là cơn bão mãnh liệt nhất từ nhiều năm nay.

Kế đó, họ tìm một chỗ bên ngoài trại để nghỉ lại ban đêm. Một người bạn tôi nói:

- Tuy bọn này làm tôi sợ, nhưng tôi cảm thấy nên mời họ ở trong lều, sẽ an toàn hơn so với ở bên ngoài giữa cơn gió bão.

Dật Sĩ quay lại phía chúng tôi và nói:

- Các bạn ở đâu thì sự an toàn và ấm áp sẽ ở đó. Nếu ở tại đây, trong trại này, các bạn sống trong niềm vui của sự chân thật và tình thương yêu, thì tất nhiên các bạn xứng đáng được hưởng sự ấm áp và an toàn. Sự ấm áp và tiện nghi trong trại sẽ không có nghĩa gì nếu các bạn không có mặt tại đây, hoặc nếu các bạn không nhận biết được sự ấm áp và tiện nghi đó. Các bạn có thể tự do mời những người bên ngoài vào đây. Tuy nhiên, họ sẽ không chịu vào, vì họ không biết tới sự chân thật và tình thương yêu của các bạn. Mặc dầu họ cảm thấy được sự ấm cúng của chúng ta, nhưngnày họ lại không dám đến gần để tận hưởng, bởi vì họ vẫn luôn sống bằng nghề cướp bóc của người khác. Họ không thể hiểu được vì sao chính những người mà họ xem như những con mồi để cướp bóc lại có thể dành cho họ một sự tiếp đón thân hữu mà không có lý do gì đặc biệt, và nhất là khi thấy chúng ta hoàn toàn không thuộc về giới lục lâm cường đạo như họ.

Những người này không thể hiểu được rằng giữa cơn bão tuyết, lạnh lẽo, hay giữa cơn giày vò đau khổ nhất, người ta vẫn luôn có thể tự mình đạt được sự an ổn vững chãi. Họ không thể tin rằng, không một cơn giông to gió lớn hay bão lụt nào có thể làm tổn hại được những người đã đạt đến một nội tâm an ổn. Người ta chỉ bị đắm chìm trong giông gió, bão lụt khi không tự

nhận biết được bản tâm mình và chấp nhận sự phụ thuộc hoàn toàn vào ngoại cảnh. Người ta luôn có thể tìm thấy sự yên tĩnh thật sự giữa cơn bão tố, vì sự yên tĩnh chân thật vốn hiện hữu trong tâm hồn của người nào đã tìm thấy chân ngã. Trái lại, người ta có thể ngồi ở một nơi vắng vẻ tĩnh mịch, hoặc giữa chốn sa mạc hẻo lánh hoang vu, một mình đối diện với bóng hoàng hôn êm ả và giữa cảnh im lặng của thiên nhiên, nhưng lại bị giày vò cấu xé bởi cơn bão lòng của những đam mê dục vọng, hoặc bị dao động rung chuyển tâm hồn bởi những sấm sét của sự sợ hãi, kinh hoàng...

Những tên cướp này vốn là những hậu duệ còn sót lại của một dân tộc xưa kia đã từng có một nền văn minh huy hoàng và thịnh vượng. Tổ tiên của họ cư ngụ nơi xứ này vào thời kỳ mà nơi đây còn là một đế quốc kỹ nghệ phồn thịnh, hùng cường. Họ đã từng biết thực hành các môn khoa học và mỹ thuật. Họ cũng đã biết rõ nguồn gốc tinh thần và sức mạnh tâm linh. Về sau, đến một thời kỳ họ bắt đầu say mê những khoái lạc vật chất và rơi vào tình trạng trụy lạc, sa đọa. Khi đó, một cơn động đất đã bất ngờ xảy ra tàn phá và làm sụp đổ tất cả, chỉ còn sót lại một vài bộ lạc thiểu số sống rải rác trên những vùng hẻo lánh. Những bộ lạc sống sót này mới dần dần qui tụ lại thành những cộng đồng sinh hoạt, từ đó mới xuất phát ra những chủng tộc lớn ở

châu Âu ngày nay. Vùng này và cả vùng sa mạc Gobi bị cơn động đất tàn phá và đưa lên một độ cao mà không còn một loài thảo mộc nào có thể sống được. Dân cư đã hầu như hoàn toàn bị tiêu diệt, đến nỗi chỉ còn lại có những cộng đồng hiếm hoi sống biệt lập, và có nơi chỉ còn lại có một hoặc hai gia đình.

Những người này về sau mới tập hợp lại thành từng nhóm lớn hơn. Đó là tổ tiên của những người dân sống tại nơi đây. Họ không thể phát triển để tiến bộ hơn nữa, vì họ luôn luôn bị lôi cuốn vào những cuộc chiến tranh tương tàn giữa nhóm này với nhóm khác. Lịch sử và nguồn gốc của họ đã bị lãng quên, nhưng người ta có thể truy nguyên đến tận nguồn gốc duy nhất của nền tôn giáo và những huyền thoại của họ. Những nền tảng của tôn giáo và huyền thoại này ở đâu cũng giống nhau, tuy rằng có thể được biểu lộ thành những hình thức rất khác biệt...

Đến đây, Dật Sĩ ngừng nói. Có lẽ anh ta không muốn làm nhàm tai chúng tôi, vì nhận thấy phần đông các bạn tôi đều đã ngủ say. Chúng tôi nhìn về phía bọn cướp. Họ cũng đã ngủ say, và cũng như chúng tôi, họ đã quên mất cơn giông bão, tuy rằng nó vẫn đang tiếp tục hoành hành dữ dội quanh đó. Chúng tôi bước vào lều để nghỉ ngơi sau khi đã một lần nữa bày tỏ sự biết ơn đối với các vị chân sư cao cả.

Sáng hôm sau, khi chúng tôi thức dậy, mặt trời chiếu tỏ rạng, cả trại đều rộn rịp. Chúng tôi hối hả thay quần áo và thấy rằng tất cả mọi người, kể cả bọn cướp, đều chuẩn bị ăn sáng.

Trong khi ăn, chúng tôi được thông báo chương trình ngày hôm ấy là lên đường hộ tống bọn cướp trở về trại của họ. Thật vậy, người ta dễ tìm đường hơn khi đi chung với nhau từng đoàn, thay vì đi lẻ tẻ. Điều này làm cho bọn cướp hài lòng, nhưng không làm cho chúng tôi vui, vì chúng tôi được biết rằng ở trại của họ có đến 150 người.

Khi chúng tôi điểm tâm xong thì mọi vết tích của cơn bão đã hoàn toàn biến mất. Chúng tôi bèn dỡ trại và cùng đi với bọn cướp, cả người lẫn ngựa, để tìm đường về trại giúp họ.

Trại của bọn cướp ở cách đó không đầy hai mươi cây số. Tuy vậy, khi chúng tôi đến nơi thì trời đã xế chiều. Chúng tôi lấy làm sung sướng vì có thể nghỉ chân tại đó.

Chúng tôi nhận thấy trại của họ rất tiện nghi, có đủ chỗ rộng rãi cho tất cả chúng tôi. Thật ra, vì bọn họ tập trung định cư ở đây khá đông nên cả khu vực đã được xây dựng thành một ngôi làng nhỏ.

Sau bữa ăn chiều, chúng tôi nghĩ rằng nên ở lại đó một hai ngày để chờ cho tuyết ém chặt lại.

Thật vậy, phải qua mấy hôm sau chúng tôi mới có thể vượt qua được truông núi phía trước, cao đến gần năm nghìn thước. Vì thời tiết không tạnh ráo trở lại như chúng tôi mong muốn, nên chúng tôi phải kéo dài thời gian lưu trú tại đây đến bốn ngày trước khi lên đường.

Mọi người trong làng đối xử với chúng tôi một cách tôn kính và cố gắng làm cho chúng tôi được vui lòng. Khi chúng tôi lên đường, có hai người đến xin gia nhập. Chúng tôi vui vẻ nhận lời, vì dầu sao chúng tôi cũng cần phải tuyển thêm một số nhân công để phụ giúp khi đến làng sắp tới, cách đó độ một trăm cây số. Hai người này đã đi theo chúng tôi mãi cho đến bận về vào mùa thu.

Khi chúng tôi rời khỏi làng, có đến khoảng phân nửa dân làng theo tiễn đưa chúng tôi đến tận đỉnh truông núi để giúp chúng tôi tìm ra con đường mòn bị tuyết dày đặc lấp mất cả dấu vết. Chúng tôi rất cám ơn sự cố gắng của họ, vì công việc leo núi thật rất khó khăn.

Lên đến đỉnh truông núi, chúng tôi từ biệt những người anh em lục lâm cường đạo và thẳng đường đi đến chỗ hẹn. Chúng tôi đến đó vào ngày 28 tháng 5, tức là

ba ngày muộn hơn các nhóm bạn, như họ đã hẹn gặp chúng tôi tại đây hồi mùa thu năm trước.

•••

Sau một tuần lễ nghỉ ngơi, cả đoàn chúng tôi thu dọn hành trang và lên đường đi đến địa điểm tọa lạc của thủ đô đế quốc Uighur vào thời cổ.

Chúng tôi đến nơi vào ngày 30 tháng 6 và bắt tay ngay vào công việc đào xới Giếng đào đầu tiên của chúng tôi chưa sâu tới hai chục thước thì gặp phải vách tường của một dinh thự cũ. Chúng tôi tiếp tục đào sâu đến khoảng ba chục thước mới lọt được vào một gian phòng lớn. Tại đây, chúng tôi tìm thấy những xác ướp còn nguyên vẹn ở tư thế ngồi xếp bằng, gương mặt bao phủ bởi những mặt nạ bằng vàng. Ngoài ra còn có nhiều pho tượng bằng vàng, bạc, đồng và đất sét, tất cả đều chạm trổ rất đẹp. Chúng tôi đã chụp ảnh tất cả.

Khi công việc đào xới đã tiến hành đến mức độ đủ để chứng minh một cách thỏa đáng rằng đó quả thật là những di tích cổ xưa của một thành phố rất lớn, chúng tôi bèn đi đến địa điểm thứ nhì, được tìm thấy dễ dàng nhờ sự mô tả trên những tấm bia đá cổ đã nói ở trước.

Tại đây, chúng tôi chỉ vừa đào sâu được chừng mười hai thước thì đã tìm thấy những di tích chắc chắn của một nền văn minh cổ. Chúng tôi đã làm tất cả những gì cần thiết để chứng minh một lần nữa và một cách chắn chắn rằng đó quả thật là những di tích của một thành phố cổ.

Kế đó, chúng tôi đi đến địa điểm thứ ba. Tại đây, chúng tôi dự định khám phá những di tích chứng minh sự hiện diện của một thành phố còn cổ xưa và rộng lớn hơn nữa. Để công việc đạt hiệu quả cao hơn, chúng tôi chia ra thành bốn nhóm, trong số đó có ba nhóm gồm một trưởng nhóm và sáu phụ tá, tức là mỗi nhóm có bảy người. Các nhóm này chịu trách nhiệm về công việc đào xới và bảo tồn các cổ vật tìm được. Cả ba nhómï luân phiên nhau làm việc suốt cả ngày đêm, mỗi nhóm phải chịu trách nhiệm 8 giờ trong ngày.

Nhóm thứ tư gồm tất cả số người còn lại, có nhiệm vụ canh phòng quanh trại và cung cấp lương thực cho cả đoàn.

Tôi thuộc nhóm của vị trưởng nhóm Tô Mặc. Nhóm tôi làm việc từ nửa đêm đến 8 giờ sáng. Vừa đào xong giếng đầu tiên, chúng tôi đã lọt vào bốn gian phòng dưới lòng đất. Sau khi làm sạch toàn bộ hiện trường, chúng tôi đã có thể chứng minh rằng đó là di tích của

thành phố lớn và cổ xưa nhất trong cả ba thành phố, và chứa đựng rất nhiều kho tàng.

Một buổi sáng, nhóm bạn đến thay phiên cho nhóm tôi báo động rằng có nhiều kỵ mã đang tiến đến gần trại từ hướng bắc. Chúng tôi trèo cả lên mặt đất và nhìn thấy họ đang tiến về phía chúng tôi. Đó có lẽ là một đám lục lâm cường đạo, vì rõ ràng là họ noi theo con đường mòn đã đưa chúng tôi đến đây.

Trong khi chúng tôi còn đang lặng lẽ quan sát, thì Dật Sĩ bước tới và nói:

- Đó là một bọn cướp định đến đánh phá trại chúng ta, nhưng các bạn không cần phải sợ hãi.

Chúng tôi để yên cho bọn cướp đến gần. Khi đến gần trại, chỉ còn cách chừng năm trăm thước thì họ ngừng lại. Sau đó một lát, có hai tên cướp tế ngựa đến trại chúng tôi, cất tiếng chào rồi hỏi chúng tôi đang làm gì ở đây. Chúng tôi cho họ biết là chúng tôi đang tìm kiếm những di tích của một thành phố cổ. Họ không tin như vậy, và nghi ngờ chúng tôi là những kẻ đi tìm vàng. Họ toan tính với nhau để đánh cướp những đồ khí cụ trang bị và lương thực của chúng tôi. Chúng tôi hỏi họ có phải là binh lính của chính phủ không? Họ đáp rằng họ không thừa nhận một chính phủ nào cả, vì ở xứ này chỉ có sức mạnh là trên hết.

Nhìn thấy chúng tôi không có vẻ gì lo sợ và cũng không có khí giới, có lẽ họ đoán là chúng tôi còn đông người hơn chứ không chỉ có bấy nhiêu. Họ bèn quay trở về để thảo luận kế hoạch với nhau.

Được một lát, hai tên ấy trở lại và nói rằng nếu chúng tôi chịu khuất phục một cách êm thấm thì họ sẽ không làm hại ai cả. Nếu không, họ sẽ giết chết tất cả những người nào dám chống cự. Họ cho chúng tôi mười phút để quyết định, sau mười phút đó họ sẽ tấn công mà không cần báo trước.

Dật Sĩ đáp ngay rằng chúng tôi không chống cự nhưng cũng không đầu hàng ai cả! Điều này có vẻ làm cho họ nổi nóng. Họ quay ngựa trở về báo với đồng bọn, và tất cả rút súng ra sẵn sàng. Ngay sau đó, cả bọn bèn cho ngựa phóng lên tấn công vào trại chúng tôi.

Tôi thú thật là đã sợ hoảng vía. Nhưng ngay khi đó, bỗng thấy xuất hiện nhiều hình bóng giống như những kỵ mã tế ngựa xung quanh chúng tôi. Những hình bóng này càng hiện rõ, trở nên linh động và đông đảo hơn. Bọn cướp cũng đã nhìn thấy điều ấy. Vài tên cướp mau tay giật dây cương quay đầu trở lại. Những con ngựa của vài tên khác sợ hoảng, nhảy chồm lên rồi ngã quị xuống đất và không còn chịu theo sự điều khiển của chủ.

Chỉ trong khoảnh khắc, một cơn náo loạn kinh khủng đã diễn ra trong hàng ngũ bọn cướp, gồm khoảng 75 người. Bầy ngựa bắt đầu hí vang và ngã quị, quăng bọn cướp té ngã lổng chổng. Cơn náo loạn kết thúc bằng một cuộc chạy trốn xiểng liểng, trong khi những kỵ mã vừa xuất hiện phi ngựa đuổi theo bén gót.

Khi cơn loạn động đã lắng xuống, tôi cùng vị trưởng nhóm và một người nữa cùng đi tới chỗ mà bọn cướp bị chặn lại để quan sát nhưng không thấy có dấu vết nào khác ngoài những dấu chân ngựa lộn xộn của bọn cướp. Điều này có vẻ là một điều bí hiểm, vì những kỵ mã đến cứu trợ chúng tôi đã xuất hiện rõ ràng, tất cả chúng tôi đều nhìn thấy họ đến từ bốn phía. Bởi vậy, lẽ ra chúng tôi phải tìm thấy trên bãi cát những dấu chân ngựa của họ xen lẫn với những dấu vết của bọn cướp.

Khi chúng tôi quay trở lại, Dật Sĩ nói:

- Những kỵ mã ấy thật ra không hề có, chỉ là những ảo giác do chúng tôi tạo ra để đánh lừa bọn cướp, khiến cho họ và các bạn đều nhìn thấy như thật. Chúng tôi thường dùng cách này để tự vệ hoặc bảo vệ kẻ khác, vì như thế không thực sự làm hại ai cả. Nhưng sở dĩ chúng tôi làm được như vậy là nhờ có một sự nghi ngờ đã nảy sinh trong tâm trí của bọn cướp. Họ suy đoán rằng một đoàn người như chúng ta không thể nào mạo

hiểm đến làm việc ở một nơi xa xôi hẻo lánh như thế này mà không có sự phòng vệ. Vì thế, tuy tấn công chúng ta nhưng trong lòng họ vẫn không khỏi sự hoang mang, dè chừng. Chúng tôi đã lợi dụng tâm trạng nghi ngờ thiếu sáng suốt đó để tác động thêm vào mà tạo ra những ảo giác theo ý muốn, nhát làm cho họ sợ sệt, hốt hoảng và trở nên rối loạn, cuối cùng phải tự rút chạy. Còn đối với các bạn, sở dĩ các bạn cũng chịu tác động và nhìn thấy những ảo giác này là vì trong lòng các bạn đang có sự sợ hãi, hốt hoảng, khiến cho tâm trí không giữ được sự sáng suốt bình thường. Nếu các bạn có thể giữ được sự bình tĩnh, sáng suốt, không lo sợ, thì năng lực tạo ảo giác của chúng tôi không thể tác động đến các bạn được, và khi đó các bạn sẽ không nhìn thấy gì cả. Dù sao đi nữa, phương pháp hù dọa này chắc chắn sẽ có hiệu quả rất cao. Nếu chúng ta dùng vũ lực thực sự để đẩy lùi bọn chúng, thì có lẽ phải giết chết một số đông bọn cướp trước khi những tên sống sót chịu để chúng ta yên. Nhưng bây giờ, khi chúng đã rút lui vì hoảng sợ thì chắc chắn chúng ta sẽ không còn phải lo lắng gì về sự quấy phá của chúng nữa.

●●●

Khi những cuộc đào xới đã mang lại đủ bằng chứng về sự hiện hữu trước đây của ba thành phố cổ, chúng tôi lấp kỹ những giếng đào lại để những đoàn người du mục không thể tìm ra dấu vết của cuộc khảo cổ này.

Sự lo xa này của chúng tôi là hoàn toàn hợp lý, vì sự khám phá ra các giếng này chắc chắn sẽ dẫn đến một loạt những cuộc đào bới và lấy đi tất cả, bởi các kho tàng được tìm thấy ở đây là vô cùng hấp dẫn đối với lòng tham con người..

Sau khi lấp giếng, chúng tôi cố gắng tìm mọi cách che đậy các dấu vết đến mức hầu như không còn gì. Chúng tôi hy vọng cơn bão đầu tiên sắp tới sẽ xóa bỏ mọi di tích còn sót lại về sự có mặt của chúng tôi. Những cồn cát ở xứ này luôn luôn di chuyển là một trở ngại cho việc truy tầm các di tích cổ. Nếu không có sự giúp đỡ của các bậc chân sư, hẳn chúng tôi đã không thể tìm ra những di tích cổ xưa này.

Chúng tôi được cho biết rằng những di tích cổ xưa tương tự như thế còn nằm rải rác rất nhiều trong vùng sa mạc, trải dài đến tận phía nam xứ Tây Bá Lợi Á. Như vậy, hiển nhiên là từng có một số dân cư đông đảo đã từng sinh sống thịnh vượng ở vùng này và đạt tới một trình độ văn minh rất cao.

Có những bằng chứng xác thực không thể phủ nhận rằng cư dân ở đây đã biết đến nông nghiệp và kỹ nghệ hầm mỏ, cũng như biết dệt cửi và một số ngành tiểu thủ công nghiệp. Họ đã từng sáng tạo chữ viết và có nhiều kiến thức về những ngành khoa học khác nhau. Rất có thể là lịch sử của những dân tộc này về sau đã hòa nhập với lịch sử của giống dân *Aryan*, tức là chủng tộc được xem như thủy tổ của các dân tộc văn minh Âu Mỹ hiện nay.

Trước ngày chúng tôi lên đường, trong bữa ăn có một bạn tôi hỏi đức Tuệ Minh rằng lịch sử của giống dân cổ xưa này có thể nào viết lại được chăng? Đức Tuệ Minh đáp rằng có thể được, vì thành phố cổ chôn vùi ở phía dưới nơi chúng tôi đang cắm trại có chứa đựng những tài liệu ghi chép hoàn toàn xác thực. Người ta chỉ cần tìm lại và phiên dịch những tài liệu đó để có một sự xác nhận trực tiếp về lịch sử của giống dân này.

Câu chuyện bị gián đoạn khi có một người vừa xuất hiện ngoài cửa trại. Người ấy xin phép bước vào lều. Đức Tuệ Minh, Dật Sĩ và *Chander Sen* liền vội vàng bước ra để gặp người ấy. Chỉ nhìn qua sự mừng rỡ tiếp đón và chào hỏi nhau của các vị, chúng tôi hiểu ngay rằng các vị đã từng quen biết nhau thân thiết.

Tô Mặc bèn đứng dậy đi theo các vị. Khi ra đến cửa, ông ta đứng sững lại một lúc trong cơn ngạc nhiên, rồi

bước hẳn ra ngoài lều, đưa thẳng hai tay ra trước và nói:

- Đây mới thật là một sự bất ngờ xiết bao!

Những tiếng kêu ngạc nhiên như được thốt lên cùng một lúc, trong khi những vị quí khách mới đến, cả nam lẫn nữ, trao đổi những lời chào hỏi với Tô Mặc và với ba vị chân sư.

Khi đó, những người ngồi trong lều bèn đứng dậy, hối hả bước ra ngoài và thấy một nhóm gồm tất cả mười bốn người khách vừa mới đến. Trong nhóm ấy có bà Mã Ly, thân mẫu đức Tuệ Minh, bà chủ nhà của chúng tôi ở căn cứ mùa đông, vị thiếu nữ đẹp tuyệt trần đã chủ trì buổi dạ tiệc tại nhà đức Tuệ Minh, cùng với con trai, con gái của đức Tuệ Minh và một số người khác.

Tất cả mọi người đều vui vẻ, và chúng tôi hồi tưởng lại những cuộc hội họp trong những ngày đã qua. Chúng tôi thật hoàn toàn ngạc nhiên, và chúng tôi không dấu giếm điều đó. Nhưng sự ngạc nhiên ấy lại còn lớn hơn nữa ở những người bạn thuộc các nhóm khác. Nhìn vào gương mặt họ, chúng tôi hiểu rằng họ ngạc nhiên đến mức không thể diễn tả, vì khác với chúng tôi, họ chưa từng chứng kiến những lần xuất hiện và biến mất một cách bất ngờ như thế.

Công việc khảo cổ làm chúng tôi quá bận rộn đến nỗi vẫn chưa có dịp kể lại cho họ nghe đầy đủ những kinh nghiệm đã qua của chúng tôi, ngoài những chuyện vắn tắt đứt đoạn. Sự xuất hiện của các vị quí khách dường như từ vòm trời trong sáng mà đến, đã làm họ hoàn toàn khựng lại và đứng trơ như tượng đá.

Sau khi việc giới thiệu đã xong, người phụ trách việc nấu ăn bước tới nói riêng với đức Tuệ Minh và Tô Mặc với một vẻ mặt thất vọng:

- Làm sao đủ thức ăn cho tất cả bấy nhiêu người? Lương thực của chúng ta đã cạn, và đồ tiếp tế còn chưa đến kịp. Chúng ta chỉ còn vừa tạm đủ để ăn bữa chiều nay và bữa điểm tâm sáng mai. Vả lại, mọi sự đã được chuẩn bị sẵn sàng để lên đường.

Lê Mông, vị trưởng phái đoàn, đã lắng tai nghe rõ câu chuyện. Y bèn bước tới và tôi nghe y hỏi:

- Trời đất! Tất cả những người này từ đâu đến vậy?

Tô Mặc vừa nhìn y vừa cười và đáp:

- Lê Mông, anh hỏi thật ngớ ngẩn. Rõ ràng là các vị đã đến trực tiếp từ trên trời. Anh hãy nhìn xem, các vị không có một phương tiện di chuyển nào cả.

Lê Mông nói:

- Nhưng điều làm tôi ngạc nhiên nhất là hình như họ không có cánh. Khi họ đáp xuống bãi cát, đáng lẽ chúng ta phải nghe tiếng động, vì họ đi rất đông. Nhưng chúng ta chẳng nghe thấy gì cả! Như vậy, tôi tạm kết luận rằng giả thuyết hoàn toàn hợp lý của anh là đúng.

Lúc ấy, đức Tuệ Minh quay lại và nói rằng để trấn an tinh thần của người đầu bếp, có lẽ ngài buộc sẽ phải trách cứ các vị khách đã không chịu đem theo lương thực để tự túc, vì lương thực ở đây xét ra không đủ.

Người đầu bếp có vẻ rất lúng túng và giải thích rằng y không có ý muốn nói một cách thô lỗ như vậy, nhưng dầu sao thì sự thật vẫn là không có đủ thức ăn cho tất cả mọi người. Các vị quí khách bèn đồng thanh cười vang lên một cách vui vẻ. Điều này có vẻ như làm cho anh ta càng lúng túng hơn.

Bà Mã Ly liền nói rằng không cần phải sợ có sự bất tiện hay thiếu sót. Bà chủ nhà của chúng tôi và vị giai nhân trong buổi dạ tiệc hôm trước nói rằng hai bà vui lòng đảm đương trách nhiệm về bữa ăn, vì các vị quí khách đến viếng chúng tôi với ý định rõ rệt là sẽ cùng chia sẻ bữa ăn đó với chúng tôi. Người đầu bếp có vẻ yên lòng và liền chấp nhận ngay lời đề nghị đó.

Lúc ấy, trời đã xế chiều. Đó là một trong những ngày mà ngọn gió mát thổi nhẹ dường như vuốt ve đồng cát *Gobi*, dẫu rằng có khi chỉ một lát sau có thể biến ngay thành một cơn bão tố gầm thét thịnh nộ với tốc lực kinh khủng.

Chúng tôi lấy tất cả mọi thứ có thể dùng làm khăn trải bàn và trải lên bãi cát, ngay ở phía ngoài trại. Đối với người ngoài, trông có vẻ giống như một cuộc đi chơi cắm trại. Những người thuộc các nhóm đến sau chúng tôi vẫn còn tỏ vẻ ngạc nhiên và do dự. Lê Mông nhìn vào các nồi đựng thức ăn và nói:

- Nếu tôi nhìn thấy rõ, và nếu người ta có thể chia sớt bấy nhiêu thức ăn cho tất cả số người đông đảo như vậy, thì tôi xin mở lớn đôi mắt để nhìn xem một phép lạ được thực hiện!

Một người trong nhóm chúng tôi nói:

- Thật vậy anh hãy mở mắt cho thật lớn; vì anh sắp sửa nhìn thấy điều mà anh vừa nói.

Tô Mặc nói:

- Anh Lê Mông, đây là lần thứ nhì trong ngày hôm nay mà anh đã đoán đúng!

Kế đó, hai vị nữ khách bắt đầu múc thức ăn trong nồi để chia ra cho tất cả mọi người. Khi một dĩa đã được múc đầy, nó được chuyền qua tay người khác và

lại được thay thế bằng một cái đĩa mới, và cứ tiếp tục như thế cho đến khi tất cả mọi người đều được cung cấp thức ăn một cách đồi dào thừa thãi.

Khi những đĩa được múc đầy thức ăn cứ tiếp tục mỗi lúc một nhiều thêm, chúng tôi thấy gương mặt Lê Mông càng tỏ vẻ lo ngại. Khi người ta đưa một đĩa cho anh ta, anh ta chuyền qua cho người ngồi bên cạnh rồi nói rằng anh có thể nhận một đĩa ít hơn như thế cũng không sao. Bà chủ nhà chúng tôi nói rằng không phải lo ngại gì cả, vì có đủ thức ăn cho tất cả mọi người.

Sau khi mỗi người đã được cung cấp thức ăn một cách dư thừa, Lê Mông lại nhìn vào các nồi chứa một lần nữa và thấy rằng thức ăn vẫn còn đầy, không giảm bớt chút nào. Anh ta bèn đứng dậy và nói:

- Nếu quí bà không cho tôi là một kẻ vô phép, mất dạy và thô bỉ, thì tôi xin phép được đến ngồi gần các bà. Tôi xin nhìn nhận rằng sự tò mò đang ngự trị mọi tư tưởng của tôi đến mức làm cho tôi không thể nuốt trôi một miếng nào.

Các vị nữ khách đáp rằng, nếu anh ta muốn đến ngồi gần các vị thì điều đó có thể xem như một cử chỉ lịch sự. Thế là anh ta liền đi vòng quanh sau lưng nhóm thực khách và đến ngồi cạnh chiếc khăn trải dưới đất, giữa bà Mã Ly và vị giai nhân tuyệt sắc.

Khi anh ta đã ngồi xuống, có người hỏi xin bánh mì. Trong giỏ bánh mì chỉ còn có một miếng. Vị giai nhân đưa hai bàn tay ra, thì ngay khi đó một ổ bánh lớn liền xuất hiện trên tay bà. Bà đưa ổ bánh cho bà chủ nhà của chúng tôi để bà này chuẩn bị cắt ra từng khoanh trước khi chia cho mỗi người thực khách.

Lê Mông bèn đứng dậy và xin phép được quan sát Ổ bánh mì vẫn còn nguyên vẹn chưa cắt. Người ta đưa ổ bánh cho anh ta. Anh ta quan sát trong một lúc với cặp mắt dò xét rồi đưa trả lại với sự băn khoăn hiện rõ trên nét mặt. Anh ta bước đi vài bước rồi quay trở lại và nói với người thiếu phụ:

- Thưa bà, tôi không muốn tỏ ra xấc láo, nhưng đầu óc tôi bị đảo lộn đến mức làm cho tôi không khỏi đưa ra vài câu hỏi.

Vị giai nhân khẽ nghiêng mình và nói rằng anh ta được tự do hỏi bất cứ điều gì y muốn. Lê Mông liền nói:

- Phải chăng bà có ý muốn nói rằng bà có thể bất chấp tất cả mọi định luật thiên nhiên, ít nhất là những định luật mà chúng tôi đã biết, và không cần một sự cố gắng nào? Rằng bà có thể làm cho bánh mì xuất hiện từ một kho dự trữ vô hình?

Người thiếu nữ đáp:

- Đối với chúng tôi, kho dự trữ không phải vô hình, mà nó lúc nào cũng hữu hình.

Khi bà chủ nhà của chúng tôi cắt ra và phân phát các khoanh bánh mì, chúng tôi nhận thấy rằng ổ bánh cũng vẫn còn nguyên vẹn. Lê Mông đã bình tĩnh lại, trở về chỗ ngồi, và vị giai nhân nói tiếp:

- Ước gì các bạn có thể hiểu rằng tấn thảm kịch cuộc đời của mỗi con người luôn chấm dứt nơi nấm mồ, nhưng niềm phúc lạc của cuộc sống chỉ bắt đầu với một tâm thức rộng mở! Vì thế, ý nghĩa của đời sống phải hướng đến sự khai mở và nâng cao tâm thức chứ không phải chỉ là những tháng năm buồn tẻ chờ đợi xuống mồ. Khi bạn nhận thức được về bản tâm của chính mình, cuộc đời sẽ tràn đầy tâm thức giác ngộ, hay tâm thức Bồ-đề, cũng tức là tràn đầy sức sống của chân ngã. Người ta có thể nào tưởng tượng một cuộc đời nào hạnh phúc an vui hơn và phong phú hơn là khi chúng ta đạt đến sự hòa nhập hoàn toàn với chân ngã? Khi mà thế giới nội tâm rộng mở và hòa nhập với toàn thể vũ trụ bao la? Với cuộc sống tâm linh khai mở đó, các bạn có thể sáng tạo mọi hình thể vật chất, rõ thông được mọi tư tưởng, mọi lời nói, và trong mọi hoàn cảnh. Bạn có thể sống một cuộc sống tự mình thỏa mãn mọi nhu cầu, và nhận ra rằng đó mới chính là một.cuộc đời đúng đắn và khoa học.

Các bạn nên biết rằng, cuộc đời chỉ trở nên một bài toán khó khi con người từ chối không chịu lắng nghe

tiếng nói của nội tâm. Khi con người biết sám hối và quay về nhận thức chính tự tâm mình, vấn đề mưu sinh sẽ không bao giờ còn là một gánh nặng, bởi những gì giả tạm không thể sánh với những giá trị thường tồn. Con người sẽ trở nên một thực thể sáng tạo, bởi vì bản chất của tâm thức vốn là sáng tạo, và toàn thể vũ trụ vô biên này cũng không ra ngoài sự sáng tạo của tâm thức...

Kế đó, vị giai nhân quay sang Lê Mông và nói:

- Thật ra không hề có sự phân biệt giữa các cảnh giới cõi trời hay cõi thế gian, thậm chí cũng không có cả những cảnh giới đầy dẫy khổ đau mà con người gọi là địa ngục. Tất cả chỉ là những sự biến hiện khác nhau của tâm thức. Một tâm thức thanh thản và giải thoát luôn chỉ biết có niềm hạnh phúc vô biên, và đó là những cảnh giới cõi trời. Một tâm thức nặng nề và trói buộc, chìm đắm trong tham lam, sân hận và si mê chỉ biết có sự khổ đau triền miên không giới hạn, và đó chính là những cảnh giới địa ngục. Ngay trong đời sống hiện tại này, các bạn thật ra cũng thường xuyên bị giằng co qua lại giữa những trạng thái tâm thức đó. Đôi khi các bạn cảm thấy được sự thanh thản, giải thoát, nhưng đôi khi, và thường là nhiều hơn, các bạn phải sống triền miên trong đau khổ. Quy luật tương quan

đó vốn đúng đắn và rất khoa học. Trạng thái tâm thức của mỗi chúng sinh quy định cảnh giới mà chúng sinh ấy thọ nhận đời sống. Nhưng vì cảnh giới ấy bao giờ cũng tương ứng với trạng thái tâm thức hiện thời, nên chỉ cần đạt đến sự khai mở tâm thức thì lập tức mọi khổ đau sẽ biến mất không còn dấu vết. Hay nói cách khác là có thể tức thời vượt thoát ra khỏi địa ngục, tức thời hóa sinh nơi cõi trời. Nhưng điều quan trọng hơn nữa là sự hướng đến một trạng thái giải thoát hoàn toàn, một trạng thái giác ngộ triệt để. Khi đạt được sự giải thoát rốt ráo đó thì chẳng những không còn có địa ngục, mà cũng không còn có cả các cảnh giới cõi trời. Khi đó, bất cứ nơi nào người ta hiện hữu đều sẽ là cảnh giới của giải thoát, của sự an lạc và thanh tịnh.

Kế đó, vị giai nhân nói rằng bà sẽ rất vui lòng trả lời tất cả mọi câu hỏi khác nữa của Lê Mông. Nhưng vị trưởng phái đoàn nói rằng ông ta quá xúc động đến mức không thể đưa ra bất cứ một câu hỏi nào nữa. Ông ta cần phải có một lúc im lặng để suy ngẫm.

Lát sau, Lê Mông lên tiếng rằng ông ta có nhiều điều muốn nói và hy vọng là sẽ không làm phật ý một người nào, vì ông thật lòng không hề có ý chỉ trích ai cả. Ông nói:

- Khi lên đường đến đây, chúng tôi chỉ nghĩ rằng mình sẽ tìm thấy di tích của những nền văn minh đã suy vong và biệt tích từ lâu. Nhưng thật không ngờ chúng tôi lại được gặp gỡ và nhìn thấy tận mắt những con người mà chúng tôi không sao tưởng tượng được về những cuộc đời hoạt động cao quí vô cùng của họ. Nếu những điều mà chúng tôi vừa nhìn thấy có thể được công bố tại các nước Âu Mỹ, thì toàn thể nền tảng khoa học hiện thời sẽ bị đảo lộn và sụp đổ, và cả thế giới sẽ thay đổi hoàn toàn nhận thức về ý nghĩa đời sống.

Ba vị phu nhân cười và đáp rằng, các bà không hề có ý muốn nhìn thấy sự đảo lộn và sụp đổ như thế, cũng như không hy vọng rằng toàn thể thế giới sẽ thay đổi nhận thức theo hướng đúng đắn hơn. Các bà giải thích rằng, nhân loại đã có quá nhiều thần tượng, nhưng thiếu những lý tưởng đúng đắn; họ nhân danh quá nhiều điều tốt đẹp, nhưng bản thân họ không hề thực sự mong muốn những điều tốt đẹp đó. Vì thế, vấn đề không phải là chỉ ra cho họ thấy đâu là chân lý, mà là phải làm sao để họ tự mình xóa bỏ được sự si mê, tham lam và sân hận đang đè nặng trong tâm thức của chính họ.

Khi đó tất cả các vị khách quý, trừ vị đầu tiên đã đến trước cửa lều, đều đứng dậy và nói rằng đã đến lúc các vị phải ra đi. Các vị bắt tay từ giã chúng tôi và mời chúng tôi đến viếng các vị khi nào có dịp thuận tiện. Kế

đó các vị biến mất một cách đột ngột cũng giống như khi hiện đến, làm cho Lê Mông và những người trong nhóm của ông ta trố mắt thật lớn và đứng sững ngay trước chỗ mà các vị vừa hội họp lúc nãy.

Sau một lúc, Lê Mông quay sang nói chuyện với người khách còn ở lại và hỏi tên họ người ấy. Người này đáp rằng ông ta tên là Bạch Lãng. Khi đó, Lê Mông nói:

- Phải chăng quí vị đều có thể tự do đi lại tùy ý muốn mà không cần dùng đến một phương tiện di chuyển hữu hình nào như chúng tôi vừa thấy, và không chịu tác động của tất cả những định luật vật lý mà chúng tôi đã được biết từ trước đến nay?

Bạch Lãng đáp:

- Những điều chúng tôi làm được không có nghĩa là ngược lại với những định luật mà các bạn đã biết, mà thật ra chỉ là dựa theo những định luật các bạn chưa biết mà thôi. Những gì là vô hình đối với các bạn lại là hoàn toàn hữu hình đối với chúng tôi. Điều khó khăn chính là các bạn hoàn toàn không có được niềm tin vào những gì chúng tôi làm, mà cũng không có cả niềm tin vào chính mình. Ngược lại, tất cả chúng tôi đều nhìn thấy, tin tưởng và hiểu rõ một cách hoàn toàn tự nhiên cũng như các bạn đang hít thở khí trời vậy. Vì không có đức tin, các bạn đã tự giới hạn năng lực của chính mình

và không thể nào hiểu được rằng cả thế giới này vốn thuộc về các bạn, hiện hữu vì các bạn và cũng biến đổi vì các bạn. Nếu các bạn có thể làm như chúng tôi, nghĩa là để cho tâm thức hoàn toàn mở rộng, thoát khỏi mọi sự trói buộc của những giới hạn vật chất thông thường, thì các bạn sẽ thấy rằng những gì chúng tôi đã làm chỉ là những việc hoàn toàn tự nhiên, không có gì là huyền bí hay khó hiểu cả.

Khi ấy, *Chander Sen* xen vào cho biết rằng Bạch Lãng đến đây để mời chúng tôi ghé qua thăm ngôi làng của ông ta trên đường trở về địa điểm khởi hành. Chúng tôi sẵn lòng nhận lời mời ấy, và Bạch Lãng cho biết là ông sẽ cùng đi với chúng tôi. Về sau chúng tôi mới biết rằng người đàn ông này vốn thuộc dòng dõi những dân tộc phú cường của đế quốc *Uighur* thuở xưa, nay đã biệt tích và biến thành vùng sa mạc *Gobi*.

CHƯƠNG BẢY

Chúng tôi thức dậy thật sớm vào sáng hôm sau và lên đường trước khi mặt trời mọc, thẳng hướng đến chỗ làng quê của Bạch Lãng. Chúng tôi đến làng ấy mười hai ngày sau đó.

Khi đến nơi, chúng tôi được đón tiếp bởi những vị chân sư đã đến thăm chúng tôi vào ngày cuối cùng trên sa mạc, và lấy làm sung sướng khi được các vị mời chúng tôi nghỉ ngơi tại nhà các vị trong vài ngày.

Chúng tôi được đưa vào những gian phòng rất sang trọng so với những lều trại của chúng tôi trên sa mạc. Sau khi nghỉ ngơi một lúc, chúng tôi thay đổi y phục chỉnh tề và bước vào gian phòng khách bên cạnh.

Tại đây, chúng tôi gặp lại nhiều vị chân sư mà chúng tôi đã từng được quen biết trong những chuyến du hành đã qua xuống miền Nam. Các vị vui mừng tiếp đón, nói rằng vùng này là chỗ đất lành của chúng tôi và sẵn sàng mở rộng cửa để tiếp đón tất cả mọi người. Vị thống đốc của vùng này tiếp đón chúng tôi bằng một

bài diễn văn đầy thiện chí thông qua lời của một thông dịch viên. Ông ta cũng cho biết rằng một bữa tối thịnh soạn đã được sắp đặt tại tư dinh thống đốc và chúng tôi sẽ được mời đến đó ngay lập tức.

Chúng tôi rời khỏi phòng khách, vị thống đốc đích thân đi trước dẫn đường, có hai người vệ sĩ đi kèm hai bên theo nghi lễ bản xứ. Kế đó là Lê Mông với bà chủ nhà của chúng tôi khi trước, rồi đến Tô Mặc với người thiếu nữ tuyệt sắc, và sau cùng là đức Tuệ Minh, đức bà Mã Ly mẫu thân của ngài và tôi, tất cả những người còn lại đều tháp tùng theo sau.

Chúng tôi vừa đi được một đoạn chưa bao xa thì có một bé gái ăn mặc rách rưới tách ra từ đám đông đang nhìn chúng tôi từ bên lề đường, và nói bằng tiếng bản xứ xin được gặp đức bà Mã Ly.

Bà Mã Ly nắm tay tôi và đức Tuệ Minh rồi cả ba chúng tôi đều bước ra khỏi hàng để nghe xem em bé ấy muốn nói điều gì Thấy vậy, bà chủ nhà của chúng tôi do dự một lúc rồi nói rằng bà muốn ngừng lại. Trong khi bà bước ra khỏi hàng ngũ quan khách, cả đoàn đều dừng chân.

Bà Mã Ly quay lại bảo viên thống đốc hãy cứ đưa tất cả mọi người tiếp tục lộ trình và hãy ngồi vào bàn ăn trước, bà sẽ đến sau trong chốc lát để nhập tiệc chung

với mọi người. Trong khi đó, bà nắm hai bàn tay của bé gái trong tay bà.

Sau khi viên thống đốc và đoàn tùy tùng cùng những người khác đã đi qua, bà quì xuống thấp để áp gương mặt bà vào gò má của đứa bé, choàng hai tay vòng quanh cổ nó và nói:

- Con hỡi, con muốn ta giúp con điều gì?

Sau đó, bà Mã Ly được biết rằng em trai của bé gái này đã bị té ngã vào lúc xế chiều và có lẽ đã bị gãy xương sống. Đứa bé khẩn cầu bà Mã Ly đi theo nó để cứu chữa cho em trai nó, vì đứa em trai này đang đau đớn rên siết rất khổ sở.

Bà Mã Ly đứng dậy, giải thích tình hình cho chúng tôi nghe và bảo chúng tôi hãy đi đến tư dinh viên thống đốc, còn bà sẽ đi theo đứa bé gái và gặp lại chúng tôi sau. Lê Mông xin phép đi với bà. Bà nói rằng nếu muốn thì tất cả chúng tôi đều có thể đi theo bà. Chúng tôi bèn đi theo bà.

Bà vừa đi vừa nắm tay bé gái, em bé này nhảy nhót vì vui mừng. Bà chủ nhà chúng tôi thông dịch lại những lời em nói. Em biết chắc rằng đứa em trai của em sẽ được đức bà chữa khỏi.

Khi đi đến gần nhà, đứa bé gái chạy vọt tới trước để báo tin có chúng tôi đến. Chúng tôi thấy em ở trong

một chòi lá vách đất nghèo nàn. Bà Mã Ly có lẽ đọc được tư tưởng của chúng tôi vì bà nói ngay:

- Điều đáng nói hơn là căn nhà nghèo nàn này chứa đựng những quả tim ấm áp.

Khi đó, cánh cửa đột nhiên mở. Chúng tôi nghe một giọng đàn ông mời chúng tôi bước vào. Bên trong cái chòi lá nhỏ bé này rất chật hẹp, hầu như chỉ vừa đủ khoảng trống để chứa tất cả chúng tôi, và mái chòi thấp đến nỗi chúng tôi không thể đứng thẳng người.

Một ngọn đèn dầu leo lét hắt ánh sáng lập lòe lên gương mặt của cha mẹ đứa bé đang ngồi ở một góc chòi, áo quần dơ bẩn. Trong góc xa nhất, nằm trên một đống rơm rạ và giẻ rách cũ hôi hám ẩm thấp, là một bé trai chừng năm tuổi đang rên siết, gương mặt tái ngắt như màu sáp và nhăn nhó ra vẻ rất đau đớn.

Đứa bé gái ngồi xuống bên cạnh và đặt hai bàn tay lên hai gò má em trai. Em nói với bé trai rằng nó sẽ được hoàn toàn chữa khỏi vì đức bà đã có mặt tại đó. Rồi em rút hai bàn tay ra và nhích sang một bên để cho đứa em trai nhìn thấy đức bà.

Đến khi đó, đứa bé trai mới nhìn thấy những vị khách lạ, và nét mặt em liền biến đổi ngay. Dường như em đang trải qua một cơn sợ hãi. Em lấy hai tay che

mặt, và thân mình em run rẩy hòa nhịp với những tiếng khóc nấc từng cơn:

- Ôi! Con tưởng rằng đức bà chỉ đến một mình!

Bà Mã Ly ngồi xuống bên cạnh và ôm em vào lòng một lúc. Khi em đã bình tĩnh, bà nói rằng bà sẽ bảo những người khách ra về nếu em muốn vậy. Em đáp rằng em chỉ ngạc nhiên và sợ hãi thôi.

Bà Mã Ly quay sang nói với đứa bé gái:

- Con thương yêu em con nhiều lắm phải không?

Đứa bé gái, có vẻ như chưa được chín tuổi, đáp ngay:

- Dạ, nhưng con cũng thương yêu tất cả mọi người

Đức Tuệ Minh thông dịch lại cho chúng tôi câu nói gây xúc động đó, vì chúng tôi không hiểu một tiếng nào.

Bà Mã Ly nói:

- Nếu con thương em con nhiều như vậy, con có thể giúp sức một phần vào sự cứu chữa cho nó.

Kế đó, bà bảo em bé ấy ngồi trở lại tư thế lúc nãy, với hai bàn tay ôm lấy hai gò má của em nó, rồi bà xoay mình lại để đặt một bàn tay bà trên trán đứa bé. Ngay tức khắc, những tiếng rên siết liền ngưng bặt,

gương mặt đứa trẻ sáng lên, thân mình nó duỗi thẳng giữa một cơn yên tĩnh hoàn toàn của bầu không khí chung quanh, và đứa trẻ ngủ yên trong một giấc ngủ tự nhiên.

Bà Mã Ly và đứa bé gái ngồi yên trong tư thế đó một lúc lâu, rồi bà gạt nhẹ hai bàn tay bé gái ra và nói:

- Em bé trai này thật khôi ngô!

Kế đó, bà rút bàn tay ra một cách thật nhẹ nhàng. Lúc đó, tình cờ tôi lại đứng gần bên bà trong khi bà đưa cánh tay trái ra trước. Tôi đưa bàn tay tôi ra để đỡ bà đứng dậy, nhưng khi bàn tay tôi chạm vào bàn tay trái của bà thì tôi cảm thấy giật nẩy cả mình như bị điện giật, và cánh tay tôi hầu như bị tê liệt. Bà nhẹ nhàng đứng dậy và nói:

- Tôi đã quên đi mất. Đáng lẽ tôi không nên nắm lấy tay bạn như vậy.

Khi ấy, tôi cảm thấy rất rõ ràng sức mạnh kinh khủng của dòng điện kỳ lạ vừa chạy xuyên qua thân mình tôi. Nhưng khi bà vừa nói dứt lời thì cảm giác ấy liền biến mất và cánh tay tôi đã trở lại bình thường. Tôi tin rằng không ai nhận thấy việc ấy xảy ra, vì mọi người còn đang mãi chú ý đến những gì diễn ra ở chung quanh.

Đứa bé gái đã quỳ thụp xuống chân bà Mã Ly và hôn lấy hôn để vào gấu áo của bà. Bà Mã Ly cúi xuống, lấy tay đỡ gương mặt đẫm lệ của đứa bé, rồi cũng quì xuống ôm nó vào lòng, hôn lên mắt và miệng nó. Đứa bé quàng tay ôm cổ bà Mã Ly, và cả hai đều yên lặng như thế trong một lúc. Kế đó, ánh sáng lạ lùng mà chúng tôi đã từng thấy trước đây bắt đầu tràn vào trong chòi. Ánh sáng ấy càng lúc càng trở nên sáng rỡ, và sau cùng thì tất cả mọi vật đều có vẻ như trong suốt và tỏa sáng. Dường như không gian trong cái chòi chật hẹp bỗng càng lúc càng trở nên rộng hơn. Trạng thái kỳ diệu này kéo dài một lúc lâu rồi mới dần dần biến mất.

Việc chữa bệnh xem như hoàn tất, chúng tôi bèn bước ra khỏi cái chòi lá chật hẹp. Trước khi chúng tôi ra về, người mẹ đứa bé ngỏ lời mời chúng tôi trở lại thăm khi nào có dịp.

Chúng tôi hối hả đi đến tư dinh viên thống đốc vì sợ mọi người phải chờ lâu. Chúng tôi có cảm giác như đã trải qua nhiều giờ trong cái chòi lá, nhưng thật ra chỉ có nửa giờ đã trôi qua từ lúc chúng tôi tách rời khỏi đoàn người đến khi chúng tôi gặp họ trở lại. Tất cả mọi việc dường như đã diễn ra trong một quãng thời gian còn ngắn ngủi hơn cả thời gian cần thiết để ghi chép lại câu chuyện!

Chúng tôi đến tư dinh viên thống đốc đúng vào lúc mọi người vừa ngồi vào bàn ăn. Lê Mông xin phép ngồi gần bên Tô Mặc. Anh ta lộ vẻ vô cùng khích động. Về sau, Tô Mặc kể lại rằng hôm ấy Lê Mông bị xúc động mạnh về những gì đã nhìn thấy, đến nỗi anh ta không sao giữ được sự bình tĩnh.

Qua hôm sau, Lê Mông là người thức dậy sớm nhất. Trong bữa ăn sáng, anh ta ngồi giữa đức Tuệ Minh với Dật Sĩ và đặt rất nhiều câu hỏi trong suốt bữa ăn.

Về sau, Lê Mông cho chúng tôi biết rằng hôm ấy anh ta bị xúc động và ngạc nhiên đến nỗi không thể ngồi yên mà không đặt ra những câu hỏi. Y nói rằng chuyến đi này thật là một chuyến đi sôi nổi và hào hứng nhất đời, tuy rằng anh ta cũng đã từng đi du lịch ở nhiều nơi xa lạ.

Khi đó Lê Mông nảy ra ý định giúp chúng tôi tổ chức một chuyến hành trình thứ nhì để tiếp tục những cuộc đào xới khảo cổ theo chỉ dẫn của các vị chân sư. Nhưng thật không may là dự án này mãi mãi không được thực hiện, vì Lê Mông đã đột ngột từ trần ngay năm sau đó.

Đức Tuệ Minh cho chúng tôi biết rằng chiều hôm đó sẽ có một cuộc hội họp giống như phiên họp hồi cuối năm ngoái tại làng quê của ngài. Ngài mời tất cả chúng tôi cùng đến dự và chúng tôi sung sướng nhận lời.

Chúng tôi định đến thăm đứa bé trai vừa được chữa bệnh hôm qua, nhưng e rằng quá đông người có thể gây bất tiện cho gia đình, nên chúng tôi chia ra thành từng nhóm nhỏ chỉ độ năm hay sáu người. Nhóm đi cùng với tôi gồm có đức Tuệ Minh, Lê Mông và hai vị phu nhân. Khi chúng tôi đi ngang qua nhà trọ của bà Mã Ly, bà cùng nhập bọn với chúng tôi.

Khi chúng tôi gần đến cái chòi nhỏ, đứa bé gái chạy ra thật xa để đón, rồi nhảy vào nằm gọn trong vòng tay mở rộng của bà Mã Ly và nói rằng em trai nó đã hoàn toàn khỏe mạnh.

Khi chúng tôi đến nơi, người mẹ đứa bé chạy vội ra quì mọp dưới chân bà Mã Ly và hết lời cảm ơn bà. Bà Mã Ly đưa tay ra đỡ người đàn bà ấy đứng dậy và nói:

- Bà đừng quá lưu tâm chuyện này. Thật ra tôi chẳng làm được gì cho bà cả! Sự nhiệm mầu đã xảy đến cho con trai bà không phải do tôi tạo ra, mà chỉ là kết quả biểu hiện cụ thể của tình thương yêu rộng mở. Vì thế, trong việc này có sự góp phần quan trọng của chính con gái bà. Nó đã thực sự dành cho em trai mình một tình thương yêu chân thật và không có giới hạn.

Ngay khi đó, đứa bé trai ra mở cửa và mẹ nó mời chúng tôi vào nhà. Chúng tôi đi theo sau các bà, và bà chủ nhà của tôi khi trước tình nguyện làm thông ngôn cho buổi nói chuyện.

Sau một lúc chuyện trò, có người đưa tin của vị thống đốc đến. Sáng hôm ấy, ông ta cử viên đại úy dẫn một toán quân hầu đến trân trọng mời chúng tôi dùng cơm trưa tại tư dinh.

Chúng tôi nhận lời, và đến giờ hẹn liền có một toán vệ sĩ đến hộ tống chúng tôi đến tư dinh viên thống đốc. Đến nơi, chúng tôi thấy một số đông những vị *Lạt-ma* của tu viện *Lạt-ma* giáo gần bên đã có mặt tại đó cùng với vị Sư trưởng của họ.

Chúng tôi được biết rằng tu viện này rất quan trọng và có khoảng hơn 1.500 nhà sư. Viên thống đốc là một trong những cư sĩ sùng tín và đứng ra bảo trợ về mặt tài chánh cho tu viện này.

Khi đó, chúng tôi được biết rằng bữa tiệc này có mục đích tạo một dịp tiếp xúc giữa các vị Lạt-ma và các thành viên trong đoàn chúng tôi. Các vị chân sư đã từng quen biết vị Sư trưởng này từ lâu. Thậm chí các ngài còn thường xuyên gặp gỡ và làm việc chung với ngài. Nhưng cho đến sáng hôm ấy, viên thống đốc dường như vẫn chưa biết đến mối liên hệ trên. Thật ra, vị Sư trưởng đã vắng mặt ở tu viện trong suốt ba năm nay và chỉ vừa mới trở về một ngày trước khi chúng tôi đến.

Trong bữa ăn, chúng tôi nhận thấy rằng các vị *Lạt-ma* đều là những người có học thức, có những quan điểm rộng rãi về cuộc đời và đã từng du lịch nhiều nơi. Có hai vị đã từng sống một năm tại Anh quốc và Hoa Kỳ.

Trước khi chia tay, vị Sư trưởng mời chúng tôi hôm sau đến viếng tu viện Lạt-ma giáo và làm thượng khách của các vị *Lạt-ma* trong một ngày. Đức Tuệ Minh khuyên chúng tôi nên nhận lời. Hôm sau, chúng tôi đã trải qua một ngày rất tốt đẹp và hữu ích tại tu viện.

Vị Sư Trưởng là một người đạo hạnh uyên thâm. Hôm đó, ông ta đã cùng với Tô Mặc kết tình thân hữu, và tình thân hữu này về sau đã trở nên một sự cảm thông sâu đậm kéo dài đến suốt đời của hai người. Vị Sư Trưởng đã đem đến cho chúng tôi một sự trợ giúp vô cùng quí báu trong những chuyến du hành về sau tại vùng này.

Theo chương trình được dự tính, đoàn chúng tôi sẽ lên đường vào trưa hôm sau. Dật Sĩ và *Chander Sen* sẽ cùng đi với chúng tôi đến một địa điểm trao đổi hàng hóa để chúng tôi mua sắm thêm lương thực dự trữ, và đức Tuệ Minh cũng sẽ đến đó sau với chúng tôi. Kế đó, ba vị chân sư sẽ cùng với chúng tôi trở lại địa điểm căn cứ mùa đông. Khi đến căn cứ, đoàn khảo cứu của

chúng tôi sẽ giải tán, và những người nào muốn về nhà có thể theo con đường mòn của các thương nhân để đến nơi có bến tàu hoặc phương tiện di chuyển thích hợp.

Ngày hôm sau đức Tuệ Minh đến với chúng tôi. Chúng tôi từ giã mọi người và cùng ngài lên đường đi về hướng căn cứ mùa đông. Chúng tôi nghỉ lại hai ngày tại trại của bọn cướp đã gặp trước đây. Hai người trong số họ đã đi theo chúng tôi từ trước bèn từ giã tại đây và toán chúng tôi chỉ còn lại bảy người. Chính hai người đi theo chúng tôi đã thuật lại cho mọi người trong trại của bọn cướp nghe về chuyến du hành kỳ lạ vừa rồi và những điều nhiệm mầu mà họ đã nhìn thấy. Vì thế, chúng tôi được đối xử một cách kính nể và vô cùng chu đáo. Nhất là ba vị chân sư luôn nhận được những sự ưu đãi danh dự rất đặc biệt.

Người cầm đầu bọn cướp cho ba vị biết rằng, để đáp lại thịnh tình mà các vị đã dành cho họ, họ sẽ xem địa điểm chôn giấu của ba thành phố cổ như một vùng cấm địa tuyệt đối thiêng liêng bất khả xâm phạm.

Sáng ngày chúng tôi lên đường, viên đầu đảng đến tặng cho Tô Mặc một huy hiệu bằng bạc chỉ nhỏ bằng một đồng tiền xu, trên đó có khắc những chữ rất lạ. Ông ta nói với Tô Mặc rằng, nếu bị bất cứ bọn cướp nào tấn công trong vùng này, chúng tôi chỉ cần đưa cái huy

hiệu ấy ra là lập tức họ sẽ xem chúng tôi như bạn. Gia đình ông ta đã giữ cái huy hiệu ấy qua nhiều thế hệ và xem như một vật quí vô giá, nhưng ông ta muốn tặng cho Tô Mặc để tỏ lòng ngưỡng mộ.

Sau khi xem xét kỹ lưỡng chiếc huy hiệu, đức Tuệ Minh cho chúng tôi biết rằng đó là một bản sao rất chính xác của một đồng tiền đã từng lưu hành phía bắc vùng *Gobi* từ nhiều ngàn năm trước. Riêng chiếc huy hiệu này đã có ít nhất cũng hơn bảy trăm năm tuổi. Những đồng tiền loại này thường được các thổ dân bản xứ dùng như những linh vật hộ phù, và họ cho rằng đồng tiền càng cổ xưa thì càng quí giá hơn và có hiệu lực hơn. Viên đầu đảng và cả bọn cướp hẳn đã đánh giá món quà của họ là một giá trị rất lớn.

Chúng lôi tiếp tục cuộc hành trình một cách êm thấm và đến căn cứ mùa đông vào thời gian đã định. Tại đây chúng tôi được sự tiếp đón nồng nhiệt của các vị chân sư đã đến viếng chúng tôi trên vùng sa mạc và đã từ biệt chúng tôi tại nơi làng nọ khi chúng tôi gặp vị Sư trưởng của tu viện *Lạt-ma* giáo.

Một lần nữa chúng tôi lại được mời đến ở nhà của bà chủ nhà năm trước, và chúng tôi liền vui vẻ nhận lời. Lần này chúng tôi chỉ còn lại có bốn người, vì bảy thành viên khác đã trở về Ấn Độ và Mông Cổ để thực hiện những cuộc sưu tầm khác nữa. Việc phân công

như thế giúp chúng tôi có nhiều thời giờ hơn để phiên dịch các tài liệu cổ.

Làng nhỏ này rất yên tĩnh. *Chander Sen* và bà chủ nhà luôn sẵn sàng giúp đỡ chúng tôi khi phải dịch các đoạn văn khó và bí hiểm. Công việc này tiếp tục cho đến cuối tháng mười hai.

Khi đó chúng tôi nhận thấy một đám khá đông dân chúng lại tụ họp để chuẩn bị cho cuộc hội họp hằng năm. Phần đông là những người đã tham dự cuộc hội họp năm ngoái, nhưng địa điểm có thay đổi. Lần này, cuộc hội họp sẽ diễn ra tại ngôi đền cổ đục trong vách núi, tại gian phòng trung ương được dùng làm tòa đại sảnh.

Chiều ngày đầu năm dương lịch, chúng tôi đến tòa sảnh đường khi còn sớm để nói chuyện với những người đã hội họp tại đó. Họ đến từ nhiều vùng khác nhau và cho chúng tôi biết tin tức của thế giới bên ngoài, cái thế giới mà chúng tôi thật sự cảm thấy rằng đã mất hẳn liên lạc từ lâu. Tuy nhiên công việc của chúng tôi làm cho chúng tôi quá bận rộn đến mức quên cả ngoại cảnh, và thời gian thực sự đã trôi qua rất nhanh.

Ngày hôm sau, Tô Mặc đề nghị với cả bọn cùng xuống phòng tài liệu để tiếp tục công việc phiên dịch. Chúng tôi mãi chăm chú vào công việc đến nỗi không nhận ra được sự hiện diện của những người khác trong

phòng. Thình lình, Tô Mặc đứng dậy và bước tới đón chào những người mới đến. Chúng tôi khi ấy mới ngước nhìn lên thì thấy bà Mã Ly, bà chủ nhà của chúng tôi và *Chander Sen*. Ngoài ra còn có Bạch Lãng và một người lạ mặt được giới thiệu với chúng tôi dưới cái tên là Bút Già.

Lúc ấy đã quá trưa, chúng tôi dọn bàn và chuẩn bị bữa ăn. Xong, chúng tôi ngồi vào bàn và sau một lúc im lặng; Bạch Lãng cất tiếng nói:

- Này các bạn, hôm nay chúng ta hãy chiêm nghiệm về nguyên Lý đại đồng thấm nhuần tất cả vạn vật, khắp trong vũ trụ. Nguyên lý ấy là ánh sáng, là tình thương yêu bình đẳng và rộng khắp và tất cả những gì gọi là Chân Thiện Mỹ mà chúng ta có được nhờ vào một nếp sống tốt lành. Chúng ta có thể vĩnh viễn được thấm nhuần những sự tốt lành ấy, nếu chúng ta mong muốn và quyết tâm. Khắp vũ trụ này vẫn luôn được chiếu sáng bởi ngọn lửa thiêng trường cửu của tình thương vô phân biệt. Ngọn lửa thiêng ấy sẽ chiếu sáng không bao giờ lu mờ. Nó xuất hiện từ đáy lòng của tất cả những ai đã thật sự nhận ra ý nghĩa chân thật của đời sống. Bắt nguồn từ những người thân thuộc quanh ta, ngọn lửa thương yêu ấy sẽ lan tràn ra khắp không gian, soi sáng đến tận những vùng xa xôi nhất để mỗi con người đều có thể cảm nhận được ánh sáng

của nó và luôn nhận được những sự tốt lành do tình thương vô biên mang đến. Những rung động của ánh sáng thương yêu đó sẽ hòa chung nhịp đập với vô số trái tim của muôn người, muôn loài, khơi dậy tâm hồn thanh cao tốt đẹp ở ngay cả những người đang sa đọa tận dưới đáy cùng của tội lỗi.

Bây giờ, chúng ta đã nhận thức được về tình thương yêu rộng khắp với công năng sưởi ấm cho hết thảy muôn loài trong khắp vũ trụ. Chúng ta hãy cùng nhau thực tập phát triển lòng thương yêu đó để biến đổi thế gian này, chuyển hóa và hòa hợp tất cả nhân loại.

Sau những lời chân thật của Bạch Lãng, tất cả chúng tôi đều cảm thấy xúc động thật sự. Tận đáy lòng mình, chúng tôi ai nấy đều cảm thấy đang dâng tràn một tình thương yêu mãnh liệt, một tình thương hướng về mọi đối tượng trong đời sống mà không hề có sự phân biệt hay giới hạn.

Kể từ sau bữa ăn tối thân mật đó cho đến ngày 15 tháng 4 là ngày chúng tôi lên đường, không có ngày nào hoặc đêm nào mà chúng tôi không tụ họp tại đó với tất cả các chân sư trong khoảng ít nhất là một tiếng đồng hồ để bàn luận về những phương pháp nuôi dưỡng và phát triển lòng thương yêu, mà các vị gọi là tâm đại bi, nền tảng để hướng đến tâm thức giác ngộ hay tâm thức

Bồ-đề mà trước đây tôi đã có dịp nhắc đến. Dần dần, chúng tôi đều có cảm giác là những bức rào cản giới hạn tâm thức của chúng tôi đang bị xóa bỏ, và chúng tôi tự thấy mỗi người đều có thể trải lòng thương yêu chăm sóc cho người khác một cách thực sự. Chính vì thế, những giây phút sống chung hằng ngày của chúng tôi đã trở nên ấm áp và thân thiết hơn trước kia rất nhiều. Hầu như không ai còn phiền trách ai về bất cứ điều gì, cho dù chỉ là những điều nhỏ nhặt.

Đến ngày 1 tháng 4, chúng tôi đã hoàn tất công việc phiên dịch các tài liệu cổ và chuẩn bị vẽ họa đồ những bức tượng cổ xưa tạc trong núi đá. Công việc này được thực hiện một cách mau chóng vì sự hứng thú và hăng say của chúng tôi khi bắt tay vào việc.

Một buổi xế trưa, có một người đưa tin đến làng. Nhìn thấy cách mà dân làng tụ họp nhốn nháo chung quanh người ấy, chúng tôi đoán ngay rằng đó là một biến cố khác thường. Chúng tôi liền bỏ dở công việc và đi xuống làng. Tại đó, bà chủ nhà trọ cho chúng tôi biết rằng có một toán quân cướp khá đông đang tập trung dưới thung lũng cách đó không xa.

Điều này gây cho dân làng một sự lo ngại rất lớn, vì từ nhiều năm nay, quân cướp vẫn luôn muốn đánh cướp làng này vì có lời đồn rằng ngôi đền đục trong

hang núi có chứa đựng một kho tàng khổng lồ. Nhưng những mưu toan đánh cướp làng này từ trước đến nay vẫn thất bại, và những toán quân cướp cho rằng phần lớn sự thất bại này là do bởi sức chống cự mãnh liệt của những nông dân sống ở miền thung lũng. Hôm nay, nhiều toán quân cướp đã tập hợp lại để tăng cường lực lượng. Bọn chúng hiện có độ bốn ngàn quân khinh kỵ võ trang đầy đủ, đang tấn công vùng thung lũng để đánh tan sự chống cự của những người nông dân sống chung quanh làng.

Bọn cướp hy vọng rằng chiến lược tấn công lần này sẽ có hiệu quả hơn những lần trước. Người đưa tin cũng kêu gọi dân làng này hãy đến trợ giúp, vì rất nhiều người đã bị giết, và những người khác sắp sửa từ bỏ mọi sự chống cự.

Bà chủ nhà chúng tôi đáp rằng trong làng không sẵn có người nào có thể đi xuống thung lũng để trợ giúp. Nhưng bà trấn an người đưa tin rằng ông ta có thể trở về và sẽ không có gì xảy ra cho những người chung quanh ông ta.

Chúng tôi lại tiếp tục làm việc mặc dầu cũng ý thức được sự lo ngại của dân làng và chia sẻ phần nào sự lo ngại của họ.

Sáng hôm sau, chúng tôi tiếp tục vẽ họa đồ và hoàn chỉnh công việc thu gom tài liệu để có thể tìm thấy đầy

đủ hơn về lịch sử nền văn minh cổ xưa của một dân tộc đã từng sống trên phần đất bao la này, nay đã trở thành bãi sa mạc hoang vu. Viễn ảnh bị mất đi những kết quả sưu tầm từ bấy lâu nay trong một trận đánh với bọn cướp làm cho chúng tôi rất đỗi lo âu. Chúng tôi bèn góp nhặt tất cả các tài liệu mang vào trong phòng dự trữ tài liệu của ngôi đền. Đền này đã từng thoát khỏi một loạt những cuộc tấn công tương tự của bọn cướp.

Tối hôm đó, chúng tôi cùng với bà chủ nhà bàn kế hoạch trợ giúp dân làng. Chúng tôi bày tỏ sự ngạc nhiên khi không thấy các vị chân sư. Bà chủ nhà nói rằng sau khi có sự cầu cứu của người đưa tin, bọn cướp có lẽ bị bắt buộc phải gián đoạn cuộc tấn công, nếu không họ sẽ tự hủy diệt chính họ.

Đêm đó, chúng tôi đi ngủ với ý nghĩ là nỗi lo ngại về sự an toàn của chúng tôi có lẽ không cần thiết. Hôm sau, chúng tôi thức dậy sớm và chuẩn bị bắt tay vào việc thì người đưa tin hôm qua lại xuất hiện. Ông ta báo tin rằng những cuộc tấn công vào nông dân đã chấm dứt và bọn cướp đang tập trung lực lượng ở cách đó độ ba mươi lăm cây số, có lẽ để chuẩn bị đánh vào làng chúng tôi.

Trong khi bà chủ nhà nói chuyện với người đưa tin, với một nhóm dân làng tụ họp ở chung quanh, một người kỵ mã phóng ngựa vào làng và chạy ngay đến

chỗ chúng tôi. Trên đường ông ta chạy vào làng, những nhóm dân làng có vẻ nhận biết ông ta và liền giải tán ngay, dường như vì sợ hãi.

Khi người kỵ mã sắp đến gần, người đưa tin bất giác thốt ra tên y và liền chạy trốn cùng với những dân làng khác, hiển nhiên là vì sợ rằng bọn cướp sẽ đến theo sau người kỵ mã. Chúng tôi còn ở lại với bà chủ nhà để đợi ông ta đến.

Ông ta gò cương ngựa và hất hàm nói với Tô Mặc một cách hiên ngang, rằng bọn cướp biết rõ chúng tôi là người ngoại quốc và chúng tôi đến đây với mục đích gì. Ông ta nói chuyện bằng tiếng địa phương nên chúng tôi không hiểu gì cả. Nhìn thấy chúng tôi ngơ ngác, ông ta liền hỏi có ai thông dịch được không. Bà chủ nhà trọ quay lại đối diện với người kỵ mã lúc ấy hãy còn ngồi trên lưng ngựa, và hỏi rằng bà có thể làm việc ấy giúp ông ta được không.

Khi vừa nhìn thấy bà, người kỵ mã có vẻ như bị điện giật. Tuy nhiên, ông ta trấn tĩnh lại ngay để nhảy xuống ngựa một cách gọn gàng và vừa chạy lại vừa đưa hai tay ra trước, kêu lên:

- Vậy ra bà ở đây sao?

Kế đó, ông ta đưa hai bàn tay lên trán, quì xuống trước mặt và xin lỗi bà. Bà chủ nhà chúng tôi bảo ông

ta hãy đứng dậy và bày tỏ ý muốn. Chúng tôi nhìn thấy bà đứng thẳng người, và trong một lúc gương mặt bà đổi sắc vì nổi cơn thịnh nộ. Bà tỏ ra một cơn xúc động mãnh liệt đến nỗi người kỵ mã phải kinh hoảng. Chúng tôi cũng sợ hãi đến độ mất cả sự bình tĩnh. Những danh từ "*hèn nhát, đồ sát nhân, hãy bước tới và nói rõ mi muốn gì*" được phát ra từ đôi môi của bà với một sức mạnh kinh khủng đến nỗi người kia phải quì mọp sát đất. Một lần nữa, bà lại mắng mỏ y thậm tệ:

- Đứng lên, mi quá hèn nhát đến nỗi không dám đứng dậy chăng?

Chúng tôi không ngạc nhiên vì sự sợ hãi bi lụy của người kỵ mã, vì cũng như ông ta, chúng tôi hoàn toàn đứng sững như trời trồng, không dám động đậy. Tôi chắc rằng nếu có thể làm được với sức mình thì hẳn ông ta đã chạy vắt giò lên cổ. Nhưng lúc ấy, cũng như chúng tôi, ông ta không thể cử động hay thốt lên một lời nào. Ông ta buông mình xuống đất như một cái xác không hồn, hai mắt giương lên và miệng há hốc.

Trong sự tiếp xúc với các vị chân sư có những quyền năng siêu phàm, đây là lần đầu tiên chúng tôi có dịp nhìn thấy một vị bày tỏ cơn xúc động mạnh. Chúng tôi cũng hoảng sợ giống như tên cướp. Những rung động trong giọng nói của bà chủ nhà làm cho chúng tôi bị

chạm mạnh như sức va chạm của một tiếng nổ dữ dội kèm theo với một cú điện giật, làm tê liệt không những giọng nói mà luôn cả các bắp thịt của chúng tôi. Tôi không tìm thấy danh từ nào khác để diễn tả những cảm giác lúc ấy. Với những định luật vật lý mà chúng tôi đã biết, thật khó mà giải thích được vì sao những rung động xuất phát từ một thân hình mảnh mai như của bà chủ nhà lại có thể làm cho chúng tôi cảm thấy như bị đè bẹp và trở nên yếu đuối bất lực. Nhưng sự thật là như vậy. Tuy tình trạng đó chỉ kéo dài có một lúc, nhưng nó dường như lâu đến hàng giờ trước khi mọi việc trở lại bình thường.

Chúng tôi đứng trân mình như những pho tượng và lấy làm động lòng trắc ẩn đối với tên cướp. Chúng tôi cảm thấy sự mong ước mãnh liệt là muốn trợ giúp y bằng mọi cách. Đó là sự phản ứng chung của tất cả chúng tôi, nhưng ngược lại chúng tôi chỉ có thể đứng sững nhìn bà chủ nhà trân trối.

Thình lình, mọi sự đều thay đổi. Gương mặt bà biểu lộ trước hết một sự cứng rắn, kế đó nét mặt bà biến đổi và trở lại dịu dàng như lúc bình thường. Chúng tôi cảm thấy có lòng trắc ẩn sâu xa đến nỗi chúng tôi tất cả đều chạy lại đỡ lấy cái thân hình đang nằm mọp dưới đất. Bà chủ nhà cũng cúi xuống và đưa một tay cho tên cướp. Người này giây lát đã tỉnh lại. Chúng tôi đỡ

y đứng dậy và đặt y ngồi thoải mái trên một chiếc ghế dài gần đó. Y nhất định từ chối không bước vào bất cứ căn nhà nào. Bà chủ nhà khi đó mới nhận thấy cái ảnh hưởng mà bà đã gây cho chúng tôi, bèn tỏ lời hối tiếc về cơn thịnh nộ dữ dội của bà.

Chúng tôi vẫn còn run rẩy khắp thân mình, và một lát sau đó mới trấn tĩnh tinh thần lại được. Bà giải thích rằng, người ky mã này là đầu đảng của một bọn cướp khét tiếng trong vùng này cũng như trên khắp sa mạc *Gobi*. Một vài người rất hiếm biết được tên y, gọi là tên "Cướp Đen", và chỉ dám thốt ra tên ấy một cách sợ hãi vì mọi người đều biết y là một kẻ cướp rất tàn bạo, không biết thương xót ai cả.

Bà chủ nhà chúng tôi đã có dịp tiếp xúc với người này trong hai lần tấn công bị thất bại của bọn cướp. Mỗi lần như vậy, y đã tỏ ra một sự thù hận sâu xa dối với bà và đối với các vị chân sư nói chung. Thỉnh thoảng y đã gửi đến các ngài những bức thông điệp với lời lẽ đầy căm hờn mà các ngài không hề để ý đến.

Sự xuất hiện thình lình của y đã nhắc nhở cho bà chủ nhà những hành động bất hảo trong quá khứ của y một cách rõ rệt đến nỗi bà đã mất bình tĩnh trong một lúc. Nhưng bà liền trấn tĩnh lại và bước đến gần người ấy. Khi bà đến gần, y toan đứng dậy nhưng không thể

làm gì khác hơn là thu mình để ngồi ngay ngắn hơn một chút, với một vẻ mặt kinh khiếp sợ hãi đến cực độ.

Sự căm hận toát ra từ mọi cử chỉ của y, thân mình y run rẩy lập cập như người bị chứng liệt bại. Bà chủ nhà chúng tôi tỏ ra một dáng điệu trái ngược hẳn với y, vì bà đã lấy lại được sự bình tĩnh và không còn tỏ ra một dấu hiệu xúc động nào. Chúng tôi có ý nghĩ đem người kia đi. Trước khi chúng tôi có thể thốt ra lời, bà chủ nhà đã đọc được tư tưởng chúng tôi và đưa tay lên để yêu cầu chúng tôi giữ im lặng.

Tô Mặc hiểu rằng bà đảm đương trách nhiệm của tình tình hình lúc ấy và những gì mà chúng tôi làm chỉ đưa đến việc đặt bà trong một tình thế khó xử. Chúng tôi bèn rút lui cách đó một quãng xa. Bà nói chuyện với người ấy bằng một giọng thấp nhỏ và êm đềm trong một lúc khá lâu trước khi nhận được sự trả lời. Khi người ấy bắt đầu trả lời, bà chủ nhà bèn ra dấu cho chúng tôi bước lại gần.

Chúng tôi ngồi xuống đất trước mặt hai người và lấy làm sung sướng mà có thể làm một cử chỉ khả dĩ đưa đến sự bớt căng thẳng. Tên cướp giải thích rằng hắn ta được các tên chúa đảng cử đến với tư cách một sứ giả hòa bình để thương thuyết việc giao nộp kho tàng của cải mà họ cho rằng đang được chôn giấu ở ngôi đền trong hang núi. Nếu dân làng chịu đem nộp kho tàng

ấy, bọn cướp hứa sẽ không đánh phá họ nữa và sẽ thả hết các dân làng bị cầm tù mà theo ông ta cho biết thì có đến trên ba ngàn người. Họ cũng hứa sẽ rời khỏi xứ này và không bao giờ còn làm hại những người dân sống ở miền thung lũng.

Bà chủ nhà chúng tôi giải thích cho ông ta biết rằng trong đền không có một kho tàng nào có giá trị đối với bọn cướp. Bà cho ông ta biết nhiều chi tiết và đề nghị đưa ông ta đi xem tất cả các gian phòng trong đền hoặc bất cứ nơi nào. Ông ta từ chối ngay, vì sợ bị giữ lại làm con tin. Không một lời đảm bảo nào của chúng tôi có thể thuyết phục được ông ta.

Bà chủ nhà xác nhận với ông ta sự thành thật của chúng tôi và ông ta liền tin ngay. Nhưng khi đó ông ta đang rơi vào một tình thế khó xử, vì ông ta chính là kẻ chủ trương thực hiện vụ đánh cướp này. Chính ông ta đã khêu gợi óc tưởng tượng của bọn cướp và làm cho chúng nổi lòng tham muốn đánh cướp kho tàng. Ông ta đã dựa vào trí tưởng tượng của mình để mô tả một cách hấp dẫn những kho của cải vô giá đã được chất chứa và che giấu từ lâu đời.

Hơn thế nữa, ông ta đã lợi dụng sự hứa hẹn về kho tàng vô giá tưởng tượng này để giúp cho hai cha con ông ta duy trì được một sự liên kết trong bọn cướp. Ông ta là đầu đảng của một trong năm toán cướp đang tập trung lực lượng để phát động cuộc tấn công.

Như vậy, tình hình xem như đã đi đến chỗ bế tắc. Nếu ông ta trở về với câu trả lời là không có kho tàng, bọn cướp sẽ lên án ông ta như một kẻ lừa gạt và phản bội. Chắc chắn ông ta sẽ không tránh khỏi một sự trừng phạt xứng đáng.

Nhưng ông ta cũng không thể ngăn chặn bọn cướp mở cuộc tấn công, vì sau tất cả những cố gắng trước đây của ông ta để đưa cuộc chuẩn bị đến giai đoạn hiện tại, cả bọn sẽ không còn đủ lòng tin nơi ông ta để có thể hủy bỏ cuộc tấn công.

Rõ ràng, ông ta đang lâm vào một tình thế rất khó khăn. Rồi trước sự ngạc nhiên không thể nói hết của chúng tôi, bà chủ nhà bỗng tình nguyện đưa ông ta về trại! Bất chấp những lời can ngăn của chúng tôi, bà đề nghị đi ngay lập tức. Bà trấn an chúng tôi rằng không có gì nguy hiểm nếu bà đi một mình, nhưng nếu có chúng tôi đi theo, bọn cướp sẽ nghi kỵ và tất cả chúng tôi sẽ bị lâm nguy.

Chúng tôi bèn lẳng lặng tuân theo vì không thể làm gì khác hơn. Tên tướng cướp bèn lên ngựa, và chúng tôi đỡ bà chủ nhà lên ngồi trên yên ngựa phía sau tên cướp, trên một tấm yên thứ nhì đã sắp đặt sẵn.

Hai người ra khỏi làng, và trước mắt chúng tôi khi ấy là một cảnh tượng khó quên, có lẽ sẽ luôn sống động

trong ký ức cho đến tận muôn đời: Tên cướp với những nét mặt tỏ vẻ hoang mang và nghi ngờ, còn bà chủ nhà thì thản nhiên quay lại mỉm cười và nói với chúng tôi rằng bà sẽ trở về vào lúc chiều tối.

●●●

Suốt những giờ còn lại trong ngày hôm đó, chúng tôi không còn lòng dạ nào để làm việc nữa, cùng nhau đi thẩn thơ vô định quanh làng cho đến lúc xế chiều. Sau đó, chúng tôi trở về nhà trọ để đợi bà chủ nhà. Về đến nơi chúng tôi thấy trên bàn đã bày sẵn những thức ăn ngon lành. Và tất cả chúng tôi hầu như đều sững người ra vì ngạc nhiên khi nhìn thấy bà chủ nhà đã ngồi nơi đầu bàn với nét mặt tươi cười hồn nhiên như mọi ngày.

Chúng tôi đứng sững sờ trong im lặng. Bà lấy dáng trang trọng nhưng nói với một giọng hơi chế giễu:

- Này các bạn, ít nhất người ta cũng phải chào hỏi nhau khi bước chân vào nhà chứ!

Khi đó chúng tôi mới như người từ trong mộng tỉnh ra, khẽ nghiêng mình và thốt ra mấy tiếng lắp bắp chào bà. Bà nói tiếp:

- Tôi đã hoàn toàn thất bại trong việc thuyết phục bọn cướp từ bỏ cuộc tấn công. Nhưng bọn chúng đồng ý hứa sẽ xem xét và trả lời tôi trong vòng ba ngày nữa. Bây giờ tôi biết rằng sự trả lời của họ sẽ là khởi điểm của một cuộc tấn công, nhưng dù sao tôi đã cứu được mạng sống cho tên Cướp Đen, ít nhất là trong lúc này. Chúng ta sẽ phải chuẩn bị đối phó với cuộc tấn công, vì không gì có thể ngăn cản bọn chúng được nữa. Tôi nghĩ rằng mỗi người trong chúng ta chắc phải có lúc nghĩ đến sự công bình thiêng liêng để tìm thấy đức tin vững chắc hầu vượt qua những lúc khó khăn nguy hiểm trong đời.

CHƯƠNG TÁM

Sau bữa cơm, chúng tôi đứng dậy và bà chủ nhà đưa chúng tôi ra vườn. Chúng tôi vô cùng ngạc nhiên khi thấy đức Tuệ Minh, Dật Sĩ và Bút Già đã ngồi sẵn tại dó. Chúng tôi bèn ngồi xuống bên cạnh các vị và liền cảm thấy một sự thoải mái bình an khôn tả. Điều đó cho chúng tôi hiểu rằng, từ đây cuộc đời chúng tôi còn phải nương tựa rất nhiều vào các vị chân sư.

Chúng tôi đã ràng buộc chặt chẽ với các ngài dường như bởi những sợi dây vô hình. Và tôi mơ hồ nhận thấy rằng đó không phải là một điều thật sự tốt đẹp. Mỗi người trong chúng ta cần phải tự mình thực hiện vai trò nhất định của mình trong cuộc đời, và không ai trong chúng ta lại nên làm một con người thụ động, chỉ biết dựa dẫm vào người khác. Tôi hiểu rằng nếu đến một ngày nào đó mà chúng tôi tỏ ra không thể tự mình đứng vững, không cần đến sự trợ giúp, thì các ngài sẽ bắt buộc phải cắt đứt mọi sự liên hệ với chúng tôi. Sau đó, Tô Mặc đã có dịp nêu ra vấn đề này một cách hoàn toàn thành thực và cởi mở.

Mặt trời vừa khuất bóng, ánh tà dương còn tô màu lên cảnh vật lúc trời chiều, bày ra một sự phong phú về màu sắc và một vẻ đẹp khôn tả. Không một ngọn gió thổi, không một tiếng động làm gián đoạn sự yên tĩnh chung quanh chúng tôi. Nỗi lo sợ về bọn cướp cho đến lúc nãy vẫn đè nặng trong lòng chúng tôi cũng đột nhiên hoàn toàn biến mất.

Cảnh vật chung quanh thật là yên tĩnh, và chúng tôi ý thức một cảm giác hoàn toàn thoải mái lạ thường. Chúng tôi dường như tự thả trôi theo dòng thời gian một cách vô tư, không còn lo gì đến ngày mai.

Đêm hôm đó, chúng tôi dường như quên đi tất cả mọi nỗi lo âu cũng như sự nôn nóng trong công việc, để chỉ ngồi cạnh bên nhau cùng với các vị chân sư một cách yên tĩnh cho đến tận nửa khuya. Chúng tôi hầu như không bàn luận về bất cứ đề tài nào, nhưng sự thật là một đêm yên lặng đó đã nói với chúng tôi rất nhiều điều. Tất cả chúng tôi đều nhận ra được những lao xao không cần thiết trong tâm thức mà hầu như ngày đêm liên tục khởi lên trong chúng tôi, khiến cho chúng tôi phải mất hẳn đi sự sáng suốt và bình an vốn có. Chúng tôi cũng ngạc nhiên biết bao khi nhận ra rằng, chúng tôi không cần phải làm bất cứ điều gì để dẹp bỏ đi những tư tưởng lao xao vọng động đó, mà chỉ cần ngồi yên, mỉm cười và chia sẻ với nhau sự an

ổn như đêm nay. Những tư tưởng vọng động kia dường như tự nó đã không còn chút năng lượng nào để khởi lên, và đang dần dần tan biến trước sự quan sát rất rõ ràng của chúng tôi. Thật là một kinh nghiệm kỳ lạ và lý thú mà từ trước đến nay chúng tôi chưa từng biết đến!

Khi chúng tôi chia tay để ra về, đức Tuệ Minh mới nói đôi lời trấn an chúng tôi về sự tấn công của bọn cướp. Ngài nói rằng, nếu bọn cướp này vẫn ngoan cố trong ý định đánh phá thôn ấp, rốt cuộc chúng sẽ tự hủy diệt lấy nhau. Cơ hội đã được đưa đến cho chúng để rời khỏi làng mà không làm hại đến dân chúng. Nếu chúng không đón nhận cơ hội ấy, chúng sẽ đi đến chỗ tự làm hại lẫn nhau. Người ta không thể mưu toan tiêu diệt những người đồng loại mà không chuốc lấy điều tai họa cho chính mình. Chúng ta đã gửi đến cho bọn cướp ấy thông điệp chân thành của tình yêu thương rộng mở thiêng liêng. Nếu họ đáp lại tình thương ấy bằng sự hận thù, sự phản bội, lừa dối hay oán hận, thì họ sẽ tự mình khơi dậy một ngọn lửa để tiêu diệt chính họ. Các bạn đừng sợ sệt gì cả. Chúng ta chỉ ban rải tình thương, nhưng chúng ta không thể ép buộc họ chấp nhận tình thương ấy. Nếu bọn cướp cũng đến đây với tình thương thì sẽ không thể có sự xung đột. Nhưng dù sao thì chính nghĩa bao giờ cũng thắng.

Hôm sau, chúng tôi được thông báo rằng một người đưa tin đã đến làng. Chúng tôi bước ra đón tiếp ông ta và được cho biết rằng bọn cướp đã tạm dừng mọi cuộc đánh phá, hiện đang cắm trại im lìm ở cách đó khoảng ba mươi lăm cây số. Từ khi biết những người nông dân đã gửi lời kêu gọi cứu trợ đến dân làng này, họ đã ngưng mọi sự cướp bóc và đánh phá, nhưng họ vẫn còn cầm giữ một số đông người bị bắt làm con tin để phòng trường hợp có sự kháng cự bằng võ lực.

Theo người đưa tin thì có tin đồn rằng bọn cướp sẽ tấn công làng này trong một hai hôm nữa nếu kho tàng không được mang đến nộp cho họ.

Tất cả dân làng đều tình nguyện hy sinh tánh mạng để bảo vệ làng, nhưng người đưa tin được trấn an rằng sự hy sinh đó là không cần thiết. Ông được cho biết là hãy trở về nhà và yên tâm nghỉ ngơi. Dân làng cũng bày tỏ sự biết ơn sâu xa về những cố gắng của ông vì mục đích bảo vệ chung cho tất cả mọi người.

Sáng hôm sau, chúng tôi đã tìm thấy lại sự hứng khởi trong công việc và mọi tư tưởng sợ sệt đều đã biến mất. Ngày kế đó, chúng tôi đang nghiên cứu một vài hình tượng khắc trên những tảng đá của hang núi thì chợt nhận ra có sự khác thường từ vị trí của người canh phòng ngoài làng. Người này đứng ở phía bên kia hang

núi, trên một vị trí cao hơn chỗ chúng tôi đứng, và như vậy anh ta có thể quan sát trên khắp một vùng rộng lớn. Nhìn xuyên qua ống kính viễn vọng, chúng tôi thấy người ấy đang ra hiệu báo động cho người làng.

Không bao lâu, chúng tôi thấy dân làng náo loạn chạy tứ phía và tìm nơi trú ẩn trong những hang động sâu thẳm của vùng núi non hẻo lánh này. Tất cả đều tỏ vẻ vô cùng lo lắng và náo động. Chúng tôi lắng tai và nghe thấy những tiếng động ồn ào từ đằng xa vọng lại, và nhận biết ngay đó là đoàn kỵ mã của bọn cướp đang tiến tới.

Một người trong chúng tôi trèo lên cao hơn một chút nữa để quan sát tình hình. Anh ta cho biết đã nhìn thấy đám mây bụi mù trời dậy lên bởi một đoàn kỵ mã đông đảo đang phi nước đại tiến về phía hang núi.

Chúng tôi lập tức đem cất giấu đồ dụng cụ của mình vào trong một khe đá ở gần bên, và tìm nơi trú ẩn trong những khe núi chớn chở, từ đó chúng tôi có thể quan sát những hành động của bọn cướp.

Đoàn kỵ mã ngừng lại ở chỗ cửa vào hang núi. Khoảng năm mươi tên cướp đi tiên phong phi ngựa tiến lên phía trước, kế đó cả bọn đều quất ngựa phóng nước đại chạy vào hang.

Tiếng vó ngựa chạy dồn dập cùng với những tiếng hò hét vang rân hợp thành những âm thanh chấn động cả núi rừng và rùng rợn khôn tả. Nơi chúng tôi đang ở là một vị trí rất thuận lợi, vì những vách núi hầu như dựng đứng như vách thành. Chúng tôi có thể nhìn xuống dưới hang núi và quan sát bọn cướp tiến tới như nước vỡ bờ, dường như không gì ngăn cản nổi.

Đoàn quân tiên phong đã vượt qua khỏi chỗ vị trí của chúng tôi, và những người kỵ mã đi đầu của đoàn trung quân đã tiến lên rất nhanh. Chúng tôi quay ống kính viễn vọng nhìn trở về làng thì thấy dân làng đã bị một cơn náo loạn khủng khiếp. Chúng tôi cũng thấy một thành viên trong bọn chúng tôi đang đứng trên bao lơn của ngôi đền. Anh ta ngưng làm việc để ra đứng đó quan sát bọn cướp đang tiến tới. Kế đó, chúng tôi nhìn thấy ở phía sau anh ta, nơi cửa vào sảnh đường chính của ngôi đền xuất hiện đức Tuệ Minh từ đó bước ra. Ngài đi thẳng đến bao lơn và đứng yên trong một lúc, trong tư thế oai nghiêm như một pho tượng.

Tất cả những ống kính viễn vọng của chúng tôi lẽ tự nhiên là tập trung cả về hướng đó. Bao lơn của ngôi đền cách xa chỗ chúng tôi trú ẩn khoảng năm cây số và cao hơn khoảng ba trăm thước. Trong khoảng cách đó, chúng tôi có thể nhìn rõ từng chi tiết những cử động của đức Tuệ Minh qua ống kính viễn vọng.

Chúng tôi thấy đức Tuệ Minh đứng yên lặng hồi lâu rồi đưa hai tay ra phía trước. Từ nơi hai bàn tay ngài, chúng tôi nhìn thấy một tia sáng như bạc chiếu thẳng đến chỗ một khúc quanh về bên trái, ngay trước mặt đoàn quân tiên phong của bọn cướp. Trong giây lát, bỗng xuất hiện một bức tường lớn dựng lên như vách thành ở ngay chỗ ấy, với những mũi nhọn chơm chởm túa ra như những mũi tên.

Những con ngựa ở hàng đầu của bọn cướp đang phóng nước đại như bay tới trước, hốt nhiên nhảy dựng lên và dừng lại thình lình, làm cho một số lớn những kỵ mã tiên phong bị hất văng xuống đất. Nhiều con ngựa nhảy dựng và đứng sững trên hai chân sau trong một lúc, rồi quay đầu chạy trở lại cửa hang, ngược chiều với bọn cướp ở đạo trung quân.

Khi hai toán quân của bọn cướp đến gần nhau, những kỵ mã còn chưa bị ngã ngựa cố gắng kìm cương ngựa của họ, nhưng dường như vô ích. Cùng với những con ngựa vô chủ phóng tới như điên, họ đâm sầm vào bọn cướp trung quân, làm cho những hàng đầu của đạo quân này bị lỡ trớn và đứng khựng lại. Những hàng kế đó, không biết có sự hiểm nguy, vẫn phóng nước đại tiến vào đám người ngựa hỗn độn phía trước, và trong hang núi lúc ấy hiện ra cảnh tượng của một đám người

ngựa lộn xộn và mất trật tự, không còn hàng ngũ kỷ cương gì cả.

Trong phút chốc, một sự im lặng chết chóc bao trùm lên tất cả, chỉ gián đoạn bởi những tiếng thét rú lên của những kỵ mã trong cơn khủng khiếp và tiếng ngựa hí thất thanh.

Kế đó diễn ra một cảnh tượng rùng rợn ở ngay tại chỗ mà đoàn quân tiên phong đã hoảng kinh quay đầu trở lại, bị chạm trán với những hàng quân đầu tiên của bọn cướp ở đạo trung quân. Những con ngựa không người cưỡi, trong cơn hoảng hốt, đã phóng vào đám rừng người, làm cho một số lớn những người kỵ mã bị hất văng xuống đất. Những con ngựa của họ lại trở thành vô chủ, lồng lên nhảy tứ tản và càng làm tăng thêm sự hỗn loạn. Những con ngựa cũng hốt hoảng không kém gì bọn chủ nhân của chúng, bắt đầu hí vang, nhảy vọt sang hai bên và thét rú lên từng hồi trong cơn hãi hùng và khủng khiếp tột độ.

Kế đó, cơn hỗn loạn lan tràn khắp cả bọn cướp đang bị lúng túng và bế tắc trong hang núi ở phía dưới chúng tôi. Thình lình chúng tôi thấy những người kỵ mã tuốt gươm trần ra khỏi vỏ và chém loạn xạ tứ phía. Những người khác rút súng bắn vào đám người ngựa chung quanh, có lẽ định mở đường để thoát thân.

Không bao lâu, cảnh tượng đó đã biến thành một trận chém giết hỗn loạn, chỉ có những kẻ mạnh bạo nhất sống sót. Cơn hỗn loạn chấm dứt bằng sự đổ xô nhau chiếm lấy những khoảng trống giữa những kẻ may mắn thoát khỏi cơn chém giết vừa qua.

Rồi họ rời khỏi hang núi và để lại những đống xác người ngựa đã chết hoặc bị thương. Chúng tôi hối hả đi xuống để tìm cách cứu giúp những kẻ bị thương. Tất cả dân làng và các vị chân sư cũng tiếp tay với chúng tôi. Dân làng cũng gửi người đi khắp các vùng phụ cận để kêu gọi sự trợ giúp.

Chúng tôi làm việc ráo riết suốt đêm và cho đến sáng hôm sau. Đức Tuệ Minh và các chân sư đích thân chăm sóc những kẻ bị thương khi chúng tôi vừa đưa họ ra khỏi đống thịt người ngựa hỗn tạp, có kẻ sống lẫn người chết.

Khi chúng tôi đã cứu được tất cả những người còn sống, cho đến người cuối cùng, chúng tôi trở về quán trọ để ăn sáng.

Vừa bước vào nhà trọ, chúng tôi vô cùng ngạc nhiên khi thấy tên Cướp Đen đang ngồi nói chuyện với đức Tuệ Minh. Ngài nhận thấy cái nhìn ngạc nhiên của chúng tôi và nói:

- Chúng ta sẽ nói chuyện sau.

Sau bữa ăn sáng, chúng tôi bèn ra ngoài cùng với Tô Mặc. Tô Mặc cho biết rằng đức Tuệ Minh và anh ta đã tìm thấy tên Cướp Đen bị thương nặng và không thể cử động được nữa, vì bị ngựa đè lên mình. Hai vị đã kéo tên cướp ra và chở hắn đến một nơi tạm trú, tại đây y được dành cho tất cả mọi tiện nghi có thể tìm được. Kế đó hai vị kêu gọi đến sự giúp đỡ của bà chủ nhà trọ chúng tôi và giao tên cướp cho bà chăm sóc.

Khi những vết thương được băng bó xong, hắn ta khẩn cầu bà chủ nhà hãy cho ông ta biết là phải làm gì để sám hối mọi tội lỗi và quay đầu hướng thiện. Khi ấy, bà hỏi ông ta có muốn được bình phục sức khỏe chăng. Ông ta đáp:

- Có, tôi muốn được lành mạnh hoàn toàn.

Bà chủ nhà nói:

- Vì bây giờ anh đang cầu xin có được sức khỏe, lời cầu xin của anh đã được đáp ứng. Anh sẽ được hoàn toàn lành mạnh.

Kế đó, tên cướp nằm thiếp đi trong một cơn ngủ mê li bì. Đến nửa đêm, những vết thương của hắn ta đã hoàn toàn biến mất và thậm chí không để lại một vết sẹo nhỏ nào.

Tô Mặc đã nhận thấy điều này khi anh ta đi tuần tra lúc ban đêm. Tên Cướp Đen bèn đứng dậy, mặc

y phục vào và tình nguyện giúp một tay cứu trợ cho những kẻ bị nạn. Chúng tôi cũng thấy một số đông bọn cướp được hoàn toàn bình phục mà trước đó chúng tôi nghĩ rằng họ không sao qua khỏi.

Khi công việc cứu trợ kết thúc, tên Cướp Đen len lỏi trong đám đồng bọn bị thương và cố gắng hết sức để an ủi và trấn tĩnh tinh thần họ. Nhiều người giống như những con thú bị gài bẫy, họ lo sợ bị tra tấn đến chết, vì đó là cách đàn áp những kẻ cướp bị sa lưới theo phong tục bổn xứ. Ý nghĩ đó ăn sâu vào trí óc họ đến nỗi họ không có một sự phản ứng tốt lành nào đối với những cách đối xử nhân đạo mà người ta dành cho họ. Họ sợ rằng những cố gắng của chúng tôi để giúp họ mau bình phục sức khỏe chỉ có mục đích là để có thể tra tấn họ lâu dài hơn.

Sau cùng, tất cả đều đã khỏi bệnh, tuy rằng một số ít đã kéo dài bệnh tật dây dưa trong nhiều tháng với niềm hy vọng rõ rệt không dấu giếm rằng nhờ đó họ có thể hỗn sự tra tấn họ.

Ít lâu sau đó, tên Cướp Đen qui tụ tất cả những tên cướp sống sót nào tình nguyện theo ông ta để thành lập một toán quân bảo vệ làng mạc chống lại những cuộc tấn công của bọn cướp về sau này. Ông ta cũng chiêu mộ được nhiều dân làng gia nhập vào toán quân đó. Về sau chúng tôi được biết rằng kể từ ngày đó, những bọn cướp không còn đánh phá vùng này nữa.

Hai nhóm của phái đoàn chúng tôi rốt cuộc cũng đã vượt qua vùng lãnh thổ này trên lộ trình đi đến vùng sa mạc *Gobi*. Chính tên Cướp Đen và đồng bọn đã hộ tống và bảo vệ cho phái đoàn trong vùng địa phận của họ và vùng lân cận, ít nhất trên bảy trăm cây số đường trường, và không một người nào muốn nhận tiền thù lao về công việc đó.

Về sau, chúng tôi còn có nhiều dịp được nghe nói về Cướp Đen. Ông ta đã phát triển nhiều công việc từ thiện và cứu trợ trong toàn thể vùng này và dành trọn cuộc đời còn lại để giúp đỡ cho dân chúng được sống yên lành hạnh phúc mà không hề nhận tiền bạc của ai.

Ngày thứ hai sau khi bọn cướp đã tan rã, đến trưa thì chúng tôi đã săn sóc hết tất cả những kẻ bị thương và cũng đã đi quan sát lại một lần cuối để chắc chắn rằng không một người nào còn bị bỏ sót lại trong hang núi giữa đống xác người ngựa nằm ngổn ngang la liệt như bãi chiến trường.

Trong khi chúng tôi trở về quán trọ để ăn điểm tâm và nghỉ ngơi, một người trong nhóm chúng tôi cất tiếng nói lên một ý nghĩ vẫn ám ảnh chúng tôi trong nhiều giờ trước đó:

- Tại sao phải có sự giết chóc rùng rợn và hủy hoại sinh mạng khủng khiếp đến như thế?

Chúng tôi đã mệt đừ, và cơn xúc động đã làm cho chúng tôi bị hoàn toàn kiệt sức. Vì bọn cướp gây cho dân làng một sự sợ hãi kinh hoàng tột độ, nên tất cả mọi cố gắng cứu trợ đều đổ dồn lên vai chúng tôi, nhất là trong những giờ phút đầu tiên.

Ngay cả sau khi chúng tôi đã lôi hết những kẻ bị thương ra khỏi đống xác người ngựa nằm ngổn ngang chồng chất lên nhau, chúng tôi cũng gặp nhiều khó khăn để thuyết phục dân làng ra tay trợ giúp những kẻ bị thương. Họ tuyệt đối không thấy có lý do nào để giúp đỡ chúng tôi cứu mạng những kẻ đã toan giết hại họ chỉ vì lòng tham muốn của cải.

Nhiều người dân làng cảm thấy vô cùng ghê tởm khi phải sờ mó vào một xác chết. Nếu họ không có một sự kính trọng đặc biệt đối với các vị chân sư thì họ đã rời khỏi vùng này ngay lập tức mà không hẹn ngày trở lại. Dầu sao, chúng tôi đã quá mệt mỏi và rất đau lòng, vì đó là cái kinh nghiệm khủng khiếp nhất trong đời chúng tôi.

●●●

Khi cơn xúc động của những ngày qua đã dần dần lắng dịu, chúng tôi lại bắt tay vào công việc một cách hào hứng, hăng say. Mùa lễ Phục sinh đã sắp đến và chúng tôi định kết thúc công việc sưu tầm ở làng này trước khi trở về Ấn Độ.

Công việc được hoàn thành rất mau chóng. Sự chuẩn bị cuối cùng cho việc trở về được hoàn tất trước ngày lễ Phục sinh, và chúng tôi định dành trọn ngày Chủ nhật để nghỉ ngơi dưỡng sức.

Khi vừa bước ra cửa để đi tới đền trước lúc bình minh, chúng tôi gặp *Chander Sen* ngồi trong sân quán trọ. Ông ta liền đứng dậy để đi theo chúng tôi và nói Tô Mặc sẽ gặp chúng tôi tại chánh điện. Ông ta đề nghị chúng tôi nên trở về Ấn Độ bằng đường đi ngang *Lhasa*, thủ đô Tây Tạng, kế đó qua *Mouktinath* theo đường truông núi *Kandemath* trên dãy Tuyết Sơn, rồi từ đó, sẽ đi tới *Darjeeling*.

Khi trở về làng, chúng tôi thấy mọi việc đều chuẩn bị sẵn sàng chờ chúng tôi lên đường. Một số khá đông dân làng đã đi trước để vạch đường trên các truông núi bị bao phủ dưới một lớp tuyết dày đến ba bốn thước tây. Truông núi mà chúng tôi sẽ vượt qua ở cách xa đến tám mươi cây số và trên một chiều cao độ bốn ngàn thước. Phần lớn vùng này núi non chớn chở và rất khó vượt qua. Dân làng có thói quen vạch một con đường mòn và nện tuyết ém xuống cho chặt một ngày trước khi lên đường. Tuyết được ép chặt trên đường lộ sẽ đông đặc lại vào ban đêm và người ngựa sẽ dễ đi hơn.

Chúng tôi thức dậy rất sớm trước khi trời sáng và nhận thấy rằng mọi việc đều đã được chuẩn bị chu đáo

đến từng chi tiết nhỏ. Dật Sĩ và một người hướng đạo địa phương sẽ đi theo chúng tôi. Tất cả dân làng đều tề tựu đông đủ để tiễn đưa chúng tôi lên đường.

Chúng tôi lấy làm tiếc mà phải rời khỏi làng. Tại đây chúng tôi đã trải qua hai mùa đông tốt đẹp. Dân làng là những người hồn nhiên chất phác và dễ thương. Để tỏ lòng ưu ái, nhiều người trong bọn họ đã tiễn đưa chúng tôi trên bảy tám cây số rồi mới quay trở về. Khi đó, chúng tôi mới từ giã họ một lần cuối cùng và tiếp tục dấn bước trên con đường trở về Ấn Độ.

Nhưng chúng tôi còn phải trải qua nhiều tháng trên đường về trước khi nhìn thấy lại những ngọn núi đầu tiên của dãy Tuyết Sơn. Theo lộ trình đã định, chúng tôi đi xuống thung lũng *Gia-ma-nu-chu*, đi dọc theo một con sông đến truông *Tonjnor Jung*, rồi đi vòng theo con sông *Brahmaputra* để đến *Lhasa*, thủ đô Tây Tạng.

Khi chúng tôi gần đến *Lhasa* thì đã nhìn thấy nhô lên từ đằng xa nóc điện *Potala*, cung điện của vị *Đạt-lai Lạt-ma*, vị vua của xứ Tây Tạng. Cung điện này được xem như một viên ngọc quí của thành phố này.

Lhasa là thủ phủ chính trị của Tây Tạng, nhưng còn vị lãnh đạo tinh thần tối cao về mặt đạo đức tâm linh được cho là cư ngụ trong một trung tâm huyền bí ẩn giấu gọi là *Shambhala*, hay Bạch Ngọc Cung. Chúng

tôi rất mong ước được viếng thăm trung tâm huyền bí và linh thiêng này, mà theo truyền thuyết là được ẩn giấu rất sâu dưới lòng đất ở vùng sa mạc Gobi.[1]

Chúng tôi vào thành phố *Lhasa* cùng với một đoàn người hộ tống. Người ta đưa chúng tôi đến những nhà trọ có chuẩn bị đủ mọi thứ tiện nghi có thể tìm được ở đây. Một đám đông kéo đến trước cửa nhà trọ và đứng đó hàng giờ để quan sát chúng tôi, vì sự hiện diện của người da trắng ở đây là một cảnh tượng lạ lùng và hiếm có.

Chúng tôi được mời đến viếng tu viện Lạt-ma giáo vào ngày hôm sau, lúc mười giờ. Chúng tôi được đề nghị bày tỏ những điều ước muốn của mình, và mọi người sẽ vui lòng giúp đỡ chúng tôi về mọi mặt.

Bất cứ chúng tôi đi đâu, đều có một nhóm người đi theo sau lưng. Một lính canh được đặt trước cửa nhà trọ để xua đuổi những kẻ tò mò, vì dân chúng thủ đô *Lhasa* có thói quen bước vào nhà người lạ mà không báo trước. Sự có mặt của chúng tôi là một điều mới lạ trong đời họ, và chúng tôi không thể trách họ về sự tò mò nói trên.

Khi một người trong chúng tôi đi ra ngoài một mình, những kẻ tò mò bao vây chung quanh với ý định rõ

[1] Thật ra, theo truyền thuyết Tây Tạng thì Shambhala là một vương quốc bí ẩn “nằm sau những đỉnh núi tuyết xa nhất”.

ràng là để nhìn xem cho tận mắt, sờ mó tận tay để biết chắc rằng anh ta quả là một con người thật, và đôi khi sự quan sát ấy tỏ ra quá đỗi sỗ sàng đối với nạn nhân.

Hôm sau chúng tôi thức dậy sớm và sửa soạn đi đến tu viện để gặp vị sư trưởng. Khi chúng tôi gần đến tu viện, vị sư trưởng đích thân bước ra tiếp đón chúng tôi. Chúng tôi lấy làm ngạc nhiên khi thấy cùng đi với sư trưởng có cả đức Tuệ Minh và đức bà Mã Ly! Đó là một cuộc hội ngộ hoàn toàn bất ngờ.

Chúng tôi vào tu viện và nghỉ lại đó. Sau những cuộc đàm luận lý thú về đạo lý với vị sư trưởng, chúng tôi bàn về việc lên đường đi *Shambhala*. Vị sư trưởng hỏi rằng người cùng đi với chúng tôi được chăng. Một trong các vị chân sư đáp rằng người có thể đi, không khó, nếu người có thể rời khỏi xác phàm và trở về nhập xác tùy ý muốn. Dầu sao, nhóm các vị chân sư sẽ đi *Shambhala* ngay tối hôm ấy.

Chúng tôi đồng ý rằng các ngài sẽ tụ họp tại nhà trọ của chúng tôi vào lúc xế chiều và Tô Mặc sẽ cùng đi với các ngài.

Các ngài đã tụ họp tại đó sau khi chúng tôi trở về nhà trọ. Sau một cuộc trò chuyện ngắn, các ngài bước ra cửa và chúng tôi không còn gặp lại các ngài trong nhiều ngày.

Trưa ngày hôm sau, chúng tôi được thông báo cho biết rằng đức *Đạt-lai Lạt-ma* sẽ tiếp kiến chúng tôi tại biệt điện của ngài. Vị sư trưởng đến nhà trọ ngay chiều hôm đó để cho chúng tôi những chỉ dẫn cần thiết về cuộc yết kiến này.

Chúng tôi thật hân hạnh được dành cho cuộc yết kiến này, vì theo thường lệ thì chúng tôi phải chờ đợi một thời gian khá lâu trước khi được diện kiến đức *Đạt-lai Lạt-ma*. Chúng tôi được dành cho đặc ân này ngay sau khi một sứ giả đem tin tức trở về cho đức *Đạt-lai Lạt-ma* biết rằng cuộc thăm viếng tại Bạch Ngọc Cung (*Shambhala*) đã diễn ra một cách tốt đẹp.

Đức *Đạt-lai Lạt-ma* cũng đã được thông báo về những sự việc diễn biến trước đây trong suốt cuộc hành trình của chúng tôi. Chúng tôi cố gắng gây cho ngài một ấn tượng tốt đẹp đến mức tối đa, vì chúng tôi muốn xin phép Ngài để thực hiện một cuộc quan sát và sưu tầm khắp nơi trong xứ Tây Tạng.

Chúng tôi được cho biết rằng vị thống đốc của tỉnh sẽ đến trước giờ trưa và đã thông báo cho biết, do một viên sứ giả đem tin, rằng ngài sẽ giúp đỡ chúng tôi với tất cả quyền hạn của ngài. Đó thật là một sự ngạc nhiên bất ngờ.

Chúng tôi thức dậy sớm và đi cùng với một nhóm tùy tùng đến yết kiến xã giao vị thống đốc. Ngài tỏ vẻ rất hài lòng về cử chỉ này và mời chúng tôi cùng đi với ngài. Khi chúng tôi và vị thống đốc đến nơi, chúng tôi được đưa vào các gian phòng dành cho quan khách tại biệt điện. Từ đó, chúng tôi sẽ đi thẳng đến một phòng riêng để tham gia những nghi lễ đầu tiên chuẩn bị cho cuộc yết kiến với đức *Đạt-lai Lạt-ma*.

Khi chúng tôi đến nơi, có ba vị *Lạt-ma* cao cấp đang ngồi trên những chiếc bục cao có lót nệm dày, trong khi những vị *Lạt-ma* cấp dưới ngồi xếp chân trên nền đất trong tư thế kiết già. Hai vị *Lạt-ma* mặc áo đỏ đứng trên những bục cao và điều khiển những khúc thánh ca hợp tấu. Vị sư trưởng bạn chúng tôi thì ngồi trên một chiếc ngai có che lọng theo nghi lễ và chờ viên thống đốc đến.

Sân ngoài của tu viện được trang hoàng thật đẹp trong dịp này. Những bức tranh tuyệt đẹp trình bày những cảnh tượng lịch sử diễn ra từ năm 1417 khi đức *Tông-khách-ba* (*Tsongkhapa*) thành lập tông phái *Cách-lỗ* (*Gelugpa*) ở Tây Tạng. Phái này cũng thường được gọi là *Hoàng phái*, bởi họ thường sử dụng y phục màu vàng. Chính phái này về sau đã sản sinh ra các vị *Đạt-lai Lạt-ma* liên tục tái sinh qua nhiều đời mà đến nay là vị đời thứ 14 vẫn còn đang hoằng hóa. Các vị

Đạt-lai Lạt-ma là người lãnh đạo tinh thần và dẫn dắt người dân Tây Tạng về mặt tâm linh. Các vị đã chọn *Lhasa* là trung tâm chính yếu của xứ Tây Tạng, cả về mặt tâm linh cũng như các hoạt động kinh tế và xã hội.

Một lúc sau, vị thống đốc cùng đoàn tùy tùng bước vào và đi thẳng đến chỗ ngồi của vị sư trưởng. Vị này cũng đã từ trên ngai bước xuống. Cả hai vị đều đứng chung một chỗ để tiếp đón chúng tôi và đưa chúng tôi đến phòng khách của đức *Đạt-lai Lạt-ma*.

Tòa sảnh đường được trang hoàng với những tấm thảm bằng lụa treo trên vách rất lộng lẫy và với những bàn ghế bằng gỗ quí đánh bóng rất đẹp. Sau khi được đưa vào phòng khách, chúng tôi quì xuống một lúc trước đức *Đạt-lai Lạt-ma* rồi mới đứng dậy và được mời ngồi.

Vị sư trưởng thay mặt chúng tôi để chúc mừng đức *Đạt-lai Lạt-ma* và trình bày mục đích cuộc viếng thăm của chúng tôi. Đức *Đạt-lai Lạt-ma* đứng dậy và mời chúng tôi bước lại gần. Một vị *Lạt-ma* hầu cận đưa từng người trong chúng tôi đến chỗ ngồi. Vị sư trưởng và viên thống đốc ngồi ở hai góc cùng một hàng với chúng tôi.

Khi đó, đức *Đạt-lai Lạt-ma* bước xuống ngai và đứng trước mặt chúng tôi. Ngài cầm lấy một cây quyền

trượng nhỏ do vị quan hầu cận dâng lên, rồi từ từ đi dọc theo hàng của chúng tôi đứng và điểm nhẹ cây quyền trượng ấy lên trán mỗi người như một nghi thức ban ân huệ.

Kế đó, do vị sư trưởng làm thông ngôn, ngài chúc mừng chúng tôi đến xứ Tây Tạng. Ngài nói rằng ngài rất hân hạnh tiếp đón chúng tôi như những vị thượng khách trong thời gian chúng tôi lưu lại thành phố này.

Chúng tôi đưa ra cho ngài nhiều câu hỏi và được cho biết rằng ngài sẽ trả lời vào hôm sau. Sau đó, ngài mời chúng tôi đến xem những tài liệu và bia đá cổ được lưu trữ dưới hầm biệt điện. Ngài gọi một vị quan hầu cận và truyền khẩu lịnh mà vị quan ấy không dịch lại, nhưng chúng tôi hiểu rằng chúng tôi được tự do đi lại khắp nơi trong biệt điện mà không có giới hạn.

Kế đó, đức *Đạt-lai Lạt-ma* ban ân huệ bằng cách bắt tay chúng tôi một cách thật thân mật. Rồi ngài cho người đưa chúng tôi cùng với vị sư trưởng và viên thống đốc về nơi nhà trọ để nghỉ ngơi.

Về đến nơi, vị sư trưởng và viên thống đốc xin phép được vào phòng chúng tôi vì họ muốn trao đổi một số vấn đề. Vị sư trưởng nói:

- Có nhiều chuyện lý thú đã xảy ra kể từ khi các bạn đến lưu trú trong ngôi làng nhỏ chỗ chúng tôi. Chúng tôi đã xem xét nhiều tấm bia đá cổ trong tu viện và nhận thấy rằng tất cả đều có đề cập đến một nền văn minh cổ của xứ *Gobi*. Chúng tôi ngờ rằng các nền văn minh và tín ngưỡng tôn giáo cổ xưa đều xuất xứ từ một nguồn gốc duy nhất. Chúng tôi không biết rõ căn nguyên và thời đại nào đã sáng tạo các bia đá cổ, nhưng chúng tôi quả quyết rằng những bia đá ấy ghi lại những tư tưởng của một dân tộc đã từng sống cách đây nhiều ngàn năm. Chúng tôi hiện có phần tóm lược của một bản dịch do một vị *Lạt-ma* xứ *Kisou-Abou* dịch lại cho chúng tôi. Chính nhờ đó mà chúng tôi đã hiểu được phần lớn nội dung các bia đá.

Sáng hôm sau, khi chúng tôi đang đợi vị sư trưởng thì có một sứ giả đưa tin đến rằng đức *Đạt-lai Lạt-ma* muốn tiếp kiến chúng tôi vào lúc hai giờ trưa. Chúng tôi bèn đi tìm vị sư trưởng và gặp được ông ta ngoài cửa tòa sảnh đường với vẻ mặt hân hoan và đang cầm nơi tay một tờ thông điệp được mang đến cho chúng tôi, vị sư trưởng nói:

- Đây là một thư mời với mục đích chính thức trao tặng cho các ông.

Khi chúng tôi đã tụ họp lại, có một người trong nhóm đề nghị đến phòng lưu trữ các tài liệu văn khố. Chúng tôi tán thành và liền đi tới đó. Khi đến nơi, một sự bất ngờ làm chúng tôi rất ngạc nhiên. Tại đó chúng tôi thấy có hàng nghìn pho tài liệu cổ khắc trên những tấm bảng bằng đồng, bằng thép, và còn có những tấm bia bằng đá cẩm thạch trắng chạm trổ rất đẹp. Đây là lần đầu tiên chúng tôi có dịp quan sát tận mắt loại tài liệu cổ đó.

Vị sư trưởng cho chúng tôi biết rằng bản thân ông không biết rõ về những bia đá cổ đó, nhưng được nghe nói rằng chúng được đưa đến từ xứ Ba Tư. Ông liền tình nguyện đi tìm và mời đến một vị *Lạt-ma* được tin là biết rõ tường tận về những bia đá cổ này. Khi ông ta đã ra ngoài, chúng tôi bắt đầu cuộc quan sát, nhưng không một thành viên nào trong nhóm chúng tôi đọc được những cổ tự khắc trên các bia đá.

Chung quanh những bia đá này đều có chừa một phần lề, bề rộng chừng năm phân tây. Trên các lề này có chạm hình nổi. Rất nhiều hình nổi trong số này được làm bằng vàng ròng, còn một số cổ tự cũng bằng vàng nhưng không được chạm nổi lên.

Những bia đá đều sắp thành từng hàng rất có qui củ, và mỗi hàng đều có mang một số thứ tự

Trong khi chúng tôi còn đang đắm chìm trong cơn suy tưởng mông lung thì vị sư trưởng đã trở lại cùng với một vị *Lạt-ma* cao niên, có phận sự bảo quản các kho tài liệu.

Vị *Lạt-ma* mới đến này thuật cho chúng tôi nghe lịch sử của các bản văn và tài liệu cổ, và câu chuyện làm cho chúng tôi thích thú say mê đến nỗi vị sư trưởng phải nhắc nhở chúng tôi về cuộc hội kiến với đức *Đạt-lai Lạt-ma*.

Giờ yết kiến đức *Đạt-lai Lạt-ma* đã gần đến và chúng tôi phải mặc áo tràng dự lễ trong dịp này. Khi chúng tôi đến sảnh đường thì thấy đức *Đạt-lai Lạt-ma* vừa đi qua dãy hành lang cùng với toán ngự lâm quân theo hộ vệ để bước vào sảnh đường theo một cửa lớn. Cánh cửa hông vừa mở, chúng tôi lại được đưa vào gian phòng khách trang hoàng lộng lẫy.

Giữa phòng khách, đức *Đạt-lai Lạt-ma* ngồi trên một sàn cao có trải nệm thêu chỉ vàng. Ngài mặc áo rộng thêu vàng với một khăn choàng đỏ. Vị sư trưởng đưa chúng tôi đến trước mặt ngài và lại đứng cùng một hàng với chúng tôi như trước.

Sau vài lời chào hỏi chúc mừng, đức *Đạt-lai Lạt-ma* từ trên sàn bước xuống và đứng trước mặt chúng tôi với hai bàn tay đưa lên. Chúng tôi bèn quì xuống để ngài ban ân huệ. Khi chúng tôi đứng lên, ngài bước tới trước vị trưởng đoàn của chúng tôi, cài một huy hiệu nhỏ trên ngực ông ta.

Kế đó ngài từ từ đi dọc theo hàng ngũ chúng tôi và cài lên ngực của mỗi người một huy hiệu tương tự nhưng nhỏ hơn.

Kế đó, ngài cầm lấy cái ống dài đựng tờ văn thư từ trên tay vị sư trưởng và trao cho vị trưởng phái đoàn của chúng tôi. Những huy hiệu đều rất đẹp, được làm bằng vàng ròng và có cẩn một viên ngọc bích ở giữa. Trên viên ngọc có khắc bằng hình nổi bức chân dung đức *Đạt-lai Lạt-ma* vô cùng sinh động và rất giống.

Chúng tôi có cảm tưởng rằng đức *Đạt-lai Lạt-ma* và các vị *Lạt-ma* cận thần đều là hiện thân của sự khả ái và lịch sự, và chúng tôi không biết nói gì khác hơn là thốt ra hai tiếng "*cám ơn*".

Kế đó, vị *Lạt-ma* hầu cận cho biết chúng tôi được mời dự dạ tiệc với đức *Đạt-lai Lạt-ma* ngay tối hôm đó tại biệt điện.

Sau bữa dạ tiệc, câu chuyện lại xoay chiều về vấn đề những tấm bia đá cổ lạ kỳ. Đức *Đạt-lai Lạt-ma* và viên lão thần phụ trách bảo quản kho tài liệu cổ, qua lời của một viên thông ngôn, thuật lại cho chúng tôi nghe lịch sử của những bia đá cổ. Chúng tôi đã ghi chép lại cẩn thận tất cả những gì được nghe hôm đó.

●●●

Theo lời các ngài thì những bia đá này do một nhà sư tìm ra được trong một cái hầm ở dưới nền đất của một ngôi đền cổ đã điêu tàn ở xứ Ba Tư. Nhà sư ấy có thuật lại rằng ông ta được hướng dẫn đến nơi chôn giấu những bia đá cổ do những tiếng hát dịu dàng êm ái vọng ra liên tục từ ngôi đền cổ, mà ông ta nghe văng vẳng bên tai trong mỗi lúc tọa thiền.

Bài hát rất du dương và giọng hát rất trong trẻo đến nỗi làm cho nhà sư phải chú ý và tò mò. Nhà sư bèn đi về hướng từ đó vọng ra tiếng hát và bước dần vào bên trong các hầm đá của một ngôi đền cổ đã đổ nát. Giọng hát dường như xuất phát từ phía dưới hầm.

Sau khi xem xét kỹ lưỡng và không thấy có một lối nào đi xuống phía dưới hầm, nhà sư bèn quyết định tìm ra nguồn gốc xuất phát ra giọng hát. Nhà sư tìm được những đồ khí cụ thô sơ quanh đó và bắt đầu đào xới trong những đống gạch ngói đổ nát.

Không bao lâu, ông ta tìm thấy một phiến đá lớn dường như là để lót sàn đá dưới hầm. Ông ta cảm thấy thất vọng vì trong một lúc ông tưởng rằng đã bị lạc hướng vì tiếng gió rít lên từng hồi trong những bức tường xiêu đổ của ngôi đền.

Trước khi rời khỏi chỗ ấy, nhà sư bèn ngồi tọa thiền trong một lúc. Trong khi ông ta đang nhập định thì tiếng hát lại vang lên trong trẻo và rõ ràng hơn trước, và dường như thúc giục ông phải tiếp tục cuộc thăm dò, tìm kiếm.

Một sự cố gắng hầu như phi phàm đã giúp cho ông ta dịch chuyển được phiến đá lớn sang một bên và khám phá ra một con đường hầm. Khi ông ta chui lọt được qua cửa hầm này thì đường đi được soi sáng dường như bởi một nguồn ánh sáng vô hình. Trước mặt nhà sư là một vầng ánh sáng rực rỡ chói lòa. Nhà sư bèn đi theo vầng ánh sáng đó, và dần dần tiến đến cửa vào một hang động lớn, khép chặt bằng những cánh cửa đá rất kiên cố.

Trong khi ông ta đang khựng lại ngắm nhìn những cánh cửa đá này và không biết phải làm gì để có thể tiếp tục đi tới, thì bỗng có tiếng rít lên và một phiến đá lớn từ từ chuyển động, rồi xoay ngang để lộ ra một cửa vào để ông ta có thể đi xuyên qua đó.

Trong khi ông bước qua cánh cửa này thì giọng hát lại vang lên, trong trẻo và êm ái, nghe như người hát đang ngồi ở phía bên trong đó. Ánh sáng lúc nãy dừng lại ở ngoài cửa lại tiếp tục di chuyển vào bên trong động và chiếu sáng khắp nơi. Và nhà sư vô cùng kinh ngạc khi nhìn thấy những tấm bia đá cổ dựng đứng nơi đây, trong những khoảng trống đục khoét trên vách đá, phủ đầy cát bụi như đã có tự muôn đời.

Nhà sư bèn quan sát kỹ vài tấm bia cổ và liền nhận ra ngay vẻ đẹp tuyệt mỹ cũng như giá trị của các tấm bia này. Ông ta nghĩ rằng cần phải trở về và chờ dịp thích hợp tiết lộ bí mật này với một số người tâm phúc để cùng họ tìm cách di chuyển những bia đá ra ngoài và đem cất giấu ở một nơi an toàn.

Ông ta bèn ra khỏi hầm, đặt phiến đá lớn lại nguyên chỗ cũ, lấy gạch ngói vụn nát phủ lên trên như trước, rồi đi tìm những người bạn tâm phúc sẵn lòng tin tưởng câu chuyện do ông kể lại và có đủ can đảm cũng như phương tiện để cùng ông thực hiện kế hoạch.

Sự tìm kiếm những người hợp sức này kéo dài đến hơn ba năm. Hầu hết những người mà ông ta thuật chuyện cho nghe đều tưởng rằng ông ta đã mất trí, điên khùng. Sau cùng, trong một chuyến hành hương, ông gặp được ba vị tăng mà ông đã quen biết trong một cuộc đi hành hương tương tự trước đây, và thuật chuyện cho họ nghe. Họ tỏ ra rất hoài nghi. Nhưng một buổi tối đúng vào lúc chín giờ, trong khi họ đang ngồi quây quần chung quanh một ánh lửa trại, thì tất cả đều nghe văng vẳng đến một giọng hát, bắt đầu với một bài ca nói về đề tài những bia đá cổ.

Ngày hôm sau, họ chấm dứt cuộc hành hương và bắt đầu cuộc hành trình đi đến ngôi đền cổ. Kể từ khi đó, giọng hát kia mỗi ngày đều vang lên đúng vào lúc chập tối. Giọng hát ấy càng nhẹ nhàng du dương hơn khi bốn người du khách đi đường mệt mỏi, khiến cho họ như quên cả sự mệt nhọc.

Khi họ đi gần đến ngôi đền cổ điêu tàn, và chuyến hành trình đã sắp kết thúc, thì hình ảnh mảnh mai thanh tú của một đứa trẻ thiếu niên bỗng xuất hiện vào khoảng một giờ trưa và bắt đầu vừa hát vừa hướng dẫn họ đến chỗ ngôi đền.

Khi họ đến nơi thì phiến đá lớn đã bị cạy bật lên và nằm sang một bên. Họ liền đi theo đường hầm đưa đến

chỗ động đá. Những cánh cửa tự nhiên mở rộng khi họ đến gần, và họ bước vào động. Chỉ một lúc quan sát ngắn ngủi cũng đủ cho các vị tăng lữ nhận biết giá trị của những bảo vật này. Họ bèn đi đến một làng cách đó độ một trăm cây số để tìm mua lạc đà và đồ lương thực tiếp tế, chuẩn bị đưa các bia đá cổ đến một chỗ an toàn.

Họ mua được mười hai con lạc đà và trở lại ngôi đền cổ, rồi bọc gói thật cẩn thận các tấm bia đá cổ lại chắc chắn cho khỏi bị hư hỏng dọc đường. Kế đó họ mua thêm ba con lạc đà nữa, và bắt đầu một cuộc hành trình lâu dài đến *Peshāwar*.[1].

Gần đến *Peshāwar*, cả bọn mới đem cất giấu những bảo vật quí giá này trong một hang núi hẻo lánh; và để yên tại đó trong năm năm.

Để giữ gìn các bia đá cổ, các vị tăng lữ luân phiên nhau tọa thiền ngay trước cửa hang núi.

Sau đó, từ *Peshāwar* họ lại chở các bia đá đến *Lahnda*, trong tỉnh *Punjab*,[2] và lưu trữ tại đó trong mười năm.

Kế đó, xuyên qua nhiều giai đoạn từ từ và chậm chạp, những bảo vật này được chở đến *Lahsa* và lưu trữ trong biệt điện của đức *Đạt-lai Lạt-ma*. Như thế,

---

[1]Nay là một thành phố lớn nằm về phía tây bắc, thuộc Pakistan.

[2]Nay là một thành phố nằm về phía đông bắc Pakistan, gần biên giới với Ấn Độ.

phải mất đến bốn chục năm để di chuyển tất cả các bia đá từ nơi chôn giấu đầu tiên đến được *Lahsa*.

Từ nơi biệt điện này, người ta còn dự tính sẽ phải chuyển những bia đá quý giá này đến Bạch Ngọc Cung (*Shambhala*). Như vậy, hiện thời xem như những bia đá này vẫn còn đang trên đường di chuyển chứ chưa thực sự đến nơi cất giữ cuối cùng.

Khi câu chuyện được kể lại đến đây thì những người phụ tá mang bốn tấm bia đá cổ vào phòng và cẩn thận đặt lên một bàn gỗ giống như cái bàn mà chúng tôi đang ngồi chung quanh. Nhờ đó chúng tôi đều có thể nhìn thấy các bia đá tận mắt.

Do nhiều nguyên nhân khác nhau được đúc kết từ những nghiên cứu của chúng tôi trong suốt nhiều năm qua, chúng tôi tin rằng với những cuộc sưu tầm rộng khắp và công phu hơn nữa có lẽ sẽ chứng minh được rằng những bia đá cổ này thật ra chỉ là những bản sao được tạo ra để bảo tồn những tài liệu cổ trên các bản chánh mà nay đã thất lạc. Nếu giả thuyết này đúng, thì các bia đá này có lẽ đã được làm ra vào thời kỳ sơ khai của nền văn minh cổ Ấn Độ.

Dầu sao, theo chỗ chúng tôi biết thì thế giới văn minh hiện đại không có một tài liệu cổ nào tương tự như thế. Những bia đá cổ với những tài liệu khắc trên

đó có nguồn gốc ban đầu từ đâu, có lẽ đến nay vẫn còn là một câu hỏi khó. Bốn tấm bia đá cổ vẫn còn đó, đang được dựng lên ngay trước mặt chúng tôi, và mỗi tấm bia hẳn là đáng giá cả một kho tàng lớn.

Câu chuyện tường thuật trên đây có vẻ hơi đi ra ngoài đề mục chính, nhưng chúng tôi thấy cần phải trình bày một cách vắn tắt những chuyện xảy ra ở nhiều vùng cách biệt nhau trên toàn thế giới, khi người ta tìm thấy những tài liệu có liên hệ trực tiếp đến những nền văn minh cổ xưa nhất thế giới.

Chúng tôi cũng sẽ nói sơ qua về những nền nghệ thuật và văn hóa của họ, cùng những tư tưởng và động lực nào đã giúp cho những nền văn minh ấy duy trì được sự sinh tồn ở một trình độ rất cao.

Vài nhóm người rất hiếm vẫn tiếp tục thực hành đời sống tâm linh cao cả. Những nhóm người đó đã một phần nào trở nên những ngọn đuốc soi đường cho nhân loại đang tiến hóa đến một cao điểm mới của lịch sử văn minh. Hãy còn chờ xem phải chăng những thiếu sót lỗi lầm của một thiểu số, được tăng cường bởi đa số nhân loại, có thể nào lại một lần nữa nhấn chìm thế giới và lôi cuốn phần đông loài người vào quên lãng trong một thời gian lâu dài.

Những quan sát của chúng tôi cho thấy rằng hiện tại có tiềm lực chứa đựng tất cả tương lai. Chỉ có những công trình của hiện tại mới tạo nên tương lai. Nếu hiện tại được toàn hảo, thì tương lai chắc chắn cũng sẽ được toàn hảo. Không phải là sự toàn hảo của hiện tại được nối tiếp theo trong tương lai, mà chính cái ý thức về sự toàn hảo hiện tại sẽ đưa đến cái ý thức của một tương lai toàn hảo.

Dù cho chúng tôi đi đến đâu, chúng tôi cũng khám phá được những dấu tích của một dân tộc, ở một thời kỳ nhất định nào đó, đã hoàn toàn sống trong hiện tại. Trọn cái tương lai của dân tộc ấy hoàn toàn phù hợp đúng đắn với những công trình hiện tại của họ, đến nỗi tương lai của họ không thể nào cách biệt xa con đường toàn hảo. Đó tức là cái nguồn gốc của lời răn "Các ngươi chớ có băn khoăn lo lắng gì về tương lai." Họ áp dụng giáo điều này: "Hãy sống với hiện tại một cách thành thật, rồi tương lai cũng sẽ được tốt đẹp." Tư tưởng ấy luôn luôn tái xuất hiện trong những phong tục, tập quán, những bài dân ca, và những kinh cầu nguyện của nhiều dân tộc khác nhau.

Chúng tôi cũng đã nghiên cứu những huyền thoại về âm binh của vùng "Biển Cát," theo như danh từ của người Trung Hoa thường gọi vùng sa mạc *Gobi.* Ở nhiều nơi trên sa mạc, người ta nghe có những tiếng

nói dị kỳ. Nhiều khi người ta nghe trong khoảng không có tiếng người kêu gọi đúng tên họ mình. Có khi người ta nghe thấy tiếng động ồn ào huyên náo của một đám đông người dường như ở rất gần. Người ta cũng thường nghe được tiếng âm nhạc do nhiều loại nhạc khí khác nhau, kèm theo với những giọng hát rất dịu dàng thánh thót.

Chúng tôi đã từng nhìn thấy rất nhiều ảo ảnh và nghe tiếng động của những cồn cát di chuyển. Chúng tôi chắc rằng những tầng lớp không khí ở một chiều cao nhất định nào đó bên trên bãi sa mạc đã trở nên trong suốt đến nỗi vào những lúc mà tất cả những điều kiện bên ngoài đều hoàn toàn hòa hợp với nhau đến mức tối đa thì những lớp không khí ấy có tác động giống như những "phòng ghi âm" kỳ diệu có khả năng dội lại những âm ba rung động đã được phát ra từ quá khứ. Chúng tôi tin rằng những diễn biến xảy ra từ thời Trung cổ cũng có thể đã được tái diễn lại bằng cách đó.

Chúng tôi bận rộn với công việc đến nỗi mất cả ý thức về ngoại cảnh, và thời gian trôi qua rất nhanh. Dưới sự chỉ dẫn của vị *Lạt-ma* cao niên, chúng tôi sao chép lại các tài liệu cổ trên các bia đá cùng nhiều tài liệu khác nữa. Nhưng rồi cũng đến lúc chúng tôi phải chuẩn bị chia tay để tiếp tục hành trình đã định.

Buổi sáng ngày chúng tôi lên đường, thời tiết rất sáng sủa, quang đãng, và mọi việc đã sắp đặt sẵn sàng cho chuyến đi của chúng tôi đến *Shigatzé*. Chúng tôi đã từ giã tất cả những nhân vật hầu cận đức *Đạt-lai Lạt-ma*. Một đám đông dân chúng cũng tề tựu trên các đường phố để tiễn đưa chúng tôi. Họ vẫy tay khắp nơi để ra dấu từ giã, hoặc chắp tay cầu nguyện cho chúng tôi được bình an trên lộ trình.

Một phái đoàn đại diện dân chúng đã đi trước mở đường cho chúng tôi trên nhiều cây số đường trường, và năm chục người tiễn đưa chúng tôi đến tận *Shigatse*, trên vùng thượng lưu sông *Brahmaputra*.

Trong khi chúng tôi đi gần tới thành phố này, tức là thành phố quan trọng thứ nhì của xứ Tây Tạng sau thủ đô *Lhasa*, chúng tôi nhìn thấy tu viện *Tashi Lumpo* rất lớn, nằm cách xa hai cây số ngoài thành phố.

Một phái đoàn các nhà sư của tu viện này đã đi bộ trên năm cây số để tiếp đón chúng tôi và mời chúng tôi về nghỉ ngơi tại tu viện trong suốt thời gian lưu trú tại đây.

Khi bước vào tu viện, chúng tôi cảm thấy một niềm an tĩnh thấm nhuần các gian phòng như một sự hiện diện cao cả và vô hình. Thật vậy, đó là một nơi nghỉ

ngơi lý tưởng trước khi bước chân lên đoạn đường sẽ đưa chúng tôi đến hồ *Dolma* và thị trấn *Sansrawar*.

Sau khi dùng bữa cơm chiều với các vị *Lạt-ma*, chúng tôi bàn luận về những ngôi đền rất đẹp và rải rác khắp nơi trong thành phố. Kế đó, câu chuyện xoay qua vấn đề khác biệt giữa các tín ngưỡng tôn giáo. Một vị *Lạt-ma* rất cao niên nói:

- Các vị *Lạt-ma* và đạo sĩ *yogi* không cùng chia sẻ những tin tưởng giống nhau. Người *yogi* không thể chấp nhận rằng giáo lý của bất cứ một người nào đề xướng ra là có giá trị quyết định độc đáo. Tất cả mọi người phải đạt tới sự thông suốt tự trong nội tâm của họ. Còn những tu sĩ *Lạt-ma* giáo thì tuân theo một cách chặt chẽ giáo lý của đức Phật. Họ nghĩ rằng mỗi người đều đang tiến lên trên con đường tu tập và cuối cùng rồi sẽ đạt tới quả vị tối cao của Phật. Người Phật tử tinh tấn chắc chắn rồi sẽ đắc quả vị Phật như đức Phật Thích-ca trước đây...

Chúng tôi thấy sáu vị *Lạt-ma* cầm đầu một nhóm tu sĩ gọi là các tu sĩ du phương. Nhóm các vị sư này không sống cố định ở bất cứ nơi nào mà thường xuyên đi du hóa khắp nơi. Họ không nhận tiền bạc cúng dường của bất cứ ai, chỉ sống bằng cách khất thực hằng ngày. Họ giữ mối liên hệ thường xuyên với nhau và với sáu vị

Lạt-ma trưởng ở tại tu viện. Nhóm tu sĩ du phương này chia làm ba toán, mỗi toán có một vị *Lạt-ma* cầm đầu. Như vậy, ba vị *Lạt-ma* trưởng toán cùng với sáu vị ở tu viện tạo thành một cơ cấu chỉ huy gồm chín vị *Lạt-ma*.

Ba vị trưởng toán thường ở ba nơi khác nhau, và mỗi vị sư du phương luôn giữ mối liên hệ với vị trưởng toán của mình. Vị trưởng toán lại có trách nhiệm giữ mối giao tiếp thường xuyên với sáu vị *Lạt-ma* trưởng ở tu viện. Thông thường, các vị này giao tiếp với nhau bằng một phương pháp mà chúng tôi tạm gọi là *chuyển di tư tưởng*, vì chưa có được một danh từ nào chính xác hơn. Phương thức này sử dụng một kiểu năng lực tinh tế của tâm thức giúp người ta có thể nhận biết được tư tưởng của nhau qua một khoảng cách không gian bất kỳ, nhờ vào những rung động tương hợp của cả hai tâm thức.

Hôm sau, chúng tôi được mời dùng bữa sáng với các vị *Lạt-ma*. Vị *Lạt-ma* già cho chúng tôi biết rằng người sẽ đi theo chúng tôi đến tận đền *Poratat Sanga* khi nào chúng tôi hoàn thành mọi công việc. Chúng tôi nhận lời, vì vị *Lạt-ma* này là bạn thân của vị hướng đạo vừa dẫn đường vừa làm thông dịch cho chúng tôi. Cả hai người sẽ giúp đỡ chúng tôi rất nhiều trong việc nghiên cứu các tài liệu cổ.

Trong khi nói chuyện, vị *Lạt-ma* già nói một cách tự nhiên:

- Hai thành viên trong nhóm của các ông đã từ giã ra đi hôm thứ Hai vừa rồi, sẽ đến *Calcutta* hôm nay vào lúc 11 giờ 30. Nếu các ông muốn giao tiếp với họ thì chúng tôi có thể giúp.

Vị trưởng phái đoàn chúng tôi liền viết một bức thư ngắn bảo hai người ấy hãy đến thẳng *Darjeeling* để thu xếp trước một công việc cần thiết, và đợi chúng tôi đến đó vào ngày 24 tháng 8. Ông ta ghi rõ ngày tháng trên bức thư, chép lại một bản sao và đưa bản chính cho vị *Lạt-ma*.

Vị này đọc xong, xếp tờ giấy lại cẩn thận và để sang một bên. Sau đó, hai đoàn viên đã gặp lại chúng tôi tại *Darjeeling* vào ngày 24 tháng 8 đúng như kế hoạch. Họ đưa cho chúng tôi xem một bức thư viết tay được chuyển giao đến tận tay họ sau khi họ đến *Calcutta* chưa được hai mươi phút. Họ vẫn tưởng rằng người đem thư là một thư tín viên được gửi đi từ trước với những chỉ dẫn rõ rệt. Nhưng bây giờ thì chúng tôi đã có bằng chứng cụ thể về những năng lực thần giao cách cảm của các vị *Lạt-ma* Tây Tạng. Và nếu họ đã có được năng lực siêu nhiên trên địa hạt này, chắc hẳn họ cũng có thể phát triển nhiều năng lực khác nữa.

Chúng tôi hối hả lên đường đến *Poratat Sanga* vì một số đông khách hành hương sẽ tụ họp tại đó vào mùa này vì thời tiết rất thuận tiện cho sự hội họp đông đảo.

Chúng tôi đi ngang qua thị trấn *Gyantse*. Tại đây chúng tôi được cho biết là sẽ gặp một vị tăng sĩ rất đặc biệt mà người ta thường gọi là vị "sư cười". Những giọng hát tiếng cười của vị sư này giúp cho người nghe có thể quên hết mọi sầu khổ, và ông cũng giúp đỡ khách hành hương vượt qua những đoạn đường gay go, khó khăn nhất trên lộ trình.

Khi chúng tôi bước vào.sân tu viện, một vị thanh niên tăng lực lưỡng bước đến gần chúng tôi với những lời chào mừng nghinh tiếp. Ông ta cho chúng tôi biết rằng các vị *Lạt-ma* muốn mời chúng tôi ở lại tu viện trong thời gian lưu trú tại làng này. Chúng tôi nói rằng chúng tôi sẽ lên đường ngay hôm sau, vì chúng tôi cần phải đi gấp lên truông *Phari*.

Vị tăng trẻ đáp:

- Chúng tôi biết rằng các bạn định đi tới *Poratat Sanga*. Tôi cũng trở về đó vào sáng mai và rất sung sướng nếu được cùng đi với các bạn. Các bạn vui lòng cho phép chứ?

Chúng tôi nhận lời. Với một chuỗi cười dài cởi mở, vị tăng trẻ nhanh nhẹn đưa chúng tôi đến chỗ ngủ, trong gian phòng lớn của tu viện.

Sau khi đã xếp đặt cho chúng tôi được có đủ tiện nghi, vị tăng trẻ chúc chúng tôi nghỉ yên giấc và kiếu từ, hứa sẽ gặp lại chúng tôi vào sáng sớm hôm sau. Rồi ông ta vừa bước đi vừa hát vang bằng một giọng rất trong trẻo. Khi ấy, chúng tôi mới biết đó chính là vị “sư cười”!

Sáng hôm sau, vị “sư cười” đến đánh thức chúng tôi dậy rất sớm bằng một giọng hát vang lừng và loan báo rằng bữa ăn điểm tâm đã sẵn sàng.

Chúng tôi từ biệt các vị *Lạt-ma*, được các vị ban ân huệ trước khi lên đường và nhận thấy mọi việc đã được chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến đi của chúng tôi đến truông núi *Phari*.

Truông núi này đưa du khách qua khỏi các đỉnh núi *Phari* và *Kang La*. Nói chung, đường đi rất cheo leo, nhưng ở những đoạn đường khó đi thì vị “sư cười” luôn đi trước dẫn đường, vừa hát vừa cười làm cho chúng tôi quên hết cả mệt nhọc. Trong những đoạn đường gồ ghề lồi lõm nhất, giọng hát của ông ta vang rền và dường như nâng bước chúng tôi đi tới một cách dễ dàng, êm ái.

Chúng tôi lên tới đỉnh truông núi vào lúc ba giờ chiều. Trạm nghỉ chân sắp tới của chúng tôi là thị trấn *Maha Muni* với một ngôi đền rất lớn, như một pháo đài.

Cũng như ở các nơi khác, tại đây chúng tôi được tiếp đón nồng hậu. Chúng tôi được cho biết rằng người ta không cần giữ chúng tôi ở lại vì chân sư *Pouridji* đã đi trước chúng tôi đến đền *Poratat Sanga* là nơi có rất nhiều đạo sĩ *yogi* và tu sĩ các môn phái khác đã tề tựu rất đông tại đây.

Hôm sau, những người hành hương tụ họp rất sớm vì họ rất nôn nóng muốn được gặp chân sư *Pouridji*. Họ cũng muốn chiêm ngưỡng ngôi đền *Poratat Sanga* là một ngôi đền cao nhất thế giới, một tòa kiến trúc mỹ lệ dựng trên một đỉnh núi rất cao.

Tất cả đoàn người hành hương và chúng tôi đều lên đường. Ngọn núi *Everest* hùng vĩ nhô lên trước mặt chúng tôi dưới lớp áo tuyết trắng như pha lê và phản chiếu ánh sáng êm dịu của mặt trời lúc bình minh. Cảnh đẹp hùng vĩ của núi tuyết dường như thúc giục chúng tôi hãy cố gắng tiến thêm vài bước, chỉ vài bước nữa thôi, rồi đưa tay ra trước để nắm lấy mảnh áo tuyết đang bao phủ đỉnh núi. Nhưng mỗi khi chúng tôi tiến thêm được một đoạn thì đỉnh núi lại như lùi lại một khoảng cách nữa, và vẫn luôn nằm ngoài tầm tay của chúng tôi!

Chúng tôi đã vượt qua núi *Chomolhari*, một ngọn núi rất cao nhưng vẫn có vẻ như một chú lùn so với ngọn *Everest* khổng lồ đang sừng sững ở trước mặt.

Trước đây, chúng tôi vẫn cho rằng con đường mòn dọc theo sườn núi *Chomolhari* thật là cheo leo hiểm trở, nhưng bây giờ chúng tôi phải đi một cách vô cùng vất vả trên một con đường mà thường khi chúng tôi phải bò với cả hai chân và hai tay! Tuy nhiên, những giọng hát và tiếng cười sảng khoái của vị “sư cười” vẫn tiếp tục đưa chúng tôi đi tới một cách nhẹ nhàng thoải mái như lướt trên hai cánh. Trong cơn hứng khởi, chúng tôi quên cả sự hiểm nguy và dường như chúng tôi vượt qua những đoạn đường khó khăn một cách dễ dàng nhanh chóng.

Chuyến đi ngày hôm ấy không có vẻ gì là quá lâu hay mệt nhọc đối với chúng tôi. Suốt đoạn đường dài mà chúng tôi đều cảm thấy dường như chỉ kéo dài trong chốc lát. Những âm ba rung động của sự thiêng liêng, an tĩnh và điều hòa toát ra từ các ngôi đền luôn luôn hấp dẫn người du khách đến những ngọn núi này. Thật không lạ gì mà thấy rằng dãy Tuyết Sơn vẫn luôn gây nguồn cảm hứng tâm linh cho khách hành hương, và các thi nhân vẫn luôn ca tụng sự huy hoàng hùng vĩ của nó.

Sau cùng, đến khi chiều tối thì chúng tôi đã vượt qua tất cả mọi nỗi khó khăn trên đường và dừng chân trên một khoảnh đá bằng phẳng rộng lớn. Ai nấy đến lúc này mới cảm thấy mệt nhoài và cùng nhau thở dốc.

Nhiều ngôi đền rải rác ở xa xa, nhưng đền *Poratat Sanga* đẹp như viên ngọc nhô lên ở một độ cao khoảng bảy trăm thước so với chỗ chúng tôi và chiếu một vầng ánh sáng rực rỡ, soi sáng tất cả các núi đá và đền miếu ở vùng chung quanh.

Những người hành hương và chúng tôi cùng ngồi quây quần trong một hang đá rộng lớn. Chúng tôi ngạc nhiên khi nhận thấy có cả phụ nữ trong số người hành hương. Không có sự kỳ thị hay phân biệt nam nữ trong các chuyến hành hương, ai muốn đi đều có thể xin gia nhập.

Các vị chân sư đã từng sống tại đây. Chân Sư *Niri* cũng từng đi qua những con đường mòn mà chúng tôi vừa đi. Hôm nay, nhà đạo sĩ *Santi* cao cả, khiết bạch và khiêm tốn đã ngồi tọa thiền tại hang đá này và đang đắm chìm trong cơn đại định.

Chúng tôi đang lo lắng về việc làm sao tìm được nơi ăn chốn ở cho tất cả những người hành hương đông đảo này. Vị "sư cười" biết được điều đó liền... cười và cất tiếng hát:

"Đừng lo chi những vấn đề nhỏ nhặt.
Nơi đây luôn có đủ thức ăn,
Chỗ ngủ và áo quần,
Cho tất cả mọi người."

Kế đó, ông ta lại hát lên bằng một giọng du dương, nhịp nhàng:

“Xin kính mời tất cả,
Mọi người hãy an tọa.”

Khi chúng tôi vừa ngồi xuống thì đã thấy có người mang ra những chén thức ăn nóng và bổ dưỡng.

Vị đạo sĩ *Santi* cũng đã xả thiền đứng dậy và cũng tham gia việc chuyển thức ăn cho mọi người, với sự trợ giúp của vị “sư cười” và một số người hành hương khác.

Khi ai nấy đều đã ăn uống no lòng, tất cả khách hành hương đều đứng dậy và người ta đưa họ đi từng nhóm nhỏ đến các ngôi đền kế cận để nghỉ lại trong đêm đó.

Vị “sư cười” đưa chúng tôi đến một ngôi đền tọa lạc trên một tảng đá lớn, ngăn cách với chỗ chúng tôi vừa ở bởi một vách đá dốc đứng cao chừng hai mươi lăm thước. Khi đến gần, chúng tôi mới nhận thấy có một cây cột hình trụ dài, chân trụ chấm đất, còn ngọn thì đỡ lấy cái mõm đá de ra ngay phía dưới ngôi đền.

Vì cây cột trụ này dường như là phương tiện duy nhất để lên tới ngôi đền, nhóm chúng tôi tụ lại dưới chân trụ để tìm cách trèo lên. Trong một lúc, hy vọng duy nhất để có chỗ ngủ ban đêm dường như tùy thuộc

vào khả năng của chúng tôi để trèo lên cây trụ ấy. Nhưng vị “sư cười” nói:

- Các bạn đừng hấp tấp. Vấn đề không thực sự khó khăn đến thế đâu.

Kế đó, ông ta bước lại gần vách đá hơn và vạch một bụi cây rậm rạp, chúng tôi liền nhìn thấy một lối đi nhỏ ăn thông vào trong vách núi. Đó là những nấc thang rất nhỏ, chỉ vừa đủ một người đi và chạy theo hình xoắn ốc lên đến ngay phía trước sân đền. Vì lối đi ấy nằm ngay ở một chỗ lõm vào của vách đá và có những bụi cây rậm che khuất ngay bên ngoài nên đứng từ xa hầu như rất khó nhận ra.

Sau khi leo hết những bục đá, chúng tôi lên đến sân đền và được mời vào nghỉ ngơi bên trong. Những người hành hương thuộc các nhóm khác cũng đã được đưa đến các ngôi đền rải rác chung quanh đó và đều có chỗ nghỉ ngơi thoải mái.

Sau một đêm yên giấc, chúng tôi hầu như không còn giữ lại một dấu vết nào của sự mệt nhọc. Đêm đó chúng tôi đã ngủ rất say và yên giấc như trẻ con. Chúng tôi thầm nghĩ, nếu như có thể thường xuyên có được những giấc ngủ bình an và vô tư như thế này thì có lẽ con người đã không phải than vãn nhiều về kiếp sống.

Sáng hôm sau, khoảng bốn giờ thì giọng hát mạnh mẽ và sôi động của vị "sư cười" đã đánh thức chúng tôi dậy. Tiếng hát lanh lãnh như vang vọng khắp cả núi rừng, trời đất:

"Cõi thiên nhiên đã thức dậy.
Những người con của thiên nhiêni hãy thức dậy.
Bình minh của một ngày mới đã xuất hiện.
Sự tự do và bình an đang chờ đón các bạn."

Chúng tôi lần theo những bậc thang nhỏ của con đường luồn trong vách núi để trở xuống và gia nhập với các nhóm người hành hương khác, cũng đang lục tục kéo đến từ các ngôi đền rải rác quanh đó. Sau đó, chúng tôi cùng nhau thăm viếng tất cả những nơi thánh tích linh thiêng của vùng này.

Trong khoảng mười lăm ngày mà chúng tôi đã trải qua trong vùng này, mỗi ngày chúng tôi đều được ăn những thức ăn nóng, ngon lành và bổ dưỡng, và thức ăn dường như được cung cấp tùy theo nhu cầu của mỗi người, không hề có sự giới hạn.

Vị "sư cười" và một bạn đồng hành khác bắt đầu dẫn đường cho chúng tôi trèo lên ngọn núi *Poratat Sanga*. Đường đi khởi đầu bằng những nấc thang được đục vào trong khối đá, không biết tự bao giờ nhưng đã bị những dấu chân người trước đây làm cho nhẵn bóng. Kế đó,

chúng tôi phải đi trên những tấm sàn gỗ dày bắc ngang để nối liền các khe hở giữa hai vách núi, với những vực sâu thăm thẳm được nhìn thấy ngay dưới chân mình.

Có những chỗ phải leo lên bằng dây, với một đầu dây được buộc chặt vào những mô đá nhô ra ở phía trên.

Sau hai giờ đồng hồ, những người leo núi chúng tôi vẫn chưa thể vượt qua mõm đá thứ nhì khoảng một trăm bảy mươi lăm thước cao hơn điểm khởi hành. Khi đó, chúng tôi mới nhận ra rằng không còn chọn lựa nào khác hơn là buộc phải bỏ dở chuyến leo núi này.

Từ bên dưới, nhìn thấy dáng vẻ lưỡng lự và biết rõ vị trí khó khăn của chúng tôi, vị đạo sĩ liền *Santi* kêu to:

- Tại sao các anh không xuống đi?

Vị "sư cười" đưa hai tay lên miệng làm loa đáp vọng xuống:

- Chúng tôi đã thử đi xuống, nhưng đá trơn lắm, không xuống được!

Quả thật, chúng tôi đang rơi vào một tình thế tiến thoái lưỡng nan. Chúng tôi không còn đủ sức để tiếp tục leo lên, nhưng khi muốn quay lại mới nhận ra cũng không dễ dàng chút nào. Ai đã từng trải qua kinh

nghiệm leo núi đều biết rõ, việc trèo lên một vách đá trơn láng thường là dễ hơn... leo xuống!

Đạo sĩ *Santi* liền bảo chúng tôi hãy bình tĩnh, và bắt đầu hướng dẫn chúng tôi những cách thức cần thiết để có thể leo xuống một cách cẩn thận và an toàn. Khi đã xuống tới chân vách đá, chúng tôi đều thở phào nhẹ nhõm. Vị đạo sĩ mỉm cười và bảo chúng tôi:

- Xem ra sự hứng khởi và nhiệt thành của tuổi trẻ trong các anh đã tàn lụi dần.

Chúng tôi không đáp lại câu nói nửa đùa nửa thật đó, mà tất cả đều ngước nhìn lên đỉnh núi với những cặp mắt đầy mong ước. Một người nói:

- Nếu chân sư *Pouridji* đang ở trên đó, chúng tôi quả thật là không may vì không thể gặp được ngài. Quả thật, cuộc leo núi này là quá khó khăn đối với chúng tôi.

Vị đạo sĩ đáp:

- Các anh đừng buồn nản. Bằng cách này hay cách khác thì những nguyện vọng của các anh rồi cũng sẽ được đáp ứng. Bây giờ, các anh hãy yên tâm nghỉ ngơi. Tôi cho là các anh đã có một sự khởi đầu tốt đẹp rồi đó.

Trên đường trở lại chỗ nghỉ, chúng tôi tự hỏi trong sự ngạc nhiên, không biết bằng cách nào mà người ta

có thể xây cất một ngôi đền trên đỉnh núi như ngôi đền *Poratat Sanga*, ở một nơi mà ngay cả việc muốn đến viếng thăm như chúng tôi cũng đã là cực kỳ khó khăn!

Nhiều người trong chúng tôi lên tiếng than vãn rằng không biết đến bao giờ mới có thể gặp được chân sư *Pouridji*. Vị đạo sĩ bỗng bất ngờ lên tiếng đáp:

- Các bạn hãy yên tâm. Chiều nay các bạn sẽ được toại nguyện.

Thật vậy, chân sư *Pouridji* đã đến gặp chúng tôi trong bữa cơm chiều. Chúng tôi có nhắc đến việc leo núi bị thất bại. Chân sư mỉm cười và nói:

- Tuy vậy, các anh cũng đã thành công trong việc dám đặt mình trước một sự thử thách khó khăn đến thế.

Khoảng bốn giờ chiều ngày hôm sau, tất cả chúng tôi đều tụ họp trong hang đá ở phía dưới ngôi đền. Đạo sĩ *Santi* bảo tất cả chúng tôi:

- Hôm qua tôi có nói là nguyện vọng của các anh sẽ được đáp ứng. Bây giờ, tôi sẽ thực hiện điều đó.

Rồi ông nhanh nhẹn dẫn đường đi trước, đưa tất cả chúng tôi theo một con đường vòng ra sau vách núi. Tại đây, chúng tôi nhận ra có một đường mòn rất nhỏ,

quanh co khúc khuỷu nhưng vẫn dễ đi hơn nhiều so với việc phải leo qua vách núi như hôm qua.

Sau hơn hai giờ đồng hồ đi loanh quanh, thỉnh thoảng phải chậm lại ở những khúc đường quá hẹp, cuối cùng rồi chúng tôi cũng vượt qua được tất cả những bậc thang bằng đá để lên đến sân sau của ngôi đền.

Sau một lúc nghỉ ngơi, chúng tôi tập hợp lại và xếp thành hàng ngay ngắn để cùng nhau vào lễ bái trong đền. Ngôi đền rộng đến nỗi tất cả chúng tôi đều đứng thành hàng trong chánh điện nhưng chỉ chiếm một phần rất nhỏ của khoảng sân lễ. Các vị chân sư dạy cho mọi người cách đọc tụng thánh ngữ *Ohm*. Rồi tất cả chúng tôi cùng đồng thanh cất giọng tụng đọc theo các ngài. Trong khoảnh khắc, tiếng tụng đọc của chúng tôi vang rền trong ngôi đền lớn và tạo ra một bầu không khí vừa kỳ bí vừa an ổn khó tả. Dường như chúng tôi có cảm giác rằng sẽ không có bất kỳ điều gì có thể làm tổn hại đến chúng tôi trong giờ phút thiêng liêng này. Chúng tôi đang được che chở và bảo vệ bởi một sức mạnh vừa thiêng liêng huyền bí vừa gần gũi thân thiết vô cùng.

Sau buổi lễ, chúng tôi ra sân và chia nhau ngồi quanh các phiến đá lớn. Khi mọi người đã ngồi yên, chân sư *Pouridji* cất giọng trầm trầm nói với chúng tôi:

- Nhiều người trong các bạn chưa hề nhìn thấy những hiện tượng nhiệm mầu xảy ra trong đời sống, nhưng một số khác có thể đã được chứng kiến trong những trường hợp nhất định nào đó. Thật ra, trong thế giới tự nhiên hàm chứa rất nhiều điều mà các bạn có thể gọi là mầu nhiệm, nhưng lại không có gì là huyền bí cả. Khi các bạn chưa từng chứng kiến và không thể giải thích được một hiện tượng kỳ bí nào đó, các bạn thường xem đó như là một phép lạ. Nhưng thật ra đó cũng chỉ là những chuyển biến rất tự nhiên trong vũ trụ, và con người hoàn toàn có thể nắm hiểu được những sự chuyển biến đó.

Khi chúng tôi được truyền thụ pháp môn *yoga* cổ truyền, chúng tôi cũng đã từng kinh ngạc trước vô số những điều mầu nhiệm được thực hiện bởi các bậc thầy. Nhưng với sự tu tập nỗ lực, dần dần chúng tôi không còn xem đó là những điều kỳ lạ nữa, cũng như chúng tôi không còn thấy hứng thú trong việc nhìn thấy hay tự mình thực hiện những điều đó. Có ý nghĩa gì khi các bạn có thể có được vô số những quyền năng mầu nhiệm nhưng vẫn không thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi? Có ý nghĩa gì khi các bạn có thể kêu mưa gọi gió nhưng lại không tự kiềm chế và chuyển hóa được một cơn giận dữ của bản thân? Vì thế, chúng tôi nhận ra một sự thật là, con đường tu tập chân chính là luôn hướng

đến sự giải phóng tự thân ra khỏi mọi sự trói buộc của những tham lam, sân hận và si mê, chứ không phải là nhằm đạt đến những năng lực siêu nhiên hay phép mầu huyền bí.

Các học thuyết và triết lý của các bạn đều ca ngợi tự do. Đôi khi các bạn sẵn sàng tham gia vào những cuộc đấu tranh dai dẳng và gian khổ chỉ để dành cho bằng được sự tự do. Thế nhưng, nếu các bạn chịu bình tâm suy xét kỹ, các bạn sẽ thấy là suốt đời hầu như các bạn chẳng bao giờ có được một giây phút nào thực sự được tự do cả! Mọi hành vi, tư tưởng của các bạn đều chịu sự sai khiến của sự tham muốn, sân hận và si mê. Với sự trói buộc của những tâm niệm xấu xa, các bạn không thể nào có được dù chỉ là một phút giây thanh thản. Và nếu trong lòng bạn vốn đã không có sự tự do, thì mọi sự cải thiện hoàn cảnh bên ngoài liệu có ích gì?

Vì thế, hôm nay tôi mong rằng các bạn hãy suy gẫm và nhận thức lại vấn đề này. Con đường tu tập là con đường giải thoát, con đường đưa đến sự tự do thực sự, giải phóng hoàn toàn cả về mặt tinh thần và thể chất. Tôi rất cảm ơn sự ngưỡng mộ và tôn kính mà các bạn đã dành cho tôi, và chính vì sự tôn kính đó mà các bạn đã phát khởi tâm nguyện muốn được tiếp xúc, gặp gỡ tôi tại nơi này. Nhưng nếu các bạn có thể hiểu được những gì tôi vừa nói, thì cho dù các bạn không cần cất

công lên tận đỉnh núi này, các bạn vẫn có thể nhận biết được sự hiện diện của tôi ngay bên cạnh các bạn trong từng giây phút. Bởi vì đối với những tâm thức thực sự tự do thì những khoảng cách không gian và thời gian đều không thực sự hiện hữu.

Kế đó, chân sư *Pouridji* còn thuyết giảng cho tất cả chúng tôi nghe về ý nghĩa thiêng liêng của thánh ngữ *Ohm* và hướng dẫn những cách hành trì đơn giản nhưng không kém phần hiệu quả, thích hợp với đời sống của những người đệ tử đang sống đời thế tục.

Sau buổi giảng pháp, ngài mời chúng tôi cùng đi theo ngài đến một động đá rất lớn nằm sâu trong hang núi. Tại đây, chúng tôi thấy có nhiều vị tu sĩ đang tọa thiền nhập định.

Chúng tôi lưu lại ngôi đền và trong động đá này chín ngày. Chúng tôi được biết có nhiều vị tu sĩ *yoga* đã từng sống trong động đá này suốt nhiều năm, và sau khi rời khỏi nơi vắng vẻ cô liêu này, tất cả đều trở thành những bậc chân sư cao cả, tỏa ra khắp nơi từ đỉnh núi này để dẫn dắt vô số người đi vào con đường tốt đẹp về mặt đạo đức và tâm linh.

Chúng tôi được biết rằng sau cuộc hội họp này thì có nhiều vị chân sư sẽ trở về Ấn Độ theo con đường đến hồ *Sansrawar* và *Mouktinath*. Từ *Mouktinath*, chúng

tôi có thể dễ dàng đi đến *Darjeeling*. Đó là một tin tốt lành, và triển vọng được cùng đi trên suốt chặng đường này với các đấng cao cả làm chúng tôi rất hãnh diện.

Trong suốt thời gian lưu trú nơi đây, chúng tôi đi từ động này đến động khác và nói chuyện với rất nhiều tu sĩ. Chúng tôi lấy làm ngạc nhiên mà thấy nhiều vị trong số đó đã sống tại đây mùa đông cũng như mùa hè. Chúng tôi hỏi họ có bị rét lạnh vì tuyết xuống nhiều vào mùa đông hay không. Họ đáp rằng tuyết rơi và không khí giá lạnh là điều hoàn toàn tự nhiên, nhưng họ có một pháp môn yoga gọi là "*nội hỏa*" có thể giúp cho người hành trì ngồi giữa trời giá lạnh mà thậm chí không cần đến một manh áo che thân. Pháp môn ấy giúp tạo ra một luồng hơi nóng từ bên trong thân thể và rồi luân lưu khắp châu thân, bảo vệ hành giả chống lại môi trường giá lạnh quanh mình. Các vị cũng cho biết, nếu không có pháp môn này, những đại sư Tây Tạng cũng như Ấn Độ từ xưa đến nay hẳn đã không thể chọn những vùng núi cao đầy băng tuyết để tu tập hành trì.

Thời gian dường như trôi qua rất nhanh, thoắt đó mà chúng tôi đã đến ngày chúng tôi phải lên đường. Vào sáng ngày hôm đó, tất cả đoàn người đều thức dậy từ rất sớm do tiếng hát vang của vị "*sư cười*". Chúng tôi

nghĩ là chắc có xảy ra chuyện gì khác thường, vì ngay sau đó ông ta lên tiếng mời tất cả chúng tôi hội họp lại trong một lúc.

Trong khi chúng tôi bước ra ngoài, ánh sáng từ đền *Poratat Sanga* hắt ra sáng rực, đến nỗi hầu như cả vùng chung quanh đều có thể nhìn thấy. Vị "*sư cười*" đứng ở một góc đền và đề nghị chúng tôi đứng im lặng trong một lát để chiêm ngưỡng cảnh đẹp hùng vĩ của đền trong khung cảnh hoàn toàn yên tĩnh của buổi bình minh chưa lố dạng.

Cảnh tượng khi ấy thật là khó tả. Mỗi người chúng tôi đều đứng yên lặng và đều nhìn thấy rõ hàng trăm người khác cũng đứng yên như những pho tượng in bóng lên nền sương mờ buổi sáng, hai tay đưa lên ra phía trước trong tư thế cầu nguyện mà các vị chân sư đã hướng dẫn.

Sau một lúc lâu, cơn im lặng kéo dài đó được chấm dứt khi giọng nói của vị "sư cười" vang lên:

- Xin chào tất cả các bạn! Chân sư *Pouridji* mời tất cả các bạn cùng tham gia tụng thánh ngữ *Ohm*.

Trong chốc lát, hàng trăm âm hưởng khác nhau đã cùng lúc cất cất lên phụ họa với giọng đọc trầm ấm của vị chân sư. Âm thanh kỳ diệu đó vang dội trong cảnh

núi rừng yên tĩnh của buổi sáng sớm, và bầu không khí mát lành dường như cũng muốn giữ chặt lấy giọng đọc thánh ngữ không để cho tan biến đi, khiến tất cả chúng tôi đều cảm thấy một trạng thái lâng lâng siêu thoát, như hòa nhập vào với khối âm thanh nhiệm mầu đang vang dội, quyện chặt vào từng gốc cây ngọn cỏ trong thiên nhiên bao la quanh đó.

Tiếng đọc thánh ngữ *Ohm* của tất cả chúng tôi vang dội trong ít nhất là mười phút. Khi ấy, dường như có tiếng cồng của điểm giờ khắc của ngôi đền vang lên.

Tất cả những người hành hương đều đã tề tựu trong hang đá ở phía dưới ngôi đền. Khi chúng tôi đã ngồi xuống, đạo sĩ *Santi* đưa tay lên và tất cả mọi người im lặng. Ông nói mấy lời từ biệt và chúc chúng tôi lên đường bình an cũng như sẽ có được một cuộc sống tốt lành hơn khi trở về nhà.

Kế đó, vị "sư cười" lên tiếng nói:

- Đã đến lúc chúng tôi phải từ giã các bạn. Chúng tôi gửi đến các bạn những lời chúc tốt lành và tình thương yêu sâu đậm nhất. Chúng tôi mong các bạn hãy dành cho chúng tôi niềm vinh dự sẽ được tiếp đón các bạn một lần nữa. Chúng tôi rất buồn khi phải chia tay với các bạn. Chúng tôi mong ước các bạn sẽ trở lại vào một ngày không xa lắm để tái ngộ cùng chúng tôi. Cầu

xin cho các bạn luôn nhận được những ân huệ tốt lành và mọi sự may mắn.

Kể từ khi gặp gỡ vị "*sư cười*" cho đến nay, có vẻ như đây là lần đầu tiên chúng tôi thấy ông thốt ra những lời với một vẻ nghiêm trang và chân thành như vậy! Câu trả lời cho bài diễn văn đầy xúc động của ông dường như đã được một người trong nhóm chúng tôi phát biểu ngay:

- Các bạn thân mến, chúng ta đã được gặp gỡ nhau trong một hoàn cảnh vô cùng tốt đẹp và đầy ân huệ. Với những gì đã nhận được từ chuyến đi này, chúng ta sẽ không bao giờ cách biệt nhau nữa, cho dù mai đây các bạn và tôi có thể mỗi người một ngã và trôi giạt đến tận những nơi góc bể chân trời, nhưng những khoảng cách không gian đó không thể tạo thành sự ngăn cách thực sự trong tâm thức chúng ta.

Chúng tôi đã đi được một quãng đường khá dài mà bên tai vẫn như còn nghe vang vọng tiếng tụng đọc thánh ngữ. Những bước chân dong ruổi trên đường đưa chúng tôi đi xa dần, nhưng lòng chúng tôi như vẫn còn ở lại *Poratat Sanga*. Chúng tôi bắt đầu cảm nhận được rằng quả thật không hề có sự biệt ly, chia cách, và chúng tôi không hề cảm thấy rằng đã rời khỏi nơi thánh điện tôn nghiêm đó.

Trên đường về, vị "sư cười" dẫn đường cho chúng tôi vẫn luôn cất tiếng hát vang và cười rất vui vẻ. Cũng như lần trước, giọng hát phấn khởi và tiếng cười sảng khoái hồn nhiên của ông ta giúp chúng tôi vượt qua dễ dàng tất cả những đoạn đường khó khăn gập ghềnh.

Vào khoảng hai giờ trưa, chúng tôi đi qua thị trấn *Maha Muni*, nhưng thay vì dừng chân tại đây để nghỉ ngơi, chúng tôi vẫn tiếp tục đi thêm nhiều giờ đồng hồ nữa và vượt qua cả một chặng đường dài. Tuy vậy, chúng tôi không hề cảm thấy mệt nhọc chút nào, và cuộc hành trình vẫn tiếp tục như thế cho đến bờ hồ *Sansrawar*. Tại đây, người ta đưa chúng tôi đến nghỉ tại một ngôi đền rất mỹ lệ ở gần bên bờ hồ.

Chúng tôi nghỉ ngơi hai ngày trước khi tiếp tục lộ trình đi qua truông núi trên dãy Tuyết Sơn. Địa điểm này phong cảnh u nhã và có vẻ rất thần tiên. Hồ nước phẳng lặng và xanh biếc như viên ngọc nằm giữa một khung cảnh núi non hùng vĩ bao bọc chung quanh. Các loài chim hót líu lo trên những cây cổ thụ tỏa bóng mát quanh hồ. Nhiều vị trong số các chân sư cùng đi với chúng tôi cư ngụ tại đây.

Chúng tôi tiếp tục lộ trình đến *Mouktinath* cùng với đạo sĩ *Santi*. Đường đi vượt qua rất nhiều đoạn cheo leo hiểm trở và chuyến du hành kéo dài suốt nhiều

ngày, nhưng chúng tôi đi đường một cách dễ dàng suôn sẻ và đến *Mouktinath* đúng ngày giờ đã định.

Tại đây, chúng tôi được sự tiếp đón nồng nhiệt của đức Tuệ Minh và nhiều vị chân sư khác. Quả thật không thể dùng bất cứ lời nào để diễn tả được hết sự vui mừng vô hạn của chúng tôi trong dịp tái ngộ này. Chúng tôi đã đi đến tận những vùng xa xôi cách trở, đã được dành cho một sự tiếp đãi trọng hậu và khả ái nhất đời, và đã học hỏi được rất nhiều điều quý giá mà có khi người ta phải mất cả một đời người mới có được. Tuy nhiên, chính tại đây mà chúng tôi mới cảm thấy mình đã thật sự "*trở về nhà*"!

MỤC LỤC